

Những sự thay đổi của Trái Đất

Lịch sử, Kinh tế,
Chính trị và Toàn cầu



Bởi Edgar Cayce

Table of Contents

Table of Contents.....	2
Foreword.....	6
Who Was Edgar Cayce?—Edgar Cayce là ai?.....	6
Edgar Cayce on Earth Changes.....	9
1.....	16
Changes in Prehistory—Những biến đổi trong tiền sử.....	16
2.....	62
Changes for the Twentieth Century—Những biến đổi cho Thế kỷ Hai Mươi.....	62
3.....	100
Changes for the Future—Những Đổi Thay cho Tương Lai.....	100
4.....	131
Changes—Inaccurate, Misinterpreted or Partially Wrong—Những thay đổi—Không chính xác, Bị diễn giải sai hoặc Chỉ đúng một phần.....	131
5.....	154
Changes in World Affairs—Những thay đổi trong tình hình thế giới.....	154



Earth Changes



Earth Changes

Historical, Economical,
Political, and Global

By Edgar Cayce

[picture]



A.R.E. Press • Virginia Beach • Virginia

Copyright © 2012
by the Edgar Cayce Foundation

1st Printing, January 2013

Printed in the U.S.A.

All rights reserved. No part of this book may be reproduced or transmitted in any form or by any means, electronic or mechanical, including photocopying, recording, or by any information storage and retrieval system, without permission in writing from the publisher.

A.R.E. Press
215 67th Street
Virginia Beach, VA 23451-2061

ISBN-13: 978-0-87604-722-4

Edgar Cayce Readings © 1971, 1993-2007
by the Edgar Cayce Foundation.
All rights reserved.

Cover design by Richard Boyle

Foreword

Who Was Edgar Cayce?—Edgar Cayce là ai?

Edgar Cayce (1877-1945) has been called “the sleeping prophet,” “the father of holistic medicine,” “the miracle man of Virginia Beach,” and “the most documented psychic of all time.” For forty-three years of his adult life, he had the ability to put himself into a self-induced sleep state by lying down on a couch, closing his eyes, and folding his hands over his stomach. This state of relaxation and meditation enabled him to place his mind in contact with all time and space and gave him the ability to respond to any question he was asked. His responses came to be called “readings” and contain insights so valuable that even to this day Edgar Cayce’s work is known throughout the world. Hundreds of books have explored his amazing psychic gift, and the entire range of Cayce material is accessed by tens of thousands of people daily via the Internet.

Although the vast majority of the Cayce material deals with health and every manner of illness, countless topics were explored by Cayce’s psychic talent: dreams, philosophy, intuition, business advice, the Bible, education, child rearing, ancient civilizations, personal spirituality, improving human relationships, and much more. In fact, during Cayce’s lifetime he discussed an amazing 10,000 different subjects!

The Cayce legacy presents a body of information so valuable that Edgar Cayce himself might have hesitated to predict its impact on contemporary society. Who could have known that eventually terms such as *meditation*, *auras*, *spiritual growth*, *reincarnation*, and *holism* would become

Edgar Cayce (1877-1945) đã được gọi là “vị tiên tri đang ngủ,” “người cha của y học toàn diện,” “người đàn ông làm phép lạ ở Virginia Beach,” và “nhà thông linh được ghi chép đầy đủ nhất mọi thời.” Suốt bốn mươi ba năm trong đời trưởng thành, Ông có khả năng tự đưa mình vào trạng thái ngủ bằng cách nằm xuống ghế dài, nhắm mắt, và đan tay trên bụng. Trạng thái thư giãn và tham thiền này giúp Ông đặt thể trí của mình vào tiếp xúc với mọi thời gian và không gian, và ban cho Ông khả năng đáp ứng bất kỳ câu hỏi nào được nêu ra. Những câu trả lời ấy về sau được gọi là “các buổi đọc,” và chứa đựng những minh triết quý giá đến mức cho đến ngày nay, công trình của Edgar Cayce vẫn được biết đến trên khắp thế giới. Hàng trăm cuốn sách đã khảo sát thiên tư thông linh kỳ diệu của Ông, và toàn bộ tư liệu Cayce được hàng chục ngàn người truy cập mỗi ngày qua Internet.

Dù phần lớn tư liệu Cayce đề cập đến sức khỏe và mọi thứ bệnh hoạn, vô số đề tài khác cũng đã được Ông khai mở bằng thiên tư thông linh: chiêm bao, triết lý, trực giác, tư vấn kinh doanh, Kinh Thánh, giáo dục, nuôi dạy con, các nền văn minh cổ, tinh thần cá nhân, cải thiện các mối quan hệ giữa người với người, và còn nhiều hơn thế nữa. Thật vậy, trong đời Ông, Cayce đã bàn đến một con số đáng kinh ngạc: 10,000 chủ đề khác nhau!

Di sản Cayce trình bày một thân kho tàng thông tin quý đến mức có lẽ chính Edgar Cayce cũng ngần ngại khi tiên liệu tác động của nó trên xã hội đương thời. Ai có thể biết rằng rốt cuộc những thuật ngữ như *tham thiền*, *hào quang*, *trưởng dưỡng tinh thần*, *luân hồi* và *toàn thể luận* sẽ trở thành những

household words to millions? Edgar Cayce's A.R.E. (the Association for Research and Enlightenment, Inc.) has grown from its humble beginnings to an association with Edgar Cayce Centers in countries around the world. Today, the Cayce organizations consist of hundreds of educational activities and outreach programs, children's camps, a multi-million dollar publishing company, membership benefits and services, volunteer contacts and programs worldwide, massage and health services, prison and prayer outreach programs, conferences and workshops, internet and online activities, and affiliated schools (Atlantic University: AtlanticUniv.edu and the Cayce/Reilly® School of Masso-therapy: CayceReilly.edu).

Edgar Cayce was born and reared on a farm near Hopkinsville, Kentucky. He had a normal childhood in many respects. However, he could see the glowing energy patterns that surround individuals. At a very early age he told his parents that he could see and talk with his grandfather—who was deceased. Later, he developed the ability to sleep on his schoolbooks and retain a photographic memory of their entire contents.

As the years passed, he met and fell in love with Gertrude Evans, who would become his wife. Shortly thereafter, he developed a paralysis of the vocal cords and could scarcely speak above a whisper. Everything was tried, but no physician was able to locate a cause. The laryngitis persisted for months. As a last resort, hypnosis was tried. Cayce put himself to sleep and was asked by a specialist to describe the problem. While asleep, he spoke normally, diagnosing the ailment and prescribing a simple treatment. After the recommendations were followed, Edgar Cayce could speak normally for the first time in almost a year. The date was March 31, 1901—that was the first reading.

từ cửa miệng của hàng triệu người? A.R.E. của Edgar Cayce (the Association for Research and Enlightenment, Inc.) đã lớn mạnh từ những khởi đầu khiêm tốn thành một hiệp hội với các Trung tâm Edgar Cayce ở nhiều quốc gia trên thế giới. Ngày nay, các tổ chức Cayce bao gồm hàng trăm hoạt động giáo dục và chương trình tiếp cận cộng đồng, trại hè cho trẻ em, một công ty xuất bản trị giá nhiều triệu đô la, các quyền lợi và dịch vụ dành cho hội viên, mạng lưới tình nguyện viên và chương trình trên toàn cầu, dịch vụ mát-xa và sức khỏe, các chương trình tiếp cận nhà tù và cầu nguyện, hội thảo và lớp học, hoạt động trên internet và trực tuyến, và các trường liên kết (Atlantic University: AtlanticUniv.edu và Trường Masso-therapy Cayce/Reilly®: CayceReilly.edu).

Edgar Cayce sinh ra và lớn lên tại một trang trại gần Hopkinsville, Kentucky. Về nhiều phương diện Ông có một tuổi thơ bình thường. Tuy nhiên, Ông có thể thấy các mô thức năng lượng phát sáng bao quanh con người. Từ rất sớm Ông nói với cha mẹ rằng Ông có thể nhìn thấy và trò chuyện với ông nội—người đã qua đời. Sau này, Ông phát triển khả năng ngủ trên sách giáo khoa và ghi nhớ như chụp ảnh toàn bộ nội dung.

Theo năm tháng, Ông gặp và đem lòng yêu Gertrude Evans, người sau này trở thành vợ Ông. Không lâu sau, Ông bị liệt dây thanh quản và hầu như chỉ nói được thì thầm. Đã thử mọi cách nhưng không bác sĩ nào tìm ra nguyên nhân. Chứng viêm thanh quản kéo dài hàng tháng. Như biện pháp sau cùng, người ta thử thôi miên. Cayce tự đưa mình vào giấc ngủ và được một chuyên gia yêu cầu mô tả vấn đề. Khi đang ngủ, Ông nói năng bình thường, chẩn đoán căn bệnh và kê một cách chữa trị đơn giản. Sau khi làm theo khuyến nghị, Edgar Cayce đã có thể nói bình thường lần đầu tiên trong gần một năm. Ngày ấy là 31 tháng 3, 1901—đó là buổi đọc đầu tiên.

When it was discovered what had happened, many others began to want help. It was soon learned that Edgar Cayce could put himself into this unconscious state and give readings for anyone—regardless of where the person was. If the advice was followed, they got well. Newspapers throughout the country carried articles about his work, but it wasn't really until Gertrude was stricken with tuberculosis that the readings were brought home to him. Even with medical treatments, she continued to grow worse and was not expected to live. Finally, the doctors said there was nothing more they could do. A reading was given, recommending such things as osteopathy, hydrotherapy, inhalants, dietary changes, and prescription medication. The advice was followed and Gertrude returned to perfectly normal health.

For decades, the Cayce readings have stood the test of time, research, and extensive study. Further details of Cayce's life and work are explored in such classic books as *There is a River* (1942) by Thomas Sugrue, *The Sleeping Prophet* (1967) by Jess Stearn, *Many Mansions* (1950) by Gina Cerminara, and *Edgar Cayce: An American Prophet* (2000) by Sidney Kirkpatrick. Further information about Edgar Cayce's A.R.E., as well as activities, materials and services, is available at EdgarCayce.org.

Throughout his life, Edgar Cayce claimed no special abilities, nor did he ever consider himself to be a twentieth-century prophet. The readings never offered a set of beliefs that had to be embraced, but instead focused on the fact that each person should test in his or her own life the principles presented. Though Cayce himself was a Christian and read the Bible from cover to cover every year of his life, his work was one that stressed the importance of comparative study among belief systems all over the world. The underlying principle of the readings is the

Khi người ta biết điều gì đã xảy ra, nhiều người khác bắt đầu tìm đến xin giúp đỡ. Người ta sớm nhận ra Edgar Cayce có thể tự đưa mình vào trạng thái vô thức này và cho buổi đọc cho bất kỳ ai—bất kể người đó ở đâu. Nếu làm theo lời khuyên, họ khỏi bệnh. Các báo trên khắp nước đăng bài về công việc của Ông, nhưng phải đến khi Gertrude mắc lao phổi thì các buổi đọc mới thực sự trở về với chính Ông. Dù điều trị y khoa, tình trạng của Bà vẫn xấu đi và không kỳ vọng sống. Cuối cùng, các bác sĩ nói rằng không còn gì họ có thể làm. Một buổi đọc được thực hiện, khuyến nghị những điều như nắn chỉnh xương, thủy liệu pháp, thuốc hít, thay đổi chế độ ăn, và thuốc kê đơn. Người ta làm theo và Gertrude đã trở lại sức khỏe hoàn toàn bình thường.

Trong nhiều thập kỷ, các buổi đọc Cayce đã đứng vững trước phép thử của thời gian, nghiên cứu và khảo cứu sâu rộng. Các chi tiết về đời và sự nghiệp của Cayce được trình bày trong những tác phẩm kinh điển như *There is a River* (1942) của Thomas Sugrue, *The Sleeping Prophet* (1967) của Jess Stearn, *Many Mansions* (1950) của Gina Cerminara, và *Edgar Cayce: An American Prophet* (2000) của Sidney Kirkpatrick. Thông tin thêm về A.R.E. của Edgar Cayce, cũng như các hoạt động, tư liệu và dịch vụ, có tại EdgarCayce.org.

Suốt đời, Edgar Cayce không nhận mình có năng lực đặc biệt nào, cũng chẳng bao giờ tự xem mình là một vị tiên tri thế kỷ hai mươi. Các buổi đọc không hề đưa ra một hệ niềm tin bắt buộc phải chấp nhận, mà nhấn mạnh rằng mỗi người nên tự kiểm chứng trong đời sống của chính mình những nguyên tắc được trình bày. Tuy chính bản thân Cayce là một tín hữu Ki-tô giáo và mỗi năm đều đọc Kinh Thánh từ đầu đến cuối, công trình của Ông đề cao tầm quan trọng của việc nghiên cứu so sánh giữa các hệ niềm tin trên khắp thế giới. Nguyên lý nền tảng của các buổi đọc

oneness of all life, a tolerance for all people, and a compassion and understanding for every major religion in the world.

Today, the Cayce organizations continue the legacy begun by Edgar Cayce with an undergirding mission “to help people change their lives for the better—physically, mentally, and spiritually—through the ideas in the Edgar Cayce material.”

là tính nhất thể của mọi sự sống, lòng bao dung cho mọi người, và lòng trắc ẩn cùng sự thấu hiểu đối với mọi tôn giáo lớn trên thế giới.

Ngày nay, các tổ chức Cayce tiếp tục di sản do Edgar Cayce khởi xướng với sứ mệnh nền tảng “giúp con người thay đổi cuộc sống theo hướng tốt hơn—về thể chất, tinh thần trí tuệ, và tinh thần—thông qua các ý tưởng trong tư liệu Edgar Cayce.”

Edgar Cayce on Earth Changes

During the 43 years he gave readings, Edgar Cayce discussed an amazing 10,000 different topics! Whether your interest is acne or Zoroastrianism, or anything in between, there are undoubtedly insights and information contained in the Cayce material. However, in spite of this immense subject matter, perhaps the information on “earth changes” has received the greatest amount of publicity and more notoriety than anything else in the Cayce archives. Unfortunately, over the years, many individuals have incorrectly assumed that the Cayce material on earth changes could be summarized with such predicted catastrophes as a global future fraught with earthquakes, California sliding off into the ocean (potentially as far east as Nebraska), a shifting of the poles, and a calamitous disaster that would connect the Great Lakes with the Gulf of Mexico and essentially divide what remained of the continental United States into two.

This volume of verbatim readings from the Cayce files has been compiled in an effort to address some of these longstanding misperceptions, as the Edgar Cayce information on earth changes is not really about earthquakes and geological disasters but about much, much more.

Trong suốt 43 năm đưa ra các buổi đọc, Edgar Cayce đã bàn đến một con số đáng kinh ngạc: 10,000 chủ đề khác nhau! Dù mối quan tâm của bạn là mụn trứng cá hay Bái Hỏa Giáo, hoặc bất cứ điều gì ở giữa, chắc chắn có những soi sáng và thông tin chứa trong tư liệu Cayce. Tuy nhiên, bất chấp khối lượng đề tài mênh mông ấy, có lẽ những thông tin về “các biến đổi địa cầu” đã nhận được nhiều công bố và gây tiếng tăm hơn bất cứ điều gì khác trong kho lưu trữ Cayce. Đáng tiếc là qua nhiều năm, nhiều người đã hiểu sai rằng tư liệu Cayce về biến đổi địa cầu có thể tóm gọn bằng các thảm họa dự đoán như tương lai toàn cầu đầy động đất, California trượt xuống biển (có thể đến tận phía đông là Nebraska), sự dịch chuyển các cực, và một tai họa khủng khiếp sẽ nối Ngũ Đại Hồ với Vịnh Mexico, về căn bản chia đôi phần còn lại của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ lục địa.

Tập sách các buổi đọc nguyên văn từ hồ sơ Cayce này được biên soạn nhằm giải tỏa một số quan niệm lệch lạc tồn tại lâu dài ấy, bởi thông tin của Edgar Cayce về biến đổi địa cầu thực ra không phải về động đất và các thảm họa địa chất, mà còn nhiều hơn, rất nhiều.

In this volume, the Edgar Cayce readings on earth changes fall into five categories: 1) prehistory (e.g., ancient times); 2) the twentieth century (e.g., economical, political, societal, global and geological); 3) the future; 4) inaccurate, misinterpreted, or partially wrong readings; and 5) miscellaneous readings on topics such as the vibrations of nations, the destiny of our collective consciousness as a human family, what we are attempting to learn as children of One Creator, and ultimately the nature of world affairs.

The readings that deal with prehistory discuss such things as the origins of Creation and the entrance of humankind into the earth. This material includes the topic of Atlantis, as well as brief mention of the civilizations of Lemuria and the Mayans. It also includes information on the appearance of the world's surface in prehistory and how some of that geological surface has changed over time. In addition to discussing hidden archaeological sites and uncovered records of forgotten civilizations, Edgar Cayce claimed that the history of humankind went back some ten million years! Although much of this material may be impossible to verify, contemporary research has uncovered evidence to confirm some of the information given in Cayce's trance state. For example, several readings discuss the fact that the Nile had changed its course over eons and had once emptied into the Atlantic Ocean (all of which would be confirmed through satellite imaging and on-site archaeological investigations decades after the readings were given):

Trong tập này, các buổi đọc của Edgar Cayce về biến đổi địa cầu được xếp thành năm nhóm: 1) tiền sử (thời cổ đại); 2) thế kỷ hai mươi (kinh tế, chính trị, xã hội, toàn cầu và địa chất); 3) tương lai; 4) các buổi đọc không chính xác, bị diễn giải sai, hoặc sai một phần; và 5) tạp luận về những chủ đề như rung động của các quốc gia, định mệnh của tâm thức tập thể của chúng ta như một gia đình nhân loại, chúng ta đang cố gắng học gì với tư cách những đứa con của Đấng Sáng Tạo Duy Nhất, và sau cùng là bản chất của thời cuộc thế giới.

Các buổi đọc đề cập đến tiền sử bàn về những điều như nguồn khởi của Sự Sáng tạo và sự đi vào Địa Cầu của nhân loại. Tư liệu này bao gồm chủ đề Atlantis, cũng như có nhắc ngắn gọn đến các nền văn minh Lemuria và Maya. Nó cũng cung cấp thông tin về diện mạo bề mặt thế giới trong tiền sử và cách một số bề mặt địa chất ấy đã thay đổi theo thời gian. Ngoài việc nói về các địa điểm khảo cổ bị chôn giấu và những ghi chép của các nền văn minh bị quên lãng được phát hiện, Edgar Cayce còn khẳng định lịch sử nhân loại lui về khoảng mười triệu năm! Dù phần lớn tư liệu này có thể bất khả kiểm chứng, nghiên cứu đương đại đã phát hiện những bằng chứng xác nhận một phần thông tin được đưa ra trong trạng thái xuất thần của Cayce. Chẳng hạn, một số buổi đọc nói rằng sông Nile đã đổi dòng qua nhiều thiên kỷ và đã từng đổ vào Đại Tây Dương (tất cả những điều này về sau được xác nhận qua ảnh vệ tinh và các cuộc điều tra khảo cổ tại chỗ, nhiều thập kỷ sau khi các buổi đọc được đưa ra):

The Nile entered into the Atlantic Ocean. What is now the Sahara was an inhabited land and very fertile. What is now the central portion of this country, or the Mississippi basin, was then all in the ocean; only the plateau was existent, or the regions that are now portions of Nevada, Utah and Arizona formed the greater part of what we know as the United States...

362-13

In the one before this we find again in this same land now called Egypt (this before the mountains rose in the south, and when the waters called the Nile then emptied into what is now the Atlantic Ocean)...

276-2

In those periods when the first change had come in the position of the land... when the Nile (or Nole, then) emptied into what is now the Atlantic Ocean, on the Congo end of the country. What is now as the Sahara was a fertile land...

5748-6

The readings exploring changes for the twentieth century are most often associated with the concerns, questions, and inquiries of Cayce's contemporaries. These readings discuss changes in society, changes associated with a world at war, the Great Depression, the global financial crisis, and so forth.

Readings dealing with changes for the future include a discussion of a wide range of topics, including prophecies found in the Great Pyramid and the Book of Revelation. They also include information related to the eventual discovery of records that reportedly were left behind by Atlantis, Cayce's premise that there is a cyclical economic downturn that occurs every 24-25 years, the possibility of lasting world peace, and information related to the ultimate destiny of human consciousness.

Sông Nile đổ vào Đại Tây Dương. Nơi nay là Sahara từng là vùng có người ở và rất phì nhiêu. Nơi nay là phần trung tâm của đất nước này, tức lưu vực sông Mississippi, khi ấy toàn là biển; chỉ còn cao nguyên tồn tại, hay các vùng nay là một phần của Nevada, Utah và Arizona cấu thành phần lớn điều mà chúng ta gọi là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ...

362-13

Trong kiếp ngay trước đó, chúng ta lại thấy ở chính miền đất nay gọi là Ai Cập (trước khi núi non trỗi dậy ở phía nam, và khi dòng nước gọi là Nile khi ấy đổ vào nơi nay là Đại Tây Dương)...

276-2

Trong những thời kỳ khi xảy ra sự thay đổi đầu tiên về vị trí đất đai... khi Nile (khi ấy gọi là Nole) đổ vào nơi nay là Đại Tây Dương, ở đầu Congo của xứ sở. Nơi nay là Sahara từng là một miền phì nhiêu...

5748-6

Các buổi đọc khảo sát những biến đổi trong thế kỷ hai mươi thường gắn với những bận tâm, câu hỏi và thắc mắc của những người đương thời với Cayce. Những buổi đọc này bàn về các thay đổi trong xã hội, các biến động gắn với một thế giới lâm chiến, Đại Khủng Hoảng, khủng hoảng tài chính toàn cầu, v.v.

Những buổi đọc đề cập đến các thay đổi cho tương lai bao gồm một dải chủ đề rộng, trong đó có các lời tiên tri tìm thấy trong Đại Kim Tự Tháp và Sách Khải Huyền. Chúng cũng bao gồm thông tin liên quan đến việc sau cùng sẽ phát hiện những ghi chép được cho là do Atlantis để lại, luận điểm của Cayce rằng có một chu kỳ suy trầm kinh tế lặp lại 24-25 năm, khả tính của hòa bình thế giới bền vững, và những thông tin liên quan đến định mệnh tối hậu của tâm thức nhân loại.

The category exploring readings that may have been misinterpreted or may have been wrong in some measure are also worth exploring. This category includes a dream by Edgar Cayce in which he saw himself born on the coast of Nebraska in 2158 and discovered that his work from his lifetime as Edgar Cayce was still being studied. This dream has often been misquoted as suggesting that “Edgar Cayce predicted Nebraska would be the coastline” when, in fact, that is not the case at all. The dream occurred after Edgar Cayce had been arrested for practicing medicine without a license—an event which troubled him greatly. After the dream, a reading was procured and told him that regardless of what happened in the external world (e.g., being arrested), his work was important and would survive.

This category also includes readings that may have been misinterpreted. For example, in 1934, one reading included such dire statements as these: “The greater portion of Japan must go into the sea. The upper portion of Europe will be changed as in the twinkling of an eye.” (3976-15). Although interpreted by many as earthquakes, couldn’t this statement just as easily suggest the destruction of the empire of Japan and the changing map of Europe, both a result of World War II? Rather than earthquakes or pole shifts, 1936 (two years later) marked the beginning of Civil War in Spain, Hitler’s invasion of the Rhineland in violation of the Treaty of Versailles, and ongoing aggression between Japan and China, which grew to an all-out war, especially in 1937. Events were set in place causing the outbreak of World War II, and the changes Cayce saw expressed themselves in the affairs of humankind. In fact, in response to a question regarding global affairs, Cayce warned a twenty-nine-year-old freight agent of catastrophic events that were building to a world at war:

Nhóm khảo sát những buổi đọc có thể đã bị diễn giải sai hoặc có thể sai một phần cũng đáng để xem xét. Nhóm này bao gồm một giấc mơ của Edgar Cayce, trong đó Ông thấy mình sinh ở bờ biển Nebraska vào năm 2158 và phát hiện công trình của mình trong đời làm Edgar Cayce vẫn còn được nghiên cứu. Giấc mơ này thường bị trích dẫn sai như thể “Edgar Cayce dự đoán Nebraska sẽ là đường bờ biển,” trong khi thực tế hoàn toàn không phải vậy. Giấc mơ xảy ra sau khi Edgar Cayce bị bắt vì hành nghề y không giấy phép—một biến cố khiến ông cực kỳ day dứt. Sau giấc mơ, một buổi đọc được thực hiện và cho biết rằng bất kể điều gì xảy ra trong thế giới bên ngoài (như bị bắt), công trình của Ông là quan trọng và sẽ trường tồn.

Nhóm này cũng bao gồm những buổi đọc có thể đã bị diễn giải sai. Thí dụ, vào năm 1934, một buổi đọc có những tuyên bố nghiêm trọng như: “Phần lớn Nhật Bản phải chìm xuống biển. Phần thượng của châu Âu sẽ bị thay đổi trong chớp mắt.” (3976-15). Dù bị nhiều người hiểu là động đất, liệu tuyên bố này cũng có thể dễ dàng được hiểu là sự tiêu vong của đế quốc Nhật Bản và tám bản đồ châu Âu thay đổi—cả hai đều là hệ quả của Thế chiến II—hay không? Thay vì động đất hay chuyển dịch các cực, năm 1936 (hai năm sau đó) đánh dấu sự bùng nổ Nội chiến Tây Ban Nha, Hitler xâm chiếm vùng Rhineland vi phạm Hiệp ước Versailles, và những cuộc gây hấn liên tục giữa Nhật Bản và Trung Quốc, leo thang thành chiến tranh toàn diện, đặc biệt là năm 1937. Các biến cố đã được đặt vào vị trí dẫn đến sự bùng nổ Thế chiến II, và những thay đổi Cayce nhìn thấy đã biểu hiện trong các thời cuộc của nhân loại. Thực vậy, để đáp một câu hỏi liên quan đến thời cuộc toàn cầu, Cayce đã cảnh báo một nhân viên chở hàng 29 tuổi về những biến cố thảm khốc đang tích tụ dẫn đến một thế giới lâm chiến:

As to the affairs of an international nature, these we find are in a condition of great anxiety on the part of many; not only as individuals but as to nations... This will make for the taking of sides, as it were, by various groups or countries or governments. This will be indicated by the Austrians, Germans, and later the Japanese joining in their influence... For these will gradually make for a growing of animosities.

And unless there is interference from what may be called by many the supernatural forces and influences, that are active in the affairs of nations and peoples, the whole world—as it were—will be set on fire by the militaristic groups and those that are “for” power and expansion in such associations.

416-7; 10/7/1935

During the same reading when a question was asked about the possibility of cataclysmic earth changes, Cayce said, in part: “Tendencies in the hearts and souls of men are such that these [disasters/cataclysms] may be brought about. For... man—by *his compliance* with divine law—bring[s] *order* out of chaos... by his *disregard*... bring[s] chaos and *destructive* forces into his experience.”

It would be a mistake, however, to explain away all of the readings that may have been incorrect, as some statements have simply proven to be inaccurate. For example, in 1933 the question was asked, “Will the earth upheavals during 1936 affect San Francisco as it did in 1906?” Cayce responded: “This’ll be a baby beside what it’ll be in ‘36!” (270-38; 2/13/1933).

There are also a couple of readings that do not appear to be information directly from Edgar Cayce, including 311-10 when the source identified itself as “Zorain. Student with Zoroaster,” and reading 3976-15 (already cited above) when the pronouncement came: “I, Halaliel, have spoken.” And just who is Halaliel? The

Về những vấn đề có tính quốc tế, chúng ta thấy rằng chúng đang trong một tình trạng âu lo lớn lao đối với nhiều người; không chỉ với từng cá nhân mà còn đối với các quốc gia... Điều này sẽ khiến cho việc chọn phe, như thế, bởi các nhóm hay quốc gia hay chính phủ khác nhau. Điều này sẽ được biểu thị bởi người Áo, người Đức, và về sau là người Nhật nhập lại trong ảnh hưởng của họ... Vì những điều này sẽ dần dà làm tăng các mối thù hằn.

Và trừ phi có sự can thiệp từ điều mà nhiều người có thể gọi là các lực và ảnh hưởng siêu nhiên, những lực đang hoạt hóa trong các thời cuộc của các quốc gia và các dân tộc, thì cả thế giới—như thế—sẽ bị nhóm quân phiệt và những kẻ “vì” quyền lực và bành trướng trong những liên kết như vậy—phóng hỏa.

416-7; 10/7/1935

Cũng trong buổi đọc ấy, khi có người hỏi về khả năng xảy ra các biến đổi địa cầu mang tính đại họa, Cayce nói, một phần: “Khuynh hướng trong lòng và hồn của con người là như thế nên những [các thảm họa/thảm biến] có thể bị tạo ra. Vì... con người—nhờ *sự tuân thuận của mình* với luật thiên—*đem trật tự* ra khỏi hỗn mang... còn bằng *sự vô tâm*... *đem* hỗn mang và các lực *hủy hoại* vào trong kinh nghiệm của mình.”

Tuy nhiên, sẽ là một sai lầm nếu giải thích để phủ nhận mọi buổi đọc có thể không chính xác, vì một số tuyên bố đơn giản là đã tỏ ra sai. Chẳng hạn, năm 1933 có người hỏi: “Liệu các biến động địa cầu vào năm 1936 có ảnh hưởng San Francisco như năm 1906 không?” Cayce đáp: “Cái đó chỉ là trẻ con bên cạnh cái sẽ xảy ra vào năm ‘36!” (270-38; 2/13/1933).

Cũng có một vài buổi đọc có vẻ không phải thông tin trực tiếp từ Edgar Cayce, bao gồm 311-10, khi nguồn tự xưng là “Zorain. Học trò của Zoroaster,” và buổi đọc 3976-15 (đã trích ở trên) khi có lời tuyên cáo: “Ta, Halaliel, đã nói.” Halaliel là ai? Tổng thiên thần của nghiệp quả. Chắc chắn chúng ta phải có một tiềm năng nào đó cho ân sủng

archangel of karma. Certainly, we must have some potential for grace in our collective global futures?

The readings dealing with changes in world affairs are both insightful and inspiring. These readings suggest that the Christ Spirit sat with Woodrow Wilson as he was proposing the League of Nations. They are also adamant in their stance that all of humankind must strive to find a common ideal. Regardless of our differences in race, culture, or religion, and regardless of our differing ideas, the readings suggest we can share a common ideal: “Thou shalt love the Lord Thy God with all thine heart, thy neighbor *as thyself*! This [is] the whole law, this [is] the whole answer to the world, to each and every soul. That is the answer to the world conditions as they exist today.” (3976-8)

Elsewhere, the readings suggest that whenever war, strife, and turmoil occur in the affairs of humankind, sun spots occur as a natural consequence. On one occasion Cayce went so far as to state that the phenomenon of sun spots was inextricably connected to instability and turmoil upon the planet earth itself. (5751-1) In other words, instability among people leads to instability upon the planet and throughout the universe! Along similar lines, when a forty-year-old woman asked for more information about herself and her relationship to the universe, the response came that for all individuals everything that was out of accord with spirit and divine laws somehow had an impact upon the heavens. (2408-1) On another occasion, Cayce told a group: “For as the people of each nation pray, *and* then live that prayer, so must the Spirit work.” (3976-23)

One of the most interesting dynamics of people working together is that they can raise the “vibration” of energy and thought to a higher level. Simply stated, this means

trong tương lai toàn cầu chung của mình chứ?

Các buổi đọc đề cập đến những biến đổi trong thời cuộc thế giới vừa thâm sâu vừa truyền cảm. Những buổi đọc này gợi rằng Thần Khí của Đức Christ đã cùng ngồi với Woodrow Wilson khi Ông đề xuất Hội Quốc Liên. Chúng cũng kiên quyết cho rằng toàn thể nhân loại phải nỗ lực tìm một lý tưởng chung. Bất kể khác biệt về chủng tộc, văn hóa hay tôn giáo, và bất kể khác biệt về ý niệm, các buổi đọc gợi rằng chúng ta có thể chia sẻ một lý tưởng chung: “Người hãy yêu mến Thượng đế của người hết lòng, và yêu người lân cận *như* chính mình!” Đây [là] toàn bộ luật, đây [là] toàn bộ câu trả lời cho thế giới, cho từng mỗi một linh hồn. Đó là câu trả lời cho tình trạng thế giới như nó đang tồn tại hôm nay.” (3976-8)

Ở chỗ khác, các buổi đọc gợi rằng bất cứ khi nào chiến tranh, xung đột và hỗn loạn xảy ra trong thời cuộc của nhân loại, các vết đen Mặt Trời xuất hiện như một hệ quả tự nhiên. Có lần Cayce còn nói rằng hiện tượng vết đen Mặt Trời gắn kết bất khả phân với sự bất ổn và rối loạn ngay trên hành tinh Địa Cầu. (5751-1) Nói cách khác, bất ổn giữa người với người dẫn đến bất ổn trên hành tinh và khắp vũ trụ! Theo cùng mạch ấy, khi một phụ nữ bốn mươi tuổi xin thêm thông tin về chính mình và mối tương quan với vũ trụ, câu trả lời là đối với mọi cá nhân, bất kỳ điều gì lệch khỏi tinh thần và các luật thiêng đều bằng cách nào đó tác động đến các tầng trời. (2408-1) Một lần khác, Cayce nói với một nhóm: “Vì như dân tộc của mỗi quốc gia cầu nguyện, và rồi sống theo lời cầu nguyện ấy, thì Thần Khí phải hành động.” (3976-23)

Một trong những động lực thú vị nhất của việc con người cộng tác với nhau là họ có thể nâng “rung động” của năng lượng và tư tưởng lên một cấp độ cao hơn. Nói giản dị,

that literal physical earth changes seen decades ago by Edgar Cayce could now be changes that will occur on a different level. Certainly, some earthquakes will continue to occur as part of the natural physical evolution of the planet. But potentially even more influential changes could come from world-wide political turmoil (such as what is occurring in the Middle East), global economic challenges (that are reinforcing the awareness of our interconnectivity), and many more upheavals that are not necessarily geological in nature.

To be sure, many of the readings in this volume could have been categorized in more than one section. For example, there are world affairs readings that also address changes for the future, and there are statements in some of the readings that are categorized as partially wrong that are absolutely correct. However, rather than dividing a single reading into multiple categories, a subjective determination was made as to where it ultimately best fit.

In terms of ultimate changes, just what did Edgar Cayce see for our collective futures? The readings state that eventually one hallmark of the age we are entering could be described simply as “purity.” (1602-3) It is important to point out that we’re not going to wake up one day soon and think “Oh my gosh—we’ve entered an age of purity.” Instead, there is a gradual transition between ages. In addition to purity, the readings suggest that the age is ultimately one of globalization in terms of understanding that each individual is responsible for every other individual. Certainly, with the globalization of communications brought on by the Internet, this may have already become a reality. Finally, in addition to globalization and purity, the Edgar Cayce readings also state that spiritual consciousness will reach such a height of development during this

điều này có nghĩa là những biến đổi địa cầu theo nghĩa vật lý từng được Edgar Cayce nhìn thấy nhiều thập kỷ trước nay có thể là những biến đổi sẽ xảy ra trên một bình diện khác. Chắc chắn, một số trận động đất sẽ vẫn tiếp diễn như một phần của tiến hóa tự nhiên của hành tinh. Nhưng những biến đổi có ảnh hưởng còn lớn hơn có thể đến từ những hỗn loạn chính trị toàn cầu (như đang diễn ra ở Trung Đông), những thách thức kinh tế toàn cầu (đang củng cố nhận thức về tính liên kết tương thuộc của chúng ta), và nhiều biến động khác không nhất thiết mang tính địa chất.

Dĩ nhiên, nhiều buổi đọc trong tập này có thể được xếp vào hơn một phần. Chẳng hạn, có những buổi đọc về thời cuộc thế giới cũng đồng thời đề cập đến các thay đổi trong tương lai, và có những phát biểu trong một số buổi đọc bị xếp vào loại “sai một phần” lại hoàn toàn chính xác. Tuy nhiên, thay vì chia một buổi đọc đơn lẻ vào nhiều nhóm, một quyết định mang tính chủ quan đã được đưa ra để xếp nó vào nơi sau cùng thích hợp nhất.

Xét về những thay đổi tối hậu, rốt cuộc Edgar Cayce đã thấy gì cho tương lai chung của chúng ta? Các buổi đọc nói rằng sau cùng một dấu ấn của thời đại chúng ta đang bước vào có thể được mô tả đơn giản là “thanh khiết.” (1602-3) Cần lưu ý rằng chúng ta sẽ không thức dậy vào một ngày gần đây và nghĩ “Ôi trời—chúng ta đã bước vào một thời đại của thanh khiết.” Đúng hơn, có một sự chuyển tiếp tiệm tiến giữa các thời đại. Ngoài thanh khiết, các buổi đọc gợi rằng thời đại này rốt cuộc là một thời đại toàn cầu hóa trong nghĩa thấu hiểu rằng mỗi cá nhân chịu trách nhiệm về mỗi cá nhân khác. Chắc chắn, với sự toàn cầu hóa truyền thông do Internet mang lại, điều này có thể đã thành hiện thực. Sau cùng, bên cạnh toàn cầu hóa và thanh khiết, các buổi đọc Edgar Cayce cũng nói rằng tâm thức tinh thần sẽ đạt tới mức phát triển cao đến nỗi rốt cuộc mỗi cá nhân sẽ có

period that eventually each individual will be able to communicate directly with the Divine.

In the end, the Edgar Cayce readings on earth changes are really about the fact that a new world is being born. The earth changes we experience—whether geological, economical, global, political, etc.—provide an opportunity to understand our relationship with one another and get our priorities back in focus. Perhaps the time has come to look at this material in a new light? The changing events in our world and in our lives are to enable us to remember why we are here. Our planet is in the midst of upheavals that will enable individuals everywhere to eventually gain this realization: with God as our Creator we are all part of the same family. That understanding and experience is our collective destiny. We don't want to fool ourselves: the geological condition of the planet makes some earth changes inevitable. *In other words, there will continue to be earthquakes.* But the purpose of the changes we are experiencing is not for the earth changes themselves but simply a step toward reawakening to our joint destiny as spiritual beings manifesting in the earth.

Kevin J. Todeschi

Executive Director & CEO

Edgar Cayce's A.R.E. / Atlantic University

thể giao tiếp trực tiếp với Đấng Thiêng Liêng.

Sau hết, các buổi đọc Edgar Cayce về biến đổi địa cầu thực sự là về việc một thế giới mới đang được sinh ra. Những biến đổi địa cầu mà chúng ta trải nghiệm—dù là địa chất, kinh tế, toàn cầu, chính trị, v.v.—mang đến cơ hội để chúng ta thấu hiểu mối liên hệ với nhau và đưa các ưu tiên của mình về đúng trọng tâm. Có lẽ đã đến lúc nhìn lại tư liệu này trong một ánh sáng mới? Những biến cố đổi thay trong thế giới và đời sống của chúng ta nhằm giúp chúng ta nhớ vì sao mình hiện hữu ở đây. Hành tinh của chúng ta đang ở giữa các biến động sẽ giúp con người ở khắp nơi rốt cuộc đạt tới nhận thức này: với Thượng đế là Đấng Sáng Tạo của chúng ta, tất cả chúng ta đều là một phần của cùng một gia đình. Sự thấu hiểu và trải nghiệm ấy là định mệnh chung của chúng ta. Chúng ta không muốn tự dối mình: điều kiện địa chất của hành tinh khiến một số biến đổi địa cầu là không thể tránh. *Nói cách khác, các trận động đất sẽ còn tiếp diễn.* Nhưng mục đích của những thay đổi chúng ta đang trải nghiệm không nằm ở chính các biến đổi địa cầu, mà chỉ là một bước hướng tới việc tỉnh thức lại định mệnh chung của chúng ta như những hữu thể tinh thần đang biểu hiện trong cõi trần.

Kevin J. Todeschi

Giám đốc điều hành & CEO

A.R.E. của Edgar Cayce / Atlantic University

[Background: Reading regarding the appearance of humankind in the earth, the various races, and changes in the earth's surface.]

Reading 364-13; November 17, 1932

(Q) *Are the places designated for the beginning of the five races correct?*

(A) As we find, these are changed, in that: Those in the Gobi, the yellow. The white—rather in the Carpathians than India, though this is the change to which they are made. The red, of course, in the Atlantean and in the American. The brown in the Andean. The black in the plain and the Sudan, or in African.

(Q) *Where was the Carpathian region?*

(A) Aarat.

(Q) *Where is the location? Is it on the map today?*

(A) Southern part of Europe and Russia, and Persia and that land. Caucasian mountains.

(Q) *Why was the number five selected for the projection of the five races?*

(A) This, as we find, is that element which represents man in his physical form, and the attributes to which he may become conscious *from* the elemental or spiritual to the physical consciousness...

(Q) *Did the appearance of what became the five races occur simultaneously?*

(A) Occurred at once.

(Q) *Describe the earth's surface at the period of the appearance of the five projections.*

(A) This has been given. In the first, or that known as the beginning, or in the Caucasian and Carpathian, or the Garden of Eden, in that land which lies now much in the desert,

[Bối cảnh: Buổi đọc về sự xuất hiện của nhân loại trên Địa Cầu, các chủng tộc khác nhau, và những biến đổi của bề mặt địa cầu.]

Buổi đọc 364-13; 17 tháng 11, 1932

(H) *Những nơi được chỉ định làm điểm khởi nguyên cho năm chủng tộc có đúng không?*

(Đ) Theo chúng tôi thấy, những điều này đã thay đổi, ở chỗ: Những người ở Gobi, chủng vàng. Chủng trắng—đúng ra ở vùng Carpathia hơn là Ấn Độ, dù đó là sự thay đổi mà họ được chuyển đến. Chủng đỏ, dĩ nhiên, ở Atlantis và ở châu Mỹ. Chủng nâu ở vùng Andes. Chủng đen ở đồng bằng và Sudan, hay ở châu Phi.

(H) *Vùng Carpathia là ở đâu?*

(Đ) Aarat.

(H) *Ở vị trí nào? Có trên bản đồ ngày nay không?*

(Đ) Phần phía nam châu Âu và Nga, và Ba Tư và miền đất đó. Dãy núi Caucasus.

(H) *Vì sao chọn con số năm cho việc phóng chiếu năm chủng tộc?*

(Đ) Điều này, như chúng ta thấy, là yếu tố biểu trưng cho con người trong hình tượng vật chất của y, và những thuộc tính mà qua đó y có thể trở nên có tâm thức từ hành khí hoặc tinh thần đến tâm thức vật chất...

(H) *Sự xuất hiện của những gì trở thành năm chủng tộc có diễn ra đồng thời không?*

(Đ) Xảy ra cùng lúc.

(H) *Mô tả bề mặt Trái Đất vào thời kỳ xuất hiện của năm phóng chiếu.*

(Đ) Điều này đã được nói đến. Lúc đầu, hay điều được biết như khởi nguyên, hay ở miền Caucasia và Carpathia, hay Vườn Địa Đàng, ở miền đất nay phần nhiều là sa mạc, nhưng

yet much in mountain and much in the rolling lands there. The extreme northern portions were then the southern portions, or the Polar Regions were then turned to where they occupied more of the tropical and semi-tropical regions; hence it would be hard to discern or disseminate the change. The Nile entered into the Atlantic Ocean. What is now the Sahara was an inhabited land and very fertile. What is now the central portion of this country, or the Mississippi basin, was then all in the ocean; only the plateau was existent, or the regions that are now portions of Nevada, Utah and Arizona formed the greater part of what we know as the United States. That along the Atlantic board formed the outer portion then, or the lowlands of Atlantis. The Andean, or the Pacific coast of South America, occupied then the extreme western portion of Lemuria. The Urals and the northern regions of same were turned into a tropical land. The desert in the Mongolian land was then the fertile portion. This may enable you to form *some* concept of the status of the earth's representations at that time! The oceans were then turned about; they no longer bear their names, yet from whence obtained they their names? What is the legend, even, as to their names?

(Q) *Are the following the correct places? Atlantean, the red.*

(A) Atlantean and American, the red race.

(Q) *Upper Africa for the black?*

(A) Or what would be known now as the more *western* portion of Upper Egypt for the black. You see, with the changes—when there came the uprisings in the Atlantean land, and the sojourning southward—with the turning of the axis, the white and yellow races came more into that portion of Egypt, India, Persia and Arabia.

cũng có nhiều núi non và nhiều vùng đồi thoải. Những phần cực bắc khi đó là phần cực nam, hay các Vùng Cực khi ấy xoay về nơi mà chúng chiếm nhiều vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới; do đó sẽ khó nhận ra hay phân định sự thay đổi. Sông Nile đổ vào Đại Tây Dương. Nơi nay là Sahara từng là vùng có người ở và rất phì nhiêu. Nơi nay là phần trung tâm của đất nước này, tức lưu vực sông Mississippi, khi ấy toàn là biển; chỉ còn cao nguyên tồn tại, hay các vùng nay là một phần của Nevada, Utah và Arizona cấu thành phần lớn điều mà chúng ta gọi là Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Vùng dọc bờ Đại Tây Dương khi ấy tạo thành phần rìa ngoài, tức vùng thấp của Atlantis. Vùng Andes, hay bờ Thái Bình Dương của Nam Mỹ, khi ấy chiếm phần cực tây của Lemuria. Dãy Ural và vùng phía bắc của nó khi ấy biến thành miền nhiệt đới. Sa mạc ở miền đất Mông Cổ khi ấy là phần phì nhiêu. Điều này có thể giúp bạn hình thành *một ít* quan niệm về tình trạng biểu hiện của Địa Cầu vào thời điểm ấy! Các đại dương khi ấy đã xoay chiều; chúng không còn mang tên của mình nữa, nhưng chúng đã được đặt tên từ đâu? Ngay cả truyền thuyết về tên gọi của chúng là gì?

(H) *Sau đây có phải là các địa điểm đúng không? Atlantis, chủng đỏ.*

(Đ) Atlantis và châu Mỹ, chủng đỏ.

(H) *Bắc Phi cho chủng đen?*

(Đ) Hoặc điều nay được biết là phần *phía tây* hơn của Thượng Ai Cập dành cho chủng đen. Bạn thấy đó, với những đổi thay—khi có các trời dậy ở miền đất Atlantis, và cuộc du hành về phía nam—với sự xoay của trục, các chủng trắng và vàng đến nhiều hơn với các miền ấy của Ai Cập, Ấn Độ, Ba Tư và Ả Rập.

[Background: Reading regarding the

[Bối cảnh: Buổi đọc về sự xuất hiện của nhân

appearance of humankind in the earth, and the beginning of the first attempts to understand humankind's relationship to the Creator.]

Reading 5748-2; May 28, 1925

Now, as we see, as given, how and what the classifications were of the physical in the earth's plane at that period, the numbers then of human souls in the earth plane being a hundred and thirty and three million (133,000,000) souls. The beginning then of the understanding of laws as applied from man's viewpoint being in this second rule in the country now Egypt. The rule covering the period of a hundred and ninety and nine (199) years, and the entity giving the chance to the peoples, for the study being in the twenty and eighth (28th) year, when [he] began to gather the peoples together for this and surrounding himself with those of that land and of the various lands wherein the human life dwelled at that period. The numbers of the people that came together for the purpose then numbering some forty and four (44).

The Courts as were made were in the tents and the caves of the dwellers of the then chosen priest from the Arabian or Tibetan country, who came as one among those to assist with the astrologer and the soothsayers of the desert of now the eastern and western worlds, and with this the conclave was held for many, many, moons. The period in the world's existence from the present time being ten and one-half million (10,500,000) years, and the changes that have come in the earth's plane many have risen in the lands. Many lands have disappeared, many have appeared and disappeared again and again during these periods, gradually changing as the condition became to the relative position of the earth with the other spheres through which man

loại trên Địa Cầu, và khởi đầu của những nỗ lực đầu tiên nhằm thấu hiểu mối quan hệ của nhân loại với Đấng Sáng Tạo.]

Buổi đọc 5748-2; 28 tháng 5, 1925

Giờ đây, như chúng ta thấy, như đã nói, cách thức và các phân loại của thể vật chất trong cõi địa cầu ở thời kỳ ấy, số lượng linh hồn nhân loại trong cõi địa cầu bấy giờ là một trăm ba mươi ba triệu (133,000,000) linh hồn. Khởi đầu của việc thấu hiểu các luật như được áp dụng từ quan điểm của con người diễn ra trong triều đại thứ hai tại xứ nay là Ai Cập. Triều đại này kéo dài một trăm chín mươi chín (199) năm, và vị này ban cho dân chúng cơ hội, để việc nghiên cứu xảy ra vào năm thứ hai mươi tám (28), khi [ông] bắt đầu tập hợp dân chúng lại cho mục đích này và vây quanh mình với những người của xứ ấy và các xứ sở khác nơi nhân sinh cư trú vào thời ấy. Số người tập hợp lại cho mục đích bấy giờ là bốn mươi bốn (44).

Các buổi thiết triều được cử hành trong các lều trại và hang động của cư dân—vị tư tế được chọn khi đó đến từ xứ Ả Rập hoặc Tây Tạng—vị này đến như một người trong số những người đến trợ giúp, cùng với nhà chiêm tinh và các thầy bói của sa mạc của cả nay phương Đông lẫn phương Tây, và với đó, đại mật nghị đã diễn ra suốt nhiều, nhiều tuần trăng. Thời kỳ tồn tại của thế giới tính đến hiện tại là mười triệu rưỡi (10,500,000) năm, và những biến đổi đã xảy đến với cõi địa cầu—nhiều miền đất đã trôi lên. Nhiều miền đất đã biến mất, nhiều miền đã xuất hiện rồi lại biến mất hết lần này đến lần khác trong những thời kỳ này, dần dần đổi thay theo vị thế tương đối của Địa Cầu với các tinh cầu khác mà con người đi qua trong hệ mặt trời này.

passes in this solar system.

The first laws, then, partook of that of the study of self, the division of mind, the division of the solar systems, the division of man in the various spheres of existence through the earth plane and through the earth's solar system. The *Book of the Dead*, then, being the first of those that were written as the inscribed conditions necessary for the development in earth or in spirit planes. These, as we see, covered many various phases. About these were set many different ones to give the interpretation of same to the peoples in the various spheres that the individuals dwelled in that came together. Hence the difference in the manner of approaching the same sacrificial conditions in the various spheres, yet all using the Sun, the Moon, the Stars, as the emblems of the conditions necessary for the knowledge of those elements as enter in; same as the fish representing the water from which all were drawn out, as we would see from the various changes.

[Background: Reading regarding the appearance of humankind in the earth, and the beginning of the first attempts to understand humankind's relationship to the Creator.]

Reading 5748-3; June 1, 1925

GC: You will have before you the reading given on the psychic work of Edgar Cayce, present in this room, on the afternoon of 5/28/25, and you will continue with this reading regarding the information of the first laws concerning man's relation to Higher Forces, giving this in an outline manner and how this was given to the people.

EC: Yes, we have the information as given

Các luật đầu tiên, khi ấy, bao hàm việc nghiên cứu chính mình, sự phân định thể trí, sự phân định các hệ mặt trời, sự phân định con người trong các cảnh giới tồn sinh khác nhau xuyên qua cõi địa cầu và xuyên qua hệ mặt trời của địa cầu. *Sách của Người Chết*, khi ấy, là thứ trước nhất trong số những thứ được soạn như các điều kiện khắc ghi cần yếu cho sự phát triển trong cõi trần hay các cõi tinh thần. Những điều này, như chúng ta thấy, bao trùm nhiều phương diện khác nhau. Chung quanh những điều này, nhiều người khác nhau được đặt để để ban cho sự diễn giải về cùng những điều ấy cho dân chúng ở các cảnh giới khác nhau mà các cá nhân cư trú, những người đã tập hợp lại. Do đó có sự khác biệt trong cách tiếp cận cùng các điều kiện hiển tế trong các cảnh giới khác nhau, tuy tất cả đều dùng Mặt Trời, Mặt Trăng, các Vì Sao làm biểu trưng cho những điều kiện cần thiết cho tri thức về các yếu tố tham dự; cũng giống như hình cá biểu trưng cho nước từ đó muôn loài được kéo ra, như chúng ta có thể thấy từ các đổi thay khác nhau.

[Bối cảnh: Buổi đọc về sự xuất hiện của nhân loại trên Địa Cầu, và khởi đầu của những nỗ lực đầu tiên nhằm thấu hiểu mối quan hệ của nhân loại với Đấng Sáng Tạo.]

Buổi đọc 5748-3; 1 tháng 6, 1925

GC: Quý vị sẽ có trước mặt buổi đọc đã được đưa ra về công trình thông linh của Edgar Cayce, hiện có mặt trong căn phòng này, vào buổi chiều 5/28/25, và quý vị sẽ tiếp tục với buổi đọc này liên quan đến thông tin về những luật đầu tiên liên quan đến mối tương quan của con người với các Lực Cao Hơn, trình bày điều này theo lối đề cương và cách điều ấy đã được ban cho dân chúng.

EC: Vâng, chúng ta có thông tin như đã được

and the conditions as surrounded the giving of the first laws as regarding the indwelling of Higher Forces in the earth's plane, and man attempting to make application of same.

Now as we see, we have the general outline of those conditions of man in the earth plane at the period or age, as is judged from man's viewpoint, of this gathering as caused by the second ruler of the peoples that dwelled in that portion of the earth's plane, now known as Egypt. There is to be considered, now, also those conditions under which man, as man, lived during that period in the various spheres in which man dwelt. In that land we find the peoples comparatively free from the invasion of the beasts of the field, save those as were being used for man's development and for the use of man as servant or as man's beast of burden. While we find in the now Tibetan country, then the land of the many waters, the indwelling of those of many beasts whom man had to defend self against. Again in the Mongoloid region many others of the species and nature that were destructive to man's indwelling in many ways. Also those in Caucasia, or the lighter or whiter peoples. Also in the land of the plains in the Northern spheres in the Western portion of the earth's plane, many beasts and many conditions, and man then [was] in the way of having a different understanding, for different conditions were to be met, as were also in the Southern portion.

Then, as these were gathered from the five nations, we find the subjects of those pertaining to manifestations of the development of man and man's ability to cope with the conditions, and the forces wherein men were given their supremacy over the other conditions in the earth's plane. And the first as was given by the ruler was, then, [that] the force that gives man, in his weak state, as it were, the ability to subdue and overcome the great beasts that

ban và các điều kiện bao quanh sự ban bố các luật đầu tiên liên quan đến sự ngự trị của các Lực Cao Hơn trong cõi địa cầu, và con người nỗ lực áp dụng những điều ấy.

Giờ đây như chúng ta thấy, chúng ta có dàn ý tổng quát về những điều kiện của con người trong cõi địa cầu vào thời kỳ hay niên đại này, như được phán xét từ quan điểm con người, của cuộc tụ hội này do vị quốc vương thứ hai của dân chúng cư trú ở phần cõi địa cầu khi ấy—nay gọi là Ai Cập—gây nên. Cũng cần xét đến, bây giờ, các điều kiện dưới đó con người, như con người, đã sống trong thời kỳ ấy ở các cảnh giới mà con người cư trú. Ở miền đất ấy chúng ta thấy dân chúng tương đối tự do khỏi sự xâm nhập của thú ngoài đồng, ngoại trừ những loài được dùng vào việc phát triển của con người và phục vụ con người như súc vật thồ. Trong khi đó, chúng ta thấy ở xứ nay là Tây Tạng, khi ấy là miền đất của nhiều nguồn nước, là chốn cư trú của nhiều loài thú dữ mà con người phải tự vệ. Lại nữa, ở vùng Mông Cổ có nhiều loài khác về chủng loại và bản tính mang tính phá hoại đối với cư trú của con người theo nhiều cách. Cũng vậy ở vùng Caucasia, tức những dân tộc nhạt màu hay trắng hơn. Cũng như ở miền đất đồng bằng thuộc các miền Bắc ở phần Tây của cõi địa cầu, có nhiều loài thú và nhiều điều kiện, và con người khi đó có cách thấu hiểu khác, vì cần đối diện với những điều kiện khác nhau, như cũng ở miền Nam.

Rồi, khi những người này được triệu về từ năm quốc gia, chúng ta thấy các chủ đề liên quan đến những biểu hiện của sự phát triển của con người và khả năng ứng phó của con người với các điều kiện, và các lực mà trong đó con người được ban cho vị thế ưu thắng đối với các điều kiện khác trong cõi địa cầu. Và điều đầu tiên được vị quốc vương ban ra là, mệnh lệnh ban cho con người, trong trạng thái yếu ớt, như thế, khả năng chế ngự và vượt thắng những thú dữ vĩ đại cư ngụ trên

inhabit the plane of man's existence must come from a higher source. Hence the first law of self-preservation in the physical plane attributed to Divine or Higher Forces. Just as the elements adding to the betterment of man's condition in the earth plane, we have then the rudiments of that as was taught. Hence began, as given, the study of the indwelling of that other than man's physical prowess, yet there were many men of giant stature to meet the conditions as seen, yet the approach of that same force to some was reached through the power, heat, significance of Sun's force, of Moon's wane, of waters bringing forth all manners of organisms necessary for developments in the plane.

Then, we have the gathering together then of this group, from the farthest places—forty and four (44). As we see, [this number] will run through many numbers, for, as we find, there is the law pertaining to each and every element significant to man's existence considered and given in one manner or form by the groups as gathered at this meeting.

We are through for the present.

[Background: Life reading given to a seventy-two-year old female who was told that she had once lived during the sinking of Lemuria.]

Reading 851-2; January 31, 1935

Before that we find the entity was in that land now known as the American, during those periods when there were the changes that had brought about the sinking of Mu or Lemuria, or those peoples in the periods who had changed to what is now a portion of the Rocky Mountain area; Arizona, New Mexico, portions of Nevada and Utah.

The entity then was among the princesses of

bình diện tồn tại của con người, bắt đầu từ một nguồn cao hơn. Vì vậy, định luật đầu tiên về tự bảo tồn trong cõi hồng trần được quy cho các Lực Thiêng Liêng hay Cao Hơn. Cũng như những yếu tố góp phần cải thiện điều kiện của con người trong cõi địa cầu, chúng ta có những sơ nguyên của điều đã được dạy. Vì vậy, như đã nói, bắt đầu việc nghiên cứu sự ngự trị của điều khác hơn sức mạnh thể xác của con người, tuy có nhiều người khổng lồ để đối phó với điều kiện như thấy, nhưng cách tiếp cận cùng mãnh lực ấy đối với một số người được đạt đến qua quyền năng, nhiệt lực, ý nghĩa của lực Mặt Trời, của tuần nguyệt của Mặt Trăng, của nguồn nước sản sinh mọi hình thái sinh thể cần cho phát triển trong bình diện.

Rồi, chúng ta có cuộc triệu tập nhóm này, từ những nơi xa nhất—bốn mươi bốn (44). Như chúng ta thấy, [con số này] sẽ xuyên qua nhiều con số, vì, như chúng ta thấy, có định luật liên hệ đến từng mỗi nguyên tố có ý nghĩa đối với sự tồn tại của con người được xem xét và ban ra theo một cách hay một hình thức nào đó bởi các nhóm đã tụ họp tại hội nghị này.

Chúng ta tạm dừng tại đây.

[Bối cảnh: Buổi đọc về tiền kiếp ban cho một phụ nữ bảy mươi hai tuổi, người được cho biết rằng bà đã từng sống trong thời kỳ Lemuria chìm xuống.]

Buổi đọc 851-2; 31 tháng 1, 1935

Trước đó, chúng ta thấy thực thể ở miền đất nay gọi là châu Mỹ, trong những thời kỳ có các biến đổi dẫn đến sự chìm xuống của Mu hay Lemuria, hay những dân cư trong thời kỳ đã di chuyển đến nơi nay là một phần của vùng dãy Rocky; Arizona, New Mexico, một phần của Nevada và Utah.

Khi ấy, thực thể thuộc hàng công chúa của

the land that established there the teachings of the Law of *One*, from the activities in the land which had brought destructive forces through the separations from those things that made for the love of the individual for the gratifying of selfish motives.

Then the entity established what may be called the home life in that land, as each home became then as the castle of place of worship—or activities that were separated, yet united in one as for purposes. The name then was Ouowu.

[Background: Life reading given to a forty-three-year old male who was told that he had once had a pre-Atlantis incarnation as well as an incarnation in Atlantis.]

Reading 877-1; April 3, 1935

Before that we find the entity was in that land now known as the Mongoloid [GD's note: He looked very Chinese, remarkably so considering he had no such physical heritage.], during those periods when there were the advances in the activities in that portion of one of the higher lands of civilization during that experience. For the entity then was a Prince of that land, sending to the various lands for the messages that were being given by the teachers in the varied lands; making for a betterment for the peoples that the entity, in the name Muzuen, came to be the ruler or the leader of.

During those activities of the entity, many were the warnings that the entity gave to those peoples for their rebellious influence that arose, that later made for the devastating influences of the sands overcovering much of that in the Gobi land.

In the present from that sojourn, those

xứ đã thiết lập ở đó các giáo huấn của Luật Một, xuất phát từ các hoạt động trong xứ sở vốn đã đưa đến các lực phá hoại qua những phân ly khỏi những điều kiện tạo tình thương của cá nhân để thỏa mãn các động cơ ích kỷ.

Rồi thực thể ấy thiết lập điều có thể gọi là đời sống gia đình ở miền đất đó, khi mỗi gia cư bấy giờ trở thành như tòa thành—nơi thờ phượng—hay những hoạt động tuy tách rời nhưng hợp nhất trong một về mục đích. Tên khi ấy là Ouowu.

[Bối cảnh: Buổi đọc đời sống đưa cho một nam giới 43 tuổi, người được cho biết rằng y đã từng có một lần lâm phạm trước thời Atlantis cũng như một lần lâm phạm ở Atlantis.]

Buổi đọc 877-1; 3 tháng 4, 1935

Trước đó chúng tôi thấy thực thể ở vùng đất nay được biết là chủng Mông Cổ [Ghi chú của GD: Ông trông rất giống người Hoa, khác thường đến mức đáng kinh ngạc nếu xét rằng ông không có di sản thể xác như vậy.], trong những thời kỳ khi có những phát triển trong các sinh hoạt tại phần ấy của một trong những vùng đất văn minh cao hơn trong kinh nghiệm ấy. Bởi khi đó, thực thể là một Vương tử của vùng đất ấy, sai phái đến các xứ sở khác nhau để thỉnh về những thông điệp đang được các vị huấn sư ở các xứ sở đa dạng ban truyền; nhằm đem lại sự cải thiện cho những dân mà thực thể, với danh xưng Muzuen, đã trở thành người cai trị hay lãnh đạo.

Trong các sinh hoạt của thực thể, đã có nhiều lời cảnh báo mà thực thể dành cho các dân chúng về ảnh hưởng nổi loạn đã nổi lên, về sau gây nên những tác động tàn phá của cát phủ trùm phần lớn vùng đất ở Gobi.

Trong hiện tại, từ cuộc du trú ấy, những điều

things pertaining to the *earlier* activities of the peoples have a particular interest, and especially as to the laws pertaining to what later became the developments of what may be said to have been the beginnings of statuary, or the beginnings of those activities that make for conveniences within the home and its relationships to the service of same.

Before that we find the entity was in that known or called the Atlantean land, and in the city of Poseidia did the entity reside, during those periods when there were the first of the destructive influences used by the sons of Belial and those that were in authority that made for the using of the influences that were for the increasing of the activity of the peoples for destructive influences.

The entity made the attempts to save much of that which was consummated by those peoples; and there are many things within the entity's inner self often that have almost found expression in what might be made for the crystallizing of the influences of the sun through the crystal that then controlled the motivative forces in the experience of the entity.

[Background: Life reading given to a sixty-five-year old female who was told that she had once lived during the sinking of Lemuria.]

Reading 509-1; February 5, 1934

Before this we find the entity in that land now known as the American, during the periods when the Lemurian or the lands of Mu or Zu were being in their turmoils for destruction.

And the entity was among those that—in what is now not far from that land in which the entity in this sojourn first saw the light

thuộc về các sinh hoạt *buổi đầu* của các dân chúng có một mối quan tâm đặc biệt, và nhất là những luật lệ liên hệ đến những gì về sau trở thành các phát triển mà có thể nói là khởi nguyên của điêu khắc, hoặc khởi nguyên của những hoạt động tạo nên các tiện nghi trong gia cư và mối liên hệ của chúng với việc phụng sự chính các tiện nghi ấy.

Trước đó nữa, chúng tôi thấy thực thể ở vùng được biết hay gọi là đất Atlantean, và trong thành phố Poseidia thực thể cư trú, vào thời kỳ khi lần đầu tiên có những ảnh hưởng hủy diệt được sử dụng bởi những người con của Belial và những kẻ cầm quyền đã cho phép dùng các ảnh hưởng nhằm gia tăng sinh hoạt của dân chúng theo hướng hủy diệt.

Thực thể đã cố gắng cứu vãn nhiều điều do dân chúng ấy gây nên; và thường có nhiều điều trong nội tâm của thực thể hầu như đã tìm được biểu lộ nơi những gì có thể được dùng để kết tinh các ảnh hưởng của mặt trời qua pha lê, thứ khi ấy đã điều khiển các lực động cơ trong kinh nghiệm của thực thể.

[Bối cảnh: Buổi đọc đời sống đưa cho một nữ giới 65 tuổi, người được cho biết rằng Bà đã từng sống vào thời Lemuria chìm xuống.]

Buổi đọc 509-1; 5 tháng 2, 1934

Trước lần này chúng tôi thấy thực thể ở vùng đất nay được gọi là châu Mỹ, trong những thời kỳ khi Lemuria hay các xứ Mu hoặc Zu đang trong những cơn biến loạn dẫn đến hủy diệt.

Và thực thể thuộc về những người—tại nơi nay không xa vùng đất trong đó thực thể ở kiếp du trú này lần đầu chào đời—(mà trong

—(that must in the near future fade again into those joinings with the land of Mu)—established a temple of worship for those that escaped from the turmoils of the shifting of the earth at that particular period.

The entity, in the name Oeueou, established near what is now Santa Barbara the temple to the sun and the moon; for the satellite of the moon had not faded then, and there was enjoined as to the entity in the worship as the goddess to the moon and the sun.

The entity brought good and evil with this worship, for the necessity of the repopulation of the land brought to those peoples—with that which the entity had established in the soul's relationships of life—dissension, and, at last, dispersement of those peoples to that portion which later, much later in the affairs of the earth, became not only the destructive forces to those that journeyed from the land of promise but those that journeyed from the Atlantean land and became those that met with the peoples, centuries later, in the central portion of what is now United States.

[Background: Reading given on the topic of Atlantis.]

Reading 364-3; February 16, 1932

Yes, we have the subject and those conditions. As has been said, much data has been received from time to time through psychic forces as respecting conditions in or through the period, or ages, of this continent's existence. That the continent existed is being proven as a fact.

Then, what took place during the period, or periods, when it was being broken up? What became of the inhabitants? What was the character of their civilization? Are there any evidences of those, or any portion of, the

tương lai gần sẽ lại tan phai vào những phần hợp lưu với đất Mu)—đã lập một đền thờ phụng tự cho những người thoát khỏi cơn biến loạn do sự chuyển dịch của địa cầu vào thời kỳ đặc thù ấy.

Thực thể, với danh xưng Oeueou, đã lập gần nơi nay là Santa Barbara một đền thờ dành cho mặt trời và mặt trăng; vì vệ tinh của mặt trăng khi ấy chưa suy tàn, và thực thể được giao phó trong việc phụng tự như là nữ thần của mặt trăng và mặt trời.

Thực thể đã mang cả điều thiện lẫn điều ác theo sự phụng tự này, vì nhu cầu tái dân cư cho vùng đất đã mang đến cho các dân chúng—cùng với điều mà thực thể đã thiết lập trong các mối liên hệ sự sống của linh hồn—sự bất đồng, và cuối cùng là sự phân tán của họ đến phần đất mà về sau, rất lâu về sau trong lịch sử địa cầu, trở thành không chỉ là những lực hủy diệt đối với những người hành trình từ miền đất hứa mà cả đối với những người hành trình từ đất Atlantean, và trở thành những người đã gặp gỡ các dân chúng, nhiều thế kỷ về sau, ở phần trung tâm của nơi nay là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

[Bối cảnh: Buổi đọc được đưa ra về chủ đề Atlantis.]

Buổi đọc 364-3; 16 tháng 2, 1932

Vâng, chúng tôi có chủ đề và những điều kiện ấy. Như đã nói, đã có nhiều dữ kiện được tiếp nhận theo thời gian qua các lực thông linh liên quan đến các điều kiện trong hoặc xuyên qua thời kỳ, hay các thời đại, tồn tại của lục địa này. Rằng lục địa ấy đã hiện hữu đang được chứng thực như một sự kiện.

Vậy, điều gì đã xảy ra trong thời kỳ, hay các thời kỳ, khi nó bị vỡ ra? Điều gì đã xảy đến với cư dân? Nếp văn minh của họ có đặc điểm gì? Có chứng tích nào về những người ấy, hay về bất kỳ phần nào, của việc cư dân trốn thoát

inhabitants' escape? The *position* of the continent, and the like, *must* be of interest to peoples in the present day, if either by inference that individuals are being born into the earth plane to develop in the present, or are people being guided in their spiritual interpretation of individuals' lives or developments *by* the spirits of those who inhabited such a continent. In either case, if these be true, they *are wielding*—and are to wield—an influence upon the happenings of the present day world.

The position as the continent Atlantis occupied, is that as between the Gulf of Mexico on the one hand—and the Mediterranean upon the other. Evidences of this lost civilization are to be found in the Pyrenees and Morocco on the one hand, British Honduras, Yucatan and America upon the other. There are some protruding portions within this that must have at one time or another been a portion of this great continent. The British West Indies or the Bahamas, and a portion of same that may be seen in the present—if the geological survey would be made in some of these—especially, or notably, in Bimini and in the Gulf Stream through this vicinity, these may be even yet determined.

What, then, are the character of the peoples? To give any proper conception, may we follow the line of a group, or an individual line, through this continent's existence—and gain from same something of their character, their physiognomy, and their spiritual and physical development.

In the period, then—some hundred, some ninety-eight thousand years before the entry of Ram into India—there lived in this land of Atlantis one Amilius [?], who had first *noted* that of the separations of the beings as inhabited that portion of the earth's sphere or plane of those peoples into male and female as separate entities, or individuals.

không? Vị trí của lục địa ấy, và tương tự như thế, *ắt hẳn* là điều đáng quan tâm đối với con người ngày nay, dù là bởi suy dẫn rằng các cá nhân đang được sinh vào cõi địa cầu để phát triển trong hiện tại, hoặc rằng con người đang được dẫn dắt trong sự diễn giải tinh thần về đời sống hay sự phát triển của các cá nhân *bởi* các vong linh của những người từng cư trú trên một lục địa như vậy. Dù trong trường hợp nào, nếu những điều này là đúng, chúng *đang tác động*—và sẽ còn tác động—một ảnh hưởng lên những biến cố của thế giới hiện tại.

Vị trí mà lục địa Atlantis chiếm giữ là giữa một bên là Vịnh Mexico—và bên kia là Địa Trung Hải. Dấu tích của nền văn minh đã mất này có thể tìm thấy ở dãy Pyrenees và Morocco về một phía, và Honduras thuộc Anh, Yucatan cùng châu Mỹ về phía kia. Có vài phần trồi lên trong vùng này hẳn đã vào một thời điểm nào đó thuộc về lục địa vĩ đại này. Các đảo Tây Ấn thuộc Anh hay Bahamas, và một phần của chúng còn có thể thấy trong hiện tại—if có khảo sát địa chất ở một vài nơi trong số này—đặc biệt, hay đáng chú ý, ở Bimini và trong Dòng Vịnh Gulf Stream qua vùng lân cận này, thì những điều ấy thậm chí nay vẫn có thể xác định.

Vậy, đặc điểm của dân chúng là gì? Để đưa ra bất kỳ khái niệm đúng đắn nào, chúng ta có thể theo dõi chuỗi của một nhóm, hay một tuyến cá nhân, xuyên suốt thời tồn tại của lục địa này—và rút ra từ đó đôi điều về đặc chất, diện mạo, và sự phát triển tinh thần cùng thể chất của họ.

Vào thời kỳ ấy—vài trăm, chừng chín mươi tám ngàn năm trước khi Ram vào Ấn Độ—đã sống trên đất Atlantis một người tên Amilius [?], người đầu tiên đã *lưu ý* đến việc phân ly của các sinh thể cư trú phần ấy của khối cầu hay cõi địa cầu thành nam và nữ như những đơn thể, hay cá thể, tách biệt. Về hình dạng theo nghĩa thể chất, chúng *đúng ra* thuộc loại

As to their forms in the physical sense, these were much *rather* of the nature of *thought forms*, or able to push out *of themselves* in that direction in which its development took shape in thought—much in the way and manner as the amoeba would in the waters of a stagnant bay, or lake, in the present. As these took form, by the gratifying of their own desire for that as builded or added to the material conditions, they became hardened or set—much in the form of the existent human body of the day, with that of color as partook of its surroundings much in the manner as the chameleon in the present. Hence coming into that form as the red, or the mixture peoples—or colors; known then later by the associations as the *red* race. These, then, able to use *in* their gradual development all the forces as were manifest in their individual surroundings, passing through those periods of developments as has been followed more closely in that of the yellow, the black, or the white races, in other portions of the world; yet with their immediate surroundings, with the facilities for the developments, these became much speedier in this particular portion of the globe than in others—and while the destruction of this continent and the peoples are far beyond any of that as has been kept as an absolute record, that record in the rocks still remains—as has that influence *of* those peoples in that life of those peoples to whom those that did escape during the periods of destruction make or influence the lives of those peoples *to* whom they came. As they *may* in the present, either through the direct influence of being regenerated, or reincarnated into the earth, or through that of the *mental* application on through the influences as may be had upon thought *of* individuals or groups by speaking from that environ...

To be continued.

[Background: Reading given on the topic of

Hình tư tưởng, hay có khả năng đẩy *tự thân* ra theo hướng mà sự phát triển của nó kết hình trong tư tưởng—rất giống cách thức của con a-míp trong làn nước của một vịnh hay hồ tù đọng trong hiện tại. Khi các hình dạng này hình thành, nhờ thỏa mãn dục vọng riêng của họ đối với những gì đã xây đắp hoặc gia thêm vào điều kiện vật chất, chúng trở nên cứng đặc hay cố định—rất giống hình hài con người hiện nay, với sắc màu tùy phần chịu ảnh hưởng môi trường chung quanh, rất giống con tắc kè hiện tại. Thế rồi đi vào hình dạng như dân *đỏ*, hay dân pha trộn—hoặc các sắc màu; về sau được biết theo sự liên hệ là chủng tộc *đỏ*. Những người này, rồi, trong sự phát triển dần dần của họ có khả năng sử dụng *trong* mọi lực đang biểu lộ nơi môi trường riêng, trải qua những thời kỳ phát triển như đã được theo dõi sát hơn nơi các chủng tộc vàng, đen, hay trắng ở các phần khác của thế giới; tuy vậy, với môi trường tức thời, với những thuận lợi cho phát triển, họ trở nên tiến nhanh hơn rất nhiều trong phần đặc thù này của địa cầu so với những nơi khác—và dù sự hủy diệt của lục địa và dân cư này vượt xa bất kỳ điều gì đã được giữ lại như một biên niên tuyệt đối, thì biên niên ấy nơi các tảng đá vẫn còn đó—cũng như ảnh hưởng *của* những dân ấy trong đời sống của các dân mà những người đã thoát được trong các thời kỳ hủy diệt đã tạo nên hay gây ảnh hưởng lên đời sống của các dân *đến* với họ. Như họ *có thể* làm trong hiện tại, hoặc qua ảnh hưởng trực tiếp bằng việc tái sinh, hay tái nhập thể vào địa cầu, hoặc qua sự áp dụng *trí tuệ* xuyên qua các ảnh hưởng có thể có lên tư tưởng *của* các cá nhân hay nhóm bằng việc cất tiếng từ môi trường ấy...

Còn tiếp.

[Bối cảnh: Buổi đọc được đưa ra về chủ đề

Atlantis.]

Reading 364-4; February 16, 1932

Yes, we have the subject here, The Lost Continent of Atlantis.

As the peoples were a peaceful peoples, their developments took on rather that form—with the developing into the physical material bodies—of the fast development, or to the using of the elements about them to their own use; recognizing themselves to be a part of that about them. Hence, as to the supplying of that as necessary to sustain physical life as known today, in apparel, or supplying of the bodily needs, these were supplied through the natural elements; and the *developments* came rather in the forms—as would be termed in the *present* day—of preparing for those things that would pertain to what would be termed the aerial age, or the electrical age, and supplying then the modes and manners of transposition of those materials about same that did not pertain to themselves bodily; for of themselves was transposed, rather by that ability lying within each to be transposed in thought as in body.

In these things, then, did Amilius [?] see the beginning of, and the abilities of, those of his own age, era, or period, not only able to build that as able to transpose or build up the elements about them but to transpose them bodily from one portion of the universe to the other, *through* the uses of not only those *recently* re-discovered gases, and those of the electrical and aeriatic formations—in the breaking up of the atomic forces to produce impelling force to those means and modes of transposition, or of travel, or of lifting large weights, or of changing the faces or forces of nature itself, but with these transpositions, with these changes that came in as personalities, we find these as the Sons of the Creative Force as manifest in their

Atlantis.]

Buổi đọc 364-4; 16 tháng 2, 1932

Vâng, chúng tôi có chủ đề ở đây, Lục Địa Đã Mất Atlantis.

Vì dân chúng vốn là những người hòa bình, nên sự phát triển của họ mang hình thức—khi đang phát triển vào các thể vật chất—của sự phát triển nhanh, hoặc hướng đến việc sử dụng các nguyên tố chung quanh vào lợi ích riêng; nhận biết mình là một phần của những gì quanh mình. Do đó, về việc cung ứng điều cần thiết để duy trì sự sống thể chất như nay đã biết, từ y phục, hay cung ứng các nhu cầu của thân thể, những điều này được đáp ứng qua các yếu tố tự nhiên; và các *phát triển* lại đến dưới các dạng—mà trong *hiện tại* sẽ gọi—là sự chuẩn bị cho những điều thuộc thời đại hàng không, hay thời đại điện năng, và do đó cung ứng các phương thức cùng cách thức chuyển vận những vật liệu chung quanh mà không thuộc về chính thân thể họ; vì tự thân họ được chuyển vận, đúng hơn là nhờ năng lực nằm trong mỗi người để được chuyển vận trong tư tưởng như trong thân thể.

Trong những điều này, Amilius [?] thấy điểm khởi đầu và khả năng của những người cùng thời, cùng kỷ, hay cùng thời kỳ của mình, không chỉ có thể xây dựng những gì có thể chuyển vận hay kết cấu nên các nguyên tố quanh họ mà còn chuyển vận chính thân thể họ từ phần này của vũ trụ sang phần kia, *thông qua* việc sử dụng không chỉ những khí thể *mới* được tái phát hiện, và những cấu thể điện và hàng không—trong việc phân rã các lực nguyên tử để tạo lực đẩy cho những phương tiện và cách thức di chuyển, hay du hành, hay nâng nhắc trọng tải lớn, hay biến đổi bộ mặt hay lực của tự nhiên, mà với những sự chuyển vận ấy, với những thay đổi trở vào như những phạm ngã, chúng ta thấy những Con của Mạnh Lực Sáng Tạo, như

experience looking upon those changed forms, or the daughters of men, and there crept in those pollutions, of polluting themselves with those mixtures that brought contempt, hatred, bloodshed, and those that build for desires of self *without* respects of *others'* freedom, others' wishes—and there began, then, in the latter portion of this period of development, that that brought about those of dissenting and divisions among the peoples in the lands. With the attempts of those still in power, through those lineages of the pure, that had kept themselves intact as of the abilities of forces as were manifest *in* their activities, these *builded* rather those things that *attempted* to draw *back* those peoples; through first the various changes or seasons that came about, and in the latter portion of the experience of Amilius [?] was the first establishing of the altars upon which the sacrifices of the field and the forest, and those that were of that that *satisfied* the desires of the physical body, were builded.

Then, with the coming in or the raising up of Esai [?], with the change that had come about, began in that period when there were the invasions of this continent by those of the animal kingdoms, that brought about that meeting of the nations of the globe to *prepare* a way and manner of disposing of, else they be disposed of themselves by these forces. With this coming in, there came then the first of the destructive forces as could be set and then be meted out in its force or power. Hence that as is termed, or its first beginning of, *explosives* that might be carried about, came with this reign, or this period, when *man*—or *men*, then—began to cope with those of the beast form that *overran* the earth in many places. Then, with these destructive forces, we find the first turning of the altar fires into that of sacrifice of those that were taken in the various ways, and human sacrifice began. With this also came the first egress of peoples to that of the

được biểu lộ trong kinh nghiệm của họ, nhìn vào những hình tượng đã đổi thay, hay các con gái của loài người, và đã len vào những ô uế, sự tự ô nhiễm mình bởi những pha trộn dẫn đến khinh khi, thù hận, đổ máu, và những điều nuôi dưỡng dục vọng vị kỷ *không* tôn trọng tự do của *kẻ khác*, ước muốn của người khác—và rồi bắt đầu, trong phần sau của thời kỳ phát triển này, những điều gây ra bất hòa và phân hóa giữa các dân trong vùng đất. Với nỗ lực của những người còn trong quyền bính, qua những dòng dõi thuần chủng, những người đã giữ mình nguyên vẹn như là sở hữu các năng lực biểu lộ *trong* hoạt động của họ, những người này *xây đắp* đúng hơn là những điều *cố gắng* kéo *trở lại* những dân chúng kia; trước hết thông qua các biến đổi hay các mùa đã diễn ra, và trong phần sau của kinh nghiệm của Amilius [?] là sự thiết lập đầu tiên các bàn thờ, trên đó dâng hiến sản vật đồng ruộng và của rừng, và những thứ làm *thoả mãn* các dục vọng của thân xác, được dựng lập.

Rồi, với việc xuất hiện hay sự trỗi dậy của Esai [?], cùng những biến đổi đã xảy ra, bắt đầu vào thời kỳ có những cuộc xâm lấn lục địa này bởi những loài thuộc giới động vật, điều ấy dẫn tới cuộc hội tụ của các quốc gia khắp địa cầu để *chuẩn bị* một phương cách và cách thức nhằm diệt trừ, bằng không thì chính họ sẽ bị những lực ấy tiêu diệt. Cùng với sự xuất hiện này, đã đến những lực hủy diệt đầu tiên có thể được thiết đặt và rồi được phân bổ theo lực hay quyền năng của nó. Do đó điều mà người ta gọi, hay điều khởi thủy của, *các chất nổ* có thể mang đi nơi nơi, đã đến với thời kỳ này, hay triều đại này, khi *con người*—hay *nhân loại*—bắt đầu đối phó với những hình thái thú vật đã *tràn ngập* địa cầu ở nhiều nơi. Rồi, với những lực hủy diệt này, chúng ta thấy sự chuyển hướng đầu tiên của lửa nơi bàn thờ sang việc tế hiến những kẻ bị bắt theo nhiều cách khác nhau, và tế người đã khởi sự. Cùng với đó cũng là đợt xuất cư đầu tiên của dân chúng đến vùng Pyrenees

Pyrenees first, of which later we find that peoples who enter into the black or the mixed peoples, in what later became the Egyptian dynasty. We also find that entering into Og, or those peoples that later became the beginning of the Inca, or Ohum [Aymara?], that builded the walls across the mountains in this period, through those same usages of that as had been taken on by those peoples; and with the same, those that made for that in the other land, became first those of the mound dwellers, or peoples in that land. With the continued disregard of those that were keeping the pure race and the pure peoples, of those that were to bring all these laws as applicable to the Sons of God, man brought in the destructive forces as used for the peoples that were to be the rule, that combined with those natural resources of the gases, of the electrical forces, made in nature and natural form the first of the eruptions that awoke from the depth of the slow cooling earth, and that portion now near what would be termed the Sargasso Sea first went into the depths. With this there again came that egress of peoples that aided, or attempted to assume control, yet carrying with them *all* those forms of Amilius [?] that he gained through that as for signs, for seasons, for days, for years. Hence we find in those various portions of the world even in the present day, some form of that as was presented by those peoples in *that great development* in this, the Eden of the world...

Ready for questions.

(Q) *Please give a description of the earth's surface as it existed at the time of Atlantis' highest civilization, using the names of continents, oceans and sections of same as we know them today?*

(A) As to the highest point of civilization, this would first have to be determined according to the standard as to which it would be judged—as to whether the highest

trước tiên, mà về sau chúng ta thấy dân ấy hòa nhập vào chủng đen hay dân pha trộn, trong điều mà về sau thành các triều đại Ai Cập. Chúng ta cũng thấy những người tiến vào Og, hay dân mà về sau trở thành khởi nguyên của Inca, hay Ohum [Aymara?], dân đã xây tường nối qua các dãy núi vào thời kỳ này, nhờ các cách thức giống như những gì dân ấy đã tiếp thu; và cùng với đó, những người tạo nên điều ở vùng đất kia, trước hết trở thành dân cư sống gò, hay dân cư vùng ấy. Với sự tiếp diễn của việc xem nhẹ những người giữ gìn chủng thuần khiết và dân thuần khiết, những người sẽ đem các luật lệ này áp dụng cho Các Con của Thượng đế, con người đã đưa vào việc dùng các lực hủy diệt cho dân chúng, để trở thành luật lệ cai trị, điều ấy kết hợp với các tài nguyên tự nhiên của các khí thể, của các lực điện, đã làm phát sinh trong tự nhiên và dưới thể tự nhiên những trận phun trào đầu tiên thức dậy từ độ sâu của quả địa cầu đang nguội dần, và phần nay gần nơi điều mà người ta sẽ gọi là Biển Sargasso là phần đầu tiên chìm vào vực sâu. Cùng với điều này lại có đợt xuất cư của những dân đã trợ lực, hay cố gắng nắm quyền kiểm soát, tuy vậy vẫn mang theo mình *tất cả* các hình thức của Amilius [?] mà người ấy đã thu thập qua đó—như để tính dấu hiệu, tính mùa, tính ngày, tính năm. Do đó chúng ta thấy ở nhiều phần khác nhau của thế giới, ngay cả trong ngày nay, vẫn còn một số hình thức của điều đã được trình bày bởi dân chúng ấy trong *cuộc phát triển* vĩ đại này tại đây, vườn Địa đàng của thế giới...

Sẵn sàng cho câu hỏi.

(Q) *Xin vui lòng miêu tả bề mặt địa cầu như nó hiện hữu vào thời kỳ nền văn minh cao nhất của Atlantis, sử dụng tên các lục địa, đại dương và các phần của chúng như chúng ta biết hôm nay?*

(A) Về mức độ văn minh cao nhất, trước tiên cần xác định theo tiêu chuẩn nào để phán xét—rằng đỉnh cao là khi Amilius [?] trị vì với những thấu hiểu, như người đã thấu hiểu các

point was when Amilius [?] ruled with those understandings, as the one that understood the variations, or whether they became man made, would depend upon whether we are viewing from a spiritual standpoint or upon that as a purely material or commercial standpoint; for the variations, as we find, extend over a period of some two hundred thousand years (200,000)—that is, as light years—as known in the present—and that there were *many* changes in the surface of what is now called the earth. In the first, or greater portion, we find that *now* known as the southern portions of South America and the Arctic or North Arctic regions, while those in what is *now* as Siberia—or that as of Hudson Bay—was rather in that region of the tropics, or that position now occupied by near what would be as the same *line* would run, of the southern Pacific, or central Pacific regions—and about the same way. Then we find, with this change that came first in that portion, when the first of those peoples used that as prepared *for* the changes in the earth, we stood near the same position as the earth occupies in the present—as to Capricorn, or the equator, or the poles. Then, with that portion, *then* the South Pacific, or Lemuria [?], began its disappearance—even before Atlantis, for the changes were brought about in the latter portion of that period, or what would be termed ten thousand seven hundred (10,700) light years, or earth years, or present setting of those, as set by Amilius [?]*—or Adam.*

We are through for the present.

[Background: Reading given on the topic of Atlantis.]

Reading 364-6; February 17, 1932

GC: You will have before you the material and information given through this channel on the lost continent of Atlantis, a copy of which I hold in my hand. You will answer

biển thiên, hay khi chúng trở thành do con người tạo lập, sẽ tùy thuộc vào việc chúng ta đang quan sát từ lập trường tinh thần hay thuần túy vật chất hoặc thương mại; vì các biến thiên, như chúng ta thấy, trải dài qua một thời kỳ khoảng hai trăm ngàn năm (200,000)—tức là, như những năm ánh sáng—như được biết hiện nay—và đã có *rất nhiều* biến đổi trên bề mặt điều mà nay gọi là địa cầu. Ở phần thứ nhất, hay phần lớn hơn, chúng ta thấy phần *nay* gọi là miền nam Nam Mỹ và vùng Bắc Cực hay Cực Bắc, trong khi vùng nay là *Siberia*—hoặc như vùng Vịnh Hudson—lại là vùng nhiệt đới, hay vị trí nay gần như đường vĩ độ sẽ chạy, thuộc Thái Bình Dương phía nam, hay trung tâm Thái Bình Dương—và tương tự như thế. Rồi chúng ta thấy, với biến đổi đến trước tiên ở phần ấy, khi những dân đầu tiên sử dụng những gì đã được chuẩn bị *cho* các biến đổi nơi địa cầu, chúng ta đứng gần cùng vị trí như địa cầu chiếm giữ trong hiện tại—về Nam Dương, hay xích đạo, hay các cực. Rồi, với phần ấy, *khi ấy* Nam Thái Bình Dương, hay Lemuria [?], bắt đầu biến mất—thậm chí trước Atlantis, vì những biến đổi đã diễn ra trong phần sau của thời kỳ ấy, hay điều mà sẽ gọi là mười ngàn bảy trăm (10,700) năm ánh sáng, hay năm địa cầu, hay cách ấn định hiện nay, như được ấn định bởi Amilius [?]*—hay Adam.*

Chúng tôi tạm xong cho hiện tại.

[Bối cảnh: Buổi đọc được đưa ra về chủ đề Atlantis.]

Buổi đọc 364-6; 17 tháng 2, 1932

GC: Ông sẽ có trước mặt mình tài liệu và thông tin được đưa qua kênh này về lục địa đã mất Atlantis, mà tôi đang cầm một bản sao trong tay. Ông sẽ trả lời những câu hỏi

the questions which I will ask regarding this:

EC: Yes, we have the information as written here, as given. In following out that as just given, with these changes coming in the experience of Amilius [?] and I [Ai? Ay?], Adam and Eve, the knowledge of their position, or that as is known in the material world today as desires and physical bodily charms, the understanding of sex, sex relationships, came into the experience. With these came the natural fear of that as had been forbidden, that they know themselves to be a part of but not *of* that as partook of *earthly*, or the desires in the manner as were *about* them, in that as had been their heritage.

Were this turned to that period when this desire, then, becomes consecrated in that accomplished again in the virgin body of the mother of the *Son* of man, we see this is then crystallized into that, that even that of the flesh may be—with the proper concept, proper desire in all its purity—consecrated to the *living* forces as manifest by the ability in that body so brought into being, as to make a way of escape for the *erring* man. Hence we have found throughout the ages, so oft the times when conception of truth became rampant with free-love, with the desecration of those things that brought to these in the beginning that of the *knowledge* of their existence, as to that that may be termed—and betimes became—the *more*, or morality *of* a people. Yet this same feeling, this same exaltation that comes from association of kindred bodies—that have their lives consecrated in a purposefulness, that makes for the ability of retaining those of the essence of creation in every virile body—can be made to become the fires that light truth, love, hope, patience, peace, harmony; for the are *ever* the key to those influences that fire the imaginations of those that are gifted in *any* form of depicting the high emotions of human experience, whether it be in the one or the other fields, and hence is

mà tôi sẽ hỏi về điều này:

EC: Vâng, chúng tôi có thông tin như được chép ở đây, như đã cho. Theo dõi điều vừa được nêu, với những biến đổi đi vào kinh nghiệm của Amilius [?] và I [Ai? Ay?], Adam và Eve, sự hiểu biết về vị trí của họ, hay điều nay được biết trong thế giới vật chất như những dục vọng và vẻ quyến rũ của thân xác, sự thấu hiểu về tính, các mối liên hệ tính, đã đi vào kinh nghiệm. Cùng với những điều này là nỗi sợ tự nhiên về điều từng bị cấm, rằng họ biết mình thuộc về một phần nhưng không phải *của* điều mang tính *trần tục*, hay các dục vọng theo cách thức *chung* quanh họ, như điều từng là gia sản của họ.

Nếu điều này được chuyển hướng về thời kỳ khi dục vọng ấy, rồi, được thánh hiến trong điều hoàn tất lại trong thân đồng trinh của mẹ của *Con* người, chúng ta thấy điều này được kết tinh vào chỗ mà ngay cả thể xác cũng có thể—with quan niệm đúng đắn, dục vọng đúng đắn trong tất cả sự tinh tuyền—được thánh hiến cho các lực *sống động* như được biểu lộ bởi năng lực nơi thân thể được đưa vào hiện hữu như vậy, hầu mở một lối thoát cho người *lầm lỗi*. Do đó chúng ta thấy suốt các thời đại, biết bao lần khi hoài thai chân lý bùng phát cùng ái tình tự do, cùng sự báng bổ những điều đã đem lại cho những người ấy thuở ban đầu *tri thức* về sự hiện hữu của họ, về điều có thể gọi—và đôi lúc trở thành—điều *hơn*, hay đức hạnh *của* một dân tộc. Tuy vậy cùng cảm thức ấy, cùng sự hân exalt ấy xuất phát từ sự giao hòa các thân đồng loại—những thân đã thánh hiến đời mình trong một mục đích lớn lao, khiến có khả năng lưu giữ những yếu tính sáng tạo nơi mọi thân thể sung mãn—có thể được hóa thành lửa thấp sáng chân lý, tình thương, hy vọng, nhẫn nại, bình an, hòa điệu; vì chúng *luôn luôn* là chìa khóa cho những ảnh hưởng thấp bùng trí tưởng tượng của những người được thiên phú trong *bất kỳ* hình thức nào của việc diễn tả những cảm xúc cao cả của kinh nghiệm nhân sinh, bất kể thuộc lĩnh

judged by those that may not be able, or through desire submit themselves—as did Amilius [?] and I [?] to those *elements*, through the forces in the life as about them.

Ready for questions.

(Q) *Who was [I]? [Ai? Ay?] [GD's note: "I" or "Ai" [or whatever spelling] we understood to be a proper name and not the pronoun I.]*

(A) It's been given!

(Q) *In relation to the history of Atlantis as presented, at what period did the flood as recorded in the Bible in which Noah took part, occur?*

(A) In the second of the eruptions, or—as is seen—two *thousand*—two-two thousand and six [22,006?]*—before the Prince of Peace, as time is counted now, or light years—day and night years. Not light years as the akashic records, or as the esoteric records, or as counted by astrology or astronomy, in the speed or the reflection of a ray of light; for, as records are made, the akashic records are as these: Activity of any nature, as of the voice, as of a light made, produced in the natural forces those of a motion—which pass on, or are upon, the record of that as time...*

(Q) *How large was Atlantis during the time of Amilius?*

(A) Comparison, that of Europe including Asia in Europe—not Asia, but Asia in Europe—see? This composed, as seen, in or after the first of the destructions, that which would be termed now—with the present position—the southernmost portion of same—*islands as created by those of the first (as man would call) volcanic or eruptive forces brought into play in the destruction of same.*

vực này hay lĩnh vực kia, và vì vậy bị phán xét bởi những người có thể không thể, hoặc do dự vọng mà quy phục mình—như Amilius [?] và I [?] đã làm—cho những yếu thể ấy, qua các lực trong đời sống quanh họ.

Sẵn sàng cho câu hỏi.

(Q) *[I] là ai? [Ai? Ay?] [Ghi chú của GD: "I" hay "Ai" [hoặc bất kỳ cách đánh vần nào] chúng tôi hiểu là một danh xưng riêng chứ không phải đại từ tôi.]*

(A) Đã được cho rồi!

(Q) *Liên quan đến lịch sử Atlantis như đã trình bày, trận hồng thủy được chép trong Kinh Thánh mà Noah tham dự xảy ra vào thời kỳ nào?*

(A) Ở lần phun trào thứ hai, hay—như thấy—*hai nghìn—hai-hai nghìn và sáu [22,006?]*—trước Vị Vương của Hòa Bình, theo cách đếm thời nay, hay theo năm ánh sáng—năm ngày—đêm. Không phải năm ánh sáng như trong hồ sơ akashic, hay như trong hồ sơ huyền bí, hay như cách đếm của chiêm tinh học hoặc thiên văn học, theo tốc độ hay phản xạ của một tia sáng; vì, như các hồ sơ được lập, hồ sơ akashic là như vậy: Mọi hoạt động bất kỳ, như của tiếng nói, như của một ánh sáng được tạo ra, sản sinh trong các lực tự nhiên những chuyển động—chúng tiếp diễn, hay nằm trong hồ sơ của điều gọi là thời gian...**

(Q) *Atlantis lớn đến mức nào vào thời của Amilius?*

(A) So sánh, như châu Âu gồm cả phần châu Á thuộc châu Âu—không phải toàn châu Á, mà phần châu Á thuộc châu Âu—thấy chứ? Điều này cấu thành, như thấy, trong hay sau lần hủy diệt đầu tiên, cái mà nay sẽ được gọi—theo vị trí hiện tại—là phần cực nam của nó—những hòn đảo được tạo bởi những (như con người sẽ gọi) lực núi lửa hay lực phun trào đầu tiên được đưa vào vận hành trong sự hủy diệt của nó.

(Q) *Was Atlantis one large continent, or a group of large islands?*

(A) Would it not be well to read just that given? Why confuse in the questionings? As has been given, what would be considered one large continent, until the first eruptions brought those changes—from what would now, with the present position of the earth in its rotation, or movements about its sun, through space, about Arcturus, about the Pleiades, that of a whole or one continent. Then with the breaking up, producing more of the nature of large islands, with the intervening canals or ravines, gulfs, bays or streams, as came from the various *elemental* forces that were set in motion by this *charging*—as it were—of the forces that were collected as the basis for those elements that would produce destructive forces, as might be placed in various quarters or gathering places of those beasts, or the periods when the larger animals roved the earth—with that period of man's indwelling. Let it be remembered, or not confused, that the *earth* was peopled by *animals* before peopled by man...

(Q) *What were the principal islands called at the time of the final destruction?*

(A) Poseidia and Aryan [?], and Og [?].

[Background: Study group reading in which Hugh Lynn Cayce asked about the Great Congress that had once convened during the period of Atlantis to deal with the aggressive animal problem that had once threatened humankind.]

Reading 262-39; February 21, 1933

HLC: Please advise me regarding the preparation and presentation of the article or story which I am preparing on the Great Congress held during the age of the destruction of the enormous animals that

(Q) *Atlantis là một lục địa lớn duy nhất, hay một nhóm các đảo lớn?*

(A) Chẳng phải nên đọc đúng điều vừa được cho sao? Sao lại gây lẫn lộn bằng các câu hỏi? Như đã được nói, điều mà sẽ được xem là một lục địa lớn duy nhất, cho đến khi những phun trào đầu tiên mang đến những biến đổi—từ điều mà nay, với vị trí hiện tại của địa cầu trong vòng tự quay của nó, hay chuyển động quanh mặt trời của nó, qua không gian, quanh Arcturus, quanh Pleiades, là một tổng thể hay một lục địa đơn nhất. Rồi khi bị bể gãy, sản sinh hình thái giống các đảo lớn, với những kênh đào xen giữa hay khe vực, vịnh, vũng hay dòng chảy, như nảy sinh từ các *hành khí* khác nhau được đưa vào chuyển động bởi sự *tích điện*—như thế—cho các lực được tập hợp làm nền tảng cho những yếu tố sẽ tạo ra các lực hủy diệt, như có thể được đặt ở các phương vị khác nhau hay những nơi tụ hội của các thú dữ, hoặc vào những thời kỳ khi các loài thú lớn đi lang thang trên địa cầu—cùng với thời kỳ con người cư trú. Hãy nhớ, và đừng lẫn lộn, rằng *địa cầu* đã có *động vật* cư trú trước khi có loài người...

(Q) *Những hòn đảo chính vào thời kỳ hủy diệt cuối cùng được gọi là gì?*

(A) Poseidia và Arya [?], và Og [?].

[Bối cảnh: Buổi đọc nhóm học tập trong đó Hugh Lynn Cayce hỏi về Đại Hội đã từng triệu tập trong thời Atlantis để giải quyết vấn nạn thú dữ hung hãn từng đe dọa loài người.]

Buổi đọc 262-39; 21 tháng 2, 1933

HLC: Xin vui lòng chỉ dẫn tôi về việc chuẩn bị và trình bày bài báo hay câu chuyện mà tôi đang soạn về Đại Hội được tổ chức trong thời kỳ hủy diệt của những loài thú khổng lồ từng lang thang trên địa cầu. [Xem 364-4.]

once roamed the earth. [See 364-4.]

(A) In the period when this became necessary, there was the consciousness raised in the minds of the groups, in various portions of the earth, much in the manner as would be illustrated by an all-world-broadcast in the present day of a menace in any one particular point, or in many particular points. And the gathering of those that heeded, as would be the scientific minds of the present day, in devising ways and means of doing away with that particular kind or class of menace.

As to the manner in which these gathered, it was very much as would be were the Graf [Graf Zeppelin?] to start to the various portions for those that represented, or were to gather those that were to counsel, or were to cooperate in that effort. And, as this, then, was in that particular plane or sphere that then was in the land which has long since lost its identity, except in the inner thought or visions of those that have returned or are returning in the present sphere, the ways and means devised were as those that would alter or change the *environs* for which those beasts were needed, or that necessary for their sustenance in the particular portions of the sphere, or earth, that they occupied at the time. And this was administered much in the same way or manner as were there sent out from various central plants that which is termed in the present the Death Ray, or the super-cosmic ray, that which many are seeking into which will give their lives much, from the stratosphere, or cosmic rays, that will be found in the next twenty-five years. This presented, then, in such a manner, and drawing upon the varied conditions that existed in the various portions of the land then occupied by man.

(Q) *What was the date B.C. of this gathering?*

(A) 50,722.

(Q) *Were there any outstanding methods of*

(A) Vào thời kỳ điều này trở nên cần thiết, ý thức đã được khơi dậy trong tâm trí các nhóm, ở nhiều phần khác nhau của địa cầu, rất giống như điều sẽ được minh họa bởi một chương trình phát thanh toàn cầu trong hiện tại về một mối đe dọa ở bất kỳ điểm riêng biệt nào, hay ở nhiều điểm riêng biệt. Và sự tụ họp của những người lắng nghe, như sẽ là những trí óc khoa học của ngày nay, trong việc nghĩ ra các phương cách và phương tiện để loại trừ kiểu hay hạng đe dọa đặc biệt ấy.

Về cách thức họ tụ họp, điều đó rất giống như thể chiếc Graf [Graf Zeppelin?] khởi hành đến các nơi khác nhau để đón những người đại diện, hay để triệu tập những người sẽ tham nghị, hay sẽ hợp tác trong nỗ lực ấy. Và, vì đây là trong cõi hay tầng mà khi ấy đặt tại vùng đất đã từ lâu mất dấu, ngoại trừ trong nội tâm hay các thị kiến của những ai đã trở lại hay đang trở lại trong cõi hiện tại, thì các phương cách và phương tiện được nghĩ ra là những điều sẽ biến đổi hay thay đổi *môi trường* cho phù hợp với nhu cầu của các thú ấy, hay điều cần cho sự sinh tồn của chúng nơi những phần đặc thù của khối cầu, hay địa cầu, mà chúng chiếm giữ vào lúc ấy. Và điều này được thực thi rất giống như cách thức có những trạm trung ương khác nhau phóng phát cái mà ngày nay được gọi là Tia Chết, hoặc siêu-tia vũ trụ, điều mà nhiều người đang tìm tòi và sẽ dâng hiến nhiều năm tháng đời mình, từ tầng bình lưu, hay các tia vũ trụ, thứ sẽ được phát hiện trong hai mươi lăm năm tới. Điều này được trình bày như thế, và rút trên các điều kiện đa dạng hiện hữu nơi nhiều phần khác nhau của vùng đất khi ấy do con người cư trú.

(Q) *Niên đại TCN của cuộc tụ họp này là gì?*

(A) 50,722.

(Q) *Có phương pháp hủy diệt nổi bật nào được*

destruction developed which I have not mentioned?

(A) Draw on these that we have given here.

(Q) *Were any countries represented which I have not named?*

(A) Og.

(Q) *Who was the general leader for this congress?*

(A) One with the nomenclature Tim.

(Q) *Of what land or country?*

(A) Poseidia, from Atlantis.

[Background: Reading given to a twenty-four-year-old male who was told that he had once had a lifetime during the animal crisis that had brought much of the civilized world together.]

Reading 5249-1; June 12, 1944

As to the experiences, in the Atlantean land the entity was the time-keeper for those who were called things, or the servants, or the workers of the peoples and the entity felt latent and manifest, as in the present, the wanting to reform, to change things, so that every individual soul had the right to freedom of speech, freedom of thought, freedom of activity. For to the entity, even in those periods of man's unfoldment (for this was before Adam), the entity found during its activities the desire to improve, to make better those environs for the workers of that period. That alone brought into the entity's consciousness man's position, the need of a pattern. And the entity saw, the entity felt the need of God's hand in what evil, or Satan, had brought in the earth. Don't forget that! Whatever may be thy position in this present experience!

phát triển mà tôi chưa nêu không?

(A) Hãy khai thác những điều chúng tôi đã nêu ở đây.

(Q) *Có quốc gia nào tham dự mà tôi chưa nêu tên không?*

(A) Og.

(Q) *Ai là lãnh đạo chung của Đại Hội này?*

(A) Một người có danh xưng Tim.

(Q) *Thuộc vùng đất hay quốc gia nào?*

(A) Poseidia, từ Atlantis.

[Bối cảnh: Buổi đọc đưa cho một nam giới 24 tuổi, người được cho biết rằng y đã từng có một kiếp sống vào thời kỳ khủng hoảng thứ đã quy tụ phần lớn thế giới văn minh.]

Buổi đọc 5249-1; 12 tháng 6, 1944

Về các kinh nghiệm, ở đất Atlantean thực thể là người giữ thời gian cho những người được gọi là các vật, hay các người hầu, hay công nhân của dân chúng, và thực thể cảm thấy tiềm ẩn và hiển lộ, như trong hiện tại, ý muốn cải cách, muốn thay đổi sự đời, để mọi linh hồn cá nhân có quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do hoạt động. Vì với thực thể, ngay cả trong những thời kỳ khai mở của con người (vì đây là trước Adam), thực thể đã nhận ra trong các hoạt động của mình ước vọng cải thiện, làm tốt hơn các môi trường cho giới công nhân thời ấy. Chính điều đó đã đem vào tâm thức của thực thể vị thế của con người, nhu cầu về một khuôn mẫu. Và thực thể đã thấy, đã cảm nhu cầu về bàn tay của Thượng đế trước những gì sự ác, hay Satan, đã mang vào địa cầu. Đừng quên điều đó! Dù vị thế của người trong kinh nghiệm hiện tại là gì!

Through the experience the entity gained.

In the experience which followed this, we find the entity was in the Indian land or in those periods of Saad as the leader, the ruler. The entity was then what would be called the secretary of state, or in the inner group of the leader Saad, that made for contacts or associations with or agreements with other lands.

The entity then was among those who were of that group who gathered to rid the earth of the enormous animals which overran the earth, but ice, the entity found, nature, God, changed the poles and the animals were destroyed, though man attempted it in that activity of the meetings.

[Background: Reading given to a thirty-six-year-old male who was told that he had once had a lifetime during the period of the destruction of Atlantis; although he was not in Atlantis.]

Reading 182-2; April 9, 1925

In the one before this we find in that day when there was the destruction to the elements of earth [Atlantis?], then in now the *Peruvian* countries, when the lands disappeared in the low places and the entity was left alone in the higher mound to which the entity had then gone for its study. In the name then of Oumu. In the personality exhibited in the present, the ever fear in the deep recesses of self of destruction coming to many suddenly.

[Background: Reading given to a forty-eight-year-old female who was told that she had once had a lifetime in Atlantis during the period of its destruction.]

Reading 1257-1; August 28, 1936

Qua kinh nghiệm ấy thực thể đã gạt hái.

Trong kinh nghiệm tiếp theo đó, chúng tôi thấy thực thể ở đất Ấn hay trong những thời kỳ của Saad với tư cách lãnh đạo, người cầm quyền. Lúc ấy thực thể là điều nay sẽ gọi là ngoại trưởng, hay thuộc nhóm nội bộ của nhà lãnh đạo Saad, người đã kiến lập những tiếp xúc hay liên kết hoặc giao ước với các vùng đất khác.

Khi ấy thực thể thuộc nhóm những người đã tụ hội để giải trừ địa cầu khỏi những giống thú khổng lồ từng tràn ngập địa cầu, nhưng băng giá, thực thể nhận ra, thiên nhiên, Thượng đế, đã đối trực và các loài thú bị hủy diệt, dù con người đã toan thực hiện điều ấy trong hoạt động của các cuộc hội họp.

[Bối cảnh: Buổi đọc đưa cho một nam giới 36 tuổi, người được cho biết rằng y đã từng có một kiếp sống vào thời kỳ hủy diệt Atlantis; dù y không ở Atlantis.]

Buổi đọc 182-2; 9 tháng 4, 1925

Trong kiếp ngay trước đó chúng tôi thấy vào thời khi có sự hủy hoại đối với các yếu tố của địa cầu [Atlantis?], khi ấy ở các quốc gia *Peru* hiện nay, khi các vùng đất biến mất ở chỗ thấp và thực thể bị bỏ lại một mình trên gò cao mà thực thể khi ấy đã đến để học hỏi. Khi ấy danh là Oumu. Trong phạm ngã biểu hiện trong hiện tại, có nỗi sợ luôn luôn ở những hốc sâu thẳm của tự ngã về sự hủy diệt ập đến với nhiều người một cách đột ngột.

[Bối cảnh: Buổi đọc đưa cho một nữ giới 48 tuổi, người được cho biết rằng Bà đã từng có một kiếp sống ở Atlantis vào thời kỳ hủy diệt của nó.]

Buổi đọc 1257-1; 28 tháng 8, 1936

Before that we find the entity was in the Atlantean land, during those periods when there had been the first of the upheavals through the destructive forces that brought first a fear, a wonderment, and then the seeking for those things that would quiet not only for the material but for the mental and spiritual welfare of the peoples.

Hence the entity was among those that attempted to make for the better understandings in the classes or castes, or those that were the teachings [teachers?] and those that were of the peasantry—or those as laborers. This made for great hardships from material, yet brought into the experience of the entity during that sojourn the greater blessings and greater developments.

So may the activity in self in the present be in giving to others, and thus find the greater joy, the greater peace, in this experience.

The name then was Aammeen.

[Background: Reading given to a seventy-year-old female who was told that she had once had a lifetime in the Yucatan during the period of Atlantis' destruction.]

Reading 1604-1; June 2, 1938

Before that we find the entity was in the Yucatan or Mayan land, when there were those activities that destroyed the Atlantis land—or that portion of the Poseidian isle or city.

The entity was among those who journeyed to other lands, knowing much of the activities of the sons of Belial as well as the precautions and warnings that had been issued by the children of the Law of One.

Trước đó chúng tôi thấy thực thể ở đất Atlantean, trong những thời kỳ đã có những chấn động đầu tiên do các lực hủy diệt gây ra, điều đầu tiên mang đến sợ hãi, kinh ngạc, rồi là sự tìm cầu những điều có thể làm yên ổn không chỉ cho phúc lợi vật chất mà còn cho phúc lợi trí tuệ và tinh thần của dân chúng.

Vì vậy thực thể thuộc về những người đã cố gắng tạo dựng sự thấu hiểu tốt hơn giữa các giai tầng hay đẳng cấp, giữa những người thuộc giới *giáo huấn* [các thầy?] và những người thuộc về nông dân—hay những người lao động. Điều này gây ra nhiều khốn khó về vật chất, nhưng đem vào kinh nghiệm của thực thể trong kiếp du trú ấy những ơn phước lớn hơn và những phát triển lớn hơn.

Vậy nên hoạt động trong tự thân ở hiện tại hãy là hiến tặng cho người khác, và như thế sẽ tìm được niềm vui lớn hơn, bình an lớn hơn, trong kiếp này.

Danh xưng khi ấy là Aammeen.

[Bối cảnh: Buổi đọc đưa cho một nữ giới 70 tuổi, người được cho biết rằng Bà đã từng có một kiếp sống ở Yucatan vào thời kỳ hủy diệt Atlantis.]

Buổi đọc 1604-1; 2 tháng 6, 1938

Trước đó chúng tôi thấy thực thể ở đất Yucatan hay Maya, khi có những hoạt động đã hủy diệt đất Atlantis—hay phần đảo hoặc thành Poseidia.

Thực thể thuộc về những người đã hành trình đến các vùng khác, biết rõ nhiều về các hoạt động của những người con của Belial cũng như những biện phòng và cảnh báo đã được ban ra bởi những người con của Luật của Đấng Duy Nhất.

Hence we find the entity was among those who in the early portions of that material sojourn entered into the new buildings, the new activity that became destructive because of the influences from the land of Og and On, and the activities that arose in the western portion of that particular period of sojourn.

For there, during the entity's experience, was the upheaval which settled so much in portions of that now known as the southwestern U.S.A.

In the experiences then the entity rose to that position of the priestess of the sacrificial activity. Much blood flowed by the hand of the entity during that sojourn.

Yet these are influences and forces in the present in which there is the desire to bring greater understanding and ease, and the very lack of such in the experiences of those whom the entity may contact.

[Background: Reading given to an eighteen-year-old female who was told that she had once had a lifetime in Atlantis during its third and final destruction.]

Reading 288-1; November 23, 1923

In the one before this we find in that fair country of Alta, [according to the readings, Alta was a ruler, a scribe, just before the third destruction of Atlantis.] or Poseidia [GD's spelling based on Poseidon in Greek Mythology.] proper, when this entity was in that force that brought the highest civilization and knowledge that has been known to the earth's plane, and this entity was one of those who lent much assistance to the developing of those forces that made the common peoples that they became the assistance in the knowledge as obtained. Again we find the entity in that sex as given,

Vì vậy chúng tôi thấy thực thể thuộc về những người ở trong buổi đầu của kiếp lâm phạm vật chất ấy đã tham dự các công trình mới, các hoạt động mới về sau trở nên hủy diệt do các ảnh hưởng từ đất Og và On, và các hoạt động nổi lên ở phần tây của thời kỳ du trú đặc thù ấy.

Vì ở đó, trong kinh nghiệm của thực thể, đã có cuộc chấn động khiến rất nhiều vùng lún xuống ở những phần nay được biết là miền tây nam Hoa Kỳ.

Trong các kinh nghiệm ấy thực thể đã vươn lên địa vị nữ tư tế của hoạt động tế hiến. Nhiều máu đã chảy bởi tay của thực thể trong kiếp du trú ấy.

Tuy vậy những điều này là các ảnh hưởng và các lực trong hiện tại, trong đó có ước vọng đem đến sự thấu hiểu và sự dễ chịu lớn hơn, và chính sự thiếu vắng những điều ấy trong các kinh nghiệm của những người mà thực thể có thể tiếp xúc.

[Bối cảnh: Buổi đọc đưa cho một nữ giới 18 tuổi, người được cho biết rằng Bà đã từng có một kiếp sống ở Atlantis vào lần hủy diệt thứ ba và cuối cùng.]

Buổi đọc 288-1; 23 tháng 11, 1923

Trong kiếp ngay trước đó chúng ta thấy ở đất đẹp đẽ Alta, hoặc Poseidia đích thực [theo các buổi đọc, Alta là một vị cai trị, một vị ký lục, ngay trước lần hủy diệt thứ ba của Atlantis.], khi thực thể ở trong lực đã đem lại nền văn minh và tri thức cao nhất từng được biết đến nơi cõi địa cầu, và thực thể là một trong những người đã góp phần lớn vào việc phát triển những lực giúp người dân bình thường trở nên hỗ trợ trong tri thức được lĩnh hội. Lại nữa chúng ta thấy thực thể trong phái tính như đã nêu, và ở trong gia hộ của người cai trị xứ sở ấy. [Thân thể này (không phải thể xác) sẽ hiện diện khi địa cầu lại biến đổi,

and was in the household of the ruler of that country. [This body (not physically) will be present when the earth is changed again, see? See 288-29, Par. 8-A expanding on “when the earth is changed again.”] This we find nearly ten thousand years before the Prince of Peace came, and this entity then found the destructive forces to life in the misapprehension of those who were attempting to be of assistance, and not by their fault was the catastrophe brought; yet not until the entrance into the land of the unknown did this entity come to the realization of this as truth, and in the affliction as brought to the physical were the personalities and manifestations of same brought through to the sphere at present.

[Background: Reading given to a twenty-nine-year-old female who sought additional information on her Atlantean incarnation.]

Reading 288-29; April 16, 1932

(Q) *In Atlantis, was I associated with Amilius? [See [364] series.] If so, how?*

(A) One as projected by that entity as to a ruler or *guide* for many, with its associating entity.

(Q) *What is meant by “yet not until the entrance into the land of the unknown did this entity come to the realization of this as truth, that not by their fault was the catastrophe brought”? [See 288-1.]*

(A) In the experience the entity then as twofold, and much of the waywardness by many accredited to the acts of the entity, for there was then the *forming* of thoughts that became material activities, and the passing into the unknown, or from the physical to the spiritual realm, gave the entity that knowledge that those contentions arose much within the inmost

thấy chú? Xem 288-29, đoạn 8-A khai triển thêm về “khi địa cầu lại biến đổi.”] Điều này chúng ta thấy là gần mười ngàn năm trước Vị Hoàng Tử của Hòa Bình đến, và thực thể khi ấy đã thấy các lực hủy diệt đối với sự sống do sự hiểu lầm của những người toan trợ giúp, và không phải bởi lỗi của họ mà thảm họa xảy đến; tuy vậy mãi cho đến khi đi vào vùng đất vô danh thì thực thể mới nhận chân điều này là chân lý, và trong tai ách giáng lên thể xác, các phàm ngã và những biểu hiện của chúng đã được đưa qua vào cõi hiện tại.

[Bối cảnh: Buổi đọc đưa cho một nữ giới 29 tuổi, người cầu xin thêm thông tin về kiếp Atlantean của mình.]

Buổi đọc 288-29; 16 tháng 4, 1932

(Q) *Ở Atlantis, tôi có liên hệ với Amilius không? [Xem loạt bài [364].] Nếu có, bằng cách nào?*

(A) Một, như được thực thể ấy phóng chiếu ra, như một vị cai quản hay *người dẫn dắt* cho nhiều người, cùng với thực thể kết liên của mình.

(Q) *Ý của câu “nhưng mãi đến khi bước vào miền đất vô danh thì thực thể này mới nhận ra đây là chân lý, rằng tai ương không do lỗi của họ gây ra” là gì? [Xem 288-1.]*

(A) Trong kinh nghiệm ấy, thực thể là nhị phân, và nhiều điều lầm lạc của số đông đã được quy cho hành động của thực thể, vì khi đó có *sự hình thành* các tư tưởng rồi trở thành các hoạt động vật chất; và việc đi vào miền vô tri, hay từ cõi hồng trần sang cõi tinh thần, đã đem cho thực thể tri thức rằng các tranh chấp phần nhiều khởi phát từ tận nội tâm của nhiều người, điều ấy thực thể không

self of many that the entity not responsible for. Hence, as given, with the passing, the knowledge that they—or the entity—not *wholly* responsible, yet in the next [Egypt: Ra-Ta Period] as an entity in the realm where contentions arose, and the entity the center, or the physical manifestation of a contention brought into physical being by the union of that as was uppermost in expression of the entity itself in the former material activity. Then, the *physical* reactions brought *for* the body those positions or conditions as surrounded same. Well that the entity, or all, know that the law of love, or love as law, is cause and effect; or each impulse has its own corresponding reaction in thought, life, mental, physical and material. Not understood by some! *This*: “As ye sow, so shall ye reap.” [Gal. 6:7] Each thought, as things, has its seed, and if planted, or when sown in one or another ground, brings its own fruit; for thoughts *are* things, and as their currents run must bring their own seed.

(Q) *How long after I lived in Atlantis did the destruction come?*

(A) Depends upon which destruction! There was the *beginning* of the destruction in the latter portion of the entity’s physical sojourn there.

[Background: Reading given to a fifty-nine-year-old female who was told that she had once had a lifetime in Atlantis during the period when earth changes had separated the continent into islands.]

Reading 884-1; April 9, 1935

Before that we find the entity was in that land now known or spoken of as the Atlantean, during those days when there were the attempts of those to bring quiet, to bring order out of chaos by the destructive

chịu trách nhiệm. Do đó, như đã nói, với sự qua đi, có hiểu biết rằng họ — hay thực thể — không *hoàn toàn* chịu trách nhiệm; tuy vậy, ở lần sau [Ai Cập: Thời kỳ Ra-Ta], như một thực thể trong cõi nơi tranh chấp nổi lên, thì thực thể là trung tâm, hay là biểu hiện hồng trần của một cuộc tranh chấp được đưa vào hiện hữu hồng trần bởi sự kết hợp của điều vốn nổi trội nhất trong biểu lộ của chính thực thể trong hoạt động vật chất trước đó. Rồi, các phản ứng *thể xác* đã mang *cho* thân thể những địa vị hay điều kiện bao quanh nó. Tốt là thực thể, hay mọi người, biết rằng luật của tình thương, hay tình thương như luật, là nhân và quả; hay mỗi xung lực đều có phản ứng tương ứng của riêng nó trong tư tưởng, đời sống, trí tuệ, thể xác và vật chất. Có người không hiểu điều này! *Đây*: “Gieo chi, gặt nấy.” [Gal. 6:7] Mỗi ý nghĩ, như sự vật, đều có hạt giống của nó, và nếu được gieo trồng, hay khi gieo trên mảnh đất này hay mảnh đất khác, sẽ sinh quả của riêng nó; vì tư tưởng là sự vật, và theo dòng chảy của chúng, tất phải mang hạt giống của chính chúng.

(Q) *Bao lâu sau khi tôi sống ở Atlantis thì sự hủy diệt xảy đến?*

(A) Còn tùy nói đến cuộc hủy diệt nào! Đã có *khởi đầu* của sự hủy diệt vào đoạn sau của thời kỳ thực thể ấy lưu trú nơi cõi hồng trần tại đó.

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một phụ nữ năm mươi chín tuổi, được cho biết rằng Bà đã từng có một kiếp sống ở Atlantis trong giai đoạn khi các biến đổi của Trái Đất đã chia lục địa thành các đảo.]

Buổi đọc 884-1; 9 tháng 4, 1935

Trước đó, chúng tôi thấy thực thể ở xứ nay được biết hay gọi là Atlantean, vào những ngày có nỗ lực của những người muốn đem yên bình, đem trật tự ra khỏi hỗn mang sau các mãnh lực phá hoại đã gây nên những vụ

forces that had made for the eruptions in the land that had divided the lands and had changed not only the temperate but to a more torrid region by the shifting of the activities of the earth itself.

The entity then was among the princesses of those peoples when there were the divisions of those that were to be the rulers, those that were to be the laborers, those that were to administer the rulings of the ruler upon those that would be ruled.

Being among the princesses of him that made for the rulings over the land at the time, in the name Ahasus, the entity made for that of bringing to her own peoples the greater understandings, and especially those that had followed in the way of the Law of One—or that manifested in the present as the Christ Consciousness, or the sons of Adam that had joined themselves with the sons of God, and as the sons of Adam that—with Amilius—had made the records of those things whereby there might be the cleansing of the body from the pollutions of the world, or of the animal kingdom.

The entity aided in bringing not only material gains but the glories of the experience builded in the experience much of the abilities for purifying through harmonious music—those harmonious influences that were a portion of the entity's activities later in its Persian sojourn.

[Background: Reading given to a thirty-one-year-old female who was told that she had once had a lifetime in Atlantis during the period of the second destruction when the continent had been separated into three islands.]

Reading 958-3; June 28, 1940

Before that the entity was in the Atlantean

phun trào trong đất đai làm chia cắt các miền và không chỉ đổi vùng ôn đới mà còn sang miền nóng bức hơn bởi sự dịch chuyển của chính các hoạt động của Trái Đất.

Thực thể khi ấy ở trong hàng các công chúa của dân chúng, vào thời có sự phân chia những người sẽ làm kẻ cai trị, những người sẽ là lao động, những người sẽ thi hành phán lệnh của nhà cai trị lên những người bị trị.

Là một trong các công chúa của vị đã đặt luật lệ cai quản xứ sở bấy giờ, mang danh Ahasus, thực thể đã đem đến cho dân mình sự thấu hiểu lớn hơn, và đặc biệt cho những ai đã bước theo con đường của Luật của Đấng Duy Nhất — tức điều nay biểu lộ như tâm thức của Đức Christ, hay các con của Adam đã liên kết với Các Con của Thượng đế — và như các con của Adam đã — cùng Amilius — lập những ký lục về các điều nhờ đó có thể thanh tẩy thân thể khỏi những cấu uế của thể gian, hay của giới động vật.

Thực thể đã giúp mang lại không chỉ các lợi ích vật chất mà còn cả những vinh quang của kinh nghiệm, đã gây dựng trong kinh nghiệm nhiều năng lực để thanh lọc qua âm nhạc hài hòa — những ảnh hưởng điều hòa vốn là một phần hoạt động của thực thể này về sau trong kỳ lữ hành Ba Tư.

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một phụ nữ ba mươi tuổi, được cho biết rằng Bà đã từng có một kiếp sống ở Atlantis trong giai đoạn hủy diệt lần thứ hai khi lục địa đã bị chia thành ba đảo.]

Buổi đọc 958-3; 28 tháng 6, 1940

Trước đó thực thể ở xứ Atlantean trong thời

land during the period of the second breaking up, when the islands—or Poseidia —became the main portion of the activities.

And those very experiences that brought destructive forces bring about the tendencies in the present for the extremes, and the hardships that have been and will be a part of the experience through this sojourn.

Not that these will always be material conditions, for they—too—will pass.

In that experience the entity was among the children of the Law of One who accepted and forsook much of those activities because of its close associations and companionships with one of the sons of Belial.

This brought consternation to the entity, and also those influences the application or use of which brought destruction to the land. And Poseidia will be among the first portions of Atlantis to rise again. Expect it in sixty-eight and sixty-nine ('68 and '69); not so far away!

From the activities and experiences of the entity in that sojourn, we find that hardships, pleasures, extremes of most natures, will be a part of the entity's activity in the present.

Those that brought destructive forces were the extravagant use of self, as well as of the abilities and activities, with those of questionable conditions and experiences.

The name then was Es-Se-Es.

[Background: Reading given regarding the possibility of creating some type of commercial enterprise at Bimini.]

Reading 996-1; August 14, 1926

kỳ tan rã lần thứ hai, khi các hòn đảo — hay Poseidia — trở thành phần trung tâm của các hoạt động.

Và chính những kinh nghiệm ấy, vốn đã đưa đến các mãnh lực phá hoại, khiến nảy sinh trong hiện tại các khuynh hướng cực đoan, và những gian truân đã và sẽ là một phần của kinh nghiệm trong suốt kỳ lữ hành này.

Không phải những điều này lúc nào cũng là các điều kiện vật chất, vì chúng — cũng vậy — sẽ qua đi.

Trong kinh nghiệm ấy, thực thể thuộc về những người của Luật của Đấng Duy Nhất, nhưng đã chấp nhận rồi từ bỏ nhiều hoạt động ấy vì những liên hệ và bằng hữu thân cận với một trong các con của Belial.

Điều này đã gây bất loạn cho thực thể, và cũng mang đến những ảnh hưởng mà việc áp dụng hay sử dụng chúng đã đưa sự hủy diệt đến xứ sở. Và Poseidia sẽ là một trong những phần đầu tiên của Atlantis trỗi lên trở lại. Hãy trông đợi điều đó vào sáu mươi tám và sáu mươi chín ('68 và '69); không xa đâu!

Từ những hoạt động và kinh nghiệm của thực thể trong kỳ lữ hành ấy, chúng tôi thấy rằng gian truân, lạc thú, những cực đoan của hầu hết các bản chất, sẽ là một phần hoạt động của thực thể trong hiện tại.

Những điều đã làm dấy lên các mãnh lực phá hoại là sự phung phí bản thân, cũng như phung phí các năng lực và hoạt động, với những điều kiện và kinh nghiệm đáng ngờ.

Khi ấy tên là Es-Se-Es.

[Bối cảnh: Buổi đọc liên quan đến khả năng tạo lập một loại hình doanh thương tại Bimini.]

Buổi đọc 996-1; 14 tháng 8, 1926

TBH: You will give a reading on Bimini Island, located in the Atlantic Ocean, about 45 miles almost due east of Miami, Dade County, Florida. You will go over this island, and tell us whether there is oil on this island in sufficient quantities to insure profit. If so, give us the log of the formations that would be gone through in drilling to the oil sand, depth of the well necessary to reach the oil production, also tell us if there are any treasures buried on this island. If so, when were they buried, and where can they be located, and to whom do they belong at this time?

EC: Yes, we have the land known as Bimini, in the Atlantic Ocean. In the formation of the land, we find this of the nature that would make the oil production very low, for this is of the coral structure in the greater part, but this is the highest portion left above the waves of once a great continent, upon which the civilization as now exists in the world's history found much of that as would be used as means for attaining that civilization.

Then, as to treasures, there are many that are hidden, also those that may be made remunerative—from physical conditions and structure of this body of land—among those larger buried treasures—that consists of gold, bullion, silver, and of plate ware, or beaten ware—this was made a cache on the higher portion of the isle from the cove as enters island from the south and west from that portion direct from Miami. This, as we see, was in eighteen thirty-nine (1839), and under these conditions:

In the trade and exchange of peoples as were brought to the western world, many being located in that now known, and then known, as James River. Among these was one, Bill Desmond, who took charge of the schooner, or yacht, or boat, that had landed such a cargo, by that of mutiny, and robbing the store-keeper in that settlement nearly opposite from Jamestown, escaped down the

TBH: Xin cho một buổi đọc về đảo Bimini, nằm trên Đại Tây Dương, cách gần như đúng hướng đông của Miami, Hạt Dade, Florida, chừng 45 dặm. Xin khảo sát hòn đảo này, và cho biết liệu trên đảo có dầu với trữ lượng đủ để bảo đảm lợi nhuận hay không. Nếu có, xin cho biết cột địa tầng sẽ khoan qua để tới lớp cát chứa dầu, độ sâu giếng cần để đạt đến tầng khai thác dầu, cũng xin cho biết có kho báu nào được chôn trên đảo này không. Nếu có, chúng chôn khi nào, ở đâu có thể xác định vị trí, và hiện thuộc về ai?

EC: Vâng, chúng tôi có xứ gọi là Bimini, trên Đại Tây Dương. Về cấu tạo địa hình, chúng tôi thấy bản chất nơi đây sẽ khiến sản lượng dầu rất thấp, vì phần lớn là cấu trúc san hô; nhưng đây là phần cao nhất còn lại phía trên sóng của một đại lục đã từng hiện hữu, trên đó nền văn minh — như nay tồn tại trong lịch sử thế giới — đã tìm thấy nhiều điều dùng làm phương tiện để đạt tới nền văn minh ấy.

Về kho báu, có nhiều thứ được chôn giấu, và cũng có những thứ có thể đem lại lợi tức — từ các điều kiện vật chất và cấu trúc của khối đất này — trong số những kho báu chôn lớn hơn — gồm vàng, thỏi, bạc, và đồ đĩa, hay đồ kim loại dát — đây đã được làm thành một kho chôn trên phần cao hơn của đảo, từ vùng nhỏ đi vào đảo từ phía nam và tây, từ phần đi thẳng từ Miami. Điều này, như chúng tôi thấy, là vào năm mười tám ba mươi chín (1839), và với các điều kiện sau:

Trong việc buôn bán và trao đổi những dân bị đưa đến tân thế giới, nhiều người được đặt tại nơi nay được biết, và khi ấy cũng được biết, là sông James. Trong số đó có một người, Bill Desmond, kẻ nắm quyền chỉ huy chiếc thuyền buồm, hay du thuyền, hay thuyền, chở một lô hàng như vậy, do cuộc nổi loạn mà có, và sau khi cướp của người coi kho ở khu định cư gần như đối diện

coast on the ninth (9th) day of March, eighteen thirty-nine (1839), and on the twenty-second (22nd) was shipwrecked in this isle, and with four others escaped to this isle with the ill-gotten gains. The building in which these lived for a time was erected on this promontory above the cove from timbers that were gathered from the wreck. On the thirty-first (31st) of the month the cache was made in the side of the abode in which these men took refuge. One died of snake bite. Another was poisoned by berries as grew on the hill above the spring that still shows in this place. The two remaining were the ones who fell out over the division of the spoils, and after this wounding one attempted to escape to the mainland—lost in the surf, only a portion of the loot being taken, and that returned, with much other, to the cache by Desmond, whose remains are in that vault. The amount here would amount, in coin, at present, to near a hundred and twenty thousand (120,000) gold coin, and much silver and of specie from the containers would amount to near as much more.

As for other treasures, many in greater or lesser quantities may be located in and about the isle. Some are inaccessible. Others not worth the expense of probing, or of obtaining permission for probing. As to whom they belong, at this day, to the government, whom owns this land.

We are through.

[Background: Reading given to an adult female (age unknown) who had once lived in Atlantis and had died during one of the continent's destructions.]

Reading 105-2; January 29, 1928

In the one before this in the land known as that of Atlantis, the Entity was a teacher among the people of that period, and among

Jamestown, đã trốn xuôi bờ biển vào ngày thứ chín (9) tháng Ba, năm mười tám ba mươi chín (1839), và vào ngày hai mươi hai (22) thì bị đắm thuyền ở hòn đảo này, và cùng với bốn người khác thoát được lên đảo với của cải phi pháp. Căn nhà nơi họ sống một thời gian được dựng trên mũi đất phía trên vũng nhỏ, từ những tấm gỗ nhặt từ xác tàu đắm. Vào ngày ba mươi một (31) của tháng ấy, kho chôn được tạo ở phía bên của nơi trú ẩn mà những người này nương náu. Một người chết do rắn cắn. Một người khác bị ngộ độc do những quả mọc trên đồi phía trên con suối vẫn còn thấy ở chỗ này. Hai người còn lại là những kẻ xảy ra hiềm khích vì chia của, và sau khi bị thương, một người tìm cách trốn về đất liền — mất tích trong sóng dữ, chỉ mang theo một phần chiến lợi phẩm, và phần ấy cùng với nhiều thứ khác đã được đem trả, cùng với nhiều thứ khác, về kho chôn bởi Desmond, mà di hài hiện ở trong hầm mộ đó. Số tiền tại đây, tính bằng tiền xu, hiện nay, gần một trăm hai mươi nghìn (120,000) đồng vàng, và nhiều bạc cũng như tiền kim loại từ các vật chứa đựng, ước gần bằng chừng ấy nữa.

Về các kho báu khác, nhiều kho với lượng lớn hoặc nhỏ có thể được xác định ở trong và quanh đảo. Có thứ bất khả tiếp cận. Có thứ không đáng chi phí thăm dò, hay xin phép để thăm dò. Còn thuộc về ai ngày nay, thì thuộc về chính quyền, chủ sở hữu vùng đất này.

Chúng tôi xong.

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một phụ nữ trưởng thành (không rõ tuổi), người từng sống ở Atlantis và đã chết trong một lần hủy diệt của lục địa.]

Buổi đọc 105-2; 29 tháng 1, 1928

Trong kiếp trước nữa, ở xứ gọi là Atlantis, Thực thể là một người dạy học giữa dân chúng thời ấy, và thuộc về số người bị diệt

those destroyed in the overflow of the land, and again will the Entity be in Earth's sphere when a change comes to same. In the name of "Isshuta" the Entity lost through this experience through fear, created in own self by that misleading when the truth was known in the present innate. Fear often hinders.

[Background: Reading given on the Mayan civilization and how it had been influenced after the destruction of Atlantis.]

Reading 5750-1; November 12, 1933

HLC: You will give an historical treatise on the origin and development of the Mayan civilization, answering questions.

EC: Yes. In giving a record of the civilization in this particular portion of the world, it should be remembered that more than one has been and will be found as research progresses.

That which we find would be of particular interest would be that which superseded the Aztec civilization, that was so ruthlessly destroyed or interrupted by Cortez.

In that preceding this we had rather a combination of sources, or a high civilization that was influenced by injection of forces from other channels, other sources, as will be seen or may be determined by that which may be given.

From time as counted in the present we would turn back to 10,600 years before the Prince of Peace came into the land of promise, and find a civilization being disturbed by corruption from within to such measures that the elements join in bringing devastation to a stiffnecked and adulterous people.

With the second and third upheavals in

trong dòng nước tràn ngập đất đai, và Thực thể sẽ lại hiện diện trong vòng ảnh hưởng của Địa Cầu khi đổi thay đến với nó. Với danh "Isshuta", Thực thể đã chịu mất mát qua kinh nghiệm này vì sợ hãi, do tự mình tạo ra bởi sự dẫn dụ sai lạc khi chân lý đã được biết nơi tiềm ẩn hiện tiền. Sợ hãi thường gây cản trở.

[Bối cảnh: Buổi đọc về nền văn minh Maya và cách nền văn minh này chịu ảnh hưởng sau sự hủy diệt của Atlantis.]

Buổi đọc 5750-1; 12 tháng 11, 1933

HLC: Xin cho một khảo luận lịch sử về nguồn gốc và sự phát triển của nền văn minh Maya, và trả lời các câu hỏi.

EC: Vâng. Khi ghi lại nền văn minh ở phần đất đặc thù này của thế giới, cần nhớ rằng đã có — và sẽ có — hơn một (nền văn minh) được phát hiện khi nghiên cứu tiến triển.

Điều chúng tôi thấy có thể đặc biệt đáng quan tâm là điều đã kế tiếp nền văn minh Aztec, nền văn minh đã bị Cortez tàn phá — hay gián đoạn — một cách tàn nhẫn.

Trước đó, chúng ta có sự kết hợp từ nhiều nguồn, hay một nền văn minh cao, vốn chịu ảnh hưởng bởi sự bơm thêm các lực từ những kênh khác, nguồn khác, như sẽ được thấy hay có thể xác định bởi những gì có thể được nêu ra.

Từ mốc thời gian như hiện nay đếm, chúng ta lùi về 10.600 năm trước khi Vị Hoàng Tử của Hoà Bình đến miền Đất Hứa, và thấy một nền văn minh đang bị rối loạn bởi sự bại hoại từ bên trong đến mức các yếu tố hợp lại mang sự tàn phá đến cho một dân ngoan cố và tà dâm.

Với lần biến động thứ hai và thứ ba ở

Atlantis, there were individuals who left those lands and came to this particular portion then visible.

But, understand, the surface was quite different from that which would be viewed in the present. For, rather than being a tropical area it was more of the temperate, and quite varied in the conditions and positions of the face of the areas themselves.

In following such a civilization as a historical presentation, it may be better understood by taking into consideration the activities of an individual or group—or their contribution to such a civilization. This of necessity, then, would not make for a complete historical fact, but rather the activities of an individual and the followers, or those that chose one of their own as leader.

Then, with the leavings of the civilization in Atlantis (in Poseidia, more specific), Iltar—with a group of followers that had been of the household of Atlan, the followers of the worship of the *one* with some ten individuals—left this land Poseidia, and came westward, entering what would now be a portion of Yucatan. And there began, with the activities of the peoples there, the development into a civilization that rose much in the same matter as that which had been in the Atlantean land. Others had left the land later. Others had left earlier. There had been the upheavals also from the land of Mu, or Lemuria, and these had their part in the changing, or there was the injection of their tenets in the varied portions of the land—which was much greater in extent until the final upheaval of Atlantis, or the islands that were later upheaved, when much of the contour of the land in Central America and Mexico was changed to that similar in outline to that which may be seen in the present.

The first temples that were erected by Iltar

Atlantis, có những cá nhân rời bỏ các miền đất ấy và đi đến phần đất đặc thù này khi đó còn lộ thiên.

Nhưng, cần hiểu rằng bề mặt khác hẳn so với điều sẽ được nhìn thấy hiện nay. Vì thay vì là một vùng nhiệt đới, nó nghiêng về ôn đới, và khá đa dạng về điều kiện cũng như vị trí diện mạo của các khu vực.

Khi lần theo một nền văn minh như một trình bày lịch sử, có thể hiểu tốt hơn nếu xét đến các hoạt động của một cá nhân hay một nhóm — hoặc đóng góp của họ cho nền văn minh ấy. Như thế, tất nhiên, điều này sẽ không tạo nên một sự kiện lịch sử trọn vẹn, mà là hoạt động của một cá nhân và những người theo, hay những kẻ chọn một người trong số họ làm thủ lĩnh.

Rồi, với những di tồn của nền văn minh ở Atlantis (cụ thể là ở Poseidia), Iltar — cùng một nhóm người theo vốn thuộc gia thất của Atlan, những người thờ phượng *Đấng Duy Nhất* với độ chừng mười người — đã rời Poseidia, đi về phía tây, vào nơi nay là một phần của Yucatan. Và ở đó, cùng với các hoạt động của dân địa phương, đã bắt đầu phát triển thành một nền văn minh trỗi dậy khá tương đồng với nền văn minh từng có ở xứ Atlantean. Những người khác rời xứ sau đó. Những người khác rời từ sớm hơn. Ở xứ Mu, hay Lemuria, cũng có những cuộc biến động, và họ đã góp phần vào sự biến đổi, hay có sự đưa các học thuyết của họ vào những phần khác nhau của xứ sở — vốn rộng lớn hơn nhiều — cho đến lần biến động cuối của Atlantis, hay những hòn đảo sau đó bị dâng chìm, khi mà nhiều đường nét địa hình ở Trung Mỹ và Mexico được đổi thành gần giống với đường nét có thể thấy hiện nay.

Những đền đầu tiên do Iltar và những người

and his followers were destroyed at the period of change physically in the contours of the land. That now being found, and a portion already discovered that has laid in waste for many centuries, was then a combination of those peoples from Mu, Oz and Atlantis.

Hence, these places partook of the earlier portions of that peoples called the Incal; though the Incals were themselves the successors of those of Oz, or Og, in the Peruvian land, and Mu in the southern portions of that now called California and Mexico and southern New Mexico in the United States.

This again found a change when there were the injections from those peoples that came with the division of those peoples in that called the promise land. Hence we may find in these ruins that which partakes of the Egyptian, Lemurian and Oz civilizations, and the later activities partaking even of the Mosaic activities.

Hence each would ask, what specific thing is there that we may designate as being a portion of the varied civilizations that formed the earlier civilization of this particular land?

The stones that are circular, that were of the magnetized influence upon which the Spirit of the One spoke to those peoples as they gathered in their service, are of the earliest Atlantean activities in religious service, we would be called today.

The altars upon which there were the cleansings of the bodies of individuals (not human sacrifice; for this came much later with the injection of the Mosaic, and those activities of that area), these were later the altars upon which individual activities—that would today be termed hate, malice, selfishness, self-indulgence—were cleansed from the body through the ceremony,

theo dựng lên đã bị phá hủy trong kỳ thay đổi về mặt địa hình. Cái hiện đang được tìm thấy, và một phần đã được phát hiện — vốn bị bỏ phế qua nhiều thế kỷ — khi đó là sự kết hợp của những dân từ Mu, Oz và Atlantis.

Vì vậy, những nơi này mang phần của dân tộc tiền kỳ được gọi là Incal; dấu bản thân người Incal là hậu nhân của những người từ Oz, hay Og, ở đất Peru, và Mu ở phần nam của vùng nay gọi là California và Mexico và miền nam New Mexico thuộc Hợp Chúng Quốc.

Điều này lại gặp một đổi thay khi có sự pha trộn của những dân đến cùng với sự phân chia của các dân ở nơi gọi là miền Đất Hứa. Do đó, trong những tàn tích này, ta có thể tìm thấy những gì mang phần của các nền văn minh Ai Cập, Lemuria và Oz, và các hoạt động muộn hơn còn mang phần của các hoạt động theo truyền thống Mô-sê nữa.

Vậy mỗi người sẽ hỏi, có điều cụ thể nào ở đó mà ta có thể định danh là một phần của những nền văn minh khác nhau đã góp phần tạo nên nền văn minh sớm kỳ của phần đất đặc thù này?

Những phiến đá hình tròn, mang ảnh hưởng được từ hóa, trên đó Thần linh của Đấng Duy Nhất đã phán với dân chúng khi họ nhóm họp trong sự phụng sự, thuộc về những hoạt động tôn giáo sớm kỳ nhất của người Atlantean, theo cách gọi ngày nay.

Các bàn thờ nơi diễn ra việc thanh tẩy thân thể của các cá nhân (không phải hiến tế người; vì điều này đến muộn hơn nhiều với sự du nhập truyền thống Mô-sê, và các hoạt động ở vùng đó), đó về sau là những bàn thờ nơi các hành vi cá nhân — mà ngày nay gọi là hận thù, ác ý, ích kỷ, phóng túng — được thanh tẩy khỏi thân thể qua nghi lễ, qua sự trỗi dậy của các điểm đạo đồ từ các nguồn

through the rise of initiates from the sources of light, that came from the stones upon which the angels of light during the periods gave their expression to the peoples.

The pyramid, the altars before the doors of the varied temple activities, was an injection from the people of Oz and Mu; and will be found to be separate portions, and that referred to in the Scripture as high places of family altars, family gods, that in many portions of the world became again the injection into the activities of groups in various portions, as gradually there were the turnings of the people to the satisfying and gratifying of self's desires, or as the Baal or Baalilal activities again entered the peoples respecting their associations with those truths of light that came from the gods to the peoples, to mankind, in the earth.

With the injection of those of greater power in their activity in the land, during that period as would be called 3,000 years before the Prince of Peace came, those peoples that were of the Lost Tribes, a portion came into the land; infusing their activities upon the peoples from Mu in the southernmost portion of that called America or United States, and then moved on to the activities in Mexico, Yucatan, centralizing that now about the spots where the central of Mexico now stands, or Mexico City. Hence there arose through the age a different civilization, a *mixture* again.

Those in Yucatan, those in the adjoining lands as begun by Iltar, gradually lost in their activities; and came to be that people termed, in other portions of America, the Mound Builders.

Ready for questions.

(Q) *How did the Lost Tribe reach this country?*

(A) In boats.

của ánh sáng, nguồn đến từ những phiến đá mà trên đó các thiên thần của ánh sáng qua các thời kỳ đã bày tỏ thông điệp cho dân chúng.

Kim tự tháp, các bàn thờ trước cửa của nhiều hoạt động đền tự khác nhau, là sự du nhập từ dân Oz và Mu; và sẽ được thấy là những phần riêng rẽ, và đó là điều được Kinh Thánh nhắc tới như các cao đài của bàn thờ gia tộc, thần gia tộc, điều mà ở nhiều phần trên thế giới lại trở thành sự du nhập nữa vào sinh hoạt của các nhóm ở nhiều nơi khác nhau, khi dần dần dân chúng chuyển sang thỏa mãn và thỏa thích các dục vọng của tự ngã, hay khi các hoạt động thờ Baal hay Baalilal lại xâm nhập dân chúng trong mối liên hệ của họ với các chân lý của ánh sáng vốn bởi các thần ban đến cho dân chúng, cho nhân loại, trên trần gian.

Với sự du nhập của những kẻ có quyền lực lớn hơn trong hoạt động của họ ở xứ, vào thời kỳ được gọi là 3.000 năm trước khi Vị Hoàng Tử của Hoà Bình đến, những dân thuộc Các Chi Tộc Lạc Mất, một phần đã vào vùng đất này; hòa trộn hoạt động của họ với dân từ Mu ở phần cực nam của nơi gọi là châu Mỹ hay Hợp Chúng Quốc, rồi chuyển sang các hoạt động ở Mexico, Yucatan, tập trung quanh chỗ mà nay là trung tâm của Mexico, tức Thành phố Mexico. Vì thế dọc theo dòng thời gian đã nổi lên một nền văn minh khác, một *hỗn hợp* nữa.

Những người ở Yucatan, những người ở các phần tiếp giáp do Iltar khởi xướng, dần dần suy giảm hoạt động; và trở thành dân tộc mà ở những phần khác của châu Mỹ gọi là những Người Xây Gò.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(Q) *Các Chi Tộc Lạc Mất đã đến xứ này bằng cách nào?*

(A) Bằng thuyền.

(Q) *Have the most important temples and pyramids been discovered?*

(A) Those of the first civilization have been discovered, and have not all been opened; but their associations, their connections, are being replaced—or attempting to be rebuilt. Many of the second and third civilization may *never* be discovered, for these would destroy the present civilization in Mexico to uncover same!

(Q) *By what power or powers were these early pyramids and temples constructed?*

(A) By the lifting forces of those gases that are being used gradually in the present civilization, and by the fine work or activities of those versed in that pertaining to the source from which all power comes. For, as long as there remains those pure in body, in mind, in activity, to the law of the One God, there is the continued resource for meeting the needs, or for commanding the elements and their activities in the supply of that necessary in such relations.

(Q) *In which pyramid or temple are the records mentioned in the readings given through this channel on Atlantis, in April, 1932? [[364] series]*

(A) As given, that temple was destroyed at the time there was the last destruction in Atlantis. Yet, as time draws nigh when changes are to come about, there may be the opening of those three places where the records are one, to those that are the initiates in the knowledge of the One God: The temple by Iltar will then rise again. Also there will be the opening of the temple or hall of records in Egypt, and those records that were put into the heart of the Atlantean land may also be found there—that have been kept, for those that are of that group. The *records* are *one*.

(Q) *Các đền và kim tự tháp quan trọng nhất đã được phát hiện chưa?*

(A) Những công trình của nền văn minh thứ nhất đã được phát hiện, và chưa phải tất cả đã được mở; nhưng sự nối kết, các liên hệ của chúng đang được phục hồi — hay đang nỗ lực tái dựng. Nhiều công trình của nền văn minh thứ hai và thứ ba có thể *không bao giờ* được phát hiện, vì để khai quật chúng sẽ phải phá hủy nền văn minh hiện tại ở Mexico!

(Q) *Những kim tự tháp và đền sớm kỳ ấy được xây dựng bằng quyền năng hay năng lực nào?*

(A) Bằng lực nâng của những loại khí hiện nay đang dần được sử dụng trong nền văn minh hiện tại, và bằng công nghệ tinh tế hay hoạt động của những người tinh thông về nguồn từ đó mọi quyền năng phát xuất. Vì, chừng nào còn có những người thanh sạch trong thân thể, trong tâm trí, trong hoạt động, theo luật của Thượng đế Duy Nhất, thì còn có nguồn dự trữ liên tục để đáp nhu cầu, hay để truyền lệnh cho các nguyên tố và các hoạt động của chúng trong việc cung ứng điều cần thiết trong những mối liên quan như thế.

(Q) *Ở kim tự tháp hay ngôi đền nào lưu giữ các hồ sơ đã được nhắc đến trong những buổi đọc qua kênh này về Atlantis, vào tháng 4 năm 1932? [[364] loạt bài]*

(A) Như đã nói, ngôi đền ấy bị phá hủy khi xảy ra lần hủy diệt cuối ở Atlantis. Tuy vậy, khi thời khắc đổi thay đến gần, có thể sẽ mở những nơi chốn kia — ba nơi mà các hồ sơ là một — cho những ai là các điểm đạo đồ trong tri thức về Thượng đế Duy Nhất: Ngôi đền do Iltar dựng rồi sẽ lại trỗi dậy. Cũng sẽ có việc mở ngôi đền hay đại sảnh hồ sơ ở Ai Cập, và những hồ sơ đã đặt vào trung tâm của xứ Atlantean cũng có thể được tìm thấy ở đó — những thứ đã được gìn giữ, cho những ai thuộc nhóm ấy. Các *hồ sơ* là *một*.

[Background: Reading given the Glad Helpers Prayer Group. This reading discusses ancient Egypt around 10,500 B.C. The readings suggest that after the third and final destruction of Atlantis, Egypt became the cradle of knowledge and civilization and that Edgar Cayce himself had lived at that time as a high priest named Ra Ta.]

Reading 281-42; November 1, 1939

This Priest [Ra Ta] was not merely the director of the spiritual counsel of that body of people who entered Egypt, but of that activity in which *all* phases of man's endeavor were, in the experience, being acted upon.

What was the knowledge, the motivating force in the experience of that individual? Was he a prophet sent, as ye look upon the teachers through the various eras or ages of man's endeavor? Or was he an individual with an idea that grew, under the law, into an ideal?

In interpreting this we will find many questions, that may have oft disturbed many, may be answered as respecting those groups, those individuals who may be even in the remotest sense interested at present in the psychic work of the man called Cayce.

The Priest was an individual who had received inspiration from within. And, realizing that such an influence or force might be given to others in their search for *why* and *what* were their purposes in material life, he then sought out one who might foster such a study in materiality.

Thus, from those places that were a portion of what is now called the Carpathias, he came with a great horde, or a great number (as to individual souls, numbering nine hundred), into the land now called Egypt.

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho Nhóm Cầu Nguyện Glad Helpers. Bài này bàn về Ai Cập cổ đại khoảng năm 10.500 TCN. Các buổi đọc cho rằng sau lần hủy diệt thứ ba và cuối cùng của Atlantis, Ai Cập trở thành cái nôi của tri thức và văn minh, và bản thân Edgar Cayce đã từng sống khi ấy như một vị thượng tế tên Ra Ta.]

Buổi đọc 281-42; 1 tháng 11, 1939

Vị Tư tế [Ra Ta] không chỉ là người điều hành hội đồng tinh thần của cộng đồng người đã vào Ai Cập, mà còn điều hành hoạt động mà trong đó *mọi* phương diện nỗ lực của con người, theo kinh nghiệm, đều đang được tác động.

Vậy tri thức, động lực trong kinh nghiệm của cá nhân ấy là gì? Có phải Ngài là một đấng tiên tri được sai đến, theo cách các người nhìn vào những vị thầy qua các thời đại hay kỷ nguyên nỗ lực của con người? Hay Ngài là một cá nhân có một ý niệm đã lớn lên, theo luật, thành một lý tưởng?

Khi giải thích điều này, chúng ta sẽ thấy nhiều câu hỏi — vốn thường làm dày vò nhiều người — có thể được trả lời, liên quan đến những nhóm, những cá nhân mà dù chỉ ở nghĩa xa nhất cũng đang quan tâm trong hiện tại đến công việc tâm linh của người được gọi là Cayce.

Vị Tư tế là một cá nhân đã nhận được cảm hứng từ bên trong. Và, nhận ra rằng một ảnh hưởng hay lực như vậy có thể được ban cho người khác trong cuộc tìm kiếm *vì sao* và *cái gì* là mục đích của họ trong đời sống vật chất, Ngài đã tìm đến một người có thể nâng đỡ một cuộc nghiên cứu như vậy trong vật giới.

Thế rồi, từ những nơi vốn là một phần của vùng nay gọi là Carpathias, Ngài đã đến — cùng một đoàn rất đông, hay một số lượng lớn (tính theo các linh hồn cá biệt là chín trăm) — vào miền đất nay gọi là Ai Cập.

Why Egypt? This had been determined by that leader or teacher (not physical leader, but spiritual interpreter or guide) as the center of the universal activities of nature, as well as the spiritual forces, and where there might be the least disturbance by the convulsive movements which came about in the earth through the destruction of Lemuria, Atlantis, and—in later periods—the flood.

What were the factors, ye ask, which determined this in his mind? or from what concept did the entity gain that knowledge? Was it just a concept, just a revelation, just a physical analysis, or what?

When the lines about the earth are considered from the mathematical precisions, it will be found that the center is nigh unto where the Great Pyramid, which was begun then, is still located.

Then, there were the mathematical, the astrological and the numerological indications, as well as the individual urge.

Ye say, then, such an entity was a god! No. No —ye only say that because there is the misunderstanding of what were the characters or types of spiritual evolution as related to *physical* evolution in the earth at that period.

As an illustration (this merely illustrating, now): It is hard for an individual, no matter how learned he may be, to conceive of the activities that exist only three miles above the earth. Why? Because there are no faculties within the individual entity in the present *capable* of conceiving that which is not represented within his individual self.

Yea—but the individual of that period was not so closely knit in matter. Thus the activities of the realms of relativity of force, relativity of attraction in the universe, *were* an experience of the souls manifesting in the

Vì sao Ai Cập? Điều này đã được vị lãnh đạo hay vị thầy ấy (không phải lãnh đạo vật chất, mà là người giải nghĩa hay *hướng đạo* tinh thần) định đoạt là trung tâm của các hoạt động phổ quát của thiên nhiên, cũng như các lực tinh thần, và là nơi có ít nhiễu động nhất bởi những cơn co giật địa cầu xảy đến qua sự hủy diệt của Lemuria, Atlantis, và — về sau — trận hồng thủy.

Những yếu tố nào, các người hỏi, đã quyết định điều này trong tâm trí Ngài? hay từ khái niệm nào thực thể đạt tri thức ấy? Chỉ là một khái niệm, chỉ là một mặc khái, chỉ là một phân tích vật chất, hay là gì?

Khi xét các đường tuyến quanh địa cầu theo chuẩn xác toán học, sẽ thấy rằng tâm điểm ở gần nơi Kim Tự Tháp Vĩ Đại — vốn được bắt đầu từ khi ấy — hiện vẫn tọa lạc.

Khi đó, có các chỉ dấu toán học, chiêm tinh học và số học, cũng như xung lực cá nhân.

Các người nói, vậy thì thực thể như thế là một vị thần! Không. Không — các người chỉ nói thế vì có sự hiểu lầm về bản chất hay các kiểu tiến hóa tinh thần so với tiến hóa *hồng trần* trên địa cầu thời kỳ đó.

Để minh họa (giờ đây chỉ là minh họa thôi): Khó cho một cá nhân, dẫu có học vấn đến đâu, hình dung về các hoạt động tồn tại chỉ cách mặt đất ba dặm. Vì sao? Bởi trong cá thể hiện tại không có những năng năng *có thể* tưởng thấu điều vốn không được biểu hiện trong chính tự ngã của y.

Phải — nhưng cá nhân của thời ấy không kết cấu trong vật chất chặt chẽ như vậy. Do đó, các hoạt động của những cõi tương đối về lực, tương đối về hấp dẫn trong vũ trụ, là một kinh nghiệm của các linh hồn đang biểu hiện

earth at that period, see?

Thus we find that the experiences of individuals of the period, seeking for the understanding as to the evolution of the souls of men, might be compared to the minds of individuals in the present who are seeking an understanding as to man's use of physical or atomical structure in his own relationships.

Then, the individual of that experience or period was not necessarily one other than a soul or entity seeking the knowledge as to the relationship of that which would sustain and gain *for* man the abilities not only to continue the physical evolution but the spiritual or soul evolution as well.

Such an one, then, was Ra—or Ra-Ta.

[Background: Reading given to an eighteen-year-old male who was told that he had been one of the pharaohs in Egypt during the Ra Ta period.]

Reading 341-9; June 2, 1925

GC: You will have before you the Life Reading given on [341] on February 28, 1925 [341-8], on the earthly existence in Egypt as Raaaart, and the associations with same. You will tell us at what period, as counted by man, in the world's history this was, and what the entity accomplished at this time.

You will then have before you the individuals, as I name them, and you will tell us whether or not these individuals lived in Egypt at this time, and if they were associated with this entity, and in what capacity.

EC: Yes, we have this sojourn in the earth's plane. This is rather A-r-a-a-r-a-r-t [GD's note: In the suggestion GC pronounced it R, then spelled the rest and in the first

trên địa cầu thời ấy, hiểu chăng?

Thế nên, chúng ta thấy rằng kinh nghiệm của các cá nhân thời kỳ đó, đang truy cầu sự hiểu biết về sự tiến hóa của linh hồn con người, có thể sánh với tâm trí của những cá nhân trong hiện tại đang truy cầu sự thấu hiểu về việc con người sử dụng cấu trúc vật chất hay nguyên tử đối với các tương quan của chính mình.

Vậy thì, cá nhân của kinh nghiệm hay thời kỳ ấy không nhất thiết là ai khác hơn một linh hồn hay thực thể đang tìm tri thức về mối tương quan của điều sẽ nâng đỡ và đem lại cho con người khả năng không chỉ tiếp tục tiến hóa hồng trần mà còn cả tiến hóa tinh thần hay linh hồn nữa.

Một người như thế, chính là Ra — hay Ra-Ta.

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một nam thanh niên mười tám tuổi, được cho biết rằng y từng là một trong các pharaon ở Ai Cập thời Ra Ta.]

Buổi đọc 341-9; 2 tháng 6, 1925

GC: Trước mặt ông là Buổi đọc Đời Sống đã cho [341] vào ngày 28 tháng 2, 1925 [341-8], về kiếp sống ở Ai Cập với danh Raaaart, và các mối liên hệ với cùng thời. Xin cho biết thời kỳ này, tính theo lịch sử nhân loại, là khi nào, và thực thể đã đạt được những gì khi ấy.

Sau đó, tôi sẽ nêu tên những cá nhân, xin cho biết họ có sống ở Ai Cập khi đó không, và họ có liên hệ với thực thể này không, ở tư cách nào.

EC: Vâng, chúng tôi có kỳ lữ hành này nơi cõi địa cầu. Đúng là A-r-a-a-r-a-r-t [Ghi chú GD: Trong lời đề nghị, GC phát âm chữ R, rồi đánh vần phần còn lại, và ở đoạn đầu EC

paragraph EC spelled the name again, as he did in 341-8], and the time as we find is, as counted by man, eleven thousand and sixteen (11,016) years before the Prince of Peace came into this land.

As to that accomplished, we find this in one of the highest civilizations of this country in its present position, for we find this same country had been submerged for nearly a quarter of a million years since the civilization had been in this portion of country, and the peoples as had overrun the country in the various changes by invasions from the east and north, and this ruler, Araaraart, being then the second of the northern kings, and followed in the rule of the father, Arart, and began the rule, or took the position as the leader in his sixteenth year and ruled over these peoples for ninety-eight years. The country, as we find, was brought to a higher state of understanding with the surrounding nations, and there was much of the religious ceremonies practiced in this time, much of this being brought in from the northern country and of the religions as existed in this same country through the religion of that of the one taken as the companion, for there were many taken, and with the unearthing of the tribal rites and ceremonies, the coalition of these truths we find were correlated with these peoples as were gathered about this ruler, and much of the architectural forces were set in motion. As we see, the first foundations of the emblematical condition as is set in the sphinx was begun in this rule, for this, as we see, has remained the mystery of the ages.

In the accomplishments then, we have as these in Araaraart. This: Much of the sealing of the peoples' abilities in being drawn together for benefits of the masses rather than classes, for we find, though this ruler worshiped by many, yet remaining much in that same spirit as is found in the better classes of the ones serving Higher Forces

đánh vần tên thêm lần nữa, như trong 341-8], và thời gian như chúng tôi thấy là, tính theo lịch của con người, mười một nghìn không trăm mười sáu (11,016) năm trước khi Vị Hoàng Tử của Hoà Bình đến xứ này.

Về những thành tựu, chúng ta thấy đây thuộc một trong những nền văn minh cao nhất của xứ sở này ở vị trí hiện tại của nó; vì chúng ta thấy xứ sở này từng bị chìm ngập gần một phần tư triệu năm kể từ khi từng có văn minh ở phần đất này, và các dân tộc đã tràn qua xứ sở này trong nhiều biến đổi bởi các cuộc xâm lăng từ phương đông và bắc, và vị quân vương này, Araaraart, khi đó là vị thứ hai trong các vua miền bắc, nối nghiệp cai trị của phụ thân, Arart, và bắt đầu cai quản, hay nhận vị thế lãnh đạo vào năm thứ mười sáu của mình và trị vì dân chúng này chín mươi tám năm. Đất nước, như chúng ta thấy, đã được đưa đến mức độ hiểu biết cao hơn với các quốc gia xung quanh, và trong thời kỳ này có rất nhiều nghi lễ tôn giáo được thực hành, nhiều điều trong đó được mang từ xứ bắc và từ tôn giáo từng tồn tại ở chính xứ này qua tín ngưỡng của người phôi ngẫu được rước về; vì có nhiều người được rước, và khi khai quật những lễ nghi và nghi thức bộ tộc, sự hòa hợp những chân lý này, chúng ta thấy đã được điều hòa với những dân chúng quy tụ quanh vị quân vương này, và nhiều lực lượng kiến trúc đã được phát động. Như chúng ta thấy, những nền móng đầu tiên của thực thể biểu trưng mà nay đặt trong nhân sư đã được khởi công trong triều đại này; vì điều này, như chúng ta thấy, vẫn là bí ẩn của muôn đời.

Về thành tựu, chúng ta có những điều này nơi Araaraart. Rằng: Đã củng cố năng lực của dân chúng trong việc quy tụ vì lợi ích của đại chúng hơn là của giai tầng, bởi chúng ta thấy dấu vị quân vương này được nhiều người tôn thờ, nhưng vẫn giữ nhiều điều trong cùng tinh thần như được thấy nơi những hạng người tốt hơn trong số những ai phụng sự

than self, which is service to fellowman. The monuments as were unearthed and added to from time to time, we find are some still existent, though many buried beneath shifting sands. Others underneath sands that became the bed of the seas that overflowed this country.

(Q) Did this ruler have any other names or titles?

(A) There were many titles given in the various dialects of the peoples. This is one as will be found as recorded with that of the other rulers. Araaraart, known as one of the household of rulers in the Egyptian forces. One of good stature. One of goodly countenance, for we find this entity of the larger peoples as came in from the north during the reign of one preceding this entity. The accomplishment is in the sealing of the religious rites and of giving of the laws to be used by these peoples in this great land.

(Q) Was this entity, as history gives it, one of the Pharaohs, or Rameses?

(A) As one of Pharaohs of which there were more than three thousand. This coming, as given, in the eleven thousand and thirteen to sixteen (11,013 to 16) years before the Prince of Peace came into this country—coming in during the second year, see?

[Background: Follow-up reading given to Edgar Cayce on his prior incarnation as the high priest, Ra Ta.]

Reading 294-147; July 19, 1932

các Mãnh lực Cao cả hơn bản thân, tức là phụng sự đồng loại. Các đài kỷ niệm được khai quật và được bồi đắp qua thời gian, nay vẫn còn một số tồn tại, dẫu nhiều cái bị vùi dưới những sa mạc cát dời dạt. Những cái khác nằm dưới cát đã trở thành đáy của biển cả từng tràn lấp xứ sở này.

(Q) Vị quân vương này có tên gọi hay tước hiệu nào khác không?

(A) Có nhiều tước hiệu được ban theo các phương ngữ khác nhau của dân chúng. Đây là một danh sẽ được thấy ghi cùng với danh của các quân vương khác. Araaraart, được biết là một thuộc hoàng gia trong các thế lực Ai Cập. Một người có vóc dáng tốt. Tướng mạo khô ngô, vì chúng ta thấy thực thể này thuộc lớp người cao lớn đã từ phương bắc đến trong triều đại của một người tiền nhiệm. Thành tựu là ở việc đóng ấn các nghi thức tôn giáo và ban các luật để được dân chúng dùng trong xứ sở vĩ đại này.

(Q) Thực thể này, như lịch sử ghi, có phải là một trong các Pharaoh, hay Rameses?

(A) Là một trong các Pharaoh, vốn có hơn ba nghìn vị. Vị này xuất hiện, như đã nói, vào khoảng mười một nghìn không trăm mười ba đến mười sáu (11,013 đến 16) năm trước khi Vị Hoàng Tử của Hoà Bình đến xứ này — đến vào năm thứ hai, hiểu chứ?

[Bối cảnh: Buổi đọc tiếp nối dành cho Edgar Cayce về tiền kiếp của ông như vị thượng tế, Ra Ta.]

Buổi đọc 294-147; 19 tháng 7, 1932

GC: You will have before you the soul-body and the mind of Edgar Cayce, present in this room. You will give a detailed life history of this entity's appearance in Egypt as Ra-Ta, and his associations with those of that period with whom he is closely associated in the present. You will answer the questions which will be asked.

EC: Yes, we have the entity and those conditions or records that are apparent in the inner self of the entity or body in the present, from that as seen and recorded as Ra-Ta the priest.

In giving this interpretation we must find there are many peoples, even nations, that were influenced by the material activities of the entity in that experience.

That the entity came into the land Egypt with others that had come for a purpose is evidenced by that which has been given. He came with that people from what [Arabia] was to be later the earthly sojourn of the entity as a leader, and as a man then of unusual abilities as well as appearance and manners of conduct...

In this entity's appearance, then, in this particular experience, there was brought to those peoples of Zu's the condemnation of those of Ararat, [Arart [165]] who had established what would now be called a *community* home in the land later known as Ararat, or where the flood later brought those peoples who again joined with many in peopling the earth after that destruction which was caused by those changes in the land known as Og. [Atlantis? Portion now called Mt. Ararat?]

The entity then grew in grace with the peoples by the manner of conduct, though with the action of those peoples of Ararat these brought hardships for the mother of the entity in that experience, until there had been a change in the environs and brought

GC: Trước mặt ông là linh thể và thể trí của Edgar Cayce, hiện có mặt trong gian phòng này. Xin cho một lịch sử đời sống chi tiết về lần xuất hiện của thực thể này ở Ai Cập với danh Ra-Ta, và các mối liên hệ của Ngài với những người cùng thời — những người hiện nay gắn bó mật thiết với Ngài. Xin trả lời các câu hỏi sẽ được nêu ra.

EC: Vâng, chúng tôi có thực thể và các điều kiện hay ký lục còn hiển hiện trong nội ngã của thực thể hay thân xác hiện tại, từ những gì đã thấy và ghi nhận khi Ra-Ta còn là tư tế.

Khi đưa ra diễn giải này, chúng ta tất thấy có nhiều dân tộc, thậm chí nhiều quốc gia, đã bị ảnh hưởng bởi các hoạt động vật chất của thực thể trong kinh nghiệm ấy.

Rằng thực thể đã vào xứ Ai Cập cùng với những người khác đến vì một mục đích đã được chứng minh bởi những gì đã nêu. Ngài đến cùng một dân từ nơi mà [Arabia] về sau trở thành nơi lâm phạm của thực thể như một lãnh đạo, và như một con người khi đó có năng lực dị thường cũng như phong thái và cung cách xử sự...

Trong hình tượng xuất hiện của thực thể này, ở kinh nghiệm đặc thù này, đã được đem đến cho dân chúng xứ Zu sự kết án đối với những người ở Ararat, [Arart [165]] là những người đã lập nên điều mà nay gọi là một ngôi nhà *cộng đồng* ở xứ về sau được biết với tên Ararat, hay nơi mà trận hồng thủy về sau đã đưa những dân ấy đến — những người lại cùng nhiều kẻ khác tái quần cư địa cầu — sau sự hủy diệt bởi những biến đổi ở xứ gọi là Og. [Atlantis? Phần nay gọi là Núi Ararat?]

Rồi thực thể được dân chúng thương mến nhờ cung cách xử sự; dầu các hành vi của những người xứ Ararat gây gian truân cho mẫu thân của thực thể trong kinh nghiệm ấy, cho đến khi có sự đổi thay môi trường và được đưa vào vòng cảnh mới. [Ai Cập]

among a new surrounding. [Egypt]

[Background: Reading given to a thirteen-year-old female who had lived in ancient Egypt. During the reading, Cayce discusses how the Nile had once changed its course—a fact confirmed by shuttle imagery technology in the 1980s.]

Reading 276-2; February 20, 1931

In the one before this we find in that land now known as the Arabian, and to that portion of the country where the banishment of those peoples sent from that known as the Egyptian land. The entity was among those peoples called the wild peoples, or the barbarians. The entity then came under the influence of those so banished, and being awakened through those tenets that were held by those in the land the entity became one of the followers, and returning to the land gained in experience through the teachings; becoming an expert horseman of the plains, and carrying the messages to those peoples in the sand and waste places; returning to the land from which the teachings were gained in the latter days of the sojourn, the entity aided much in the building up of the hospital (that would be called in the present), ministering to the ills of those who suffered in body *and* in mind. In the present experience such may be that field, that ministry through which the entity may give into the lives of those contacted those deeper thoughts, that may find their expressions in *this* experience.

In the one before this we find again in this same land now called Egypt (this before the mountains rose in the south, and when the waters called the Nile then emptied into what is *now* the Atlantic Ocean). [GD's note: See [5748] Egypt.] The entity was among those peoples who gathered in places to establish various groups, or families, or sects, to prevent the inroads upon the

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một thiếu nữ mười ba tuổi từng sống ở Ai Cập cổ. Trong buổi đọc này, Cayce bàn về việc sông Nile đã từng đổi dòng — một thực tế được xác nhận bởi công nghệ ảnh chụp từ tàu con thoi vào thập niên 1980.]

Buổi đọc 276-2; 20 tháng 2, 1931

Trong kiếp trước nữa, chúng tôi thấy ở xứ nay gọi là Ả Rập, và ở phần đất nơi lưu đày những dân bị đuổi khỏi nơi gọi là xứ Ai Cập. Thực thể thuộc về số những người gọi là dân hoang dã, hay man di. Rồi thực thể chịu ảnh hưởng của những kẻ bị lưu đày ấy, và khi được đánh thức qua các giáo điều họ nắm giữ, thực thể trở thành một trong những người theo, và trở về xứ, gặt hái được kinh nghiệm qua các giáo huấn; trở thành một kỹ sĩ điều luyện nơi thảo nguyên, mang thông điệp đến những dân ở vùng cát và hoang mạc; trở về xứ nơi đã tiếp nhận giáo huấn vào những ngày cuối của kỳ lễ hành, thực thể đã giúp nhiều trong việc xây dựng nơi điều dưỡng (theo cách gọi hiện nay là bệnh viện), chăm nom bệnh hoạn của những ai chịu khổ trong thân thể và trong tâm trí. Trong kinh nghiệm hiện tại, đây có thể là lĩnh vực, là tác vụ qua đó thực thể có thể gieo vào đời sống của những người tiếp xúc những tư tưởng sâu xa hơn, để chúng có thể tìm được biểu hiện trong *kinh nghiệm này*.

Trong kiếp trước nữa, chúng tôi lại thấy ở chính xứ này, nay gọi là Ai Cập (điều này là trước khi dãy núi phía nam trời cao, và khi các dòng nước gọi là Nile khi ấy đổ vào nơi nay là Đại Tây Dương). [Ghi chú GD: Xem [5748] Ai Cập.] Thực thể thuộc về số người tụ hội ở những nơi để lập ra các nhóm khác nhau, hay gia tộc, hay giáo phái, nhằm ngăn chặn sự xâm nhập vào dân chúng từ các thú

peoples from the beasts from without, and the entity aided through this experience in the gathering together of various groups, various peoples, to join hands as a *common* interest for the common interests of all. In the *name* Hein.

In the abilities of the entity, these—as seen—lie in that of ministering to others, and *in* the home. Will there be kept those ideals that have long been innate—though rebellious spirits rise within from *suppressions* that existed through the entity's experience—this may be curbed best through those of loving gentleness, kindness, and pointing the way of keeping the body that temple *through* which He, the Father, may manifest.

[Background: Reading given on the topic of ancient Egypt. This reading also mentions changes that have occurred in the planet, including the fact that the Nile has changed its course.]

Reading 5748-1; March 28, 1925

dữ bên ngoài, và thực thể đã giúp — qua kinh nghiệm này — trong việc tập hợp những nhóm khác nhau, những dân khác nhau, để nắm tay nhau như một lợi ích *chung* cho lợi ích chung của mọi người. Với *danh* Hein.

Về các năng lực của thực thể, như thấy được, nằm ở việc chăm nom người khác, và *trong* gia đình. Nếu gìn giữ các lý tưởng đã từ lâu tiềm ẩn — dẫn những tâm khí phản kháng có thể đẩy lên từ các *ức chế* đã tồn tại qua kinh nghiệm của thực thể — điều này có thể được kiềm chế tốt nhất qua sự dịu dàng bác ái, lòng nhân, và chỉ bày con đường giữ gìn thân thể như đền thờ *qua* đó Ngài, Đấng Cha, có thể hiển lộ.

[Bối cảnh: Buổi đọc về chủ đề Ai Cập cổ đại. Bài này cũng nhắc đến những đổi thay đã xảy ra trên hành tinh, bao gồm thực tế rằng sông Nile đã đổi dòng chảy.]

Buổi đọc 5748-1; 28 tháng 3, 1925

Yes, we have the work here and that phase concerning the indwelling in the earth's plane of those who first gave laws concerning indwelling of Higher Forces in man. In giving such in an understandable manner to man of today, [it is] necessary that the conditions of the earth's surface and the position of man in the earth's plane be understood, for the change has come often since this period, era, age, of man's earthly indwelling, for then at that period, only the lands now known as the Sahara and the Nile region appeared on the now African shores; that in Tibet, Mongolia, Caucasias and Norway in Asia and Europe; that in the southern cordilleras and Peru in the southwestern hemisphere and the plane of now Utah, Arizona, Mexico of the northwestern hemisphere, and the spheres were then in the latitudes much as are presented at the present time.

The man's indwelling [was] then in the Sahara and the upper Nile regions, the waters then entering the now Atlantic from the Nile region rather than flowing northward. The waters in the Tibet and Caucasian entering the North Sea, those in Mongolia entering the South Seas, those in the cordilleras entering the Pacific, those in the plateau entering the Northern Seas.

When the earth brought forth the seed in her season, and man came in the earth plane as the lord of that in that sphere, man appeared in five places then at once—the five senses, the five reasons, the five spheres, the five developments, the five nations.

In this now then as we receive, we find many peoples, or man became the union against the invasion from the now Tibetan and Caucasian forces. The separating of the peoples in their castes [was] only the beginning then of group understandings, and the first ruler of groups set self in that place in the upper Nile, now near what is known as the Valley of Tombs.

Vâng, chúng tôi có công trình này ở đây và giai đoạn liên hệ đến sự nội tại trong cõi của Trái Đất của những người đầu tiên đã ban các luật liên quan đến sự nội tại của Các Lực Lượng Cao Hơn trong con người. Khi truyền đạt điều đó theo cách con người hôm nay có thể hiểu, [thì] cần rằng các điều kiện trên bề mặt Trái Đất và vị thế của con người trong cõi địa cầu được thấu hiểu, vì những đổi thay đã xảy ra nhiều lần kể từ giai đoạn, thời kỳ, thời đại sự cư ngụ trần thế của con người; bởi vào thời kỳ ấy, chỉ những vùng đất nay được biết là Sahara và khu vực sông Nile lộ ra trên bờ biển nay thuộc châu Phi; rồi đến vùng Tây Tạng, Mông Cổ, Kavkaz và Na Uy ở châu Á và châu Âu; rồi đến dãy núi phương nam và Peru ở bán cầu tây nam, và bình nguyên nơi nay là Utah, Arizona, Mexico của bán cầu tây bắc, và các thiên cầu khi ấy ở các vĩ độ gần như được trình bày ở thời hiện tại.

Sự cư ngụ của con người [lúc ấy] ở vùng Sahara và thượng lưu sông Nile; khi ấy, các dòng nước đổ vào đại dương nay gọi là Đại Tây Dương từ khu vực sông Nile, hơn là chảy về phương bắc. Các nguồn nước ở Tây Tạng và vùng Kavkaz đổ vào Biển Bắc, ở Mông Cổ đổ vào Nam Hải, ở dãy cordilleras đổ vào Thái Bình Dương, ở cao nguyên đổ vào các Biển phương Bắc.

Khi Địa Cầu trở mầm theo mùa của Mẹ, và con người đến trong cõi địa cầu như chủ tể của cõi ấy, con người xuất hiện đồng thời ở năm nơi—năm giác quan, năm lẽ, năm cõi, năm diễn trình phát triển, năm dân tộc.

Trong thời điểm này như chúng ta tiếp nhận, chúng tôi thấy nhiều chủng người, hay nói cách khác, con người kết liên để chống lại sự xâm lấn từ các lực nay gọi là Tây Tạng và Kavkaz. Sự phân chia các dân thành đẳng cấp [là] chỉ mới khởi đầu cho những hiểu biết theo nhóm, và vị thủ lĩnh đầu tiên của các nhóm đã đặt mình tại nơi ở thượng nguồn sông Nile, nay gần khu vực được biết là

Thung Lũng các Lăng Mộ.

In the second rule there came peace and quietude to the peoples, through the manner of the ruler's power over the then known world forces. At that period, man exchanged with the forces in each sphere that necessary for the propagation of the peoples of the sphere then occupied. In each of the spheres given was the rule set under some individual by this second ruler in now Egyptian country, and the period when the mind of that ruler brought to self, through the compliance with those Universal Laws ever existent, then that ruler set about to gather those wise men from the various groups to compile those as that ruler felt the necessary understanding to all peoples for the indwelling of the Divine Forces to become understood and to break away from the fear of the animal kingdom then overrunning the earth.

[Background: Follow-up reading given to a thirty-eight-year-old female in which the physical characteristics of Atlanteans were described.]

Reading 275-38; January 16, 1934

(Q) Describe the physical appearance of each at their height of spiritual development.

(A) The priest in body, [294], as has been given, in the height of the development was at the regeneration, or when over a hundred years (or light years) in the earth. Six feet one inch tall, weighing—what in the present would be called—a hundred and eighty-one pounds. Fair of face, not too much hair on the head nor too much on the face or body. In color nearly white, only sun or air tanned. The king five feet eleven inches tall, [341], weighing a hundred and seventy pounds. Fair of face. No hair on the head in the latter portion, or at the height of the development in the experience. Keen of eye, blue in color;

Trong thời trị vì thứ hai, dân chúng được yên bình và tĩnh lặng, nhờ cách thức quyền năng của vị cai trị đối với những lực giới khi ấy đã được biết đến. Vào giai đoạn đó, con người trao đổi với các lực ở mỗi cõi những điều cần thiết cho sự sinh sôi của các dân trong cõi mà họ đang cư trú. Ở mỗi cõi đã nêu, vị cai trị thứ hai này—nay thuộc xứ Ai Cập—đặt quyền cai quản dưới một số cá nhân; và khi tâm trí của vị ấy, nhờ tuân thuận những Định luật Phổ Quát vốn hằng hữu, đem lại cho chính mình sự nhận hiểu, thì vị ấy bắt đầu triệu tập các bậc hiền triết từ các nhóm khác nhau để biên soạn những điều mà vị ấy cho là sự thấu hiểu cần có cho hết thảy mọi người, hầu sự nội tại của Các Lực Lượng Thiên liêng được hiểu rõ và nhằm giải thoát con người khỏi nỗi sợ đối với giới động vật khi ấy đang tràn lan khắp địa cầu.

[Bối cảnh: Buổi đọc tiếp nối dành cho một phụ nữ ba mươi tám tuổi, trong đó mô tả các đặc điểm thể chất của người Atlantis.]

Buổi đọc 275-38; 16 tháng 1, 1934

(H) Hãy mô tả diện mạo thể chất của từng người ở đỉnh cao của sự phát triển tinh thần.

(Đ) Vị tư tế nơi thể xác, [294], như đã nêu, ở đỉnh cao của phát triển là trong giai đoạn tái sinh, hay khi đã hơn một trăm năm (hay năm ánh sáng) ở trần gian. Cao sáu phít một inh, cân nặng—theo cách gọi hiện nay—một trăm tám mươi một pao. Mặt mũi sáng sủa, tóc trên đầu không quá nhiều, cũng không quá nhiều trên mặt hay thân thể. Màu da gần như trắng, chỉ rám bởi nắng hay gió. Vị vương giả cao năm phít mười một inh, [341], nặng một trăm bảy mươi pao. Mặt mũi sáng sủa. Không có tóc trên đầu ở phần sau, hay ở đỉnh cao của phát triển trong trải nghiệm. Mắt sắc, màu xanh; lời nói khá nhanh. Người

and of speech rather quick. The Atlantean [378] five feet ten inches, weighing a hundred and sixty pounds; color as of *gold* that is burnished; yet keen of eye, gray in color. Hair as golden as the body. In activity alert, keen, piercing in vision, and of influence on those that approached. [255] as one fair in body, of beautiful face and figure; hair black; eyes dark brown, nearly black. Impressive in manner, and *impelling* in speech and manner. [452], of the natives in Arabia—five feet ten inches in height, and a hundred and fifty pounds, dark but not black—but rather that as of the American Indian in its native color or state, with the type of nose as the Roman. Not thick of lip, but eyes blue; and of activity, as would be said, studied in every movement. [282]—five feet ten and a half inches, a hundred and fifty pounds, and among those peoples of the men the fairer of skin, with dark hair and gray eyes; in manner quick and alert. [457]—tall, nearly six feet, weighing a hundred and thirty pounds; fair hair, though not golden. Activities quick, piercing—ever ready for dispute—that often occurred, yet active in all its associations, physical or mental. [488], as given. [275]—five feet four inches in height. Bronze when beginning in the service, the pure white when cleansed, in color. In the cleansing the conditions cleansed from body. Fair of hair, blue eyes, ever active in all its associations—as needs be for the activities in the experience. [276]—strong of body, five feet four and a half inches in height, a hundred and twenty-five pounds. Fair of hair, the color then as of tanned white. In its activities always as indicated by its abilities with peoples, with things, with animals, ever wary of every one. The child [288] fair of body, of hair—only four and a half when passing on, through sorrow of separation. [412]—fair of body for a native of the land, five feet eleven inches in height, a hundred and sixty pounds in weight. Slow in movement, yet earnest in activity. [301]—as indicated, fair of face, of

Atlantis [378] cao năm phít mười inh, nặng một trăm sáu mươi pao; màu như *vàng* được đánh bóng; mắt vẫn sắc, màu xám. Tóc vàng như thân thể. Trong hoạt động thì lanh lợi, tinh tường, ánh nhìn xuyên thấu, và có ảnh hưởng đối với những ai đến gần. [255] là người có thân thể đẹp, khuôn mặt và dáng dấp mỹ miều; tóc đen; mắt nâu sẫm, gần như đen. Phong thái gây ấn tượng, và lời nói lặn cử chỉ *có sức thôi thúc*. [452], thuộc người bản xứ ở Ả Rập—cao năm phít mười inh, nặng một trăm năm mươi pao, da sậm nhưng không đen—mà đúng hơn là như người Da đỏ châu Mỹ ở sắc độ hay trạng thái bản địa, với kiểu mũi La Mã. Môi không dày, nhưng mắt xanh; và trong hoạt động, như người ta nói, được cân nhắc trong từng cử động. [282]—cao năm phít mười rưỡi inh, một trăm năm mươi pao, và trong số những người ấy thì da trắng hơn, tóc đen và mắt xám; phong thái nhanh nhẹn và cảnh giác. [457]—cao, gần sáu phít, nặng một trăm ba mươi pao; tóc sáng màu, tuy không vàng kim. Hoạt động nhanh, sắc bén—luôn sẵn sàng tranh biện—mà thường xảy ra, tuy vậy năng động trong mọi liên hệ, cả thể chất lẫn tinh thần. [488], như đã nêu. [275]—cao năm phít bốn inh. Khi bắt đầu phụng sự thì màu đồng, khi được thanh tẩy thì màu trắng tinh. Trong sự thanh tẩy, các tình trạng đã được trừ khỏi thân. Tóc sáng màu, mắt xanh, luôn năng động trong mọi liên hệ—vì cần thiết cho các hoạt động trong trải nghiệm. [276]—thân thể cường tráng, cao năm phít bốn rưỡi inh, nặng một trăm hai mươi lăm pao. Tóc sáng màu, khi ấy có sắc thái của da trắng rám nắng. Trong hoạt động của mình, luôn như được chỉ dẫn bởi năng lực với người, với sự vật, với thú vật, luôn cảnh giác với mọi người. Đứa trẻ [288] thân thể sáng sủa, tóc sáng—chỉ bốn tuổi rưỡi khi lìa đời do nỗi buồn của chia lìa. [412]—thân thể sáng sủa đối với người bản địa của xứ, cao năm phít mười một inh, nặng một trăm sáu mươi pao. Cử động chậm rãi, nhưng hoạt động thì chân thành. [301]—như đã nêu, mặt mũi, thân thể sáng sủa. Tóc đỏ, mắt xanh. Các

body. Red hair, and eyes blue. The activities ever those of alertness, of keen activity. Yet may be said to have been more of the joviality than of any. As to the dress of the day, whether in the temple service or otherwise, this was always of linen—and in the manner as indicated, in the color as indicated, white and purple. The men and women were not much different in the manner of dress, save as in the Atlanteans who wore trousers when they came and coats, though much shorter or longer according to their class or distinction of their class. The king in his better moments was clad in the linens and the purples, and in the higher developments no change from the subjects at service...

(Q) *What was the climatic condition of the country at this time?*

(A) More fertile than even in the present with the overflow as occurs, for only about a third of the present Sahara was there, though it was sandy loam with silt—in the use of the agricultural portions.

[Background: Reading given to a twenty-four-year-old male who was told that he had once had an early incarnation in what is now North America.]

Reading 2223-1; August 21, 1927

In the one before this we find in the period when changes came in that land now known as the Utah and Colorado country. The entity [was] among those that dwelt in the land when this was submerged through the upheavals caused in the northern country. Then in the name Eili, and the entity lost through this experience, being in that position of bringing upon others those of condemnation, for the entity taught others to apply the night-side of life—through trickery and through soothsaying, counting of stones, of beads, of carvings. Hence in the

hoạt động luôn mang tính cảnh giác, nhạy bén. Tuy vậy có thể nói rằng có phần vui tính hơn bất kỳ ai. Về y phục thời ấy, dù trong phụng sự tại đền hay ngoài đền, thì luôn bằng vải lanh—và theo kiểu như đã nêu, màu như đã nêu, trắng và tím. Những người nam và nữ không khác nhau nhiều trong cách ăn mặc, trừ người Atlantis, khi họ đến thì mặc quần và áo khoác, tuy dài ngắn rất khác tùy theo đẳng cấp hay phẩm trật của họ. Nhà vua trong những lúc tốt đẹp thì khoác vải lanh và màu tím, và trong các phát triển cao hơn thì không có khác biệt so với bề tôi trong khi phụng sự...

(H) *Khi ấy khí hậu của xứ sở như thế nào?*

(Đ) Màu mỡ hơn cả hiện tại dù có những lần tràn ngập như đang xảy ra, vì chỉ khoảng một phần ba Sahara hiện nay là tồn tại khi ấy, tuy là đất cát pha với phù sa—được dùng cho phần nông canh.

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một nam thanh niên hai mươi bốn tuổi, người được cho biết rằng đã từng có một kiếp lâm phạm sớm tại vùng nay là Bắc Mỹ.]

Buổi đọc 2223-1; 21 tháng 8, 1927

Trong kiếp ngay trước kiếp này, chúng tôi thấy vào thời kỳ có những thay đổi ở vùng đất nay được biết là xứ Utah và Colorado. Thực thể [đã] ở giữa những người cư trú trong vùng khi nơi này bị chìm do những biến động xảy ra ở miền bắc. Bấy giờ mang tên Eili, và thực thể đã mất mát qua trải nghiệm này, vì ở vị trí khiến người khác bị lên án, bởi thực thể dạy người ta vận dụng mặt đêm của đời sống—thông qua lừa mị và bói toán, đếm đá, đếm hạt, đếm chạm khắc. Do đó trong thúc đẩy hiện tại, chúng tôi thấy ham muốn được biết về những điều như thế,

present urge we find the desire to know of such, and the fear of the influence of charm, or of that that might bring to others the thoughts of same. *Well* that the entity beware of same, and—as given—study the occult, rather than the mystery side of earth's experience.

và nỗi sợ ảnh hưởng của bùa chú, hay những gì có thể đem đến cho người khác các ý tưởng tương tự. Thực thể nên cảnh giác với điều đó, và—như đã nêu—hãy học về huyền bí học, hơn là phía bí nhiệm của kinh nghiệm trần thế.

2

Changes for the Twentieth Century—Những biến đổi cho Thế kỷ Hai Mươi

[Background: Voluntary reading which came immediately after reading 900-26. In this reading Cayce was apparently viewing global changes on the other side of the world as they were occurring.]

[Bối cảnh: Buổi đọc tự nguyện đến ngay sau buổi đọc 900-26. Trong buổi đọc này, Cayce dường như đang nhìn các biến đổi toàn cầu phía bên kia địa cầu khi chúng đang diễn ra.]

Reading 3976-3; January 24, 1925

Buổi đọc 3976-3; 24 tháng 1, 1925

EC: Have some terribly hard times in China today. In the Manchurian region, a flood and fire both. Many peoples are passing into the Borderland, their entities taking their position as has been manifest through their environment in the earth plane at present time. There are those conditions arising from this great boredom in the consciousness of many that will bring the revolution in the minds of many peoples, and begin that understanding of the purpose of the Gift of God to the World in the One made manifest in the flesh, and able to bring the consciousness made manifest in the world to the peoples. Hence many will be able through this to lay aside the physical and again manifest in a physical before men.

EC: Hôm nay ở Trung Hoa đang có những thời khắc vô cùng khắc nghiệt. Ở vùng Mãn Châu vừa có cả lũ lụt lẫn hỏa hoạn. Nhiều người đang bước vào Cõi Biên Giới, các thực thể của họ nhận vị trí của mình như đã biểu lộ qua môi trường của họ trong cõi trần ở thời điểm hiện tại. Có những tình trạng nảy sinh từ nỗi chán chường lớn lao trong tâm thức của nhiều người, điều này sẽ đem lại cuộc cách mạng trong tâm trí của nhiều dân, và khởi đầu sự hiểu biết về mục đích của Ân Tặng của Thượng đế dành cho Thế Gian nơi Đấng đã hiện thân trong xác phàm, và có khả năng đem tâm thức được biểu lộ trong thế giới đến với muôn dân. Do đó, nhiều người nhờ thế sẽ có thể gác sang bên phần thể chất và lại hiện thân trên bình diện thể chất trước người đời.

[Background: Reading given to a forty-two-

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một người đàn

year-old male in which both weather and market changes are discussed.]

Reading 195-29; May 28, 1926

GC: You will have in this room a printed report of Long Range Weather Forecast, dated January 15, 1926, by Herbert Janvrin Browne. You will answer the questions as I ask them relative to statements made in this report and the solar theory upon which this report is based.

EC: Yes, we have the report as printed here. There are many conditions given in same that are rather of the speculative nature than from sound reasoning. There may be expected many conditions to arise that will remind the people (who think) of conditions as have existed from period to period, age to age, and these in this report have been attempted to be related with the solar phases—the combinations rather of these and of conditions in the land and in the sea. Rather we would say that the emphasis be placed in the condition of density, or population, combined with the solar conditions to bring about certain changes in the sea and the currents therein, than that of the sun radiated on account of sun spots.

For, by actual experience there will be found that the greatest degree of heat in given places has been and may be reported when the larger sun spots show, or are in good position of being observed from earth's aspect or view.

The changes will take place in the coming year—there will be found, when all these conditions are taken together, rather in *this* respect, that there will be for the next few years many changes of an exceptional nature in heat and cold. Not by radiation nor by the courses changed in the sea; for the heat is as the reflection from that created in the earth's plane, rather than that

ông bốn mươi hai tuổi, trong đó cả biến đổi thời tiết lẫn thị trường được bàn đến.]

Buổi đọc 195-29; 28 tháng 5, 1926

GC: Trong phòng này các ông sẽ có một bản in “Báo cáo Dự báo Thời tiết Dài hạn” đề ngày 15 tháng 1, 1926, của Herbert Janvrin Browne. Các ông sẽ trả lời những câu hỏi tôi nêu liên quan đến các phát biểu trong báo cáo này và học thuyết Thái dương làm nền cho bản báo cáo.

EC: Vâng, chúng tôi có bản báo cáo in ở đây. Có nhiều điều kiện được nêu trong đó mang tính suy đoán hơn là phát xuất từ lý luận vững chắc. Có thể kỳ vọng nhiều tình trạng sẽ nảy sinh, gợi nhắc cho những người (biết suy nghĩ) về các điều kiện đã tồn tại từ thời kỳ này sang thời kỳ khác, từ thời đại này qua thời đại khác, và trong báo cáo này người ta đã cố gắng liên hệ chúng với các pha Thái dương—đúng hơn là sự kết hợp giữa những điều này với các điều kiện trên đất liền và trên biển. Chúng tôi muốn nói rằng nên đặt trọng tâm vào tình trạng mật độ, tức dân số, kết hợp với các điều kiện Thái dương để gây nên những thay đổi nhất định trong biển và các dòng hải lưu trong đó, hơn là do bức xạ Mặt Trời bởi các vết đen mặt Trời.

Vì theo kinh nghiệm thực tế sẽ thấy rằng mức độ nhiệt cao nhất ở những nơi nhất định đã được và có thể được ghi nhận khi các vết đen Mặt Trời lớn xuất hiện, hoặc ở vào vị trí thuận lợi để quan sát từ góc nhìn của Trái Đất.

Những thay đổi sẽ diễn ra trong năm sắp tới—sẽ thấy, khi tổng hợp tất cả những điều kiện này, đúng hơn theo *khía cạnh này*, rằng trong vài năm tới sẽ có nhiều biến đổi khác thường về nóng và lạnh. Không phải do bức xạ cũng không do các luồng biển đổi hướng; vì sức nóng như là phản xạ từ cái được tạo ra trong cõi địa cầu hơn là cái được áp đặt. Chỉ trong *mối liên hệ* lẫn nhau thì mới nên xét

administered. Only in the *relations* to each other would these be considered.

Ready for questions.

(Q) *Is Herbert Janvrin Browne's theory correct—whereby weather is forecasted several years in advance by measuring solar radiation and its action on the ocean currents?*

(A) Were these varied accounts considered of that information intimated here, these would be *not* correct. For this may be established as a theory: That thrown off will be returned. As the heat or cold in the various parts of the earth is radiated off, and correlated with reflection in the earth's atmosphere, this in its action changes the currents or streams in the ocean; and the waters bring or carry the heat in a manner to the various shores, or bring cold or carry cold to the various shores. [Discussion of La Niña and El Niño?]

(Q) *Is H. J. Browne's contention correct that the summer of 1927 in North America will be like winter?*

(A) Rather the winter of 1926 will be nearer like some summers, and the summer of 1927 will show many changes, as will be seen in '26 and '28. Not entirely correct, no.

(Q) *What will be the effect on the growing wheat crop in North America?*

(A) This will produce in various sections according to the various conditions produced by these variations in climate. There may be expected that the excess of grain supply in the world will be short in '27, '28, '29 and '30 the shortest.

(Q) *What will be the weather conditions in South America November and December 1926, and January 1927?*

(A) Near the *normal* for the world's conditions, see? That is, there will be the

đến các yếu tố ấy.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(H) *Học thuyết của Herbert Janvrin Browne có đúng không—rằng thời tiết có thể dự báo vài năm trước bằng cách đo bức xạ Thái dương và tác động của nó lên các hải lưu?*

(Đ) Nếu những báo cáo đa dạng ấy được xét đến theo hướng thông tin đã gợi ở đây, thì những điều này *không* đúng. Vì có thể xác lập một học thuyết như sau: Cái bị ném đi sẽ quay trở lại. Khi sức nóng hay lạnh ở các phần khác nhau của địa cầu được bức xạ ra, và tương quan với sự phản xạ trong khí quyển Trái Đất, thì chính sự tác động này làm đổi chiều các dòng hay dòng chảy trong đại dương; và các khối nước mang theo hoặc chuyển tải nhiệt đến các bờ bên khác nhau, hoặc mang lạnh hay chuyển tải lạnh đến các bờ bên khác nhau. [Bàn luận về La Niña và El Niño?]

(H) *Luận điểm của H. J. Browne có đúng không rằng mùa hè 1927 ở Bắc Mỹ sẽ giống như mùa đông?*

(Đ) Đúng hơn là mùa đông năm 1926 sẽ gần giống một số mùa hè, và mùa hè 1927 sẽ cho thấy nhiều biến đổi, như sẽ thấy trong '26 và '28. Không hoàn toàn đúng, không.

(H) *Tác động đối với vụ lúa mì đang trồng ở Bắc Mỹ sẽ như thế nào?*

(Đ) Điều này sẽ cho sản lượng ở các khu vực khác nhau tùy theo các điều kiện khác nhau được tạo ra bởi những biến thiên về khí hậu. Có thể kỳ vọng rằng lượng cung lúa mì thặng dư của thế giới sẽ thiếu hụt trong '27, '28, '29 và '30 là thiếu nhất.

(H) *Tình hình thời tiết ở Nam Mỹ vào tháng 11 và 12 năm 1926, và tháng 1 năm 1927 sẽ thế nào?*

(Đ) Gần như *bình thường* theo điều kiện của thế giới, thấy chứ? Nghĩa là, sẽ có những biến

variations there as will be seen in the northern latitude—such as is seen in the European countries during May, June... [GD's note: A mouse gnawed perhaps another month or two from the original paper here.]

(Q) *Is Abbe Gabriel's table and theories relative to lunar solar cycle correct?*

(A) Nearer correct than the radiation of solar conditions and their effect on the currents in sea.

(Q) *Will this weather change be serious enough in North American country to ruin growing grain crops and endanger health of its people?*

(A) In various sections, yes; such as will be seen in Montana, Dakota, Nebraska, Kansas, Oklahoma and portions of Illinois and Wisconsin.

(Q) *What could be done to diminish suffering and panics?*

(A) The conditions will be met in the manner in which the peoples meet the various conditions which of necessity arise.

(Q) *Any other suggestions?*

(A) There may be many books written concerning these various conditions and their various phases. These are the questions which have been asked. We are through.

[Background: Follow-up reading given to a forty-three-year-old male in which market, weather and moral changes, including the eventual demise of Prohibition [1920-1933] are discussed.]

Reading 195-32; August 27, 1926

GC: You will have before you the rdg. [195-29] made on 5/28/26, regarding weather forecast and its effect upon the price of wheat and corn. You will answer the questions which I will ask you regarding

thiên ở đó như sẽ thấy ở vĩ độ bắc—tựa như điều thấy ở các nước châu Âu trong tháng Năm, tháng Sáu... [Ghi chú của GD: Có lẽ chuột đã gặm mất một hai tháng nữa từ tờ giấy gốc ở đây.]

(H) *Bảng và các học thuyết của Abbe Gabriel về chu kỳ nguyệt—thái dương có đúng không?*

(Đ) Đúng gần hơn so với việc xét bức xạ Thái dương và ảnh hưởng của chúng lên các hải lưu.

(H) *Thời tiết biến đổi ở mức đủ nghiêm trọng tại Bắc Mỹ để phá hỏng vụ ngũ cốc đang trồng và đe dọa sức khỏe người dân không?*

(Đ) Ở vài khu vực thì có; như sẽ thấy ở Montana, Dakota, Nebraska, Kansas, Oklahoma và một phần Illinois và Wisconsin.

(H) *Có thể làm gì để giảm bớt khổ đau và hoảng loạn?*

(Đ) Các tình trạng sẽ được hóa giải theo cách thức mà người ta đối diện với các điều kiện khác nhau tất yếu nảy sinh.

(H) *Còn gợi ý nào khác?*

(Đ) Có thể viết nhiều sách về các tình trạng và các phương diện khác nhau của chúng. Những câu hỏi đã được nêu như thế. Chúng tôi xong rồi.

[Bối cảnh: Buổi đọc tiếp nối dành cho một người đàn ông bốn mươi ba tuổi, trong đó bàn về biến động thị trường, thời tiết và đạo đức, bao gồm cả sự chấm dứt của Lệnh Cấm rượu [1920-1933].]

Buổi đọc 195-32; 27 tháng 8, 1926

GC: Các ông sẽ có trước mặt buổi đọc [195-29] thực hiện ngày 28/5/26, về dự báo thời tiết và ảnh hưởng của nó lên giá lúa mì và bắp. Các ông sẽ trả lời những câu hỏi tôi nêu về

this.

EC: Yes, we have the information given in respect to weather forecast as made, and the effect the same would have upon grain—wheat and corn. The changes that have come in the interim show that in the various countries, districts, and especially that in grain and corn belts, have been in the way and manner as to carry out, not only the forecast as affecting the price of this commodity, or these commodities, but that the conditions will be near that given. For, as given, near the 20th of September will see the low price in wheat, and the corn will be not quite so low in proportion to the prices as given. And reports especially from Argentine and the Ukraine, with the London market, will have the effect, near the 15th to 19th of October, of the high prices in these two grains, ranging then from 128—29—low to 58—and 60, in wheat, and the corn near the same proportions.

Ready for questions.

(Q) *December wheat futures were given as making lows on September 15th and high on October 20th. Are these dates correct and will December corn follow wheat in its rise from September 15th?*

(A) Follow the rise in nearer the same proportions than the fluctuations have been from May to the present time, see? for these conditions exist, and in part are correct, and these reports may be the criterion or indication to one following such conditions. And should these change, then change according to reports. A destruction in the market and in the growing grain in the South American republics will bring the high price, while conservatism in Italy, Ukraine, Germany, Russia and France will decrease the price, as also the rise in production in many western states, and the government reports of many countries of amount of surplus on hand—especially that

vấn đề này.

EC: Vâng, chúng tôi có thông tin đã nêu liên quan đến dự báo thời tiết như đã làm, và tác động của nó đối với ngũ cốc—lúa mì và bắp. Những thay đổi đã xuất hiện trong thời gian xen giữa cho thấy rằng ở các quốc gia, khu vực, và nhất là ở vành đai lúa gạo và bắp, tình trạng đã diễn ra theo cách thức thực hiện, không chỉ là dự báo ảnh hưởng lên giá của mặt hàng này, hay các mặt hàng này, mà còn là điều kiện sẽ gần với cái đã nêu. Vì như đã nói, gần ngày 20 tháng 9 sẽ thấy giá thấp của lúa mì, và bắp sẽ không thấp đến thế nếu tính theo tỷ lệ so với các mức giá đã nêu. Và các báo cáo đặc biệt từ Á Căn Đình và Ukraina, cùng với thị trường Luân Đôn, sẽ có hiệu ứng, vào khoảng 15 đến 19 tháng 10, đưa giá lên cao đối với hai loại ngũ cốc này, khi đó dao động từ 128—29—mức thấp là 58—và 60 đối với lúa mì, và bắp gần như theo cùng tỷ lệ.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(H) *Hợp đồng lúa mì tháng 12 được nêu là tạo đáy vào 15/9 và đỉnh vào 20/10. Các mốc này có đúng không và hợp đồng bắp tháng 12 có theo lúa mì đi lên kể từ 15/9 không?*

(Đ) Sẽ theo đợt tăng với tỷ lệ gần tương tự hơn so với biến động từ tháng Năm đến nay, thấy chứ? vì những điều kiện này tồn tại, và phần nào là đúng, và những báo cáo này có thể là chuẩn mực hay chỉ báo cho ai theo dõi những điều kiện như vậy. Và nếu chúng thay đổi, thì hãy thay đổi theo các báo cáo. Tình trạng hủy hoại ở thị trường và trong vụ ngũ cốc đang trồng ở các nước Cộng hòa Nam Mỹ sẽ đưa giá lên cao, trong khi sự thận trọng ở Ý, Ukraina, Đức, Nga và Pháp sẽ làm giảm giá, cũng như mức tăng sản lượng ở nhiều bang miền tây, và các báo cáo của chính phủ nhiều nước về lượng dư trữ trong tay—đặc biệt là lượng do chính phủ Canada nắm giữ, và trong các kho ở Minnesota, Kansas và

as held by Canadian government, and as in the bins in Minnesota, Kansas and in the west United States. See?

(Q) *Will its rise be in straight line, or will there be a decline on way up? At about what figure will decline start from and how low will it go before rally again starts?*

(A) Already the decline, and gradually sinking until the 128-29 about the 20th of September, see? 15th to 20th. The gradual ascent from then in the variations, according to these various reports, see? No one is checked, as it were, against another. The northwestern and Canadian is yet to be harvested, and then the reports in the various marts of consumption are yet to be made, as to the conservatism and amount governments hold in reserve, see? These are the declining factors. In the rise, this is when the reports are given, after the harvest, in the United States, at the lack of available wheat and corn in sight, through various destructive agencies, and the demands begin to show in the foreign ports, with the destruction of growing grain in Australia and in South America, with floods in South Africa.

(Q) *Will May wheat future have its customary rally in February 1927 about what date, and about how high?*

(A) These are to be at variance, in and under present conditions, but at *present*, and with those indications as we see through these channels, the high would be about the 23rd of February.

(Q) *Will the weather conditions in South America be such that normal wheat crop will be harvested in January 1927?*

(A) As given, there will be destruction in Argentine and in the wheat areas in South America. Two varying reports—one in the beginning of the crops, see? the other December and in January, at the harvest.

miền tây Hoa Kỳ. Thấy chứ?

(H) *Đợt tăng sẽ đi theo đường thẳng, hay sẽ có một nhịp giảm trên đường đi lên? Đợt giảm sẽ bắt đầu từ mức khoảng bao nhiêu và sẽ giảm đến đâu trước khi bắt đầu phục hồi?*

(Đ) Hiện đã trong giai đoạn giảm, và dần dần trượt xuống đến 128-29 vào khoảng ngày 20 tháng 9, thấy chứ? Từ ngày 15 đến 20. Đợt tăng dần từ đó với các biến thiên, tùy theo những báo cáo khác nhau này, thấy chứ? Chưa có cái nào được đối chiếu, như thế, với cái khác. Tây bắc và Canada còn đang gặt, rồi các báo cáo ở các thương trường tiêu thụ khác nhau còn phải đưa ra, về sự thận trọng và lượng chính phủ dự trữ, thấy chứ? Đó là các yếu tố làm giảm. Còn trong đợt tăng, đó là khi các báo cáo được đưa ra sau vụ gặt ở Hoa Kỳ, về sự thiếu hụt lúa mì và bắp sẵn có, do nhiều tác nhân phá hoại, và khi nhu cầu bắt đầu thể hiện ở các cảng nước ngoài, cùng với sự phá hủy ngũ cốc đang trồng ở Úc và Nam Mỹ, với lũ lụt ở Nam Phi.

(H) *Hợp đồng lúa mì tháng Năm có đợt hồi như thường lệ vào tháng Hai 1927 không—khoảng ngày nào, và khoảng bao nhiêu?*

(Đ) Những điều này sẽ khác lệ trong và dưới các điều kiện hiện tại, nhưng vào *hiện tại*, và với các chỉ báo như chúng tôi thấy qua các kênh này, mức cao sẽ vào khoảng ngày 23 tháng Hai.

(H) *Tình hình thời tiết ở Nam Mỹ có đủ để thu hoạch vụ lúa mì bình thường trong tháng 1 năm 1927 không?*

(Đ) Như đã nêu, sẽ có phá hủy ở Á Căn Đình và ở những vùng lúa mì của Nam Mỹ. Hai báo cáo khác nhau—một ở đầu vụ, thấy chứ? còn kia là tháng Mười Hai và tháng Một, vào mùa gặt. Do đó có sự biến thiên, hay các điểm cao

Hence the variations, or the high points and the easing off.

That is all the questions.

As for the weather conditions, and the effect same will produce on various portions of the earth's sphere, and this in its relation to the conditions in man's affairs: As has been oft given, Jupiter and Uranus influences in the affairs of the world appear the strongest on or about October 15th to 20th—when there may be expected in the minds, the actions—not only of individuals but in various quarters of the globe, destructive conditions as well as building. In the affairs of man many conditions will arise that will be very, very, strange to the world at present—in religion, in politics, in the moral conditions, and in the attempt to curb or to change such, see? For there will be set in motion [that indicating] when prohibition will be lost in America, see? Violent wind storms—two earthquakes, one occurring in California, another in Japan—tidal waves following, one to the southern portion of the isles near Japan.

We are through.

[Background: Life reading given to a twenty-six-year-old osteopath in which Cayce warns of adverse financial conditions to occur in 1929 (Stock market crash = October 1929, which ushered in the Great Depression).]

Reading 2723-1; February 26, 1925

Hence in the present sphere we find these conditions in the urge of the individuality of the entity:

One that has the ability to study in the realm of the mental.

One slow to wrath, yet awful when he does

và các đợt hạ nhiệt.

Đó là tất cả câu hỏi.

Về điều kiện thời tiết, và tác động mà điều đó sẽ gây ra cho các phần khác nhau của cầu giới, và sự liên hệ của nó với điều kiện trong các sự vụ của con người: Như đã nhiều lần nêu, ảnh hưởng của Sao Mộc và Sao Thiên Vương trong sự vụ của thế giới sẽ mạnh nhất vào khoảng 15 đến 20 tháng Mười—khi có thể kỳ vọng trong tâm trí, trong hành động—không chỉ của cá nhân mà ở nhiều nơi trên địa cầu—những điều kiện phá hoại cũng như kiến tạo. Trong các sự vụ của nhân loại, nhiều tình trạng sẽ nảy sinh mà đối với thế giới hiện tại sẽ rất, rất lạ lùng—trong tôn giáo, chính trị, các điều kiện đạo đức, và trong nỗ lực kiểm chế hay thay đổi những điều như thế, thấy chứ? Vì sẽ được khởi động [điều chỉ thị] khi Lệnh Cấm rượu sẽ bị bãi bỏ ở Mỹ, thấy chứ? Những cơn bão gió dữ dội—hai trận động đất, một xảy ra ở California, một ở Nhật Bản—kèm theo sóng thần, một tới phần phía nam của các đảo gần Nhật Bản.

Chúng tôi xong rồi.

[Bối cảnh: Buổi đọc đời sống dành cho một bác sĩ chỉnh cốt hai mươi sáu tuổi, trong đó Cayce cảnh báo những điều kiện tài chính bất lợi sẽ xảy ra năm 1929 (khủng hoảng thị trường chứng khoán = tháng 10/1929, mở ra Đại Khủng hoảng).]

Buổi đọc 2723-1; 26 tháng 2, 1925

Do đó trong cõi hiện tại, chúng tôi thấy những điều kiện này trong thúc đẩy của tính cá nhân nơi thực thể:

Một người có khả năng học hỏi trong lĩnh vực trí tuệ.

Một người chậm nổi giận, nhưng khi đã giận

get mad. In the development in this, however, we find the entity has often (more often than otherwise) used discretion even in the wrath. This in the present plane the greater development in the body, as will be seen.

One that we find is in that development where the greater influences in the present plane are from the mental forces. That is, the urge is to use the abilities of the mental rather than the physical. Not that the entity is lacking in this sphere, yet the development shows the urge to be in this sphere.

One that with the adverse influences finds that those conditions as regarding other things of secular nature brings the troubles, worries, to the body.

One, then, that has abilities, yet lacking in the smaller affairs, especially pertaining to detail work regarding material affairs.

One that in the present plane finds the development in that sphere where the good to others gives the greater development.

One that within the present sphere will have great amount of monies to care for. In the adverse forces that will come then in 1929, care should be taken lest this, without the more discretion in small things, be taken from the entity.

[Background: Reading given to a thirty-three-year-old stockbroker regarding market fluctuations in 1929.]

Reading 900–425; March 6, 1929

(Q) *Will this decline turn into what we in Wall Street know as a real bear market?*

(A) Much too much mixed for a real bear market, see? for there has been in recent

thì dữ dội. Tuy nhiên, trong sự phát triển ở phương diện này, chúng tôi nhận thấy thực thể thường xuyên (thường xuyên hơn là không) biết dè dặt ngay cả trong cơn giận. Ở bình diện hiện tại, điều này là phát triển lớn hơn trong thân thể, như sẽ thấy.

Một người mà chúng tôi thấy đang ở vào phát triển nơi các ảnh hưởng lớn hơn trong bình diện hiện tại đến từ các lực trí tuệ. Nghĩa là, thúc đẩy là dùng năng lực của trí tuệ hơn là thể chất. Không phải thực thể thiếu ở bình diện này, nhưng phát triển cho thấy thúc đẩy là ở bình diện này.

Một người với các ảnh hưởng bất lợi thì thấy rằng những điều kiện liên quan tới các sự việc thể tục khác đem đến rắc rối, lo âu cho thân thể.

Một người có năng lực, nhưng thiếu sót trong những việc nhỏ, đặc biệt liên quan đến công việc chi tiết về sự vụ vật chất.

Một người ở trong bình diện hiện tại thấy phát triển ở lĩnh vực mà điều thiện đối với người khác đem đến sự phát triển lớn hơn.

Một người trong bình diện hiện tại sẽ có một lượng tiền bạc lớn để trông coi. Trước các ảnh hưởng bất lợi sẽ đến vào năm 1929, cần cẩn trọng kéo điều này, nếu không có sự dè dặt hơn trong các việc nhỏ, bị lấy mất khỏi thực thể.

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một nhà môi giới 33 tuổi liên quan đến biến động thị trường năm 1929.]

Buổi đọc 900–425; 6 tháng 3, 1929

(H) *Đợt giảm này có chuyển thành cái mà ở Phố Wall chúng tôi gọi là một thị trường giá xuống thực sự không?*

(Đ) Quá lẫn lộn để thành một thị trường giá xuống thực sự, thấy chứ? vì trong những

months a much greater tendency for larger combines than there has probably *ever* been before... *This* whole condition may change. Forget not there is still hanging over the situation that as has been given in the early portion of December [900–417] concerning the combination of radio, Western Union, Tel & Tel, and Westinghouse. These were given as to how the changes and how breaks. At the same time there was given that there was a division in the money conditions and positions. That fight has hardly begun. When this is an issue we may expect a *considerable* break and bear market, see? This issue being between those of the reserves of nations and of *individuals*, and will cause—unless another of the more *stable* banking conditions come to the relief—a great disturbance in financial circles. This warning has been given, see?

[Background: Reading seeking a way out of the Depression/global financial crisis.]

Reading 3976–10; February 8, 1932

GC: You will have before you the minds and entities of [943] and [2119], present in this room, seeking information regarding the most tangled financial and political crisis into which the world ever strayed. Please outline in detail a definite, workable, plausible and applicable financial and political plan for establishing peace on earth and good will among men. This information shall be given in such manner that it can be presented to mankind in book form, so that it can be understood by an ailing and panicky civilization.

EC: There are *many* statements in this that are *presuming* beyond the abilities of individuals seeking the information. Not by a great deal is the present condition the most serious of even the present civilization, for this point was passed in the fall of '29

tháng gần đây có xu hướng lớn hơn nhiều về các liên hợp quy mô lớn so với những gì *chưa từng* có trước đây... *Điều này* toàn bộ có thể thay đổi. Đừng quên vẫn còn treo lơ lửng trên tình hình điều đã nêu từ đầu tháng Mười Hai [900–417] liên quan đến sự kết hợp của radio, Western Union, Tel & Tel, và Westinghouse. Những điều đó đã được nêu về cách thức thay đổi và cách đổ vỡ. Đồng thời cũng đã nêu rằng có sự phân hóa trong điều kiện và vị thế tiền tệ. Cuộc đấu đó hầu như mới bắt đầu. Khi điều này trở thành vấn đề, chúng ta có thể kỳ vọng một đợt sụt giảm *đáng kể* và một thị trường giá xuống, thấy chứ? Vấn đề này nằm giữa các khoản dự trữ của các quốc gia và của các *cá nhân*, và sẽ gây ra—trừ khi một điều kiện ngân hàng *vững* hơn khác đến giải nguy—một sự rối loạn lớn trong giới tài chính. Cảnh báo này đã được đưa ra, thấy chứ?

[Bối cảnh: Buổi đọc tìm giải pháp thoát khỏi Đại Khủng hoảng/khủng hoảng tài chính toàn cầu.]

Buổi đọc 3976–10; 8 tháng 2, 1932

GC: Các ông sẽ có trước mặt tâm trí và các thực thể của [943] và [2119], hiện diện trong phòng này, đang tìm thông tin về cuộc khủng hoảng tài chính và chính trị rối rắm nhất mà thế giới từng sa vào. Xin phác thảo chi tiết một kế hoạch tài chính và chính trị rõ ràng, khả thi, có lý và áp dụng được để thiết lập hòa bình trên đất và thiện chí giữa những người nam và nữ. Thông tin này sẽ được trình bày theo cách có thể giới thiệu cho nhân loại dưới dạng sách, để một nền văn minh đang ốm yếu và hoảng loạn có thể hiểu được.

EC: Có *nhiều* phát biểu trong đó *giả định* vượt quá năng lực của những cá nhân đang tìm kiếm thông tin. Tình hình hiện tại chưa phải là nghiêm trọng nhất của ngay cả nền văn minh hiện tại, xa mới bằng, vì điểm đó đã được vượt qua vào mùa thu năm '29 (hai

(twenty-nine) [stock market crash = October 29, 1929] when there was given into the hands of two—yea three individuals—the *financial* conditions and situations of the world. These represent as two upon the one side, *one* upon the dark side—or dark forces. There must be first the return to a *standard* by which such *is* to be judged, and then there may be gradually worked out that of a plausible, equitable, applicable situation in the affairs of the world. These must be considered (the world's affairs) as a *unit*, and *not* as a whole, for there are conditions and developments in the present that are of the *unit making* conditions in the financial and political conditions of the earth. That which has been presented in the World Court in the present [President Hoover's delegation to Geneva in February 1932?] is the better or greater basis for the *final* relief, of that that *will* make for the working out of the financial and the political powers that be. These may not be invested in the few, though they must be the standard of many—and will follow in that course that is exercised *by* those that *present* the working basis for those conditions in the affairs of the earth.

(Q) *Who are the three individuals controlling the financial world in the present?*

(A) Warburg, Mellon, Morgan. [10/6/72 GD's note: President Hoover's efforts culminating in U.S. delegation sent to Geneva on 2/2/32: See Encyclopedia Britannica pages 226 and 802 re Mellon and Morgan; 1957 (cc) edition.]

(Q) *Please forecast the principal events for the next fifty years affecting the welfare of the human race.*

(A) This had best be cast after the great catastrophe that's coming to the world in '36 (thirty-six), in the form of the breaking up of many *powers* that now exist as factors in the world affairs. [Prediction of World War II?] The first *notable* change will be the

mười chín) [khủng hoảng thị trường chứng khoán = 29 tháng 10, 1929] khi các điều kiện và tình thế *tài chính* của thế giới được đặt vào tay hai—vâng ba—cá nhân. Hai vị đại diện ở một phía, còn *một* thuộc phía tối—hay các lực tối. Trước hết phải trở về một *chuẩn mực* để từ đó có thể phán định, rồi sau đó mới dần dần xây dựng nên một tình thế khả dĩ, công bằng, áp dụng được trong các sự vụ của thế giới. Các sự vụ ấy (của thế giới) cần được xét như một *đơn vị*, chứ *không* như một toàn thể, vì có các điều kiện và phát triển hiện thời là các điều kiện *tạo đơn vị* trong các điều kiện tài chính và chính trị của địa cầu. Cái đang được trình tại Tòa án Thế giới *hiện tại* [phái đoàn của Tổng thống Hoover đến Geneva vào tháng 2/1932?] là nền tảng tốt hơn hay lớn hơn cho sự cứu trợ *cuối cùng*, cho điều sẽ làm cho việc giải quyết quyền lực tài chính và chính trị trở nên khả dĩ. Chúng không thể được trao cho số ít, tuy nhiên chúng phải là *chuẩn mực* của số đông—và sẽ đi theo lộ trình được thực thi *bởi* những ai *trình bày* nền tảng vận hành cho các điều kiện ấy trong các sự vụ của địa cầu.

(H) *Ba cá nhân đang kiểm soát thế giới tài chính hiện tại là ai?*

(Đ) Warburg, Mellon, Morgan. [Ghi chú của GD 6/10/72: Nỗ lực của Tổng thống Hoover dẫn đến việc phái đoàn Hoa Kỳ gửi tới Geneva vào 2/2/32: Xem Encyclopedia Britannica trang 226 và 802 về Mellon và Morgan; ấn bản 1957 (cc).]

(H) *Xin dự báo các biến cố chủ yếu trong năm mươi năm tới ảnh hưởng đến phúc lợi của nhân loại.*

(Đ) Điều này tốt nhất nên được lập sau đại thảm họa sẽ đến với thế giới vào '36 (ba mươi sáu), dưới dạng sự tan rã của nhiều *quyền lực* đang tồn tại như những yếu tố trong các sự vụ thế giới. [Dự đoán về Thế chiến II?] Sự thay đổi *đáng chú ý* đầu tiên sẽ là chấp thuận hay

acceptance or rejection of the world's interference, or court of last resort *for* the world, in this present meeting as presented by France—and as rejected by America. Then, with the breaking up of in '36 (thirty-six) will be the *changes* that will make the different MAPS of the world.

(Q) *Name the powers that will be broken up in 1936.*

(A) Rather by 1936. Will be Russia, United States, Japan and England, or United Kingdom.

(Q) *Who will be the controlling power? [GD's note: Perhaps referring to beginning of World War II? 1/19/34 See 3976–15.]*

(A) That depends upon who is closer to those sources of power.

(Q) *What will be the developments in the relations between China and Japan?*

(A) The *international* interference will make for a re-peopling of portions of China, and the ultimate destruction of China or Japan as a nation.

(Q) *What should be the attitude of so-called capitalist nations toward Russia?*

(A) On Russia's religious development will come the greater hope of the world. Then that one, or group, that is the closer in its relationships, may fare the better in the gradual changes and final settlement of conditions as to the rule of the world.

(Q) *Should the United States recognize the present government in Russia?*

(A) Many conditions should be considered, were this to be answered correctly. You could say yes and no, and both be right, with the present attitude of both peoples as a nation, and both be wrong; for there *is* to come, there *will* come, an entire change in

bác bỏ sự can thiệp của thế giới, hay tòa án sau chót *cho* thế giới, trong cuộc họp hiện tại do Pháp trình bày—và bị Mỹ bác bỏ. Rồi, với sự tan rã vào '36 (ba mươi sáu) sẽ là những *biến đổi* tạo nên các BẢN ĐỒ khác nhau của thế giới.

(H) *Nêu tên các quyền lực sẽ bị tan rã vào năm 1936.*

(Đ) Đúng hơn là vào trước năm 1936. Sẽ là Nga, Hợp Chúng Quốc, Nhật Bản và Anh, hay Vương quốc Anh.

(H) *Ai sẽ là quyền lực kiểm soát? [Ghi chú của GD: Có lẽ ám chỉ khởi đầu của Thế chiến II? 19/1/34 Xem 3976–15.]*

(Đ) Điều đó tùy thuộc ai ở gần hơn với các nguồn quyền lực ấy.

(H) *Quan hệ giữa Trung Hoa và Nhật Bản sẽ phát triển ra sao?*

(Đ) Sự can thiệp *quốc tế* sẽ đưa đến việc tái dân cư một phần Trung Hoa, và sự hủy diệt cuối cùng của Trung Hoa hoặc Nhật Bản như một quốc gia.

(H) *Các quốc gia gọi là tư bản nên có thái độ gì đối với Nga?*

(Đ) Từ sự phát triển tôn giáo của Nga sẽ đến niềm hy vọng lớn hơn của thế giới. Khi ấy kẻ nào, hay nhóm nào, gần gũi hơn trong các mối liên hệ của mình, sẽ có phần thuận lợi hơn trong những biến đổi dần dần và cuộc dàn xếp cuối cùng các điều kiện liên quan đến sự cai quản thế giới.

(H) *Hoa Kỳ có nên công nhận chính phủ hiện tại ở Nga không?*

(Đ) Nên cân nhắc nhiều điều kiện, mới trả lời đúng được. Các ông có thể nói có và không, và cả hai đều đúng, với thái độ hiện tại của cả hai dân tộc như một quốc gia, và cả hai đều sai; vì sẽ đến, sẽ đến, một sự thay đổi toàn diện trong thái độ của cả hai quốc gia như

the attitude of both nations as powers in the financial and economical world. As for those of raw resources, Russia surpasses all other nations. As for abilities for development of same, those in the United States are the farthest ahead. Then these *united*, or upon an equitable basis, would become—or *could* become—powers; but there are many interferences for those already investments, those already under questions, will take years to settle.

(Q) *Will Italy adopt a more liberal form of government in the near future?*

(A) Rather that of a more monarchical government than that of the liberal. Italy, too, will be broken by what *now* is an insignificant or small power that lies *between* those of the other *larger*, or those of the *moment* that are of the larger. These will not come, as we find, as broken, before the catastrophes of outside forces to the earth in '36, which will come from the shifting of the equilibrium of the earth itself in space, with those of the consequential effects upon the various portions of the country—or world—affected by same.

[Background: Reading regarding prophecies contained within the Great Pyramid, as suggested by the book, The Great Pyramid (D. Davidson and H. Aldersmith).]

Reading 5748–6; July 1, 1932

EC: Much has been written respecting that represented in the Great Pyramid, and the record that may be read by those who would seek to know more concerning the relationships that have existed, that may exist, that do exist, between those of the Creative Forces that are manifest in the material world. As indicated, there were periods when a much closer relationship existed, or rather should it be said, there was a much better understanding of the

những quyền lực trong thế giới tài chính và kinh tế. Về tài nguyên thô, Nga vượt trội tất cả các quốc gia khác. Về khả năng phát triển những thứ ấy, Hoa Kỳ đi trước xa nhất. Vậy khi những điều này được *hợp nhất*, hoặc trên một nền tảng công bằng, thì sẽ trở thành—hoặc *có thể* trở thành—quyền lực; nhưng có nhiều trở ngại bởi các khoản đầu tư đã có, những điều đang bị chất vấn, và sẽ mất nhiều năm để giải quyết.

(H) *Trong tương lai gần, Ý có áp dụng một hình thức chính quyền tự do hơn không?*

(Đ) Đúng hơn là một chính thể quân chủ hơn là tự do. Ý cũng sẽ bị bẻ gãy bởi cái mà *hiện* đang là một quyền lực nhỏ bé hay không đáng kể nằm *giữa* các quyền lực *lớn hơn* khác, hay các quyền lực *trong khoảnh khắc* đang lớn hơn. Chúng, như chúng tôi thấy, sẽ không bị bẻ gãy trước các thảm họa do những lực bên ngoài tác động lên địa cầu vào '36, vốn đến từ sự xê dịch của trạng thái cân bằng của Trái Đất trong không gian, với những hiệu ứng hệ quả lên các phần khác nhau của đất nước—hay thế giới—bị tác động bởi điều đó.

[Bối cảnh: Buổi đọc liên quan đến các lời tiên tri chứa trong Đại Kim Tự Tháp, như được gợi ý trong cuốn The Great Pyramid (D. Davidson và H. Aldersmith).]

Buổi đọc 5748–6; 1 tháng 7, 1932

EC: Đã có nhiều điều được viết về những điều được biểu thị trong Đại Kim Tự Tháp, và ký lục có thể đọc được bởi những ai muốn hiểu rõ hơn về các mối liên hệ từng tồn tại, có thể tồn tại, đang tồn tại, giữa các Lực Sáng Tạo vốn biểu lộ trong thế giới vật chất. Như đã chỉ ra, đã có những thời kỳ khi mối liên hệ gần gũi hơn tồn tại, hay đúng hơn phải nói, đã có sự hiểu biết tốt hơn về mối liên hệ *đang tồn tại* giữa thụ tạo và Đấng Sáng Tạo.

relationship that *exists* between the creature and the Creator.

In those conditions that are signified in the way through the pyramid, as of periods through which the world has passed and is passing, as related to the religious or the spiritual experiences of man—the period of the present is represented by the low passage or depression showing a downward tendency, as indicated by the variations in the character of stone used. This might be termed in the present as the Cruciatarian Age [?]*, or that in which preparations are being made for the beginning of a new sub-race, or a change, which—as indicated from the astronomical or numerical conditions—dates from the latter portion or middle portion of the present fall [1932]. In October there will be a period in which the benevolent influences of Jupiter and Uranus will be stronger, which—from an astrological viewpoint—will bring a greater interest in occult or mystic influences. *[From Webster's Standard Dictionary of obsolete words: cruciat: a crusade; also, a papal bull sanctioning a crusade or privileging participants in it; cruciatory torturing; tormenting.]

At the correct time accurate imaginary lines can be drawn from the opening of the great Pyramid to the second star in the Great Dipper, called Polaris or the North Star. This indicates it is the system toward which the soul takes its flight after having completed its sojourn through this solar system. In October there will be seen the first variation in the position of the polar star in relation to the lines from the Great Pyramid. The dipper is gradually changing, and when this change becomes noticeable—as might be calculated from the Pyramid—there will be the beginning of the change in the races. There will come a greater influx of souls from the Atlantean, Lemurian, La, Ur or Da civilizations. These conditions are indicated in this turn in the journey through the

Trong những điều kiện được biểu thị theo lộ trình qua kim tự tháp, như các thời kỳ mà thế giới đã đi qua và đang đi qua, liên hệ với những trải nghiệm tôn giáo hay tinh thần của con người—thời kỳ hiện tại được biểu thị bằng hành lang thấp hay chỗ trũng cho thấy xu hướng đi xuống, như được chỉ ra bởi những biến thiên trong đặc tính của đá được dùng. Điều này có thể gọi trong hiện tại là Thời đại Cruciatarian [?]*, hay thời kỳ đang chuẩn bị cho sự khởi đầu của một giống dân phụ mới, hay một biến đổi, mà—như chỉ ra từ các điều kiện thiên văn hay số học—được tính từ phần sau hay phần giữa của mùa thu năm nay [1932]. Vào tháng Mười sẽ có một giai đoạn trong đó các ảnh hưởng nhân hòa của Sao Mộc và Sao Thiên Vương sẽ mạnh hơn, điều này—từ góc nhìn chiêm tinh—sẽ mang đến mối quan tâm lớn hơn dành cho các ảnh hưởng huyền diệu hay thần bí. *[Từ Từ điển Chuẩn của Webster về các từ cổ: cruciat: một cuộc thập tự chinh; cũng là chiếu chỉ giáo hoàng chuẩn y một cuộc thập tự chinh hoặc ban đặc quyền cho người tham gia; cruciatory: tra tấn; hành hạ.]

Vào thời điểm đúng đắn, có thể vẽ những đường tưởng tượng chính xác từ cửa vào Đại Kim Tự Tháp đến ngôi sao thứ hai trong chòm Gấu Lớn, gọi là Polaris hay Sao Bắc Cực. Điều này chỉ thị đó là hệ sao mà linh hồn hướng đến trong chuyến bay sau khi đã hoàn tất cuộc du hành qua hệ mặt trời này. Vào tháng Mười sẽ thấy biến thiên đầu tiên trong vị trí của sao Bắc Cực so với những đường kẻ từ Đại Kim Tự Tháp. Chòm Gấu dần dần đang thay đổi, và khi sự thay đổi này trở nên đáng chú ý—như có thể tính từ Kim Tự Tháp—sẽ là khởi đầu của biến đổi trong các giống dân. Sẽ có dòng linh hồn nhập thể mạnh mẽ hơn đến từ các nền văn minh Atlantis, Lemuria, La, Ur hoặc Da. Những điều kiện này được biểu thị trong khúc quanh này của lộ trình

pyramid.

How was this begun? Who was given that this should be a record of man's experiences in this root race? for that is the period covered by the prophecies in the pyramid. This was given to Ra and Hermes in that period during the reign of Araaraart when there were many who sought to bring to man a better understanding of the close relationship between the Creative Forces and that created, between man and man, and man and his Maker.

Only those who have been called may truly understand. Who then has been called? Whosoever will make himself a channel may be raised to that of a blessing that is all that entity-body is able to comprehend. Who, having his whole measure full, would desire more does so to his own undoing.

(Q) What are the correct interpretations of the indications in the Great Pyramid regarding the time when the present depression will end?

(A) The changes as indicated and outlined are for the latter part of the present year [1932]. As far as depression is concerned, this is not—as in the minds of many—because fear has arisen, but rather that, when fear has arisen in the hearts of the created, *sin lieth* at the door. Then, the change will occur—or that seeking will make the definite change—in the latter portion of the present year. Not that times financially will be better, but the minds of the people will be fitted to the conditions better.

(Q) What was the date of the actual beginning and ending of the construction of the Great Pyramid?

(A) Was one hundred years in construction. Begun and completed in the period of Araaraart's time, with Hermes and Ra.

(Q) What was the date B.C. of that period?

qua kim tự tháp.

Điều này đã được khởi xướng ra sao? Ai đã được giao cho việc đây sẽ là kỷ lục về những trải nghiệm của con người trong giống dân gốc? vì đó là thời kỳ được các lời tiên tri trong kim tự tháp bao quát. Điều này đã được trao cho Ra và Hermes trong thời kỳ trị vì của Araaraart khi có nhiều người tìm cách mang đến cho con người sự hiểu biết tốt hơn về mối liên hệ mật thiết giữa Các Lực Sáng Tạo và cái được tạo thành, giữa người với người, và giữa con người với Đấng Tạo Hóa của mình.

Chỉ những ai đã được gọi mới có thể thực sự thấu hiểu. Vậy thì ai đã được gọi? Bất kỳ ai chịu làm cho mình thành một kênh dẫn đều có thể được nâng lên tới ân phúc mà toàn thể hiện thể của thực thể ấy có thể thấu lĩnh. Kể nào, đã đầy tới độ, còn mong thêm nữa thì chính là tự chuốc lấy tai ương.

(H) Những diễn giải đúng đắn về các dấu hiệu trong Đại Kim Tự Tháp liên quan tới thời điểm cuộc suy thoái hiện tại sẽ kết thúc là gì?

(Đ) Những thay đổi như đã chỉ ra và phác thảo là vào phần cuối của năm hiện tại [1932]. Về phần suy thoái, điều này không phải—như trong tâm trí của nhiều người—là vì nỗi sợ đã nổi lên, mà đúng hơn là, khi nỗi sợ đã nổi lên trong lòng kẻ được tạo dựng, thì *tội lỗi* nằm ngay ở cửa. Bây giờ, sự thay đổi sẽ xảy ra—hoặc chính sự tìm kiếm sẽ làm nên chuyển đổi dứt khoát—vào phần cuối của năm hiện tại. Không phải là thời buổi về tài chính sẽ khá hơn, mà là tâm trí của người dân sẽ thích nghi tốt hơn với các điều kiện.

(H) Ngày bắt đầu và kết thúc thực tế của việc xây dựng Đại Kim Tự Tháp là khi nào?

(Đ) Mất một trăm năm để xây dựng. Bắt đầu và hoàn tất trong thời kỳ của Araaraart, với Hermes và Ra.

(H) Niên đại trước Công nguyên của thời kỳ đó là gì?

(A) 10,490 to 10,390 before the Prince entered into Egypt.

(Q) *What definite details are indicated as to what will happen after we enter the period of the King's Chamber?*

(A) When the bridegroom is at hand, all do rejoice. When we enter that understanding of being in the King's presence, with that of the mental seeking, the joy, the buoyancy, the new understanding, the new life, through the period.

(Q) *What is the significance of the empty sarcophagus?*

(A) That there will be no more death. Don't misunderstand or misinterpret! but the interpretation of death will be made plain.

(Q) *If the Armageddon is foretold in the Great Pyramid, please give a description of it and the date of its beginning and ending.*

(A) Not in what is left there. It will be as a thousand years, with the fighting in the air, and—as has been—between those returning to and those leaving the earth.

(Q) *What will be the type and extent of the upheaval in '36?*

(A) The wars, the upheavals in the interior of the earth, and the shifting of same by the differentiation in the axis as respecting the positions from the Polaris center.

(Q) *Is there not a verse of scripture in Isaiah mentioning the rock on which the great pyramid is builded?*

(A) Not as we find; rather the rock on which John viewed the New Jerusalem—that is, as of the entering in the King's Chamber in the Pyramid.

(Q) *What is the date, as recorded by the Pyramid, of entering in the King's Chamber?*

(A) '38 to '58.

(Đ) 10.490 đến 10.390 trước khi Vị Hoàng tử vào Ai Cập.

(H) *Những chi tiết xác định nào được chỉ ra về điều sẽ xảy ra sau khi chúng ta đi vào thời kỳ của Phòng Vua?*

(Đ) Khi tân lang ở gần, mọi người đều hân hoan. Khi chúng ta đi vào sự hiểu biết rằng mình đang ở trong sự Hiện diện của Vua, cùng với sự tìm kiếm bằng thể trí, là niềm vui, là sự phấn chấn, là sự hiểu biết mới, là đời sống mới, xuyên suốt giai đoạn ấy.

(H) *Ý nghĩa của cỗ quan tài trống là gì?*

(Đ) Rằng sẽ không còn sự chết nữa. Đừng hiểu sai hay diễn giải lệch lạc! mà là cách diễn giải về sự chết sẽ được làm sáng tỏ.

(H) *Nếu Armageddon đã được báo trước trong Đại Kim Tự Tháp, xin cho mô tả về nó và ngày bắt đầu cũng như kết thúc.*

(Đ) Không phải trong những gì còn lưu lại ở đó. Nó sẽ như một ngàn năm, với chiến trận trên không, và—như đã từng—giữa những kẻ trở về với và những kẻ rời khỏi trần gian.

(H) *Cuộc biến động vào năm '36 sẽ có dạng thức và mức độ thế nào?*

(Đ) Chiến tranh, những biến động trong lòng đất, và sự dịch chuyển của chúng do sai biệt ở trục xét theo vị thế so với tâm Polaris.

(H) *Há chẳng có một câu Kinh Thánh trong Ê-sai nhắc đến tảng đá mà trên đó đại kim tự tháp được xây sao?*

(Đ) Không như chúng tôi thấy; đúng hơn là tảng đá trên đó Giăng đã trông thấy Tân Giê-ru-sa-lem—tức là, như việc đi vào Phòng Vua trong Kim Tự Tháp.

(H) *Theo như Đại Kim Tự Tháp ghi nhận, niên đại của việc đi vào Phòng Vua là gì?*

(Đ) '38 đến '58.

(Q) *If the Passion of Jesus is recorded in the Great Pyramid, please give the date according to our present system of recording time?*

(A) This has already been presented in a fair and equitable manner through those students of same, and these descriptions have been presented as to their authenticity.

(Q) *How was this particular Great Pyramid of Gizeh built?*

(A) By the use of those forces in nature as make for iron to swim. Stone floats in the air in the same manner. This will be discovered in '58.

(Q) *What is the significance of the character of the figure of the Sphinx, mentioned above?*

(A) In this particular period of Araaraart and of the priest (that began those understandings—and passed through those of the hell in the misinterpretation of same), there was even then the seeking through those channels that are today called archaeological research. In those periods when the first change had come in the position of the land, there had been an egress of peoples—or *things*, as would be called today—from the Atlantean land, when the Nile (of Nole, then) emptied into what is now the Atlantic Ocean, on the Congo end of the country. What is now as the Sahara was a fertile land, a city that was builded in the edge of the land, a city of those that worshipped the sun—for the use of its rays were used for supplying from the elements that which is required in the present to be grown through a season; or the abilities to use both those of introgression and retrogression—and mostly retrograded, as we are in the present. The beginnings of these mounds were as an interpretation of that which was crustating in the land. (See, most of the people had tails then!) In those

(H) *Nếu Cuộc Thương Khó của Đức Jesus được ghi trong Đại Kim Tự Tháp, xin cho niên đại theo hệ ghi thời hiện nay của chúng ta?*

(Đ) Điều này đã được trình bày theo cách thức công bằng và thích đáng bởi những đạo sinh nghiên cứu về cùng một chủ đề, và các mô tả đó đã được trình bày về tính xác thực của chúng.

(H) *Đại Kim Tự Tháp Gizeh này được xây như thế nào?*

(Đ) Bằng việc sử dụng những mãnh lực trong thiên nhiên đến mức khiến sắt có thể nổi. Đá nổi trong không khí theo cùng một cách. Điều này sẽ được khám phá vào năm '58.

(H) *Ý nghĩa của đặc trưng hình tượng Nhân Sư, như đã nhắc bên trên, là gì?*

(Đ) Trong giai đoạn đặc thù của Araaraart và của vị tư tế (người đã khởi đầu những hiểu biết ấy—và đã trải qua những nỗi *địa ngục* do diễn giải sai cùng những điều đó), ngay khi ấy đã có sự tìm kiếm qua những kênh mà ngày nay gọi là nghiên cứu khảo cổ. Vào những thời khi sự chuyển đổi đầu tiên đã xảy đến trong vị thế của đất đai, đã từng có dòng người—hoặc những *sự sống*, như ngày nay gọi—thoát ra từ xứ Atlantis, khi Sông Nile (khi đó gọi là Nole) đổ vào thứ hiện nay là Đại Tây Dương, ở đầu Congo của xứ sở. Thứ mà nay là Sahara từng là vùng đất phì nhiêu, một thành phố được xây nơi rìa đất, một thành phố của những người thờ mặt trời—vì tia của nó được dùng để cung ứng từ các nguyên tố những gì mà hiện nay cần để trồng trọt suốt một mùa; tức là năng lực sử dụng cả tiến nhập lẫn thoái lui—và phần nhiều đã thoái lui, như chúng ta hiện nay. Khởi nguyên của những gò này là như một diễn giải về cái đang đóng vỏ trong lòng đất. (Hãy xem, phần lớn người dân khi ấy có đuôi!) Trong khởi nguyên đó, những thứ này đã được để lại. Khi có sự xuất hiện của Arart và Araaraart, họ bắt đầu xây dựng trên

beginnings these were left. When there was the entrance of Arart and Araaraart, they begin to build upon those mounds which were discovered through research. With the storehouse, or record house (where the records are still to be uncovered), there is a chamber or passage from the right forepaw to this entrance of the record chamber, or record tomb. This may not be entered without an understanding, for those that were left as guards may *not* be passed until after a period of their regeneration in the Mount, or the fifth root race begins. In the building of the pyramid, and that which is now called the Mystery of Mysteries, this was intended to be a *memorial*—as would be termed today—to that counsellor who ruled or governed, or who acted in the capacity of the director in the *material* things in the land. With the return of the priest (as it had been stopped), this was later—by Isis, the queen, or the daughter of Ra—turned so as to present to those peoples in that land the relationships of man and the animal or carnal world with those changes that fade or fall away in their various effect. These may be seen in a different manner presented in many of the various sphinxes, as called, in other portions of the land—as the lion with the man, the various forms of wing, or characterizations in their various developments. These were as presentations of those projections that had been handed down in their various developments of that which becomes man—as in the present.

We are through.

[Background: Reading giving general counsel during the Great Depression.]

Reading 3976–14; November 5, 1933

HLC: You will give at this time that which will aid each individual present in understanding the reason and comprehensibility of that through which we

những gò được phát hiện qua nghiên cứu. Với kho chứa, hay nhà lưu ký (nơi các ghi chép vẫn còn sẽ được khai quật), có một phòng hay hành lang từ chân trước bên phải tới lối vào phòng lưu ký, hay mộ lưu ký. Không thể vào nơi này nếu thiếu sự hiểu biết, vì những kẻ được để lại làm người canh giữ sẽ *không* cho qua cho đến sau một kỳ tái sinh của họ trên Núi, hoặc khi giống dân gốc thứ năm bắt đầu. Trong việc xây kim tự tháp, và thứ này được gọi là Bí Nhiệm của các Bí Nhiệm, điều này vốn định là một sự *tướng niệm*—như ngày nay sẽ gọi—dành cho vị cố vấn đã cai quản hay trị vì, hoặc đã hành xử trong vai trò điều phối các sự việc *vật chất* trong xứ. Khi vị tư tế trở về (vì việc ấy đã bị đình lại), điều này về sau—bởi Isis, nữ hoàng, hay ái nữ của Ra—đã được chuyển sao cho trình bày cho dân chúng nơi xứ sở đó mối tương thuộc giữa con người và thế giới thú vật hay thế giới xác thịt cùng với những biến đổi phai tàn hay rơi rụng trong các hiệu ứng khác nhau của chúng. Những điều này có thể thấy được, theo một cách khác, trong nhiều tượng nhân sư các loại, như gọi, ở những phần khác của xứ—như sư tử với người, các dạng cánh khác nhau, hay các đặc trưng trong những phát triển đa tạp của chúng. Chúng là những trình bày về những phóng chiếu đã được truyền thừa qua những phát triển đa tạp về cái trở thành con người—như hiện nay.

Chúng tôi đã xong.

[Bối cảnh: Buổi đọc đưa lời khuyên chung trong thời kỳ Đại Suy Thoái.]

Buổi đọc 3976–14; 5 tháng 11, 1933

HLC: Lúc này, xin ông cho điều gì sẽ giúp từng cá nhân hiện diện hiểu lý do và sự khả thông của những gì mà chúng ta, với tư cách cá nhân, đang trải qua và kinh nghiệm trong

as individuals are passing and experiencing in the situation economically at this time.

EC: Yes, we have conditions economically as they exist in this land at the present time. In giving, then, an analysis of such in a manner that may be helpful for those that would seek to know themselves and the causes for the present general conditions:

To be sure, these have been approached from many varied angles by those who have sought, are seeking, to find the answers to such conditions in their own experiences; and by many that are seeking, and have sought, that there might be aid, understanding, comprehension, in the experience of others.

In the very nature, though, of a nation, a people, there are some fundamental principles upon which the economic and the soul life of a nation must be founded, if such a people, such a nation, is to remain true to that which is the birthright of every soul; to pursue that which will give it as an individual the right to manifest that it would worship in its Creator.

For, the first law that has been given to man from the beginning is: "Thou shalt have no other gods before me." And when man has faltered, has altered that, which has deprived others from giving expression to that birthright, that command that has come to man throughout the ages, then there arises that which creates those things that are the fruits of the evil influences that are in the earth. Such as: Hate, jealousy, avarice, and the like. These make for the creating of those conditions in all walks of life for power, for position, for the love of money and that it will bring in its associations in the lives of individuals. And, as there has been just this experience in the affairs of the nation as a nation, the nation as a nation is passing through that period when each soul must turn to that thought within

tình thế kinh tế hiện thời.

EC: Vâng, chúng ta có những điều kiện kinh tế như chúng tồn tại ở xứ sở này lúc hiện tại. Vậy thì, khi đưa ra một phân tích như thế theo một cách có thể hữu ích cho những ai muốn biết chính mình và các nguyên do của những điều kiện chung hiện tại:

Chắc chắn, điều này đã được tiếp cận từ nhiều góc độ đa dạng bởi những người đã tìm, đang tìm, để tìm ra lời đáp cho những điều kiện như vậy trong kinh nghiệm của riêng họ; và bởi nhiều người đang tìm, và đã tìm, để có thể có sự trợ giúp, thấu hiểu, khả thông, trong kinh nghiệm của kẻ khác.

Tuy nhiên, trong chính bản tính của một quốc gia, một dân tộc, có một số nguyên lý căn bản mà trên đó đời sống kinh tế và đời sống linh hồn của một dân tộc phải được đặt nền, nếu dân tộc ấy, quốc gia ấy, muốn giữ trung thành với điều vốn là quyền bẩm sinh của mỗi linh hồn; để theo đuổi cái sẽ cho họ, như một cá thể, quyền bày tỏ điều họ muốn thờ phượng nơi Đấng Tạo Hóa.

Vì, định luật thứ nhất đã được ban cho con người từ buổi ban đầu là: "Người chớ có các thần khác trước mặt Ta." Và khi con người nao núng, đã thay đổi điều ấy, vốn khiến người khác bị tước mất quyền bộc lộ quyền bẩm sinh đó, mệnh lệnh đã đến với nhân loại suốt các thời đại ấy, thì bấy giờ phát sinh những điều tạo ra các thứ vốn là hoa trái của những ảnh hưởng ác đang ở trên trần. Như: Hận thù, ghen ghét, tham lam, và những thứ tương tự. Những điều này gây nên các điều kiện trên mọi nẻo đời sống vì quyền lực, vì địa vị, vì tình yêu tiền bạc và cái nó mang theo trong các mối liên hệ trong đời sống cá nhân. Và, bởi vì quốc gia như một quốc gia đã vừa trải nghiệm điều y như vậy trong những công việc của nó, nên quốc gia như một quốc gia đang đi qua thời đoạn mà mỗi linh hồn phải quay vào tư tưởng bên trong về mối liên

of what is its relation to the Creative Forces in its experience; and each soul must ask itself what it as a soul is going to do about that command that was given, and that is the privilege of every soul; to show forth that very law of love that is the birthright of every soul. For, with that command has come ever that to which mankind may expect to find himself reduced when he has forgotten that which is his *first* duty, and the second which is likened unto it; "Thou shalt love thy neighbor as thyself."

Then, this condition has been the experience in the greater portion of the whole nation, the whole world. For, that is the experience of the individual that makes for the creating in his environ, his surrounding, of that which breeds strife, that which breeds hate, that which breeds malice, that which breeds selfishness.

The next law, as man knows, is that "Like begets like." And His injunction has been: "The worlds may pass away, but my Word shall not pass away; and ye shall pay to every farthing—and, as ye do unto your neighbor, as ye purpose in your heart, so will it be measured unto you." And when conditions arise that make for distress, whether they be in body, in mind, in the economic influences in the experience of any, *sin* lieth at *thy* door. Not thine neighbor's! Blame not the other fellow. Seek first to know within self that which has prompted thee, and when thou hast set thine house in order, when thou hast made thine peace with thine own conscience (that would smite thee, if ye will look within your own heart), then may ye find the answers that will come to every soul that seeks. For, as He has given to those of old, He is the same yesterday, today and forever. Think not as to who will ascend into heaven to bring down comfort and ease to thine own aching heart, or who will go over the seas to bring that which may be of a recompense within thine own experience, but lo! ye shall find it in your own heart!

hệ của nó với các Lực Sáng Tạo trong kinh nghiệm của mình; và mỗi linh hồn phải tự hỏi nó, như một linh hồn, sẽ làm gì với mệnh lệnh đã được ban và vốn là đặc ân của mọi linh hồn; để phơi bày chính luật yêu thương vốn là quyền bẩm sinh của mọi linh hồn. Vì, cùng với mệnh lệnh đó luôn đi kèm điều mà loài người có thể mong đợi sẽ thấy mình bị suy giảm xuống khi y quên điều là nhiệm vụ *đầu tiên* của mình, và điều thứ hai giống như điều ấy; "Người hãy yêu người lân cận như chính mình."

Vậy thì, điều kiện này đã là kinh nghiệm ở phần lớn khắp cả quốc gia, toàn thế giới. Vì, đó là kinh nghiệm của cá nhân vốn tạo nên trong môi trường của y, chung quanh y, cái nuôi dưỡng xung đột, cái nuôi dưỡng hận thù, cái nuôi dưỡng ác ý, cái nuôi dưỡng vị kỷ.

Định luật kế tiếp, như con người biết, là "Giống nào sinh giống nấy." Và Lời căn dặn của Ngài là: "Các thế giới có thể qua đi, nhưng Linh từ của Ta sẽ không qua đi; và các người sẽ trả đến từng đồng kềm—và, như các người làm cho người lân cận, như các người chủ định trong lòng, thì sẽ được đo lại cho các người." Và khi các điều kiện nảy sinh gây nên khốn khó, cho dù là trong thân, trong trí, hay trong những ảnh hưởng kinh tế trong kinh nghiệm của bất kỳ ai, thì *tội lỗi* nằm ngay nơi cửa *của người*. Không phải của người lân cận! Đừng đổ lỗi cho kẻ khác. Hãy tìm biết trước hết trong tự thân điều đã thúc đẩy người, và khi người đã sắp đặt nhà mình cho ổn, khi người đã hòa thuận với chính lương tâm mình (vốn sẽ đánh người, nếu các người chịu nhìn vào chính lòng mình), thì các người có thể tìm ra câu đáp vốn sẽ đến với mọi linh hồn tìm kiếm. Vì, như Ngài đã ban cho những kẻ xưa kia, Ngài vẫn như hôm qua, hôm nay và đời đời. Đừng nghĩ theo kiểu ai sẽ lên trời để mang xuống sự ủi an và sự dễ chịu cho lòng người đang đau nhói, hay ai sẽ vượt biển để mang đến điều có thể là một phần bồi hoàn trong kinh nghiệm của người,

Thus has the lawgiver given, and thus has He said who has set the way to make the intercession for man: "I will not leave thee comfortless, if ye will seek to do my biddings."

Many would say, "Yea, this is beautiful; yet it does not feed the hungry nor clothe those that are naked, nor make shelter for those that are cold."

Who is—Who *is*—the representative of the Father in the earth? Hath not He committed unto mankind the keeping of his brother? Hast thou answered that question that has been of old in thine experience; "Am I My Brother's Keeper?" The answer that should ring in the heart and soul of every individual is: "Know ye not that the blood of your brother crieth unto me from the ground!"

So, in the experience of those that have sent and made the conditions are greed, selfishness; that has been practiced in the minds, in the lives, in the experience of the nation. Think not any soul, "Yea, that is true for the other fellow." But it applies to Jim, to Tom, to those in ordinary walks of life, to those who have been given those powers in high places, those that have wealth about them; *they* are the oppressors; yea, look within thine own heart! Hast thou not practiced the same? For, as it has been given, "Yea, though there be only ten just men, they may save the city; they may save the nation; they may save the world," if they will but *practice* in their daily experience that which has been the command from the first: "Thou shalt love the Lord thy God with all thine heart, and thy neighbor as thyself."

This is the basis of all *spiritual* law; and to you would there be given as this:

nhưng kia! các người sẽ tìm thấy nó ngay trong lòng mình!

Vậy nên vị ban luật đã ban như thế, và Đấng đã lập Con Đường để chuyển cầu cho nhân loại cũng đã phán rằng: "Ta sẽ không để người mồ côi an ủi, nếu các người tìm làm theo điều Ta truyền."

Nhiều người sẽ nói, "Phải, điều này thật đẹp; nhưng nó không nuôi kẻ đói, không mặc cho kẻ trần truồng, không che chở cho kẻ giá lạnh."

Ai—Ai là —đại diện của Cha nơi trần thế? Há chẳng phải Ngài đã ủy thác cho loài người việc gìn giữ anh em mình đó sao? Người đã đáp câu hỏi xưa kia trong chính kinh nghiệm của người chưa; "Há Ta là Người Canh Giữ Anh Em Ta sao?" Câu đáp đáng lẽ phải vang lên trong tim và linh hồn của mỗi cá nhân là: "Há các người không biết máu của anh em các người kêu đến Ta từ đất sao!"

Vậy thì, trong kinh nghiệm của những kẻ đã gửi đi và đã tạo nên các điều kiện chính là lòng tham, lòng vị kỷ; những thứ đã được thực hành trong tâm trí, trong đời sống, trong kinh nghiệm của quốc gia. Đừng nghĩ linh hồn nào rằng, "Phải, điều đó đúng với kẻ khác." Nhưng nó áp vào Jim, vào Tom, vào những người trong nẻo đời thường nhật, vào những kẻ đã được trao quyền ở chốn cao, những kẻ có giàu có quanh mình; *họ* là kẻ áp bức; vâng, hãy nhìn vào chính lòng người! Há người chưa từng thực hành điều y như vậy sao? Vì, như đã được ban, "Phải, dầu chỉ có mười người công chính, họ có thể cứu thành; họ có thể cứu quốc gia; họ có thể cứu thế giới," nếu họ chỉ *thực hành* trong kinh nghiệm hằng ngày điều đã là mệnh lệnh từ buổi đầu: "Người hãy yêu Chúa, là Thượng Đế người, hết lòng, và yêu người lân cận như chính mình."

Đây là nền tảng của mọi luật *tinh thần*; và cho các ông, sẽ có điều này:

There is no activity in the experience of man that has not its inception or purpose in the spirit of those injunctions but what *must* fail; unless it is founded in the spirit of truth.

Hence each would ask, then: "What must I do about it; not what shall this, that or the other ruler, other office holder, or the other individual do" but each should ask, "What must I do about the economic conditions in which we find ourselves?"

So live each day, each hour, as to put into practice those precepts, those influences in thine own life, and in the life of all ye contact day by day. For, He hath said, "Though ye wander far afield, if ye will cry unto me, if ye will ask, if ye will draw unto me, I will draw nigh unto thee; and my help, my arm is not short as man's counting of shortness, but will bring to thee speedily that which is the desire of thine heart, if it is conceived in righteousness."

Ready for questions.

(Q) Will the National Industry Recovery Act be of lasting benefit to the country?

(A) If it is accepted in the manner in which it was purposed, it will bring in the experience of many lasting benefits. It of itself can do nothing. The applying of the principles (not tenets, principles!) in same will bring lasting aid to the nation. For, the *purpose* is conceived in truth.

(Q) Will there be any changes made in this act?

(A) As indicated from that just given, *all* do not measure up. Some changes, then, must be made to meet the emergencies, to meet the conditions that are over-averse in *their* activities respecting same.

Không có hoạt động nào trong kinh nghiệm của con người mà không có khởi nguyên hay mục đích trong tinh thần của những lời căn dặn ấy mà lại không *ắt* thất bại; trừ phi nó được đặt nền trong tinh thần của chân lý.

Vậy nên mỗi người sẽ hỏi: "Tôi phải làm gì về việc này; chứ không phải người cầm quyền kia, người giữ chức nọ, hay cá nhân kia phải làm gì" mà mỗi người nên hỏi, "Tôi phải làm gì về những điều kiện kinh tế mà chúng ta thấy mình đang ở trong đó?"

Hãy sống mỗi ngày, mỗi giờ, để đem những giới huấn ấy, những ảnh hưởng ấy vào thực hành trong chính đời sống của người, và trong đời sống của tất cả những ai các người tiếp xúc hằng ngày. Vì, Ngài đã phán, "Dầu các người lang bạt xa xăm, nếu các người kêu cầu Ta, nếu các người xin, nếu các người kéo Ta lại gần, Ta sẽ đến gần người; và sự trợ giúp của Ta, cánh tay Ta không ngắn như cách con người đếm là ngắn, mà sẽ mau chóng đem đến cho người điều là ước nguyện của lòng người, nếu nó được hoà thai trong sự công chính."

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(H) Đạo luật Phục Hồi Công Nghiệp Quốc Gia sẽ mang lợi ích lâu dài cho đất nước chăng?

(Đ) Nếu nó được tiếp nhận đúng theo cách thức nó được chủ định, nó sẽ mang đến trong kinh nghiệm của nhiều người những lợi ích lâu bền. Bản thân nó không thể làm gì. Việc áp dụng những nguyên lý (không phải tín điều, mà là nguyên lý!) trong đó sẽ đem sự trợ giúp bền vững cho quốc gia. Vì, *mục đích* được hoà thai trong chân lý.

(H) Sẽ có thay đổi nào được thực hiện trong đạo luật này không?

(Đ) Như đã gợi ý từ điều vừa nêu, không phải *tất cả* đều đạt chuẩn. Vậy nên, phải có vài thay đổi để ứng phó khẩn cấp, để đáp ứng những điều kiện vốn ngược chiều trong các hoạt động *của họ* liên quan đến đạo luật này.

(Q) Is [Henry] Ford's attitude towards this Act right?

(A) As to any individual, who is to judge his brother? As given of old, "Judge not lest ye be judged." Who are ye to judge what the other would do? Hast thou been in the same position, in the same place? Are thine own purposes and desires pure? Then, do not judge your brother!

(Q) Suggest changes that could be made in our present monetary system to improve conditions.

(A) This would of itself require much to be said, respecting the changes that have been made and that have been suggested throughout—[Note: Just then Mr. Z. passed a paper with a question across the couch, over Mr. Cayce, to Hugh Lynn, and the reading was stopped. After a few minutes, Hugh Lynn gave the suggestion to wake up. EC rose from the couch in an upright position as if being propelled by an unseen lever or pulley, without unfolding his hands from his solar plexus or using them in any way to rise to his feet. Individuals present remarked on and discussed this unusual phenomenon.]

[Background: Reading given to twenty-nine-year-old male seeking "advice and guidance" regarding world affairs; reading predicted that the stage was being set for the events of World War II.]

Reading 416–7; October 7, 1935

As to the affairs of an international nature, these we find are in a condition of great anxiety on the part of many; not only as individuals but as to nations.

And the activities that have already begun have assumed such proportions that there is to be the attempt upon the part of groups to

(H) Lập trường của [Henry] Ford đối với Đạo luật này có đúng không?

(Đ) Với bất kỳ cá nhân nào, ai là người phán xét anh em mình? Như lời xưa, "Đừng phê phán để khỏi bị phê phán." Các người là ai mà phán xét điều người khác sẽ làm? Há người đã ở trong cùng vị thế, cùng chỗ ấy chưa? Mục đích và ước muốn của chính người có tinh sạch chẳng? Vậy thì, đừng phán xét anh em người!

(H) Đề nghị những thay đổi có thể thực hiện trong hệ thống tiền tệ hiện tại của chúng ta để cải thiện tình hình.

(Đ) Điều này tự nó đòi hỏi phải nói nhiều, liên quan đến những thay đổi đã được thực hiện và đã được gợi ý suốt—[Ghi chú: Vừa lúc đó, ông Z. đưa một tờ giấy có câu hỏi ngang qua chiếc ghế bành, qua người ông Cayce, cho Hugh Lynn, và buổi đọc được dừng lại. Sau vài phút, Hugh Lynn đưa gợi ý để đánh thức. EC đứng bật dậy từ ghế ở tư thế thẳng đứng như thể bị một đòn bẩy hay ròng rọc vô hình nâng lên, mà không rời hai tay khỏi từng thái dương hay dùng tay theo bất kỳ cách nào để đứng lên. Những người hiện diện đã ghi nhận và bàn luận về hiện tượng bất thường này.]

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một người nam hai mươi chín tuổi tìm "lời khuyên và chỉ dẫn" về các vấn đề thế giới; buổi đọc dự đoán rằng sân khấu đang được dựng lên cho các biến cố của Thế chiến II.]

Buổi đọc 416–7; 7 tháng 10, 1935

Về các sự vụ có tính chất quốc tế, chúng tôi thấy chúng đang ở trong tình trạng có nhiều âu lo nơi nhiều người; không chỉ với tư cách cá nhân mà cả với các quốc gia.

Và những hoạt động đã khởi sự rồi đã mang quy mô đến mức sẽ có nỗ lực từ phía các nhóm nhằm trừng phạt, hoặc tạo nên các

penalize, or to make for the associations of groups to carry on same.

This will make for the taking of sides, as it were, by various groups or countries or governments. This will be indicated by the Austrians, Germans, and later the Japanese joining in their influence; unseen, and gradually growing to those affairs where there must become, as it were, almost a direct opposition to that which has been the *theme* of the Nazis (the Aryan). For these will gradually make for a growing of animosities.

And unless there is interference from what may be called by many the *supernatural* forces and influences, that are activative in the affairs of nations and peoples, the whole *world*—as it were—will be set on fire by the militaristic groups and those that are “for” power and expansion in such associations.

Ready for questions...

(Q) *Kindly give me any advice that will benefit me spiritually, physically, mentally.*

(A) Much might be given in these directions. These are not just as trite sayings, but rather make them as a portion of the inner self, as may be *felt* by self in its associations with its fellow man day by day, in associations with those of organizations or corporations. These should be considered as a unit: Study to show self approved unto thy Maker, thy better self. Purposefulness, then, in that done or accomplished or thought, that brings *constructive* influence and experience into the hearts and minds and lives of individuals. It isn't the great things. No great deeds of valor are accomplished without *ages* of preparation in the *soul* of one that accomplishes same. It is just being kind, just being gentle, just being patient, *first* with self and self's relationships to thy fellow man. These are not principles that are for the church alone, nor for the lodge, nor social

liên kết nhóm để tiếp tục các việc như thế.

Điều này sẽ khiến cho nhiều nhóm hay quốc gia hay chính phủ, như thế, phải chọn phe. Điều này sẽ được biểu thị bởi người Áo, người Đức, và sau đó là người Nhật tham gia bằng ảnh hưởng của họ; âm thầm, và dần dần lớn lên tới mức can dự vào những sự vụ mà nơi đó gần như phải trở thành một đối nghịch trực diện với điều vốn là *chủ trương* của người Quốc Xã (Arya). Vì những điều này sẽ dần làm tăng các hằn thù.

Và trừ phi có sự can thiệp từ những gì mà nhiều người có thể gọi là các lực và ảnh hưởng *siêu nhiên*, vốn đang được khởi hoạt trong các sự vụ của các quốc gia và các dân tộc, thì cả *thế giới*—như thế—sẽ bị các nhóm quân phiệt và những kẻ “vì” quyền lực và bành trướng trong những liên kết như vậy thiêu đốt.

Sẵn sàng cho các câu hỏi...

(H) *Vui lòng cho tôi lời khuyên nào có lợi cho tôi về mặt tinh thần, thể xác, trí tuệ.*

(Đ) Có thể nói nhiều theo những hướng này. Đây không chỉ là những lời nói tầm thường, mà hãy khiến chúng thành một phần của tự ngã bên trong, như có thể được *cảm* bởi tự ngã trong các mối liên hệ với đồng loại hàng ngày, trong các liên hệ với những tổ chức hay công ty. Những điều này nên được xem như một khối thống nhất: Hãy học để trình chính mình được chấp thuận trước Đấng Tạo Hóa, trước chân ngã tốt đẹp hơn của người. Sự có chủ đích, vậy, trong điều được làm hay hoàn tất hay suy tưởng, điều đem lại ảnh hưởng và kinh nghiệm *xây dựng* vào trong tâm và trí và đời sống của mọi người. Không phải những điều vĩ đại. Không có những chiến công hiển hách nào được hoàn thành mà không có *những thời đại* chuẩn bị trong *linh hồn* của người thực hiện điều ấy. Chỉ là biết tử tế, biết hiền hòa, biết nhẫn nại, *trước hết* với chính mình và các mối tương quan của

organizations; but more and more the principles to be applied in the experience of the business man, the social man, in the everyday life. Thus may better the glory of the Lord shine through thine experience. *How much* greater in the experience of each soul to at the end of any given day have the satisfaction of the best within self say to thee, "Well done!" than to have all the *glory* of man that you have tricked or have overstepped in some manner that may have been for material gain! *These*, then, will keep thee in the right way.

(Q) *Regarding the general world conditions, is it likely that changes in the earth's surface in the Mediterranean area will stop Italy's campaign against Ethiopia?*

(A) Not at *this* particular period. This may *eventually* be a portion of the experience, but not just yet.

(Q) *When is this likely to occur?*

(A) As to times and places and seasons, as it has indeed been indicated in the greater relationships that have been established by the prophets and sages of old—and especially as given by Him, "As to the day and the hour, who knoweth? *No one*, save the Creative Forces." Tendencies in the hearts and souls of men are such that these may be brought about. For, as indicated through these channels oft, it is not the world, the earth, the environs about it nor the planetary influences, nor the associations or activities, that *rule* man. *Rather* does man—by *his compliance* with divine law—bring *order* out of chaos; or, by his *disregard* of the associations and laws of divine influence, bring chaos and *destructive* forces into his experience. For *He* hath given, "Though the heavens and the earth pass away, my *word* shall *not* pass away!" This is oft considered as

mình với đồng loại. Đây không phải là những nguyên lý chỉ dành cho nhà thờ, hay cho hội kín, hay cho tổ chức xã hội; mà càng ngày càng là những nguyên lý cần được áp dụng trong kinh nghiệm của người kinh doanh, người xã hội, trong đời sống thường nhật. Như vậy vinh quang của Chúa mới có thể tỏa rạng qua kinh nghiệm của người. *Biết bao* lớn lao hơn trong kinh nghiệm của mỗi linh hồn là, vào cuối bất kỳ một ngày nào, có sự thỏa lòng của phần thiện trong chính mình nói với người, "Tốt lắm!" hơn là có mọi *vinh quang* của loài người mà người đã lừa gạt hay đã vượt rào bằng cách nào đó vì lợi lộc vật chất! *Những điều này*, vậy, sẽ giữ người ở trong nẻo ngay.

(H) *Liên quan đến các điều kiện thế giới nói chung, liệu những thay đổi ở bề mặt đất tại vùng Địa Trung Hải có chặn cuộc chiến dịch của Ý chống Ê-thi-ô-pi-a không?*

(Đ) Không vào thời kỳ *đặc thù này*. Điều này rồi sẽ *rốt cuộc* là một phần của kinh nghiệm, nhưng chưa phải lúc này.

(H) *Khi nào điều này có thể xảy đến?*

(Đ) Về thì-khi và nơi-chốn và các mùa-kỳ, như thực sự đã được chỉ ra trong các mối liên hệ lớn lao hơn đã được thiết lập bởi các đấng tiên tri và hiền triết thời xưa—và đặc biệt như Ngài đã ban: "Còn về ngày và giờ, ai biết được? *Không ai*, ngoại trừ các Lực Sáng Tạo." Các khuynh hướng trong lòng và linh hồn loài người là như vậy nên những điều này có thể được gây nên. Vì, như đã nhiều lần chỉ qua những kênh này, không phải thế giới, địa cầu, môi trường quanh nó hay các ảnh hưởng hành tinh, cũng chẳng phải các liên hệ hay hoạt động, *cai quản* con người. *Đúng hơn*, con người—nhờ *sự tuân phục* của y với luật thiêng—mang *trật tự* ra từ hỗn mang; hoặc, bởi *sự xem nhẹ* những liên hệ và luật của ảnh hưởng thiêng liêng, mang hỗn mang và các lực *hủy diệt* vào kinh nghiệm của mình. Vì Ngài đã phán, "Dầu trời và đất qua đi, *Linh từ Ta vẫn không qua đi!*" Điều này thường bị

just a beautiful saying, or something to awe those who have been stirred by some experience. But applying them into the conditions that exist in the affairs of the world and the universe in the present, what *holds* them—what are the foundations of the earth? The word of the Lord!

(Q) *Will the League [of Nations] attempt to force other than economic sanctions?*

(A) As indicated. The economic sanction, and then the turmoil that arises from partisans—and questions picked here and there by those unions. Latvia, Greece, Turkey, Italy, Austria, Bulgaria, Japan—of these (and with German influence) be mindful!

We are through for the present.

[Background: Reading given to a fifty-year-old male who asked about the possibility of earthquakes occurring in San Francisco in 1936.]

Reading 270–35; January 1, 1936

(Q) *What is the primary cause of earthquakes? Will San Francisco suffer from such a catastrophe this year? If so, give date, time and information for the guidance of this body, who has personal property, records and a wife, all of which it wishes safety.*

(A) We do not find that this particular district (San Francisco) in the present year will suffer the great *material* damages that *have* been experienced heretofore. While portions of the country will be affected, we find these will be farther *east* than San Francisco—or those *south*, where there has *not* been heretofore the greater activity. The causes of these, of course, are the movements about the earth; that is, internally—and the cosmic activity or influence of other planetary forces and stars and their relationships produce or bring

xem như chỉ là một lời nói đẹp, hay là cái gì đó khiến sững sờ những ai đã bị khuấy động bởi một kinh nghiệm nào đó. Nhưng khi đem chúng áp vào những điều kiện đang tồn tại trong những sự vụ của thế giới và vũ trụ hiện nay, điều gì *gìn giữ* chúng—nền tảng của địa cầu là gì? Ấy là Linh từ của Chúa!

(H) *Liên Hợp [các Quốc Gia] sẽ tìm cách áp đặt các trừng phạt khác ngoài trừng phạt kinh tế?*

(Đ) Như đã gợi ý. Trừng phạt kinh tế, rồi sự rối ren nảy sinh từ những kẻ bè phái—và những vấn đề bị lôi ra đây đó bởi các công đoàn đó. Latvia, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Ý, Áo, Bulgaria, Nhật Bản—trong số này (và với ảnh hưởng của Đức) hãy cảnh giác!

Chúng tôi tạm kết thúc.

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một người nam năm mươi tuổi hỏi về khả năng xảy ra động đất ở San Francisco năm 1936.]

Buổi đọc 270–35; 1 tháng 1, 1936

(H) *Nguyên nhân chủ yếu của động đất là gì? San Francisco có chịu một tai ương như vậy trong năm nay không? Nếu có, xin cho ngày, giờ và thông tin để hướng dẫn người này, người có tài sản cá nhân, hồ sơ và một người vợ, tất cả đều muốn được an toàn.*

(Đ) Chúng tôi không thấy khu vực đặc thù này (San Francisco) trong năm hiện tại sẽ chịu những thiệt hại *vật chất* lớn lao như đã từng trải qua trước đây. Trong khi một số phần của xứ sở sẽ bị ảnh hưởng, chúng tôi nhận thấy những phần này sẽ ở xa hơn về phía *đông* so với San Francisco—hoặc những nơi về phía *nam*, nơi *chưa* từng có hoạt động lớn hơn trước đây. Nguyên nhân của những điều này, dĩ nhiên, là các chuyển động quanh địa cầu; tức là, bên trong—và hoạt hóa hay ảnh hưởng vũ trụ của các mảnh lực hành tinh và các sao khác và các mối liên hệ của

about the activities of the elementals of the earth; that is, the Earth, the Air, the Fire, the Water—and those combinations make for the replacements in the various activities. If there are the greater activities in the Vesuvius, or Pelee, then the southern coast of California—and the areas between Salt Lake and the southern portions of Nevada—may expect, within the three months following same, an inundation by the earthquakes. But these, as we find, are to be more in the southern than in the northern hemisphere.

[Background: Reading obtained to provide information on “general economic conditions.”]

Reading 3976–16; April 18, 1936

GC: You will have before you members of the Economic Research Committee of the Ass’n for Research & Enlightenment, Inc., some of whom are present in this room. It is their desire periodically to secure information through this channel pertaining to general economic conditions and trends of mass thought and action both here and abroad, with particular reference to the effects of such conditions and mass thought and action on individuals in this country. It is their further desire to give the information received such publicity as will make its use generally beneficial. You will advise and direct them as to how best to conduct such a series of readings, what types of information should prove most beneficial and how best to make the information available. You will answer questions.

EC: Yes, we have the desires of those present relative to conditions general and specific.

In considering such a subject and in the approach to same, seeking through such a channel, this should be done with first the

chúng sản sinh hay gây nên những hoạt động của các hành khí của Địa cầu; tức là, Đất, Khí, Lửa, Nước—và những phối kết đó làm cho sự sắp đặt lại trong các hoạt động khác nhau. Nếu có hoạt động lớn hơn ở Vesuvius, hoặc Pelée, thì bờ nam của California—và các vùng giữa Salt Lake và những phần phía nam của Nevada—có thể mong đợi, trong vòng ba tháng sau đó, sự tràn ngập bởi các trận động đất. Nhưng như chúng tôi nhận thấy, những điều này sẽ nhiều hơn ở bán cầu nam so với bán cầu bắc.

[Bối cảnh: Buổi đọc được lấy để cung cấp thông tin về “các điều kiện kinh tế tổng quát.”]

Buổi đọc 3976–16; 18 tháng 4, 1936

GC: Quý vị sẽ có trước quý vị các thành viên của Ủy ban Nghiên cứu Kinh tế thuộc Ass’n for Research & Enlightenment, Inc., một số người hiện đang có mặt trong phòng này. Họ mong muốn định kỳ nhận thông tin qua kênh này liên quan đến các điều kiện kinh tế chung và khuynh hướng tư tưởng và hành động quần chúng ở đây và ở nước ngoài, đặc biệt xét đến ảnh hưởng của những điều kiện và tư tưởng, hành động quần chúng như vậy đối với các cá nhân ở xứ này. Họ còn mong muốn quảng bá thông tin nhận được theo cách khiến việc sử dụng thông tin ấy trở nên hữu ích rộng rãi. Xin quý vị khuyên dẫn họ về cách tốt nhất để thực hiện chuỗi buổi đọc như vậy, loại thông tin nào sẽ tỏ ra hữu ích nhất và cách tốt nhất để phổ biến thông tin. Quý vị sẽ trả lời các câu hỏi.

EC: Vâng, chúng ta nắm được ước muốn của những người hiện diện liên quan đến các điều kiện chung và riêng.

Khi xét một chủ đề như vậy và trong cách tiếp cận nó, khi tìm qua một kênh như vậy, điều này nên được thực hiện trước hết với

nature or the approach of such information and as to how helpful same may be in the experience of individuals.

It is, then, with a great deal of forethought that such would be attempted, not only from the viewpoint of the characters that may be presented in such information from period to period; but each individual as an individual must assume a great obligation upon his own part.

For to know and not to do, to him it becomes sin.

Hence in such an approach, they each should weigh well in the balance as to whether there are ulterior motives or whether they are of the nature that is rather just wonderment, and with little thought or idea of what such information might put upon them as individuals. And again as to whether such would be used for that of personal gain, or is it to be given to all who would in themselves seek?

For, as has ever been given from old, they that set themselves in array must either choose to serve those in high places or to serve mankind as a whole.

These questions, these considerations, should first be determined, then, in the mind, in the heart of each that may seek.

Then there comes the how, or in what manner may these be given that would be of a helpful, hopeful nature to the seeker, as well as to what would such a seeker do with that as may be given *as* information that is affecting and will affect not only themselves but their fellowman.

Through those channels of that organization, then, or through *any* that in sincerity seek by their own equipment or enquirement, or their sincerity, such information should be given to those that

bản chất hay cách tiếp cận loại thông tin như thế và về việc điều tương tự có thể hữu ích thế nào trong kinh nghiệm của các cá nhân.

Vậy thì, cần cân nhắc rất nhiều trước khi thử làm như thế, không chỉ từ quan điểm về những nhân vật có thể được nêu trong thông tin như vậy theo từng thời đoạn; mà mỗi cá nhân, như một cá nhân, phải tự mình gánh lấy một nghĩa vụ lớn lao.

Vì biết mà không làm, đối với người ấy trở thành tội.

Bởi vậy, trong cách tiếp cận như thế, mỗi người nên cân đo cho kỹ trong cán cân xem có động cơ kín ẩn nào chẳng hay liệu chúng có thuộc bản chất chỉ là tò mò, và ít nghĩ suy hay ý thức về việc thông tin như vậy có thể đặt lên họ những gì với tư cách cá nhân. Và một lần nữa là liệu những điều đó sẽ được dùng cho tư lợi, hay sẽ được trao cho mọi người muốn tự mình tìm cầu?

Vì, như xưa nay đã được ban, những ai tự xếp mình thành hàng ngũ thì hoặc phải chọn phục vụ những kẻ ở chốn cao, hoặc phục vụ nhân loại như một toàn thể.

Những câu hỏi, những suy xét này, vậy, phải được xác quyết trước, trong tâm trí, trong trái tim của mỗi người sẽ tìm cầu.

Rồi đến chuyện làm thế nào, hay bằng cách nào những điều này có thể được trao ra để hữu ích, đem hy vọng cho người tìm cầu, cũng như người tìm cầu sẽ làm gì với điều được trao *như* thông tin vốn đang và sẽ ảnh hưởng không chỉ họ mà cả đồng loại họ.

Vậy thì qua những kênh của tổ chức đó, hoặc qua *bất kỳ* ai thành tâm tìm cầu dựa trên thiết bị riêng của họ hay sự tra vấn của họ, hoặc sự thành tâm của họ, những thông tin như vậy nên được trao cho những ai *xin* điều

ask for same. But with those same warnings that he that uses same for his own personal aggrandizement *does* so to his *own* undoing.

Ready for questions.

(Q) *Explain from what sources this information may be obtained.*

(A) Conditions, thoughts, activities of men in *every* clime are things; as thoughts are things. They make their impressions upon the skein of time and space. Thus, as they make for their activity, they become as records that may be read by those in accord or *attuned* to such a condition. This may be illustrated in the wave length of the radio or of such an activity. They (the activities, etc.) go upon the waves of light, upon that of space. And those instruments that are *attuned* to same may hear, may experience, that which is being transmitted. Hence do not in seeking *confuse* thyself that there may not be variations as to the interpretations of economic influences or forces that are being enacted in the thought and activity of varied groups. Just as either [ether?] program may be sent from any given activity. The outer world is only an activity of the shadow world.

(Q) *Give the proper suggestion for establishing the highest possible contacts for each reading.*

(A) This depends upon that source, that station, that activity that is to be interpreted. For each influence is set as has been given; as a consciousness of this, that or the other land. And those in authority or the greater influence of that group or nation are then as a unit, as a station. And these then would be merely the contact of that which is the *universal* consciousness of America, Canada, Britain, Italy, France, Japan, the East, the West, or what not.

(Q) *How frequently should readings be given?*

ấy. Nhưng kèm theo những cảnh báo tương tự rằng ai dùng những điều đó cho sự tự đề cao của chính mình thì *làm* như vậy là chuốc lấy sự diệt vong cho *chính* mình.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(H) *Giải thích các nguồn từ đó có thể lấy được thông tin này.*

(Đ) Các điều kiện, tư tưởng, hoạt động của con người ở *mọi* xứ đều là những vật; như tư tưởng là vật. Chúng in dấu ấn của mình lên cuộn chỉ của thời-gian và không-gian. Do đó, khi chúng tạo nên hoạt động, chúng trở thành như các ký lục có thể được đọc bởi những ai tương hợp hay *đồng điệu* với điều kiện như thế. Điều này có thể minh họa bằng bước sóng của vô tuyến hay một hoạt động tương tự. Chúng (các hoạt động, v.v.) đi trên các làn sóng ánh sáng, trên cái của không gian. Và những khí cụ *đồng điệu* với điều ấy có thể nghe, có thể trải nghiệm điều đang được truyền đi. Vậy nên, đừng trong lúc tìm kiếm mà *làm rối* bản thân rằng không thể có các dị biệt về diễn giải những ảnh hưởng hay lực kinh tế đang được thể hiện trong tư tưởng và hoạt động của các nhóm khác nhau. Cũng như bất kỳ chương trình nào [dĩ thái?] có thể được gửi đi từ bất kỳ hoạt động nào đã cho. Thế giới bên ngoài chỉ là một hoạt động của thế giới bóng hiện.

(H) *Hãy cho gợi ý thích hợp để thiết lập những tiếp xúc cao nhất có thể cho mỗi buổi đọc.*

(Đ) Điều này tùy thuộc vào nguồn, trạm, hoạt động sẽ được diễn dịch. Vì mỗi ảnh hưởng đều được an vị như đã được ban; như một tâm thức của xứ này, xứ khác. Và những kẻ có thẩm quyền hay ảnh hưởng lớn hơn của nhóm hay quốc gia đó bấy giờ là như một khối, như một trạm. Và rồi đây sẽ chỉ là mối tiếp xúc với cái gọi là tâm thức *phổ quát* của Mỹ, Canada, Anh, Ý, Pháp, Nhật, phương Đông, phương Tây, hay gì gì nữa.

(H) *Nên thực hiện các buổi đọc với tần suất*

(A) If such a *group uses* same *properly*, they may only be altered by how well that as may be given is applied in the experience of the seeker. For to have, to know and not do, not to make practical, not to make active, becomes (such information) as stumblingblocks. What read ye, how interpret ye that which prompted this land in its separating itself or binding itself for a functioning in the affairs, the experiences of man? What prompted that? What prompted that binding of themselves in an activity? *These* become the basic forces in the economic relations of a peoples of any nation. There has arisen and there is arising in the affairs and the experiences of man everywhere the necessity of there being not so much the consideration of a land as of all lands as a unit. For *mankind* is his brother, and thou *art* thy brother's keeper. The closest there has come [to] the laying of an *ideal* was when those nations, those representatives of many nations sat as in council. [According to the Cayce readings, during President Wilson's negotiations for the League of Nations, *Spirit* had actually sat with Wilson during the meetings.] And yet man's greed, man's fear of his own self, so entered in that it became as a stumblingblock for the world. And there has arisen from same those influences, those forces that have become crystallized in the minds of individuals that have gathered about themselves and crystallized into activity such an influence that soon there must be a reckoning. For again has the Prince of Peace been *crucified* upon the *altar*, the cross of greed!

We are through for the present.

[Background: Reading given to forty-eight-year-old male regarding the economy and militaristic actions occurring abroad.]

nào?

(Đ) Nếu một *nhóm biết dùng* điều đó một cách *đúng đắn*, thì chỉ có thể thay đổi theo mức độ điều được ban được áp dụng ra sao trong kinh nghiệm của người tìm cầu. Vì có, biết mà không làm, không khiến nó trở nên thực tiễn, không làm cho nó trở nên hoạt động, thì (thông tin như thế) trở thành hòn đá vấp. Các ông đọc gì, các ông diễn giải thế nào về điều thúc đẩy xứ sở này khi nó tách mình ra hay khi nó ràng buộc mình lại để vận hành trong những sự vụ, những kinh nghiệm của con người? Điều gì đã thúc đẩy điều đó? Điều gì thúc đẩy sự tự ràng buộc trong một hoạt động? *Đây* trở thành các mãnh lực nền tảng trong các mối liên hệ kinh tế của một dân tộc ở bất kỳ quốc gia nào. Đã nảy sinh và đang nảy sinh trong các sự vụ và kinh nghiệm của con người khắp nơi, sự cần thiết không phải là xét đến một xứ, mà là xét đến mọi xứ như một khối. Vì *nhân loại* là anh em của nhau, và người *là* người canh giữ anh em mình. Gần nhất với việc đặt một *lý tưởng* là khi các quốc gia ấy, những đại diện của nhiều quốc gia ấy, ngồi như trong mật nghị. [Theo các buổi đọc của Cayce, trong lúc Tổng thống Wilson thương thảo về Hội Quốc Liên, *Thần Linh* thực sự đã ngồi với Wilson trong các cuộc họp.] Thế mà lòng tham của con người, nỗi sợ chính mình của con người, đã chen vào đến nỗi nó trở nên như hòn đá vấp cho thế giới. Và đã nảy sinh từ đó những ảnh hưởng, những lực đã kết tinh trong tâm trí các cá nhân, vốn đã tụ hội quanh chính họ và kết tinh thành hoạt động một ảnh hưởng đến mức sớm thôi phải có một cuộc quyết toán. Vì một lần nữa, Vị Hoàng Tử Hòa Bình đã bị đóng đinh trên *bàn thờ*, trên thập giá của lòng tham!

Chúng tôi tạm kết thúc.

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một người nam bốn mươi tám tuổi liên quan đến kinh tế và các hành động quân phiệt diễn ra ở hải ngoại.]

Reading 270–30; February 13, 1933

(Q) *Will the Japanese concept of aggrandizement by militaristic aggression result in a declaration of war between Japan and the United States during the year 1936?*

(A) There are too many conditions to be considered, that may be of greater import and more far-reaching in importance even than wars, during 1936! As to the militaristic attitude and activities of the Japanese and those countries in that particular portion of the sphere, as we find, there will be a great deal more militaristic movements *between* now and '36 than during '36, in that particular field—unless there's some mighty changes in the affairs!

(Q) *The belief is held that the aeroplane manufacturing and transportation industry will become the outstanding cornerstone to mark this country's return to prosperity, just as the automobile industry did in 1921 and the radio activity did in 1925. Is this correct?*

(A) Partially so, yes. It may be given as the most *outstanding* change that would come, but the real basis of the change must come in the attitude of the classes with the masses, and the abilities for those in selective fields or positions to act more coordinatingly with the spiritual upliftment of *all* to a higher position as related to the affairs of groups, classes and masses.

(Q) *Has time and the constant evolutionary changes corrected the mind of the people so that a statement on the business outlook for this year can be given?*

(A) It will be on the improve in this year! for the definite change, definite turn of affairs! As may be seen from that which took place in Germany, Russia, Japan, on or about the 29th of January, and between the 29th of January and the 4th of February, the change will make for a leavening or a stabilizing

Buổi đọc 270–30; 13 tháng 2, 1933

(H) Liệu quan niệm bành trướng bằng chủ nghĩa quân phiệt của người Nhật có dẫn đến tuyên bố chiến tranh giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ trong năm 1936 không?

(Đ) Có quá nhiều điều kiện cần xét, có thể còn hệ trọng hơn và có tầm với xa hơn cả chiến tranh, trong năm 1936! Về thái độ và hoạt động quân phiệt của người Nhật và các xứ sở ở khu vực đặc thù đó của quả cầu, như chúng tôi thấy, sẽ có nhiều chuyển động quân phiệt từ nay đến '36 hơn là trong năm '36, ở lĩnh vực đặc thù ấy—trừ phi có những thay đổi lớn lao trong các sự vụ!

(H) Người ta tin rằng ngành sản xuất và vận tải máy bay sẽ trở thành viên đá tảng nổi bật đánh dấu sự trở lại phồn vinh của xứ này, như ngành ô tô đã làm năm 1921 và hoạt động vô tuyến đã làm năm 1925. Điều đó có đúng không?

(Đ) Đúng một phần, phải. Có thể coi đây là thay đổi nổi bật nhất sẽ đến, nhưng nền tảng thực sự của sự thay đổi phải đến trong thái độ giữa các giai tầng với quần chúng, và năng lực của những người ở các lĩnh vực hay vị trí tuyển chọn để hành động điều hòa hơn với sự nâng đỡ *tinh thần* của *mọi* người lên một địa vị cao hơn liên hệ đến các sự vụ của các nhóm, các giai tầng và quần chúng.

(H) Thời gian và những đổi thay tiến hóa liên tục đã điều chỉnh tâm trí người dân đủ để có thể đưa ra một nhận định về triển vọng kinh doanh cho năm nay chưa?

(Đ) Năm nay sẽ có sự cải thiện! vì sự thay đổi dứt khoát, chuyển hướng dứt khoát của các sự vụ! Như có thể thấy từ điều đã xảy ra ở Đức, Nga, Nhật, vào khoảng ngày 29 tháng Giêng, và giữa ngày 29 tháng Giêng và mùng 4 tháng Hai, sự thay đổi sẽ mang lại yếu tố gây men hay ổn định hóa (sau nhiều thử

(after many trials) to different conditions.

(Q) *Any other advice for this body at this time?*

(A) Many fields of thought may be considered by the body, and—as indicated from time to time—the abilities are such, as from the developments of the entity through his experience in the material planes, that holding to an ideal—working *with same, for same, living for same*, willing to die for same if necessary—is the best policy!

[Background: Follow-up reading given to forty-nine-year-old male regarding the economy and the possibility of earth changes.]

Reading 270–32; June 12, 1934

(Q) *Please interpret the astrological situation respecting the economic trend of business and inform me of the outlook to expect for the rest of this year.*

(A) As we find, while there are many conditions in some fields of activity that will be in the position of requiring changes in the present status of production in the area for the agricultural activity, the general commercial activities throughout *this* land will continue to be nearer and nearer to a normalcy. To be sure, there will be in various *local* conditions that which will affect more or less transmission lines with which the body is associated—be local conditions to be met, but the general will continue on the improve; and, as may be seen in the coming elections in the fall, the general trend of the public opinions as related to the activities in the affairs of the nation as a whole and *particularly* as related to the *commercial* associations abroad—will be for the greater expansion—in the abroad.

(Q) *Are the efforts of the administration to*

thách) hướng tới những điều kiện khác.

(H) *Có lời khuyên nào khác cho người này lúc này không?*

(A) Nhiều lãnh vực tư tưởng có thể được đương sự cân nhắc, và—như đôi khi đã nêu—các khả năng là như vậy, do những phát triển của thực thể qua kinh nghiệm của y trong các cõi hồng trần, đến nỗi bám giữ một lý tưởng—làm việc với lý tưởng ấy, vì lý tưởng ấy, sống cho lý tưởng ấy, sẵn lòng chết vì lý tưởng ấy nếu cần—là chủ trương tốt nhất!

[Background: Buổi đọc theo sau dành cho một nam giới bốn mươi chín tuổi liên quan đến kinh tế và khả năng có những biến đổi của Trái Đất.]

Buổi đọc 270–32; 12 tháng 6, 1934

(Q) *Xin diễn giải tình hình chiêm tinh học liên quan đến xu thế kinh tế của hoạt động thương mại và cho tôi biết triển vọng có thể chờ đợi trong phần còn lại của năm nay.*

(A) Như chúng tôi nhận thấy, dù có nhiều điều kiện trong một số lãnh vực hoạt động sẽ ở vào vị thế đòi hỏi thay đổi trong tình trạng sản xuất hiện tại tại khu vực hoạt động nông nghiệp, thì các hoạt động thương mại nói chung khắp xứ sở này sẽ tiếp tục tiến gần hơn và gần hơn nữa tới mức bình thường. Dĩ nhiên, trong các điều kiện *địa phương* khác nhau sẽ có những yếu tố ảnh hưởng ít nhiều đến các tuyến truyền tải mà đương sự có liên hệ—là những điều kiện địa phương cần được xử lý, nhưng tổng thể vẫn sẽ tiếp tục cải thiện; và, như có thể thấy trong kỳ bầu cử mùa thu sắp tới, xu thế chung của dư luận quần chúng liên quan đến các hoạt động trong công việc chung của quốc gia như một tổng thể và *đặc biệt* là liên quan đến các hiệp hội *thương mại* ở hải ngoại—sẽ hướng tới sự mở rộng lớn hơn—ở hải ngoại.

(Q) *Những nỗ lực của chính quyền nhằm điều*

coordinate the attitude of the classes with the masses developing satisfactorily?

(A) As we said, it will be more *specifically* and definitely indicated by the attitude and activity of the peoples as a whole in the coming elections...

(Q) *Are details of the Earth's Eruptions in 1936 so fixed that you can give me an outline of the Pacific Coast area to be affected, along with precautionary measures to be exercised during and after this catastrophe?*

(A) All of these are, as is ever on or in such an activity, dependent upon individuals or groups who are in or keep an attitude respecting the needs, the desires, the necessary requirements in such a field of activity. That some are *due* and *will* occur is *written*, as it were, but—as we find—as to specific date or time in the present this may not be given.

(Q) *Will the drought and heat in the farming area create a shortage of grain and food supplies, or is there ample surplus to meet requirements?*

(A) As indicated in times past, the drought will create a shortage, but there is ample to meet the needs for this coming season; for the one following, well—that may be different. For, will not only in this present year have a shortage in the area of grain in America and Canada, but in the coming season in the Argentine, in Australia and Africa will be the same character of shortage. Then in '35 and '36 it will be felt the more throughout the country.

[Background: Reading given to Edgar Cayce in which he asked for the interpretation of a waking vision/daydream which seemed to predict World War II.]

hòa thái độ giữa các tầng lớp và quần chúng có tiến triển thỏa đáng không?

(A) Như chúng tôi đã nói, điều này sẽ được chỉ thị một cách *cụ thể* và dứt khoát hơn qua thái độ và hoạt động của dân chúng như một toàn thể trong kỳ bầu cử sắp tới...

(Q) *Các chi tiết về Những Cuộc Phun Nổ của Địa Cầu vào năm 1936 đã cố định đến mức nào để ông có thể cho tôi một phác thảo về vùng Bờ Biển Thái Bình Dương sẽ bị ảnh hưởng, kèm theo các biện pháp phòng ngừa cần thực hiện trong và sau thảm biến này?*

(A) Tất cả những điều này, như bao giờ với một hoạt động như vậy, phụ thuộc vào các cá nhân hay nhóm người ở trong, hoặc duy trì, một thái độ phù hợp với các nhu cầu, các ao ước, các điều kiện cần thiết trong một lãnh vực hoạt động như thế. Rằng một vài điều là *đến kỳ* và *sẽ xảy ra* đã được *ghi*, như thể thế, nhưng—như chúng tôi nhận thấy—về ngày hay giờ *cụ thể* trong hiện tại thì không thể nêu ra.

(Q) *Hạn hán và nóng bức ở vùng canh tác có gây ra tình trạng thiếu hụt ngũ cốc và lương thực không, hay có đủ thặng dư để đáp ứng nhu cầu?*

(A) Như đã chỉ ra trước đây, hạn hán sẽ gây thiếu hụt, nhưng có đủ để đáp ứng nhu cầu trong mùa sắp tới; còn mùa kế đó, thì—có thể sẽ khác. Bởi vì, không chỉ năm nay có sự thiếu hụt về ngũ cốc ở Mỹ và Canada, mà trong mùa tới tại Argentina, Úc và châu Phi cũng sẽ có thiếu hụt tương tự. Rồi vào '35 và '36, điều đó sẽ được cảm nhận rõ hơn trên khắp cả nước.

[Background: Buổi đọc dành cho Edgar Cayce, trong đó ông xin diễn giải một thị kiến lúc tỉnh/giấc mộng ban ngày có vẻ báo trước Thế chiến II.]

Reading 294–185; June 30, 1936

(Q) Interpret the conscious experience which Edgar Cayce recently had of seeing a chariot and man in armor? [Detailed dream described 7/22/36 in EC's letter to Mr. [1196] in 1196–2 Reports.] I was in the garden here at work when I heard a noise like the noise of a swarm of bees. When I looked to see where they were, I saw that the noise came from a chariot in the air with 4 white horses and a driver. I did not see the face of the driver. The experience lasted only a few minutes. I was trying to persuade myself that it was not true, that it was only imagination, when I heard a voice saying, "Look behind you." I looked and beheld a man in armor, with a shield, a helmet, knee guards, a cape but no weapon of any kind. His countenance was like the light; his armor was as silver or aluminum. He raised his hand in salute and said, "The chariot of the Lord and the horsemen thereof." Then he disappeared. I was really weak, not from fright but from awe and wonder. [GD's note: I heard EC say that he dropped his hoe and when he reached up his hand to mop his brow his hand came down all red looking, as if he were sweating blood. HLC later said that EC ran against him in the front hall, white and shaking, on the way to his chair in the living room.] It was a most beautiful experience and I hope I may be worthy of many more.

(A) This was a vision. This is the interpretation: These are as emblems, these are as figures in the experience of the entity, that: As is builded in the conscious mind of those about the entity, as in the conscious entity itself, if there are not those encouragements from thy friend, if there is not a kind word or a smile, thou dost indeed feel that something is amiss, something is awry! How well, then, those that have named the Name, those that would know the Lord—*smile!* For what else in God's creation can? In the experience there is shown that there is not only the whole

Buổi đọc 294–185; 30 tháng 6, 1936

(Q) Xin diễn giải kinh nghiệm trong tình thức mà Edgar Cayce gần đây đã có khi nhìn thấy một chiến xa và một người mặc giáp trụ? [Giấc mơ chi tiết mô tả ngày 7/22/36 trong thư của EC gửi ông [1196] trong các Báo cáo 1196–2.] Tôi đang ở ngoài vườn làm việc thì nghe một tiếng động như tiếng một đàn ong. Khi tôi nhìn xem chúng ở đâu, tôi thấy tiếng động phát ra từ một chiến xa trên không với 4 con ngựa trắng và một người đánh xe. Tôi không thấy mặt người đánh xe. Trải nghiệm chỉ kéo dài vài phút. Tôi đang cố thuyết phục mình rằng điều đó không có thật, rằng đó chỉ là tưởng tượng, thì tôi nghe một giọng nói rằng, "Hãy nhìn phía sau người." Tôi nhìn và thấy một người mặc giáp trụ, có khiên, mũ trụ, bảo vệ đầu gối, áo choàng nhưng không có vũ khí nào. Diện mạo của ông sáng như ánh sáng; áo giáp như bạc hay nhôm. Ông giơ tay chào và nói, "Chiến xa của Đức Chúa và những kỵ sĩ của Ngài." Rồi ông biến mất. Tôi thực sự rã rời, không phải vì sợ hãi mà vì kinh ngạc và kính úy. [Ghi chú của GD: Tôi nghe EC nói rằng ông buông cuốc xuống và khi đưa tay lên lau trán thì tay ông đỏ au, như thể ông toát mồ hôi máu. HLC sau đó nói rằng EC va vào ông ấy ở tiền sảnh, mặt tái và run rẩy, trên đường vào ghế trong phòng khách.] Đó là một trải nghiệm tuyệt đẹp và tôi hy vọng mình xứng đáng có thêm nhiều trải nghiệm nữa.

(A) Đây là một thị kiến. Diễn giải là: Đây là những huy hiệu, những hình tượng trong kinh nghiệm của thực thể, rằng: Như điều được xây dựng trong thể trí tình thức của những người quanh thực thể, cũng như trong chính thực thể tình thức, nếu không có những khích lệ từ bạn hữu của người, nếu không có một lời tử tế hay một nụ cười, người quả thực cảm thấy có điều gì đó không ổn, điều gì đó lệch lạc! Vậy thì, những ai đã xưng Danh, những ai muốn biết về Chúa—*hãy mỉm cười!* Vì còn gì khác trong công trình sáng tạo của Thượng đế có thể làm thế? Trong kinh nghiệm này cho thấy rằng không

armor of the Lord as a defense, but the chariot of the Lord that would take wings upon time to show—to make thee know—at His promises abide. Be faithful through those periods of oppression, as well as those periods that would soon come when the *material* things of life would be as plenteous in thine experience. But keep the whole armor of the Lord that ye may stand even as He in that day when temptations of every nature, when trials of every sort, come upon thee and thy fellow man. For the Lord forgetteth not those to whom He hath given charge, “Feed my sheep, feed my lambs.”

We are through.

[Background: Reading given on the topic of the “social and economic conditions” in the United States.]

Reading 3976-17; October 25, 1937

As has been given, in giving information respecting the outcome or the outlook of the political, the economic or the social welfare in a land or country, only that may be given that will be helpful. Hence as to what the conditions may be, and as to what such that seek will do about same, become rather the questions...

In the United States at present there are some disturbing factors, especially those as related to activities of the nature pertaining to labor and capital in its various phases.

Yet there need never be a fear on the part of capital that there will be much real disturbance until there is a more united effort on the part of any group, association or organization.

And so long as capital is able to keep turmoils within the ranks of those that would bring strife through their very power rather than purpose, no great concerted effort may be

chỉ có toàn bộ áo giáp của Chúa như một sự phòng vệ, mà còn có chiến xa của Chúa có thể chấp cánh theo thời gian để cho thấy—để làm người biết—rằng Lời hứa của Ngài vẫn còn. Hãy trọn tín qua những giai đoạn áp bức, cũng như những giai đoạn sắp đến khi các điều *vật chất* của đời sống sẽ phong phú trong kinh nghiệm của người. Nhưng hãy giữ trọn bộ áo giáp của Chúa để người có thể đứng vững như Ngài trong ngày mà mọi cơn cám dỗ, mọi loại thử thách, ập đến với người và đồng loại. Vì Chúa chẳng quên những người mà Ngài đã trao phận, “Hãy chăn chiên Ta, hãy chăn chiên con của Ta.”

Chúng tôi xong.

[Background: Buổi đọc về chủ đề “các điều kiện xã hội và kinh tế” ở Hoa Kỳ.]

Buổi đọc 3976-17; 25 tháng 10, 1937

Như đã được ban, khi đưa thông tin liên quan đến kết cục hay triển vọng của chính trị, kinh tế hay phúc lợi xã hội ở một xứ sở hay quốc gia, chỉ có thể đưa điều gì hữu ích. Do đó, điều kiện có thể là gì, và những người tìm kiếm như thế sẽ làm gì với điều đó, trở thành những câu hỏi chủ đạo...

Tại Hoa Kỳ hiện nay có một số yếu tố gây xao động, đặc biệt là những yếu tố liên quan đến các hoạt động mang tính chất lao động và tư bản ở các phương diện khác nhau.

Tuy nhiên, giới tư bản không cần phải e sợ rằng sẽ có nhiều xáo trộn thật sự cho đến khi có một nỗ lực hợp nhất hơn từ phía bất kỳ nhóm, hiệp hội hay tổ chức nào.

Và chừng nào tư bản còn có thể giữ các náo động ở trong hàng ngũ của những người muốn gây tranh chấp bằng chính uy lực hơn là bằng mục đích, thì khó mong đợi một

expected that would play a definite part.

Yet there are those within the activities of the Association, the organization, the membership in same, whose desires or purposes are of such a nature that there lies within them the power to see that not a wrangle is kept, but that the ideal side, ideal condition or position would be kept in the way of those presentations that have been very well given in cooperative measures with the ideals (or ideas, and the ideals that go with same) that *we are our brother's keeper*; that we each are dependent one upon another.

And no government, no nation, no state, no city, no family—yes, no individual—is stronger than the weakest habit; the destructive forces that may in any way or manner at any time undermine if they are self-purposing.

But if the ideas and the ideals are rather that each should be, each *will* be, each purposing to be, a channel for presenting brotherly love, kindness, patience, longsuffering, just being kind—and if these are rather the propaganda, if these are rather the promptings of the activity in every phase or every association of the individuals—we will find more and more that there will be drawn the greater dawn of *every form* of helpfulness, hopefulness, in the experience of an individual, a family, a state, a city, a nation.

Not that there may not be those things that have been so well presented as in the days before the flood; they were married, given in marriage; there were the reckless, there were the saints. As in those days before the end may come, these may be ever *just* the same.

But man being a creative nature, man being

nỗ lực phối hợp đáng kể có thể đóng vai trò dứt khoát.

Tuy vậy, có những người trong các hoạt động của Hiệp hội, tổ chức, thành viên của nó, với những ước muốn hay mục đích có bản chất như vậy, đến nỗi trong họ có quyền năng để thấy rằng không phải duy trì một cuộc cãi vã, mà giữ vững mặt lý tưởng, điều kiện hay vị thế lý tưởng trong cách trình bày như đã được nêu rất tốt trong các biện pháp hợp tác với các lý tưởng (hay ý tưởng, và các lý tưởng đi kèm) rằng *chúng ta là người gìn giữ anh em mình*; rằng mỗi người chúng ta đều phụ thuộc lẫn nhau.

Và không chính quyền nào, không quốc gia nào, không bang nào, không thành phố nào, không gia đình nào—vâng, không cá nhân nào—mạnh hơn thói quen yếu kém nhất; các lực phá hoại có thể bằng bất cứ cách nào hay vào lúc nào làm xói mòn nếu chúng là tự mưu cầu.

Nhưng nếu ý tưởng và lý tưởng là để mỗi người phải là, mỗi người sẽ là, mỗi người chủ đích trở thành, một kênh trình hiện tình huynh đệ, lòng nhân ái, nhẫn nại, nhẫn nhục, chỉ đơn giản là tử tế—và nếu đây là những điều được tuyên truyền, nếu đây là những điều thúc đẩy hoạt động trong mọi phương diện hay mọi hiệp hội của các cá nhân—chúng ta sẽ thấy ngày càng có nhiều bình minh của *mọi hình thức* trợ giúp, hy vọng, trong kinh nghiệm của một cá nhân, một gia đình, một bang, một thành phố, một quốc gia được kéo đến.

Không phải là không thể có những điều đã được nêu rất khéo như trong những ngày trước nạn hồng thủy; họ cưới vợ, gả chồng; có kẻ phóng đảng, có bậc thánh hiền. Như trong những ngày trước khi tận cùng có thể đến, những điều ấy có thể luôn *giống hệt* như vậy.

Nhưng con người là bản tính sáng tạo, con

endowed with divinity within self, may work that to his own undoing or to his own glory in the Father, the Son and the Holy Spirit that worketh in and through those according to that purposed in their hearts.

Ready for questions. [GD's note: Par. 15-Q—17-Q below were submitted by Mr. [816] on 10/6/37.]

(Q) *Can any detailed prediction be given concerning the probable trends of business activity and the trends of security prices during 1938, 1939 and 1940?*

(A) These again, as has just been indicated, must indeed depend upon that influence *prompting* the activities of those in power or in position to make for the dominating of the purposes that are set before the populace as a whole. As has been indicated, if that ideal is *kept* by those who have been and who are *in* power, there will be kept a general trend toward greater security, greater economic considerations of the whole, greater peace, greater harmony. Not that there are not those influences that have gone about to make a beautiful condition an experience as dross, yet wherever selfishness is the prompting attitude there may be expected to be brought turmoils and strife. Where the purposes are the Prince of Peace, where “*I am my brother’s keeper—I will do the right,*” these will keep and bring social security, financial security, and *peace* of mind and body to those that propagate same.

(Q) *Is the year 1939 or the year 1940 likely to usher in the beginning of another major business depression?*

(A) Again this depends upon that construction of those purposes, those provisions, those laws now being set in motion for consideration of the conditions throughout. We do not find it so; unless selfish motives, selfish purposes succeed in *dominating* the directing of those provisions

người được phú cho thiên tính trong tự thân, có thể vận dụng điều đó để tự hủy hoại mình hay để tôn vinh mình trong Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Đấng vận hành trong và qua những người tùy theo điều đã chủ đích trong lòng họ.

Sẵn sàng cho câu hỏi. [Ghi chú của GD: Par. 15-Q—17-Q bên dưới do ông [816] gửi ngày 10/6/37.]

(Q) *Có thể đưa ra tiên đoán chi tiết nào về các xu thế có thể có của hoạt động kinh doanh và xu thế giá chứng khoán trong các năm 1938, 1939 và 1940 không?*

(A) Những điều này, như vừa được chỉ ra, quả thật phải tùy thuộc vào ảnh hưởng đang *thúc đẩy* các hoạt động của những người nắm quyền hay ở vị thế có thể khiến các mục đích đặt ra trước quần chúng nói chung được chi phối. Như đã chỉ ra, nếu lý tưởng ấy được *giữ* bởi những người đã và đang *nắm* quyền, sẽ duy trì xu thế chung hướng tới an ninh lớn hơn, xét đến các cân nhắc kinh tế rộng lớn hơn cho toàn thể, hòa bình lớn hơn, hòa hợp lớn hơn. Không phải là không có những ảnh hưởng đã đi rêu rao làm cho một điều kiện tươi đẹp trở thành trải nghiệm như phế liệu, nhưng ở bất cứ nơi nào tính vị kỷ là thái độ thúc đẩy thì có thể trông đợi các náo động và tranh chấp. Nơi nào mục đích thuộc về Vị Hoàng Tử Hoà Bình, nơi nào “*Ta là người gìn giữ anh em mình—Ta sẽ làm điều đúng,*” thì nơi đó sẽ giữ gìn và đem đến an sinh xã hội, an ninh tài chính, và *bình an* của thể trí và thể xác cho những người cổ xúy điều ấy.

(Q) *Năm 1939 hay năm 1940 có khả năng mở đầu một cuộc suy thoái kinh doanh lớn khác không?*

(A) Một lần nữa điều này tùy thuộc vào cấu trúc của các mục đích, các dự liệu, các đạo luật hiện đang được đưa vào vận hành để xét đến các điều kiện khắp nơi. Chúng tôi không thấy như vậy; trừ khi các động cơ vị kỷ, mục đích vị kỷ thành công trong việc *thống trị* sự chỉ đạo các dự liệu chống lại điều đó. Nếu

against such. If these succeed, and then there should come a uniting of those efforts between the layman or the worker and the wage earner against capital, we may expect *desperate* situations. *But what will you do about it?*

(Q) *Certain writers have forecasted the possibility of a war around 1942 to 1944 which will involve the United States. At the moment, does it appear that we are likely to be involved in such a war?*

(A) If this is kept as propaganda, it will! If there is *still* kept that attitude of peace and harmony, if there are the considerations of the rights of others, it will not!

(Q) *What is likely to cause such a war?*

(A) *Selfishness!*

(Q) *Is the President of the United States likely to serve throughout his present term?*

(A) Likely.

(Q) *What may be expected in the developments in the conflict between the major branches of organized labor?*

(A) As just indicated, so long as capital is able to keep the turmoils within the ranks, there may not be expected a concerted effort. If there is the uniting of the purposes and *then* there are not those in authority or in power that are able to make for the considerations of the conditions of all, strife and turmoil, internal troubles, may be expected.

(Q) *What developments may be expected in the difficulties between labor and capital during the next few years?*

(A) As just indicated. If there is a united effort, and there are *not* (there *are* in most places in the present) those in authority who will consider the getting together for the consideration of all, then turmoils and

những điều này thành công, và rồi có sự liên kết nỗ lực giữa dân thường hay người công nhân và người ăn lương chống lại tư bản, chúng ta có thể trông đợi các tình thế *tuyệt vọng*. Nhưng các người sẽ làm gì trước điều đó?

(Q) *Một số tác giả đã dự báo khả năng có một cuộc chiến tranh vào khoảng 1942 đến 1944 sẽ lôi kéo Hoa Kỳ. Hiện thời, có vẻ chúng ta có khả năng bị lôi kéo vào cuộc chiến như vậy không?*

(A) Nếu điều này được duy trì như một tuyên truyền, thì sẽ có! Nếu vẫn giữ thái độ hòa bình và hòa hợp, nếu có sự xét đến quyền lợi của người khác, thì sẽ không!

(Q) *Điều gì có khả năng gây ra cuộc chiến như vậy?*

(A) *Tính vị kỷ!*

(Q) *Tổng thống Hoa Kỳ có khả năng phục vụ trọn nhiệm kỳ hiện tại không?*

(A) Có khả năng.

(Q) *Có thể trông đợi những diễn biến gì trong xung đột giữa các nhánh lớn của công đoàn?*

(A) Như vừa chỉ ra, chừng nào tư bản còn có thể giữ các náo động trong hàng ngũ, thì khó mong đợi có một nỗ lực phối hợp. Nếu có sự hợp nhất mục đích và rồi lại không có những người có thẩm quyền hay quyền lực có thể làm cho các điều kiện của mọi giới được cân nhắc, thì có thể trông đợi tranh chấp, náo động, rồi ren nội bộ.

(Q) *Có thể trông đợi những phát triển gì trong các khó khăn giữa lao động và tư bản trong vài năm tới?*

(A) Như vừa chỉ ra. Nếu có một nỗ lực hợp nhất, và lại không có (hiện có ở hầu hết các nơi) những người có thẩm quyền sẽ xét đến việc ngồi lại với nhau vì lợi ích của mọi giới, thì các náo động và tranh chấp sẽ nảy sinh.

strifes will arise. *Selfishness* is the sin of man!

(Q) *What may be expected from the help proposed for the farmers by the present administration? Will the programs as planned be successfully carried out?*

(A) Apparently there will be a block in much of these, because this is being considered by some as too great a sectional undertaking. This may cause turmoils and strifes, but *again*—if there is the ability not merely to parley but rather to consider the *all*—the situation may adjust itself. For, as we have given, no country is stronger than its greatest weakness in any section or in any portion of same. For it must be a *cooperative, coordinating* activity as a unit of government in its dictation, its legislation, its administration, and in its coordination of *all* of these as a unit. No *one* may become dictatorial without the proper consideration of each phase of the government offices as a whole. And the laboring man, the daily laborer that lives by the sweat of the brow, shall have equal consideration before the *law* as those that *direct* the lives of many! For *all* stand the same before the judgement bar of the Maker; and they that are oppressed, their cry goeth up to Him, ever. And when they come together, their cry—*together*—ascends as sweet incense or as the horrors of strife which are in His eyes, His heart, His power, the abominations which He hateth.

Note: See “Changes in World Affairs” section for additional readings’ information regarding changes in the twentieth century.

Tính vị kỷ là tội lỗi của con người!

(Q) *Có thể trông đợi điều gì từ sự trợ giúp mà chính quyền hiện tại đề xuất cho nông dân? Các chương trình như dự định có được thực hiện thành công không?*

(A) Rõ ràng sẽ có bế tắc trong nhiều phần của những điều này, vì một số người coi đây là một công cuộc mang tính khu vực quá lớn. Điều này có thể gây náo động và tranh chấp, nhưng *một lần nữa* —nếu có khả năng không chỉ đối thoại mà còn biết cân nhắc *toàn thể*—tình hình có thể tự điều chỉnh. Vì, như chúng tôi đã nói, không quốc gia nào mạnh hơn điểm yếu lớn nhất của mình ở bất kỳ khu vực hay phần nào. Bởi vì phải là một hoạt động *hợp tác, phối hợp* như một đơn vị của chính quyền trong việc chỉ đạo, lập pháp, hành pháp, và trong sự phối hợp *tất cả* những điều này như một đơn vị. Không một *ai* có thể trở thành độc đoán mà không xét đến đúng mực từng phương diện của các cơ quan chính quyền như một tổng thể. Và người lao động, người làm công nhật kiếm sống bằng mồ hôi trán, sẽ được xét đến bình đẳng trước *luật pháp* như những người *điều khiển* đời sống của nhiều người! Vì *tất cả* đều đứng như nhau trước tòa phán xét của Đấng Tạo Hóa; và những người bị áp bức, tiếng kêu của họ luôn vọng lên Ngài. Và khi họ hợp lại, tiếng kêu của họ— *cùng nhau* —dâng lên như hương thơm ngát hay như kinh hoàng của tranh chấp—những điều mà trong mắt Ngài, lòng Ngài, quyền năng của Ngài, là những điều ghê tởm mà Ngài ghét.

Ghi chú: Xem phần “Những Biến Đổi trong Thế Sự” để biết thêm thông tin các buổi đọc liên quan đến những đổi thay trong thế kỷ XX.

Chages for the Future—Những Đổi Thay cho Tương Lai

[Background: Reading given to a fifty-six-year-old male who asked for additional information about ancient Egypt.]

Reading 378-16; October 29, 1933

In the record chambers there were more ceremonies than in calling the peoples at the finishing of that called the pyramid. For, here those that were trained in the Temple of Sacrifice as well as in the Temple Beautiful were about the sealing of the record chambers. For, these were to be kept as had been given by the priests in Atlantis or Poseidia (Temple), when these records of the race, of the developments, of the laws pertaining to one* were put in their chambers and to be opened only when there was the returning of those into materiality, or to earth's experience, when the change was imminent in the earth; which change, we see, begins in '58 and ends with the changes wrought in the upheavals and the shifting of the poles, as begins then the reign in '98 (as time is counted in the present) of those influences that have been given by many in the records that have been kept by those sojourners in this land of the Semitic peoples...

Ready for questions.

(Q) *If the King's Chamber is on the 50th course, on what course is this sealed room?*

(A) The sealed room of records is in a different place; not in this pyramid.

(Q) *Give in detail what the sealed room contains.*

(A) A record of Atlantis from the beginnings

[Background: Buổi đọc dành cho một nam giới năm mươi sáu tuổi, người xin thêm thông tin về Ai Cập cổ.]

Buổi đọc 378-16; 29 tháng 10, 1933

Trong các phòng biên lục có nhiều nghi thức hơn cả việc triệu tập dân chúng vào lúc hoàn tất công trình gọi là kim tự tháp. Vì ở đây, những người đã được rèn luyện trong Đền Hy Sinh cũng như trong Đền Mỹ Lệ đều tham gia việc niêm phong các phòng biên lục. Bởi vì, những thứ này phải được giữ như đã được các tư tế ở Atlantis hay Poseidia (Đền) truyền dạy, khi những biên lục về giống dân, về các phát triển, về những luật lệ thuộc về một* được đặt vào buồng của chúng và chỉ mở ra khi có sự trở lại vào cõi vật chất, hay vào kinh nghiệm trần thế, khi biến đổi trên địa cầu trở nên cận kề; và biến đổi đó, chúng ta thấy, khởi đầu vào '58 và kết thúc với những đổi thay gây nên bởi các cuộc trời dậy và sự chuyển dịch của các cực, khi đó khởi dựng vương quyền vào '98 (tính theo thời gian hiện tại) của những ảnh hưởng đã được nhiều người ban cho trong các biên lục đã được những bậc trú khách trên miền đất của các dân tộc Semitic này lưu giữ...

Sẵn sàng cho câu hỏi.

(Q) *Nếu Buồng của Nhà Vua nằm ở tầng thứ 50, vậy căn phòng niêm phong ở tầng thứ mấy?*

(A) Căn phòng niêm phong chứa biên lục ở một nơi khác; không ở kim tự tháp này.

(Q) *Hãy cho biết chi tiết căn phòng niêm phong chứa gì.*

(A) Một biên lục về Atlantis từ thuở ban sơ

of those periods when the Spirit took form or began the encasements in that land, and the developments of the peoples throughout their sojourn, with the record of the first destruction and the changes that took place in the land, with the record of the *sojournings* of the peoples to the varied activities in other lands, and a record of the meetings of all the nations or lands for the activities in the destructions that became necessary with the final destruction of Atlantis and the buildings of the pyramid of initiation, with who, what, where, would come the opening of the records that are as copies from the sunken Atlantis; for with the change it must rise (the temple) again. This in position lies, as the sun rises from the waters, the line of the shadow (or light) falls between the paws of the Sphinx, that was later set as the sentinel or guard, and which may not be entered from the connecting chambers from the Sphinx's paw (right paw) until the *time* has been fulfilled when the changes must be active in this sphere of man's experience. Between, then, the Sphinx and the river.

[Background: Reading given to a twenty-seven-year-old female who inquired about earth changes. She was told that she would not be alive when the changes occurred. She lived between 1905-1986.]

Reading 288-29; April 16, 1932

(Q) *What is meant by "This body, not physically, will be present when the earth is changed again"? [a statement given in her first reading; 288-1]*

(A) This that the entity *innately*, or thoughtly, through thought, will be—is—in the position of knowing that the change comes, yet not physically present—as then—at the period of the greater portion of the *physical* change. As then. Knowledge of, and acquainted with that, that bringing—and

khi Linh Thần khoác hình tướng hoặc khởi đầu nhập thể vào miền đất ấy, và các phát triển của dân tộc trong suốt thời gian trú thể của họ, kèm biên lục về cuộc hủy diệt thứ nhất và các đổi thay xảy ra trong miền đất ấy, cùng biên lục về các cuộc *lưu trú* của dân chúng tới những hoạt động khác nhau trên các miền đất khác, và biên lục về hội nghị của mọi quốc gia hay miền đất cho các hoạt động trong những cuộc hủy diệt trở nên cần thiết trong cuộc hủy diệt sau cùng của Atlantis và việc xây dựng kim tự tháp điểm đạo, cùng với ai, cái gì, ở đâu, sẽ dẫn đến việc khai mở các biên lục là những bản sao từ Atlantis bị chìm; vì với cuộc đổi thay đó (ngôi đền) phải nổi lên trở lại. Vị trí của nơi này nằm, như mặt trời mọc lên từ mặt nước, đường của bóng (hoặc ánh sáng) rơi giữa hai bàn chân của Nhân Sư, vốn được đặt sau này như người lính canh hay hộ vệ, và nơi này không thể được vào từ các khoang nối từ chân (chân phải) của Nhân Sư cho đến khi *thời điểm* được trọn đủ khi những đổi thay phải hoạt động trong cõi kinh nghiệm của con người. Vậy là, ở giữa Nhân Sư và dòng sông.

[Background: Buổi đọc dành cho một phụ nữ hai mươi bảy tuổi hỏi về các đổi thay của địa cầu. Bà được cho biết rằng khi các đổi thay xảy ra, bà sẽ không còn sống. Bà sống từ 1905-1986.]

Buổi đọc 288-29; 16 tháng 4, 1932

(Q) *"Thân này, không phải về mặt thể xác, sẽ hiện diện khi địa cầu lại biến đổi" có nghĩa là gì? [một lời đã được đưa ra trong buổi đọc đầu tiên của bà; 288-1]*

(A) Nghĩa là thực thể này *bẩm sinh*, hay trong tư duy, qua tư tưởng, sẽ—là—ở vào vị thế biết rằng cuộc đổi thay đến, nhưng không hiện diện về mặt thể xác—như khi đó—vào thời đoạn phần lớn hơn của cuộc đổi thay *vật chất*. Như khi đó. Có kiến tri về, và quen thuộc với điều đã mang lại—và đã mang lại

brought about—the destruction of the first portion in Atlantis. In the earth, then, physical knowledge of, through thought, through the mental abilities, through the psychic sources, as has been described for self, in the knowledge of, but not a physical portion of, the whole change. Rather that that *brings* it about, than *bringing*—or being *in*—that *brought* about.

[Background: Reading given to a forty-four-year-old female who was interested in a commercial enterprise related to the Bimini area. Cayce informed her that this area would be among the first remnants of Atlantis to rise again.]

Reading 587-4; July 1, 1935

(Q) *Could the well in Bimini be promoted and reconstructed? [GD's note: Mrs. [587] told EC that after her Life Rdg. she had flown to Bimini and had found a fresh water well marked, or walled around the top, with stones of peculiar composition and strange symbols.]*

(A) There has been much given through this source [996] [996-12] as to how that particular portion of what was the Atlantean period might be developed. While it would make for much outlay in money, as ordinarily termed, there are certain interests that would join *in* such an undertaking. As those of the Dodge interests, as given. For it could be established as a center for two particular purposes; a regeneration for those with certain types of individual ailments (not only from the well, or water from same, but from the surrounding waters—because of the life in same), and a center for archaeological research. And as such activities are *begun*, there will be found much more gold in the lands under the sea than there is in the world circulation today! As to how, this should be considered seriously from many varied angles that

—sự hủy diệt phần đầu tiên ở Atlantis. Trong cõi đời, vậy thì, có tri thức về điều này, qua tư tưởng, qua các khả năng trí tuệ, qua các nguồn thông linh, như đã được mô tả cho tự thân, là có biết về điều đó, nhưng không là một phần thể xác của toàn bộ cuộc đổi thay. Đúng hơn là điều *khởi động* nó, hơn là *mang*—hay *ở trong*—điều đã *mang* đến.

[Background: Buổi đọc dành cho một phụ nữ bốn mươi bốn tuổi quan tâm đến một hoạt động thương mại liên quan đến vùng Bimini. Cayce báo cho bà rằng khu vực này sẽ là một trong những tàn tích đầu tiên của Atlantis trỗi lên trở lại.]

Buổi đọc 587-4; 1 tháng 7, 1935

(Q) *Cái giếng ở Bimini có thể được quảng bá và tái thiết không? [Ghi chú của GD: Bà [587] nói với EC rằng sau Buổi đọc Đời Sống, bà đã bay tới Bimini và tìm thấy một giếng nước ngọt được đánh dấu, hay xây tường quanh miệng, bằng những hòn đá có thành phần khác lạ và những ký hiệu kỳ dị.]*

(A) Đã có rất nhiều điều được ban qua nguồn này [996] [996-12] về cách phần đặc thù thuộc thời Atlantis ấy có thể được phát triển. Dù điều đó sẽ đòi hỏi xuất chi khá lớn về tiền bạc, theo cách nói thông thường, vẫn có những mối quan tâm chắc chắn sẽ cùng tham gia *trong* một công cuộc như vậy. Như các mối quan tâm của Dodge, như đã nêu. Vì có thể thiết lập nơi này như một trung tâm cho hai mục đích đặc thù; một nơi tái phục hồi cho những người có một số dạng bệnh tật cá nhân nhất định (không chỉ từ giếng, hay nước của nó, mà còn từ các vùng nước chung quanh—bởi sự sống trong đó), và một trung tâm cho khảo cứu khảo cổ. Và khi những hoạt động như thế được *khởi sự*, sẽ tìm thấy vàng dưới các miền đất dưới biển nhiều hơn lượng đang lưu thông trên thế giới hôm nay! Còn về cách làm, điều này cần được cân nhắc nghiêm túc từ nhiều góc độ khác nhau đang

exist. For, as understood, there are those conditions as related to the varied powers that are in power or in affluence as respecting activities of any nature there. And as they exist in the present there are some complications for agreements, contracts, the lettings of this, that or the other.

But this should *not* be left alone; it should be considered from many angles. Also aid may be induced from the varied societies that have been formed for the study of geological and archaeological activities, or such. For much will be found. And, as may be known, when the changes begin, these portions will rise among the first.

[Background: This reading was among a special series of readings given by Edgar Cayce on the topic of Atlantis and the possibility of a commercial activity at Bimini.]

Reading 996-12; March 2, 1927

GC: You will have before you the islands of North and South Bimini, and the submerged land adjacent to same. You will outline in detail the necessary procedure to finance and develop this project, in the way of building streets, sidewalks, sea walls, canals, harbors, sewerage, water and electrical system, ice plant, laundries, and everything necessary to complete a resort city. You will answer all questions which I will ask you regarding this.

EC: Yes, we have the islands as are seen in the natural formations as are visible at the present time.

Now, we find there are many things that may be said as respecting the plausibility and the advisability of making a resort city in this location. First we would give, this would not be near as large an undertaking as

hiện hữu. Vì, như đã hiểu, có những điều kiện liên quan đến các quyền lực khác nhau đang nắm quyền hay đang có ảnh hưởng đối với các hoạt động thuộc bất cứ bản chất nào ở đó. Và như chúng đang hiện hữu, hiện có vài phức tạp về các thỏa thuận, hợp đồng, việc nhượng cái này, cái kia hay cái khác.

Nhưng điều này *không* nên bỏ mặc; cần được xét từ nhiều góc độ. Cũng có thể vận động sự trợ giúp từ các hội đoàn khác nhau đã được lập ra để khảo cứu các hoạt động địa chất và khảo cổ, hoặc tương tự. Vì sẽ tìm thấy rất nhiều. Và, như có thể biết, khi các đổi thay khởi đầu, các phần đất này sẽ trỗi lên trong số những phần đầu tiên.

[Background: Buổi đọc thuộc một loạt bài đặc biệt do Edgar Cayce ban về chủ đề Atlantis và khả năng một hoạt động thương mại tại Bimini.]

Buổi đọc 996-12; 2 tháng 3, 1927

GC: Ông sẽ có trước mình các đảo Bimini Bắc và Nam, và phần đất bị chìm kề cận chúng. Ông sẽ phác thảo chi tiết quy trình cần thiết để tài trợ và phát triển dự án này, theo hướng xây dựng đường phố, vỉa hè, đê chắn sóng, kênh rạch, hải cảng, hệ thống cống rãnh, nước và điện, nhà máy nước đá, nhà giặt ủi, và mọi thứ cần thiết để hoàn thành một thành phố nghỉ dưỡng. Ông sẽ trả lời mọi câu hỏi tôi nêu ra liên quan đến việc này.

EC: Vâng, chúng tôi có các đảo như thấy trong những cấu trúc tự nhiên đang hiện lộ ở thời điểm hiện tại.

Giờ đây, chúng tôi nhận thấy có nhiều điều có thể nói liên quan đến tính hợp lý và sự nên làm khi xây một thành phố nghỉ dưỡng ở vị trí này. Trước hết, chúng tôi muốn nói, đây sẽ không phải là một công cuộc lớn như nó

it appears on the face of conditions, for this may be stored away as truth for those that would go about to accomplish such conditions: There will be found many, many, *many* sources of revenue for those undertaking such a project, for these mountain tops—especially that along the north and eastern shores of the north and northern portion of the south island—will produce many various minerals, and various other conditions that will be remunerative when the projects are undertaken; and well that the ones that do such labors—as the dredging as necessary, the building as necessary, the walls, etc.—be followed close in their operations, for these will uncover many various conditions that may be turned into dollars—and dollars—and dollars!

In considering the manner and way that this project would be financed, we find these conditions are to be considered:

First, in the various congested centers in which there are almost innumerable individuals that have achieved success in the financial way and *manner*, these—by the natural tend, or natural trend of human thought and human endeavor to gain from life those pleasures that bespeak of the effort as has been put forth—are seeking such outlets for a way to not only invest, but to build new and different modes and manners and ways for such pleasures. Acting, then, against the natural tend and bent of the inlander, as it may be termed, these are seeking such times, such places, that they may enjoy the fruits of their labors.

Again, this is as a truth which may be stored away again. Not expressed by those who would endeavor to make a resort or a city here. There are, as has been given, many peoples being born again into the earth's plane who were through their experiences in this land. With the building then, again, we find the innate desire will come to an innumerable number to be in *some* manner

đường như bề ngoài, bởi vì điều này có thể được ghi lại như chân lý cho những ai muốn thực hiện các điều kiện như vậy: Sẽ tìm thấy nhiều, nhiều, *nhiều* nguồn doanh thu cho những người thực hiện dự án như vậy, bởi vì những đỉnh núi này—đặc biệt là dọc bờ phía bắc và đông của đảo bắc và phần bắc của đảo nam—sẽ sản sinh nhiều khoáng vật khác nhau, và nhiều điều kiện khác nhau nữa sẽ sinh lợi khi các dự án được thực hiện; và thật tốt khi những người làm các công việc như nạo vét cần thiết, xây dựng cần thiết, tường thành, vân vân—được theo sát trong hoạt động của họ, vì họ sẽ làm lộ ra nhiều điều kiện khác nhau có thể biến thành tiền—và tiền—và tiền!

Khi xét đến phương cách dự án này sẽ được tài trợ, chúng tôi thấy các điều kiện sau cần được cân nhắc:

Thứ nhất, trong các trung tâm đô thị lớn, nơi có vô số cá nhân đã thành đạt trên phương diện tài chính và *cách thức*, những người này—theo xu hướng tự nhiên của tư duy và nỗ lực của con người để gạt lấy từ đời sống những thú vui tương xứng với công sức đã bỏ ra—đang tìm kiếm những ngã để không chỉ đầu tư, mà còn để xây dựng những lối và cách thức mới cho những hưởng thụ ấy. Hoạt động như thế, đi ngược lại thiên hướng và khuynh hướng tự nhiên của người nội địa, họ đang tìm kiếm những thời điểm, những nơi chốn, để họ có thể tận hưởng thành quả lao động của mình.

Thêm nữa, đây là một chân lý có thể lại được ghi nhớ. Không nêu ra bởi những người muốn tạo một khu nghỉ dưỡng hay một thành phố ở đây. Có, như đã nói, nhiều người đang tái sinh vào cõi hồng trần vốn trong những đời trải nghiệm đã từng ở trên miền đất này. Vậy nên, với việc xây dựng trở lại, chúng tôi nhận thấy khát vọng bẩm sinh sẽ đến với vô số người để bằng *một vài* cách thức

or way associated—either as dwellers for a portion of the time or the whole time, or as the investors [investors?] in the project—to make this not only a habitable place, but as a resort equaled by none.

Now, as to the reasonableness, and how this may be gone about:

There is seen that the general lay of the land, and the surrounding territory or vicinity, or the natural lay of those waters nearby—these lend themselves, in a natural way, to the establishing of many, many, many acres—many miles of acres of territory. That not reclaimed, as it were, but the naturalness of conditions is to bring forth not ten, but hundredfold—for the labor and the time spent.

There will be seen that on the northern portion of south island will lend itself to the water supply, which is one of the first considerations of such a place. A sweet water. One that lends itself to that of being adaptable, not only for the drinking purposes, but for all purposes of the human body. This will be found by drilling to the depth which will be, true enough, below the sea level, yet the source is from far—far—away. Better water will be found than in those lands known as the continents. This also lends the modes of manufacture—of electro-hydro power in the waves, if necessary, by the tides—such as have been and are being builded in the Bay of Fundy—for with the walls as may be built in the western coasts of the inlet—which may be closed or left open, or builded for the purpose of an inland sea for the boat, the port, and for the fishing, bathing, and the like—this may be builded in such a manner on the northern shore of the south, and the southern shore of the north island, as to facilitate the power sufficient to electrify the whole of the lands that may be acclaimed and reclaimed.

nào đó có liên hệ—hoặc như cư dân một phần thời gian hay toàn thời gian, hoặc như người đầu tư vào dự án—để biến nơi này không chỉ là chốn cư trú được, mà còn là một khu nghỉ dưỡng vô song.

Giờ, về tính hợp lý và cách thức tiến hành:

Có thể thấy rằng diện mạo địa hình chung, và vùng đất xung quanh hay phụ cận, hay cấu trúc tự nhiên của các vùng nước lân cận—những điều này thuận lợi một cách tự nhiên cho việc thiết lập nhiều, rất nhiều, rất nhiều mẫu—nhiều dặm mẫu đất đai. Không phải là đất được cải tạo, như thể thể, mà chính tính tự nhiên của điều kiện sẽ sinh lợi không chỉ mười lần, mà gấp trăm lần—cho công sức và thời gian bỏ ra.

Sẽ thấy rằng phần phía bắc của đảo nam thuận tiện cho nguồn cung nước, một trong những cân nhắc đầu tiên cho một nơi như thế. Một nguồn nước ngọt. Một nguồn phù hợp không chỉ cho mục đích uống mà cho mọi nhu cầu của thân thể con người. Điều này sẽ được tìm thấy bằng cách khoan đến độ sâu tuy đúng là dưới mực nước biển, nhưng nguồn lại từ rất—rất—xa. Nước tốt hơn ở những lục địa được biết đến. Điều này cũng mở đường cho các phương thức sản xuất—điện-thủy lực từ sóng, nếu cần, bằng thủy triều—như đã và đang được xây dựng ở Vịnh Fundy—vì với những bức tường có thể xây ở bờ tây của vịnh—có thể đóng lại hay để mở, hoặc xây để tạo một nội hải cho tàu thuyền, cảng, và cho việc đánh bắt, tắm biển, vân vân—điều này có thể xây theo cách ở bờ bắc của đảo nam, và bờ nam của đảo bắc, để tạo ra nguồn năng lượng đủ để điện khí hóa toàn bộ phần đất có thể được tuyên nhận và khai khẩn.

In the centers that would be interested, then, in bringing about such a vision, such a dream, we would find that there have been various groups that have been approached as respecting how this may be carried out. We would seek rather those of the money powers in Cleveland and in Detroit, for these have such of a vision; for, as again may be stored away by those that would go about to accomplish such an undertaking: There are those associated with the Dodge millions, the Dodge accumulations [auto multi-millionaire Dodge family?], that once *ruled* in power here, and these, approached in the right way and manner, would be willing, glad, and anxious, to see such an undertaking carried on here.

In the ones that may be interested in the Chicago vicinity, these, as we see, are of the syndicated groups, and must be watched very closely, for these are not *always* satisfactory groups to deal with.

Again we find, in the groups who are already interested, and who may be interested in the east—in New York or the northern places, these are of that bent and trend that is not always amenable to the suggestions of those who would build with a vision.

Rather would a combination of Detroit, Cleveland, London and Paris, be that which would be the more satisfactory for those who would undertake to bring about that which would prove, in this place, as the resort premier above others—for this may be accomplished in this place; for, as given again, this may be stored away by those who would undertake such: There will be within these developments many things that have as yet not even been thought of or considered, that would not only of *themselves* attract the great horde, but would also attract great wealth—for this is of the first highest civilization that will be uncovered in some of the adjacent lands to the west and south of the isles, see? Ready

Trong các trung tâm có thể quan tâm đưa một thị kiến như vậy, một giấc mơ như vậy, thành hiện thực, chúng tôi thấy rằng đã có những nhóm khác nhau được tiếp cận về việc làm thế nào để thực hiện. Chúng tôi muốn tìm đến những người của quyền lực tài chính ở Cleveland và Detroit, vì họ có tầm nhìn như vậy; bởi, như một lần nữa có thể ghi nhớ đối với những ai muốn thực hiện công cuộc này: Có những người gắn với số triệu của Dodge, các tích lũy của Dodge [gia tộc ô tô triệu triệu phú Dodge?], từng *cai quản* quyền lực ở đây, và những người này, nếu được tiếp cận đúng cách và đúng mực, sẽ sẵn lòng, vui mừng, và nôn nóng, để thấy một công cuộc như vậy được triển khai ở đây.

Trong số những người có thể quan tâm ở vùng Chicago, như chúng tôi thấy, là các nhóm liên danh, và phải theo dõi rất sát, vì đây không phải *lúc nào* cũng là những nhóm hài lòng để giao dịch.

Thêm nữa, trong các nhóm đã quan tâm, và có thể quan tâm ở miền đông—tại New York hay miền bắc—những người này có khuynh hướng không phải lúc nào cũng thuận theo những gợi ý của những người sẽ kiến tạo với một tầm nhìn.

Đúng hơn sự kết hợp giữa Detroit, Cleveland, London và Paris sẽ là điều thỏa đáng hơn cho những người muốn mang lại điều sẽ trở nên, ở nơi này, khu nghỉ dưỡng hàng đầu trên mọi nơi khác—vì điều này có thể thực hiện ở nơi đây; vì, như lại được nêu, điều này có thể được ghi nhớ bởi những ai muốn thực hiện: Sẽ có trong các phát triển này nhiều thứ đến nay thậm chí còn chưa từng được nghĩ tới hay cân nhắc, những thứ không chỉ *tự thân* chúng thu hút đám đông vĩ đại, mà còn thu hút đại phú—vì đây là nền văn minh cao cả đầu tiên sẽ được phát hiện ở một số miền đất kề cận về phía tây và nam của các đảo, hiểu chứ? Sẵn sàng cho câu hỏi.

for questions.

(Q) *Is this the continent known as Alta or Poseidia? [Atlantis]*

(A) A temple of the Poseidians was in a portion of this land.

(Q) *What minerals will be found here?*

(A) Gold, spar, and ichthyolite [?]. [Ichthyolite?]

(Q) *How deep in the ground will that be found?*

(A) In the wall that would be builded from the western portion of the south island towards that of the *prominent* portions of the southern portion of isle—these will be found in the twelve to fifteen (12 to 15) foot levels. The *vein*, as workable, would be found extending in the northeast southwest direction. The waters in the northern portion of the south island. Sweet water, see?

(Q) *Give the exact longitude and latitude of the vein?*

(A) In this we have the island—in this we have the place. Find these, or locate. These are known.

(Q) *What amount will be necessary to complete development?*

(A) From seventy-five to ninety million.

(Q) *Name individuals that would undertake the financing of the proposition, and procedure to obtain their support?*

(A) Those groups as given. Preferably those in the Detroit and Cleveland vicinity, cooperating with those of London and Paris. While the Londoner of a slower action—of a safer basis, see?

(Q) *Give the full name of the person to undertake the financing of this.*

(Q) *Đây có phải lục địa được biết là Alta hay Poseidia? [Atlantis]*

(A) Một ngôi đền của người Poseidia đã ở một phần miền đất này.

(Q) *Ở đây sẽ tìm thấy những khoáng vật gì?*

(A) Vàng, spat, và ichthyolite [?]. [Ichthyolite?]

(Q) *Sâu bao nhiêu dưới đất thì tìm thấy?*

(A) Ở bức tường sẽ xây từ phần tây của đảo nam hướng về phần *nổi bật* của phần nam đảo—sẽ tìm thấy ở các cao trình mười hai đến mười lăm (12 đến 15) bộ. *Mạch* quặng, ở dạng khai thác được, sẽ xuất hiện theo hướng đông bắc - tây nam. Nguồn nước ở phần bắc của đảo nam. Nước ngọt, hiểu chứ?

(Q) *Cho kinh độ và vĩ độ chính xác của mạch?*

(A) Ở đây chúng ta có hòn đảo—ở đây chúng ta có vị trí. Hãy tìm các vị trí này, hay xác định. Những điều này đã được biết.

(Q) *Cần bao nhiêu để hoàn tất việc phát triển?*

(A) Từ bảy mươi lăm đến chín mươi triệu.

(Q) *Hãy nêu những cá nhân sẽ đảm nhận tài trợ đề án, và quy trình để giành được sự ủng hộ của họ?*

(A) Những nhóm như đã nêu. Ưu tiên là những nhóm ở vùng Detroit và Cleveland, phối hợp với những nhóm ở London và Paris. Dù người London hành động chậm hơn—trên nền tảng an toàn hơn, hiểu chứ?

(Q) *Cho biết tên đầy đủ của người sẽ đảm nhận việc tài trợ này.*

(A) Preferably that group as we have given, as it is seen that the natural trend will be in the Dodge forces, see?

(Q) *How proceed to obtain their support?*

(A) Through those channels—see, we have first and foremost one of these of this group that has been—what in common parlance would have been—“badly burned” in Florida propositions; yet there are many millions more in the other side of the house—which makes it more specific, and is of the one that would be the most easily interested. Proceed through those channels for the outlook of those conditions necessary, for *many* of those who are of the house of the peoples that are able, capable of financing such, are willing, when such is presented, in that one is willing to see such a project through—for first we consider, not only that as has been given as regarding the location, the position, the conditions as surround the feasibility of such a project, but the natural conditions of the whole life of those as are in the earth’s plane at the present period. Follow these out. This is not an idle or vain dream, for those that would bring about such conditions are preparing for the building of many glories for self, and for posterity.

(Q) *How deep will we have to drill for the fresh water?*

(A) Eight hundred and ninety-two (892) feet.

(Q) *What supply would that obtain?*

(A) One thousand eight hundred gallons (1,800) per hour. The electro-hydro power would be made from that condition as may be builded, as given, which would supply all of the power necessary for any project that might be—might be—even undertaken here; for this would become not only a strategic point in the affairs of this—*this*—continent, but of others—as it has been in the eons past.

(A) Ưu tiên là nhóm như chúng tôi đã nêu, vì thấy rằng xu hướng tự nhiên sẽ là ở các lực lượng Dodge, hiểu chứ?

(Q) *Tiến hành thế nào để có được sự ủng hộ của họ?*

(A) Qua các kênh đó—xem này, trước hết chúng ta có một người của nhóm này—theo cách nói thông thường—từng “bị phỏng nặng” trong các thương vụ ở Florida; tuy vậy còn rất nhiều triệu khác ở phía bên kia của gia tộc—điều này làm nó cụ thể hơn, và là người dễ quan tâm nhất. Hãy tiến hành qua các kênh đó để có cái nhìn về những điều kiện cần thiết, vì *nhiều* người thuộc gia tộc những người có khả năng, năng lực tài trợ như thế sẵn lòng, khi điều đó được trình bày, miễn là có người sẵn lòng theo đuổi dự án tới cùng—vì trước hết chúng tôi xét không chỉ điều đã nêu về địa điểm, vị trí, các điều kiện bao quanh tính khả thi của dự án, mà cả những điều kiện tự nhiên của toàn bộ đời sống của những người đang ở cõi hồng trần trong thời kỳ hiện tại. Hãy theo đuổi những điều này. Đây không phải giấc mơ phù phiếm hay trống rỗng, vì những người muốn mang lại những điều kiện như thế đang chuẩn bị dựng xây nhiều vẻ huy hoàng cho bản thân, và cho hậu thế.

(Q) *Chúng tôi sẽ phải khoan sâu bao nhiêu để có nước ngọt?*

(A) Tám trăm chín mươi hai (892) bộ.

(Q) *Nguồn cung đó sẽ đạt được bao nhiêu?*

(A) Một ngàn tám trăm ga lông (1,800) mỗi giờ. Năng lượng điện-thủy lực sẽ được tạo từ cấu trúc có thể xây dựng, như đã nêu, sẽ cung cấp tất cả năng lượng cần thiết cho bất kỳ dự án nào có thể—có thể—thậm chí được thực hiện ở đây; vì nơi này sẽ trở thành không chỉ một điểm chiến lược trong công việc của lục địa—*này*—*này*, mà còn của các lục địa khác—như đã từng thế trong các niên đại đã qua.

(Q) *Could an additional supply of water be obtained by going deeper?*

(A) This is the strata for the water. Other supplies may be obtained in various portions near here, which would only increase the amount if necessary. This supply would increase, see?

(Q) *Would this be Artesian?*

(A) Artesian.

(Q) *It would flow out of the top?*

(A) Flow out over the top.

(Q) *Is there any sulphur in this water?*

(A) Sulphur may be obtained here. *This* is sweet water here.

(Q) *Give the chemical analysis.*

(A) Fifty-six percent (56%) pure water. Silicon a trace. Lime a trace. Magnesia a trace. This would be pure sweet water here, you see, with only the traces of those of silicon, magnesia, of lime, and of other properties as only would be seen in traces of same, see? and in the changes as brought, as given, this may be only increased by the heating, or the various conditions as may be brought to same—for, as a health resort, as the building up of the general body, and as of the whole system, see? The sulphur waters may be obtained where there is seen an old channel on north end of the south portion of north island. These, we find, will be of the black sulphur, yet for certain conditions—and for the baths as may be instituted through same—will be quite beneficial to health, end especially to those of the neuritic conditions—nervousness, and of the germ of rheumatic conditions, see? This will be found only eighty-nine to ninety (89 to 90) feet deep, see? [GD's note: See 587-3, Par. R12 of 9/28/72 for analysis of water in well, and 587-4, Par. R12 of 1/17/70.]

(Q) *Có thể có thêm nguồn nước nếu khoan sâu hơn không?*

(A) Đây là tầng chứa nước. Có thể có các nguồn khác ở nhiều nơi gần đây, điều chỉ làm tăng lượng nếu cần. Nguồn cung này sẽ tăng lên, hiểu chứ?

(Q) *Đây có phải là mạch nước ngầm áp lực?*

(A) Mạch nước ngầm áp lực.

(Q) *Nó sẽ chảy tràn ra ở miệng?*

(A) Chảy tràn ra ở miệng.

(Q) *Có lưu huỳnh trong nước này không?*

(A) Ở đây có thể lấy được lưu huỳnh. *Nước này* là nước ngọt ở đây.

(Q) *Cho biết phân tích hoá học.*

(A) Năm mươi sáu phần trăm (56%) nước tinh khiết. Silic vết. Vôi vết. Magnesi vết. Đây sẽ là nước ngọt tinh khiết, bạn thấy đó, chỉ có các vết của silic, magnesi, vôi, và những tính chất khác chỉ ở mức vết mà thôi, thấy chứ? Và với những thay đổi được đưa vào, như đã nói, điều này chỉ có thể tăng lên nhờ việc gia nhiệt, hoặc các điều kiện khác nhau có thể áp dụng—vì, như tại một nơi điều dưỡng, nhằm bồi bổ thân thể chung và toàn bộ hệ thống, hiểu chứ? Nước lưu huỳnh có thể lấy được ở nơi thấy một lòng dẫn cũ ở đầu bắc của phần phía nam của hòn đảo phía bắc. Những thứ này, chúng ta thấy, sẽ là loại lưu huỳnh đen, nhưng cho những tình trạng nhất định—và cho các bồn tắm có thể lập nên bằng thứ đó—sẽ khá có lợi cho sức khỏe, nhất là cho những tình trạng viêm dây thần kinh—thần kinh bồn chồn, và mẫn mống của các tình trạng thấp khớp, hiểu chứ? Sẽ chỉ sâu tám mươi chín đến chín mươi (89 đến 90) feet, nghe chứ? [Ghi chú của GD: Xem 587-3, đoạn R12 ngày 9/28/72 về phân tích nước trong giếng, và 587-4, đoạn R12 ngày 1/17/70.]

(Q) *Could this port be made a shipping port?*

(A) Be made a shipping port, by the opening of the channel to the west and to the north here, see?

(Q) *What would be the proper way to open this channel?*

(A) See, when a channel is made here—as we see, the sands only come from the southern end, that would hinder or produce a bar. When dredges are made, only the extension of those obstructions—that only divert the channel—which is of moving waters—to the outer edge, would prevent and keep from the bar being moved back and forth across. Rocks or piles, see? along this end. Much may be given, and much may be accomplished—and as to those that would build such, that as is given as “keep in store” is, as it were, the bonus for the undertaking. Keep that for self.

We are through for the present.

[Background: Reading given to a forty-one-year-old female who inquired about the German philosopher Boehme, the continent of Atlantis and the transition between the Piscean and Aquarian ages.]

Reading 1602-3; September 22, 1939

GC: You will have before you the inquiring mind of [1602], present in this room, who seeks guidance—impersonal guidance and light regarding the teachings of Jacob Boehme, the German philosopher and mystic of the 17th century who used the corresponding Principles of Nature—of the entire Astral, with man, as the true Spiritual approach to the Primal Light beyond the Circuit of Reincarnation. Will you clarify the answers to the following and help me to understand them in relation to Spiritual Evolution—as I ask them...

(Q) *Cảng này có thể làm thành cảng hàng hải không?*

(A) Có thể làm thành cảng hàng hải, bằng cách mở luồng ra phía tây và phía bắc ở đây, hiểu chứ?

(Q) *Cách thích hợp để mở luồng này là gì?*

(A) Xem này, khi mở luồng ở đây—như chúng ta thấy, cát chỉ từ đầu phía nam đổ tới, cái sẽ cản trở hoặc tạo thành doi chắn. Khi tiến hành nạo vét, chỉ cần kéo dài những vật cản—để chuyển hướng luồng, tức các dòng nước chảy—ra rìa ngoài, thì sẽ ngăn và không cho doi cát di chuyển qua lại chắn ngang. Đá hoặc cọc, hiểu chứ? dọc theo đầu này. Có thể nói nhiều nữa, và có thể làm được nhiều—và đối với những ai sẽ xây dựng như vậy, thì cái được gọi là “để dành” ấy, như thể là khoản thưởng cho công cuộc này. Hãy giữ điều đó cho mình.

Chúng ta tạm kết thúc.

[Hậu cảnh: Buổi đọc dành cho một phụ nữ bốn mươi một tuổi hỏi về nhà triết học người Đức Boehme, lục địa Atlantis và sự chuyển tiếp giữa các thời kỳ Song Ngư và Bảo Bình.]

Buổi đọc 1602-3; Ngày 22 tháng 9, 1939

GC: Trước các ngài sẽ là tâm trí truy vấn của [1602], hiện diện trong phòng này, người tìm kiếm sự chỉ dẫn—sự chỉ dẫn vô ngã và ánh sáng liên hệ tới giáo huấn của Jacob Boehme, nhà triết học và nhà thần bí người Đức thế kỷ 17, người đã sử dụng các Nguyên lý Tương ứng của Tự nhiên—của toàn thể cõi cảm dục, với con người, như là tiếp cận Tinh thần chân thật đến Ánh sáng Nguyên sơ bên kia Chu trình Luân hồi. Ngài sẽ làm rõ các câu trả lời cho những điều sau và giúp tôi thấu hiểu chúng trong liên hệ với Tiến hoá Tinh thần—khi tôi nêu hỏi...

(Q) *Three hundred years ago Jacob Boehme decreed Atlantis would rise again at this crisis time when we cross from this Piscean Era into the Aquarian. Is Atlantis rising now? Will it cause a sudden convulsion and about what Year?*

(A) In 1998 we may find a great deal of the activities as have been wrought by the gradual changes that are coming about. These are at the periods when the cycle of the solar activity, or the years as related to the sun's passage through the various spheres of activity become paramount or Catamount [?] [Tantamount?] to the change between the Piscean and the Aquarian age. This is a gradual, not a cataclysmic activity in the experience of the earth in this period...

(Q) *What will the Aquarian Age mean to mankind as regards Physical, Mental and Spiritual development? Is the Aquarian Age described as the "Age of the Lily" and why?*

(A) Think Ye this might be answered in a word? These are as growths. What meant that awareness as just indicated? In the Piscean age, in the center of same, we had the entrance of Emmanuel or God among men, see? What did that mean? The same will be meant by the full consciousness of the ability to communicate with or to be aware of the relationships to the Creative Forces and the uses of same in material environs. This awareness during the era or age in the age of Atlantis and Lemuria or Mu brought what?

Destruction to man, and his beginning of the needs of the journey up through that of selfishness. Then, as to what will these be—*only* those who accept same will even become aware of what's going on about them! How few realize the vibratory forces as create influences from even one individual to another, when they are even in the same vibratory force or influence! And

(Q) *Ba trăm năm trước Jacob Boehme phán rằng Atlantis sẽ trỗi dậy lần nữa vào thời khủng hoảng này khi chúng ta băng qua khỏi thời Song Ngư vào Bảo Bình. Atlantis có đang trỗi dậy lúc này chăng? Nó có gây đảo lộn đột ngột không, và khoảng năm nào?*

(A) Vào năm 1998 chúng ta có thể thấy nhiều hoạt động đã được tạo nên bởi những thay đổi dần dần đang diễn ra. Đây là vào những kỳ mà chu kỳ hoạt động thái dương, hay những năm liên hệ tới hành trình của mặt trời qua các khu vực hoạt động khác nhau, trở nên nổi trội, [tù nghe không rõ?] [tương đương?] với sự chuyển đổi giữa thời Song Ngư và thời Bảo Bình. Đây là một diễn tiến từ tốn, không phải một biến cố đại họa trong kinh nghiệm của Trái Đất ở thời kỳ này...

(Q) *Kỷ nguyên Bảo Bình sẽ mang lại gì cho nhân loại về phương diện phát triển Thể chất, Trí tuệ và Tinh thần? Kỷ nguyên Bảo Bình có được mô tả là "Kỷ nguyên của Hoa Huệ" không và vì sao?*

(A) Các người tưởng điều này có thể được trả lời bằng một lời ư? Đây là những sự tăng trưởng. Cái nhận biết vừa nêu đó có ý nghĩa gì? Trong thời Song Ngư, ngay tâm điểm của thời ấy, chúng ta đã có sự giáng lâm của Emmanuel hay Thượng đế ở giữa loài người, thấy chứ? Điều ấy có nghĩa gì? Điều tương tự sẽ được hiểu là tâm thức trọn vẹn về khả năng giao tiếp với, hay ý thức về mối liên hệ đối với các Lực Sáng Tạo và việc sử dụng chúng trong môi trường vật chất. Cái nhận biết ấy, trong kỷ nguyên Atlantis và Lemuria hay Mu, đã đem lại điều gì?

Sự hủy diệt cho con người, và sự khởi đầu của nhu yếu cho hành trình vươn lên vượt qua tính ích kỷ. Vậy, những điều ấy sẽ là gì—*chỉ* những ai chấp nhận điều đó mới thậm chí nhận biết được những gì đang diễn ra quanh họ! Biết bao ít người nhận ra các mảnh lực rung động tạo nên ảnh hưởng từ ngay một cá nhân này sang cá nhân khác, khi họ còn đang ở trong cùng một rung động hay ảnh hưởng!

yet ye ask what will the Aquarian age bring in mind, in body, in experience?

(Q) Is the Aquarian Age described as the 'Age of the Lily' and why?

(A) The purity. Only the purity as it represents will be able to comprehend or understand that awareness that is before those who seek the way.

(Q) Can a date be given to indicate the beginning of the Aquarian Age?

(A) This has already been indicated as the period when it should pass, but that is when it begins to affect. It laps over from one to another, as is the natural sources, as he holds to that which has been, which is. As has been indicated, we will begin to understand fully in '98.

(Q) Are there any thoughts along these lines, beyond these, that can be given at this time?

(A) Holy, holy is His name!

We are through.

[Background: Follow-up reading given to [1602] regarding various changes that could be anticipated—politically, economically, and geologically.]

Reading 1602-5; November 28, 1939

HLC: You will have before you the entity, [1602], also her mental and material affairs. It has been indicated, thru various sources, that the period immediately ahead, is one of change in many fields—politically, economically, and geologically. Will you clarify these predictions for me, and give directions for me at this time? answering questions which have been prepared?

EC: Yes, we have the entity here.

Vậy mà các người lại hỏi Kỷ nguyên Bảo Bình sẽ đem lại gì cho trí, cho thân, cho kinh nghiệm?

(Q) Kỷ nguyên Bảo Bình có được mô tả là “Kỷ nguyên của Hoa Huệ” không và vì sao?

(A) Sự trong sạch. Chỉ sự trong sạch mà biểu tượng ấy đại diện mới có thể lĩnh hội hay thấu hiểu cái nhận biết đang ở trước những ai tìm đường.

(Q) Có thể cho một ngày để chỉ ra khởi đầu của Kỷ nguyên Bảo Bình không?

(A) Điều này đã được chỉ ra như giai đoạn khi nó nên đi qua, nhưng đó là khi nó bắt đầu tác động. Nó chồng lấn từ cái này sang cái kia, như nguồn lẽ tự nhiên, khi người ta bám vào cái đã qua, cái đang là. Như đã chỉ ra, chúng ta sẽ bắt đầu hiểu đầy đủ vào năm '98.

(Q) Có tư tưởng nào theo những chiều hướng này, ngoài những điều trên, có thể được đưa ra lúc này không?

(A) Thánh thay, thánh thay Danh Ngài!

Chúng ta kết thúc.

[Hậu cảnh: Buổi đọc tiếp nối dành cho [1602] về các thay đổi có thể dự liệu—chính trị, kinh tế và địa chất.]

Buổi đọc 1602-5; Ngày 28 tháng 11, 1939

HLC: Trước các ngài sẽ là thực thể, [1602], cùng các mối sự trí tuệ và vật chất của bà. Đã có chỉ dẫn, qua nhiều nguồn, rằng giai đoạn ngay phía trước là một giai đoạn thay đổi trong nhiều lĩnh vực—chính trị, kinh tế và địa chất. Xin làm rõ các lời tiên báo này cho tôi, và cho tôi những chỉ dẫn lúc này? trả lời các câu hỏi đã được chuẩn bị?

EC: Vâng, chúng ta có thực thể ở đây.

As in relationship to changes—these are indicated not only through prophecies but through astrological aspects, as well as the thought and intent of persons and groups in high places; bringing about these things, these conditions, in what might be said to be the fullness of time.

However—since the advent of the Son of Man in the earth, giving man an advocate with the Father, there has been an influence that may counteract much of that which has been indicated that would come as retribution, or in filling the law of an evolution of ideas and the relationship of material things to the thoughts and intents of individuals and groups.

Then, as to whether the hearts and minds of individuals or souls (who were given authority concerning the laws of the universe) are fired with the thoughts of dire consequences or those things that bespeak of the greater development of a spiritual awakening, is still in the keeping and in the activities of individuals who—as this entity—have caught a glimpse, or an awareness, of that which is in the making, in the affairs of state, nation, and nations, and the universe, as related to the conditions upon the face of Mother Earth.

There enters much, then, that might become questions as respecting that which has been foretold, or prophesied, as well as respecting the activities of groups and individuals who have acted and who are to act as a counterbalance to these happenings in the earth.

In the first premise—know what was the cause of indifference, or sin, entering material manifestations. Was it the purpose by God that such should be, or by the Godhead? or was it that this force or power seeking expression found—with the

Về liên hệ đến thay đổi—những điều này được chỉ ra không chỉ qua tiên tri mà còn qua các phương diện chiêm tinh, cũng như tư tưởng và ý định của các cá nhân và các nhóm ở những vị trí cao; đưa tới những điều này, những tình trạng này, trong cái có thể nói là sự viên mãn của thời gian.

Tuy nhiên—từ sau khi Con Người giáng lâm nơi trần thế, ban cho con người một Đấng cầu thay trước Cha, đã có một ảnh hưởng có thể hoá giải nhiều điều được chỉ ra sẽ đến như sự báo ứng, hay trong sự ứng nghiệm định luật về tiến hoá của các ý niệm và mối liên hệ của các sự vật vật chất đối với tư tưởng và ý định của các cá nhân và tập thể.

Vậy thì, việc tâm và trí của các cá nhân hay linh hồn (những người được trao quyền liên quan đến các định luật của vũ trụ) bùng cháy với những tư tưởng về hệ quả khốc liệt hay những điều nói lên sự phát triển lớn lao hơn của một thức tỉnh tinh thần, vẫn thuộc sự gìn giữ và thuộc các hoạt động của các cá nhân—như thực thể này—những người đã thoáng thấy, hay ý thức, về điều đang hình thành, trong quốc sự, quốc gia, các quốc gia, và vũ trụ, như liên hệ tới các điều kiện trên bề mặt Mẹ Địa Cầu.

Vậy thì có nhiều điều đi vào, có thể trở thành câu hỏi liên quan tới điều đã được báo trước, hay tiên tri, cũng như liên quan tới các hoạt động của các nhóm và cá nhân đã hành động và sẽ hành động như một đối trọng với những biến cố này trên trần thế.

Ở tiền đề thứ nhất—hãy biết nguyên cơ của sự đứng dưng, hay tội lỗi, xâm nhập các biểu lộ vật chất là gì. Đó là mục đích bởi Thượng đế định như vậy, hay bởi Thần tính? hay là quyền năng hay lực này, tìm kiếm biểu lộ, đã thấy—với sự biểu lộ ấy—rằng có các lực

expression—that there came the forces of positive and negative?

And with same the awareness of one influence or force, taking certain courses or directions, became negative.

The others became the greater positive.

Thus in the experience of souls through their evolution in the material things of the earth, there has been brought just that same effect in the material affairs of the souls active in expressing or manifesting at this particular period or sphere of development.

Much of just this comprehending is indicated in some of those records that are now becoming more and more a part of man's experience, or awareness; in that the cosmic or universal or spiritual laws are bringing same into that category or phase of experience where they become a part of individual experience.

This may be indicated from the records in the rocks; it may be indicated in the pyramids—man's attempts to leave a sign to those who, in the spiritual comprehension of material associations in spirit, would interpret that which had been, that which is, and that which was to be.

Hence it is seen that there are interpretations that become a matter of the consciousness of the individual so making same.

Or, to return to the first premise, it depends upon which line is taken by such an individual making such interpretation; whether a pessimistic or an optimistic, or a positive or a negative; or (by negative we mean) one that sees the world, as related to the earth and its position in the universe, being damned irrespective of what souls do about same—taking little or no account of

dương và âm?

Và cùng với đó là ý thức rằng một ảnh hưởng hay lực, khi theo những lộ trình hay hướng nhất định, trở thành âm.

Những cái khác trở thành dương lớn hơn.

Do đó trong kinh nghiệm của các linh hồn xuyên qua tiến hoá của chúng trong các sự vật vật chất của trần gian, đã đưa đến đúng hiệu ứng tương tự ấy trong các sự vụ vật chất của các linh hồn đang tích cực biểu lộ hay hiện lộ ở kỳ hay bình diện phát triển đặc thù này.

Nhiều điều thuộc về chính sự thấu hiểu này được chỉ ra trong một số bản ghi hiện đang ngày một trở thành phần của kinh nghiệm, hay nhận thức, của con người; ở chỗ các định luật vũ trụ hay phổ quát hay tinh thần đang đưa điều đó vào hạng mục hay pha kinh nghiệm nơi chúng trở thành một phần của kinh nghiệm cá nhân.

Điều này có thể được chỉ ra từ các ghi chép trong đá; có thể được chỉ ra trong các kim tự tháp—những nỗ lực của con người nhằm để lại một dấu hiệu cho những ai, trong sự thấu hiểu tinh thần về các liên hệ vật chất trong tinh thần, sẽ diễn giải cái từng là, cái đang là, và cái sẽ là.

Bởi vậy thấy rằng có những diễn giải trở thành vấn đề của tâm thức của cá nhân đang thực hiện diễn giải ấy.

Hoặc, trở lại tiền đề thứ nhất, nó tùy thuộc vào đường hướng được chọn bởi một cá nhân thực hiện diễn giải như vậy; là bi quan hay lạc quan, hay dương hay âm; hoặc (nói âm là) kẻ nhìn thế giới, như liên hệ tới Địa Cầu và vị trí của nó trong vũ trụ, bị kết án bất kể các linh hồn làm gì—hầu như không tính đến hay không tính đến Lời, các lời hứa, vâng, các hoạt động của Ngài. Ngài đã hiện lộ nơi trần

the words, the promises, yea the activities of Him. *He* manifested in the earth that as would bring to the seeker an awareness of the constructive influence of same.

This may be indicated or seen in the record according to the Book—which is as a sign, a guide to those who seek to know His ways, His purposes to man.

These interpretations of the promises, the pledges taken and given in the lives and activities—or during the phases of a sojourn of an individual soul, must be taken into account.

And then these indicate as to what is to come to pass, even through these periods of the earth's journey through space; “catching up,” as it were, with Time.

And then the soul realizes—in his search for his Maker—the patience that was, is and will be manifested in Him; He that is the way, the truth and the light.

Again the interpretation of the signs and the omens becomes an individual experience. And each soul—as this entity—then is given the privilege, the opportunity to *live* such an activity in its relationships to its fellow man; filling, fulfilling, and interpreting that which has been indicated, in such measures and such manners as to bring hope and not fear, peace and not hate, that which is *constructive* and *not* destructive, into the lives and minds and hearts of others.

We will rest for the period.

[Background: Another reading given to [1602] requesting additional information along the same lines.]

Reading 1602-6; December 11, 1939

gian cái sẽ mang đến cho người tìm đạo nhận biết về ảnh hưởng xây dựng của điều ấy.

Điều này có thể được chỉ ra hay thấy trong ghi chép theo Sách—vốn như một dấu hiệu, một kim chỉ nam cho những ai tìm biết các đường lối của Ngài, các mục đích của Ngài đối với con người.

Những diễn giải về các lời hứa, các lời thệ nguyện đã nhận và đã trao trong đời sống và các hoạt động—hay trong các pha của một kiếp trú thế của một linh hồn cá nhân, phải được tính đến.

Và rồi những điều này chỉ ra cái sẽ xảy đến, ngay cả xuyên qua những thời kỳ Trái Đất du hành trong không gian; “đuổi kịp”, như thế, với Thời gian.

Và rồi linh hồn nhận ra—trong cuộc kiểm tìm Đấng Tạo Hoá—lòng nhẫn nại đã, đang và sẽ được biểu lộ nơi Ngài; Ngài là đường, là lẽ thật và là ánh sáng.

Một lần nữa các diễn giải về các dấu chỉ và điềm triệu trở thành kinh nghiệm cá nhân. Và mỗi linh hồn—như thực thể này—rồi được ban đặc ân, cơ hội để sống một hoạt động như vậy trong các mối liên hệ của mình với đồng loại; thực hiện, hoàn thành, và diễn giải điều đã được chỉ ra, bằng những liều lượng và cung cách đưa hy vọng chứ không sợ hãi, bình an chứ không hận thù, cái xây dựng chứ không phá hoại, vào đời sống, tâm trí và trái tim của người khác.

Chúng ta sẽ nghỉ một lúc.

[Hậu cảnh: Một buổi đọc khác dành cho [1602] xin thêm thông tin theo cùng đường hướng.]

Buổi đọc 1602-6; Ngày 11 tháng 12, 1939

EC: Yes, we have the body, the enquiring mind, Mrs. [1602]; this we have had before; also that which has been indicated, which is an experience of each and every entity or soul that manifests in the material world, regarding predictions that have been made through various agencies and channels.

As has been indicated, much of that which has been given may be seen in the experiences of the political and economic conditions throughout the world in the present.

As to those changes that are to be wrought in these directions—these, as we find, may best be interpreted from those premises that are known as the Holy Writ.

For, *He* will not be mocked—and whatsoever man soweth, that must he also reap.

As to the changes that are coming—as in the fulfilling of time and space (which has been referred to)—these will, as indicated, depend upon what individuals and groups do about that they know respecting His will, His purpose with man.

The geographical changes, as we find, will not be of any appreciable change in the affairs of men, save as induced by those *activities* of men respecting their application of those laws pertaining to same, in this *particular* generation.

That signs of changes are imminent is a matter of record in many directions—yet these indicate only the general trend of what may eventually be the outcome. This again is proviso.

Ready for questions.

(Q) *May 1941 is given, astrologically, as the time of the beginnings of riots, tumults, and revolution in and about New York City. Is this correct and what may be looked for?*

EC: Vâng, chúng ta có đương sự, tâm trí đang truy vấn, Bà [1602]; điều này chúng ta đã có trước đây; cùng với điều đã được chỉ ra, vốn là kinh nghiệm của mỗi và mọi thực thể hay linh hồn hiện lộ trong thế giới vật chất, liên quan đến các dự đoán đã được đưa ra qua nhiều cơ quan và kênh khác nhau.

Như đã chỉ ra, nhiều điều đã được nêu có thể thấy trong những kinh nghiệm về các điều kiện chính trị và kinh tế khắp thế giới ở hiện tại.

Còn về những thay đổi sẽ được tạo nên theo các hướng này—những điều đó, như chúng ta thấy, tốt nhất nên được diễn giải từ những tiền đề được biết đến như Thánh Kinh.

Vì, *Ngài* sẽ không bị nhạo báng—và người gieo gì, ắt cũng sẽ gặt nấy.

Còn về những thay đổi sắp đến—như trong sự ứng nghiệm của thời gian và không gian (điều đã được nhắc đến)—những điều này, như đã chỉ ra, sẽ tùy thuộc vào việc các cá nhân và các nhóm hành xử ra sao đối với những gì họ biết liên quan đến Ý muốn của *Ngài*, Mục đích của *Ngài* với con người.

Những thay đổi địa lý, như chúng ta thấy, sẽ không gây biến đổi đáng kể trong sinh hoạt của con người, trừ khi bị tạo bởi những *hoạt động* của con người liên quan đến việc họ áp dụng các định luật thuộc về điều đó, trong thể hệ *đặc thù* này.

Rằng các dấu hiệu của biến đổi đang cận kề là điều đã được ghi nhận theo nhiều chiều—nhưng chúng chỉ chỉ ra xu thế chung của cái rồi có thể trở thành kết cuộc. Điều này một lần nữa là điều kiện kèm theo.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(Q) *Tháng 5 năm 1941 được cho, theo chiêm tinh, là thời điểm khởi đầu của bạo loạn, náo động và cách mạng trong và quanh Thành phố New York. Điều này đúng không và có thể liệu*

trước điều gì?

(A) This, as we have indicated, will depend upon the activities of men. As to whether this is to be, so far as the *entity* is concerned, will depend upon the attitude taken. If it is dwelt upon in the pessimistic manner, look for it! If it is dwelt upon in the optimistic manner, and acting in that way and manner, do not be disturbed!

(Q) *May 3, 1942, is given as a period of earth disturbances; quakes and floods. If this is so, what territory will be affected and how? If these dates are not correct, when could such be expected?*

(A) No—we do not find this of an especially unusual nature. This, again, as indicated, is provided there are such activities—as were in those influences indicated through the records—that the sin of man is such as to become a stench before his Maker.

(Q) *Should my family and I remain in New York City?*

(A) This is dependent upon just that as indicated.

(Q) *Any advice or suggestions as to where and when we should locate?*

(A) *Just* as has been indicated! These things are *dependent* upon attitudes and activities taken! or ideals that are to be lived up to...

(Q) *Are there any directions for me at this time that will be of help to me as well as others?*

(A) The great help for any soul—as well as for this—is to awaken, to arouse that individuality of self within, to the promises, purposes and intents of creative influence as found in Him—who is the way, the truth, the light; making manifest such in the application of self towards individuals met day by day; being consistent, persistent in such activities. And then the growth such as

(A) Điều này, như chúng ta đã chỉ ra, sẽ tùy thuộc vào các hoạt động của con người. Về việc điều này có xảy ra hay không, xét về *đương sự*, sẽ tùy thuộc vào thái độ được chọn. Nếu cứ chú tâm theo chiều bi quan, hãy trông đợi nó! Nếu chú tâm theo chiều lạc quan, và hành xử theo lối ấy, đừng bối rối!

(Q) *Ngày 3 tháng 5, 1942, được cho là một kỳ xáo động địa cầu; động đất và lũ lụt. Nếu đúng như vậy, lãnh thổ nào sẽ bị ảnh hưởng và thế nào? Nếu các ngày này không đúng, thì khi nào có thể kỳ vọng như thế?*

(A) Không—chúng ta không thấy đây là điều đặc biệt khác thường. Điều này, một lần nữa, như đã chỉ ra, là với điều kiện có những hoạt động như vậy—như trong những ảnh hưởng được chỉ ra qua các ghi chép—khi tội lỗi của con người trở thành mùi hôi trước Đấng Tạo Hoá của y.

(Q) *Gia đình tôi và tôi có nên ở lại Thành phố New York không?*

(A) Điều này tùy thuộc đúng vào điều vừa được chỉ ra.

(Q) *Có lời khuyên hay gợi ý nào về nơi và khi nào chúng tôi nên định cư không?*

(A) *Đúng* như đã chỉ ra! Những điều này *tùy thuộc* vào thái độ và hành động được chọn! hay lý tưởng cần được sống theo...

(Q) *Có chỉ dẫn nào cho tôi lúc này sẽ hữu ích cho tôi cũng như người khác không?*

(A) Sự trợ giúp lớn lao cho bất kỳ linh hồn nào—cũng như cho trường hợp này—là đánh thức, khơi dậy cái cá tính của tự ngã bên trong, với các lời hứa, mục đích và ý định của ảnh hưởng sáng tạo được thấy nơi Ngài—Đấng là đường, là lẽ thật, là ánh sáng; khiến điều ấy hiển lộ trong việc ứng dụng tự thân đối với các cá nhân gặp gỡ mỗi ngày; kiên định, bền bỉ trong các hoạt động như vậy. Và

is necessary will be manifested.

We are through for the present.

[Background: Reading given to a thirty-four-year-old female who inquired about the safety of Chapel Hill, NC.]

Reading 1947-8; December 16, 1941

(Q) For future health protection for my family, should water and food be stored for emergency? To last how long a period? Any further suggestions?

(A) No. It should be remembered that the food, the silver, the gold is the Lord's. To be sure, consistency should be used in taking into consideration the exterior problems; but such considerations as these are not problems in the present.

(Q) Is the locality in which we live safe for well being in case of possible future catastrophes? [Chapel Hill, N.C.]

(A) This is safe.

(Q) Is the prediction of the falling of the great rock true? If so, approximately when would this take place?

(A) This is a spiritual and not a physical activity. As a result of such, there may be from the internal sources great stones—but not as indicated by that prophecy—as a literal activity—as yet...

(Q) How may I be given a master for spiritual guidance?

(A) Read that which has been given as to *Who is thy Master!* There should be only *one*. For, as He hath given, "If ye love me, ye will keep my commandments, and I *and* the Father will come and abide with thee." Seekest thou some other way? Hast thou not accepted Him as the way? Analyze thyself.

rồi sự tăng trưởng cần thiết sẽ được biểu lộ.

Chúng ta tạm kết thúc.

[Hậu cảnh: Buổi đọc dành cho một phụ nữ ba mươi bốn tuổi hỏi về mức độ an toàn của Chapel Hill, Bắc Carolina.]

Buổi đọc 1947-8; Ngày 16 tháng 12, 1941

(Q) Để bảo vệ sức khỏe trong tương lai cho gia đình tôi, có nên trữ nước và lương thực cho tình huống khẩn cấp không? Đủ dùng trong bao lâu? Có gợi ý nào thêm không?

(A) Không. Cần ghi nhớ rằng lương thực, bạc, vàng là của Chúa. Chắc chắn, cần nhất quán khi cân nhắc các vấn đề ngoại cảnh; nhưng những cân nhắc như thế không phải là vấn đề trong hiện tại.

(Q) Nơi chúng tôi đang sống có an toàn cho phúc lợi trong trường hợp có thể có các đại họa tương lai không? [Chapel Hill, N.C.]

(A) An toàn.

(Q) Lời tiên báo về việc khối đá lớn sụp xuống có đúng không? Nếu vậy, khoảng khi nào sẽ xảy ra?

(A) Đây là một hoạt động tinh thần chứ không phải hồng trần. Là kết quả của điều ấy, có thể có—từ các nguồn nội tại—những tảng đá lớn—nhưng không như lời tiên tri ấy đã chỉ—như một hoạt động *theo nghĩa đen*—chưa đâu...

(Q) Làm sao tôi có thể được ban cho một huấn sư để hướng dẫn tinh thần?

(A) Hãy đọc điều đã được ban về *Ai là Huấn sư của người!* Chỉ nên có *một*. Vì, như Ngài đã phán, "Nếu các người yêu Ta, các người sẽ giữ các điều răn của Ta, và Ta và Cha sẽ đến và ở với người." Người tìm một con đường nào khác chăng? Há người chưa chấp nhận Ngài là đường sao? Hãy tự phân tích. Suy nghĩ, và

Take thought, and act. For there is no other name given under heaven whereby men, or women, may be saved.

[Background: Reading given to a thirty-one-year-old male who inquired about the safety of Norfolk, VA.]

Reading 2746-2; November 11, 1943

(Q) *In view of the uncertainty of existing conditions, did I act wisely in establishing my home in Norfolk?*

(A) It's a mighty good place, and a safe place when turmoils are to arise; though it may appear that it may be in the line of those areas to rise, while many a higher land will sink. This is a good area to stick to.

(Q) *Where should I buy a home?*

(A) Anywhere in the area of what may be called the Tidewater section.

[Background: Reading given to a twenty-five-year-old male that suggested there is a cyclical economic depression/downturn that occurs every 24-25 years in the economy.]

Reading 282-3; September 8, 1931

(Q) *When will be the peak of the next period of general business prosperity, and the bottom of the next period of general business depression?*

(A) As the cycles come and go, these may be judged much for the future as they have been in the past. There is, as has been seen, (those general periods—going back, as we find) the greatest *Depression* as arose from ordinary causes (Those in the present are *out* of the ordinary, for they are the *combinations* of both wrath, oppression and *sin*), in the one nearer akin, as we find, in

hành động. Vì dưới trời không có danh nào khác được ban cho để người nam hay người nữ nhờ đó mà được cứu.

[Hậu cảnh: Buổi đọc dành cho một nam giới ba một tuổi hỏi về mức độ an toàn của Norfolk, Virginia.]

Buổi đọc 2746-2; Ngày 11 tháng 11, 1943

(Q) *Xét tính bất định của các điều kiện hiện hữu, tôi có hành động khôn ngoan khi lập gia cư ở Norfolk không?*

(A) Đó là một nơi rất tốt, và là nơi an toàn khi cơn biến động nổi lên; dù có thể có vẻ như nó nằm trên tuyến của những vùng sẽ trôi lên, trong khi nhiều vùng đất cao hơn sẽ chìm. Đây là vùng đáng để gắn bó.

(Q) *Tôi nên mua nhà ở đâu?*

(A) Bất cứ đâu trong vùng có thể gọi là khu Tidewater.

[Hậu cảnh: Buổi đọc dành cho một nam giới hai mươi lăm tuổi cho thấy có một chu kỳ suy thoái/đi xuống kinh tế diễn ra cứ mỗi 24–25 năm trong nền kinh tế.]

Buổi đọc 282-3; Ngày 8 tháng 9, 1931

(Q) *Khi nào sẽ là đỉnh của thời kỳ hưng thịnh kinh doanh chung kế tiếp, và đáy của thời kỳ suy thoái kinh doanh chung kế tiếp?*

(A) Khi các chu kỳ đến rồi đi, những điều này có thể được suy định cho tương lai nhiều như chúng đã diễn ra trong quá khứ. Có, như đã thấy, (những thời kỳ chung—ngược dòng, như chúng ta thấy) cuộc *Khủng hoảng* lớn nhất khởi sinh từ những nguyên nhân *thông thường* (Những điều trong hiện tại là *không thông thường*, vì chúng là *tổ hợp* của cả cơn thịnh nộ, áp bức và *tội lỗi*), ở lần gần hơn, như

1907. Hence a cycle seen—this, then, of the greater next depression, would be another cycle, or a seven (7), which comprises—as is seen—near to twenty-four to twenty-five (24 to 25) years. This, you see, makes the combination of peak made—oppression or depression, also of business.

[Background: Life reading given to parents of a newborn, ten-week-old male.]

Reading 5398-1; August 24, 1944

Does mankind consider he is indeed his brother's keeper? And this is the manner in which man may answer the question. There will be no want in bread for mankind when mankind eventually realizes he is indeed his brother's keeper. For the earth is the Lord's and the fullness thereof, and the bounty in one land is lent to man to give his brother. Who is his brother? Our Father—then each of every land, of every color, of every creed is brother of those who seek the Father, God. This instill as ye interpret. Be faithful to the trust given thee.

[Background: Life reading given to the mother of a ten-year-old male.]

Reading 2780-3; December 11, 1943

Let that rather be thy watchword, "I am my brother's keeper." Who is thy brother? Whoever, wherever he is, that bears the imprint of the Maker in the earth, be he black, white, gray or grizzled, be he young, be he Hottentot, or on the throne or in the president's chair. All that are in the earth today are thy brothers. Those that have gradually forgotten God entirely have been eliminated, and there has come—now—and will come at the close of this next year—the period when there will be no part of the

chúng ta thấy, là năm 1907. Vậy nên một chu kỳ thấy được—vậy thì, cuộc suy thoái lớn kế tiếp sẽ là một chu kỳ khác, hay một bảy (7), bao gồm—như thấy—gần hai mươi bốn đến hai mươi lăm (24 đến 25) năm. Điều này, bạn thấy đó, tạo nên sự kết hợp của đỉnh—cả áp bức hay suy thoái, cũng như của hoạt động kinh doanh.

[Hậu cảnh: Buổi đọc đời sống dành cho cha mẹ của một bé trai sơ sinh mười tuần tuổi.]

Buổi đọc 5398-1; Ngày 24 tháng 8, 1944

Nhân loại có coi rằng thật sự mình là người giữ gìn anh em mình không? Và đây là cách con người có thể trả lời câu hỏi ấy. Sẽ không có thiếu bánh cho nhân loại khi nhân loại rốt cuộc nhận ra rằng thật sự mình là người giữ gìn anh em mình. Vì Trái Đất là của Chúa và mọi sự viên mãn của nó, và bổng lộc ở một xứ được cho con người mượn để trao cho anh em mình. Ai là anh em của y? Cha của chúng ta—vậy thì mỗi người thuộc mọi xứ, mọi màu da, mọi tín ngưỡng đều là anh em của những ai tìm kiếm Cha, Thượng đế. Hãy gieo khắc điều này khi các người diễn giải. Hãy trung tín với sự ủy thác đã trao cho người.

[Hậu cảnh: Buổi đọc đời sống dành cho mẹ của một bé trai mười tuổi.]

Buổi đọc 2780-3; Ngày 11 tháng 12, 1943

Hãy để điều này làm khẩu hiệu của người: "Ta là người giữ gìn anh em ta." Ai là anh em người? Bất kỳ ai, bất kỳ ở đâu, mang dấu ấn của Đấng Tạo Hoá nơi trần gian, dù là người da đen, trắng, xám hay hoa râm, dù trẻ, dù là Hottentot, hay trên ngai vàng hay trong ghế tổng thống. Tất cả những ai hiện ở trong thế gian hôm nay đều là anh em của người. Những kẻ dần dần quên mất Thượng đế hoàn toàn đã bị loại bỏ, và đã đến—ngay bây giờ—và sẽ đến vào cuối năm tới—giai đoạn mà sẽ không còn nơi nào trên địa cầu mà con người

globe where man has not had the opportunity to hear, “The Lord He is God.”

And, as has been indicated, when this period has been accomplished, then the new era, the new age, is to begin. Will ye have a part of it, or will ye let it pass by and be merely a hanger-on, or one upon whom your brother—the Lord, thy Christ—may depend?

Remember, He has given thee father, mother, home, opportunity, possibilities that are within thine own grasp now. And the meanest, the littlest man in the world is one who is unappreciative of what has been done, what is being done. That is why man, when he forsakes God feels so low, becomes so little in his own sight.

So think on these things, and begin where the light begins—and that is within thine own heart and mind, as ye read, as ye study, as ye talk with the Lord of thy heart. Who is thy Lord? He that made heaven and earth, He that walked among men, He that said “Come to me,” He that gave “If ye open your heart, your mind, I will walk and talk with thee.” Or is it self, that ye may be a little bit better, a little bit bigger, a little bit saucier, yes, a little bit better to cuss this or that? No! He that is the Maker, the Creator, to whom the whole world has been given! He asks and entrusts to thee thy place to be fulfilled by thee to His glory, His honor, and then will there be peace, harmony, happiness in thy life experience throughout.

[Background: Life reading given to a forty-two-year-old male, who inquired: “What can I do to help bring about the New Age?”]

Reading 5154-1; April 24, 1944

chưa có cơ hội nghe, “Chúa, chính Ngài là Thượng Đế.”

Và, như đã chỉ ra, khi giai đoạn này hoàn tất, thì kỷ nguyên mới, thời đại mới, sẽ khởi đầu. Các người sẽ có phần trong đó chăng, hay các người sẽ để nó đi qua và chỉ là kẻ bám theo, hay là người mà anh em của các người—Chúa, Đức Christ của các người—có thể trông cậy?

Hãy nhớ, Ngài đã ban cho người cha, mẹ, nhà, cơ hội, những khả hữu đang nằm trong tầm tay người lúc này. Và con người tầm thường nhất, nhỏ bé nhất trên đời là kẻ vô ơn trước những gì đã làm, đang làm cho y. Đó là lý do vì sao con người, khi lìa bỏ Thượng đế, cảm thấy thấp hèn đến thế, trở nên nhỏ nhoi trước mắt mình đến thế.

Vậy hãy suy nghĩ những điều này, và khởi đầu nơi ánh sáng khởi đầu—và đó là trong chính trái tim và tâm trí người, khi người đọc, khi người học, khi người đàm đạo với Chúa của lòng người. Ai là Chúa của người? Đấng đã dựng nên trời và đất, Đấng đã bước đi giữa loài người, Đấng đã phán “Hãy đến với Ta,” Đấng đã hứa “Nếu người mở lòng, mở trí, Ta sẽ bước đi và đàm đạo với người.” Hay đó là tự ngã, để người có thể hơn một chút, lớn hơn một chút, hơn một chút, vâng, giỏi hơn một chút để chửi rủa điều này điều nọ? Không! Đấng là Đấng Dựng Hoá, Đấng Sáng Tạo, Đấng mà cả thế gian đã được trao cho! Ngài yêu cầu và ủy thác cho người vị trí của người để được người chu toàn, cho vinh quang, vinh dự của Ngài, và rồi sẽ có bình an, hoà điệu, hạnh phúc trong kinh nghiệm đời sống của người suốt thảy.

[Hậu cảnh: Buổi đọc đời sống dành cho một nam giới bốn mươi hai tuổi, người hỏi: “Tôi có thể làm gì để góp phần đưa Kỷ nguyên Mới đến?”]

Buổi đọc 5154-1; Ngày 24 tháng 4, 1944

The entity's associates and activities should definitely have to do with groups for the brotherhood of man; fatherhood of God and the brotherhood of man. But in the assurance, or insurance, as of a cooperative nature, will be channels for the outlet for the abilities and activities of the entity...

The entity was among the Egyptians who sided with or who prompted the Atlanteans for their own representatives in the activities, when those turmoils were active just before the return of the Priest.

The entity was not so well considered by some of its own peoples, but rather as one who was—it might be said—persuaded, because of fascination for certain tenets; and the interest then in the reports from the Atlanteans had much to do with the entity in its choice of activities through the experience.

Thus the warning respecting the interest in occult and the application of the psychic. There's quite a variation.

As to the abilities of the entity, that to which it may attain, and how:

First, as indicated, analyze and study self. Do find thy ideal, physically, mentally, spiritually.

Then study to show thyself approved unto that ideal, condemning none; and most of all don't condemn self.

As to the physical activities, these should have to do with the insurance or assurance of the nature that is cooperative; dealing with farms, with stock, and such. These having to do with such undertakings should be the especial associates of the entity.

In thy study of the mystic, the occult, the psychic, let it be from the basis of the ideal and not from hearsay—rather from thine own experience.

Các mối liên kết và hoạt động của đương sự nhất định nên liên quan tới các nhóm vì tình huynh đệ nhân loại; phụ tính của Thượng đế và tình huynh đệ của nhân loại. Nhưng trong sự bảo đảm, hay bảo hiểm, theo bản chất hợp tác, sẽ là các kênh cho đầu ra của khả năng và hoạt động của đương sự...

Đương sự đã ở giữa người Ai Cập, về phe hay cổ vũ người Atlantis để họ có đại diện của họ trong các hoạt động, khi các xáo động ấy đang diễn ra ngay trước khi vị Tư tế trở lại.

Đương sự không được một số đồng bào của mình coi trọng, mà đúng hơn là như người—có thể nói—bị thuyết phục, vì say mê một số tín điều; và mối quan tâm khi ấy tới các tường trình từ người Atlantis đã ảnh hưởng nhiều đến đương sự trong sự chọn lựa các hoạt động qua kinh nghiệm.

Bởi vậy có lời cảnh báo liên quan đến mối quan tâm tới huyền bí học và ứng dụng của thông linh. Có sự khác biệt khá lớn.

Về khả năng của đương sự, điều đương sự có thể đạt tới, và cách thế:

Trước hết, như đã chỉ dẫn, hãy phân tích và học chính mình. Hãy tìm lý tưởng của người, về thể chất, trí tuệ, tinh thần.

Rồi học để tỏ mình được chấp thuận đối với lý tưởng ấy, đừng kết án ai; và trên hết đừng kết án chính mình.

Về các hoạt động thể chất, chúng nên liên hệ đến bảo hiểm hay bảo đảm theo bản chất hợp tác; liên quan đến nông trại, gia súc, v.v. Những người liên quan đến các công cuộc như vậy nên là các cộng sự đặc biệt của đương sự.

Trong việc học điều huyền nhiệm, huyền bí học, thông linh, hãy để nó dựa trên nền tảng của lý tưởng chứ không dựa vào điều nghe nói—đúng hơn dựa trên kinh nghiệm của

Ready for questions.

What can I do to help bring about the New Age?

(A) As just indicated, you will have to practice it in your own life. These are the manners and channels through which this might be better expressed by this particular entity.

(Q) What is the reason for the terrific struggle between the spiritual and the physical, wherein so often the physical appetites win and leave me with such a sense of loss and frustration?

(A) This comes from the periods of indecision as we have indicated, and the lack of knowing the ideal in self.

[Background: One of the Creation/Atlantis readings in which a question was asked about the Second Coming.]

Reading 364-8; April 15, 1932

GC: You will have before you the information given thru this channel on The Lost Continent of Atlantis, a copy of which I hold in my hand. You will please answer the questions which I will ask regarding this.

EC: We have the information as given here, The Lost Continent of Atlantis, Poseidia, Og, Odynelius [?]. Yes.

Ready for questions.

(Q) Please explain what is meant by "He will walk and talk with men of every clime". Does this mean he will appear to many at once or appear to various peoples during a long period?

(A) As given, for a thousand years He will

chính người.

Sẵn sàng cho câu hỏi.

Tôi có thể làm gì để góp phần đưa Kỷ nguyên Mới đến?

(A) Như vừa chỉ dẫn, người sẽ phải thực hành nó trong chính đời sống mình. Đây là những cách thể và kênh mà điều này có thể được biểu đạt tốt hơn bởi đương sự đặc thù này.

(Q) Nguyên do của cuộc vật lộn ghê gớm giữa tinh thần và thể xác là gì, trong đó thường khi các ham muốn thể xác chiến thắng và để tôi với cảm giác mất mát và bức bối đến thế?

(A) Điều này đến từ các giai đoạn do dự như chúng ta đã chỉ ra, và do thiếu sự biết rõ lý tưởng trong tự thân.

[Hậu cảnh: Một trong các buổi đọc về Sáng thế/Atlantis trong đó có câu hỏi về Sự Tái Lâm.]

Buổi đọc 364-8; Ngày 15 tháng 4, 1932

GC: Trước các ngài sẽ là các thông tin được ban qua kênh này về Lục Địa Mất Tích Atlantis, một bản sao tôi cầm trong tay. Xin vui lòng trả lời những câu hỏi tôi sẽ nêu liên quan đến điều này.

EC: Chúng ta có các thông tin như đã nêu ở đây, Lục Địa Mất Tích Atlantis, Poseidia, Og, Odynelius [?]. Vâng.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(Q) Xin giải thích "Ngài sẽ đi lại và đàm đạo với người ở mọi miền" nghĩa là gì. Điều này có nghĩa là Ngài sẽ hiện ra với nhiều người cùng lúc hay hiện ra với các dân tộc khác nhau trong một thời gian dài?

(A) Như đã nói, trong một ngàn năm Ngài sẽ

walk and talk with men of every clime. Then in groups, in masses, and then they shall reign of the first resurrection for a thousand years; for this will be when the changes materially come.

In the manner as He sat at the peace conference in Geneva, in the heart and soul of a man not reckoned by many as an even unusually Godly man; yet raised for a purpose, and he chose rather to be a channel of His thought for the world. So, as there has been, so will it be until the time as set. As was given of Him, not given to man to know the time or the period of the end, nor to man—save by their constituting themselves a channel through which He may speak. To be sure, man and woman alike; for, as given from the beginning, they are one. Not as man counts oneness from the material viewpoint. Rather from that as He gave, “Where are those thy persecutors?” “No man, Lord.” “Neither do I condemn thee. Sin no more.” In the searching out of those who, where and when He speaks, or has spoken among or with, or through men, “By their fruits ye shall know them.” They that bring more righteousness are the children of faith, hope, charity. These three; and they do so in *material* world, the Father, the Son, the Holy Spirit. Be thou, then, a channel that may oft walk with Him that gave not of else than, “Let not your hearts be troubled; neither let it be afraid. Let not thine right hand know what thy left hand doeth.” Rather giving self to seeking, day by day, to *know* the will of the Father as was manifest in Him, and may be manifest in thee, for He will not leave thee desolate, but will come to thee—but not unless invited; for, as in the periods, as we find, when He walked with men as the Master among men, or when as Joseph in the kingdoms that were raised as the saving of his peoples that *sold* him into bondage, or as the priest of Salem in the days when the call came that a peculiar peoples would proclaim his name, He has walked and talked with

đi lại và đàm đạo với người ở mọi miền. Rồi trong các nhóm, trong quần chúng, và rồi họ sẽ trị vì của cuộc phục sinh thứ nhất suốt một ngàn năm; vì đó sẽ là khi những biến đổi về vật chất xảy đến.

Theo cách như khi Ngài ngự tại hội nghị hoà bình ở Geneva, trong trái tim và linh hồn của một người mà nhiều người không coi là một người đạo hạnh khác thường; nhưng đã được nâng lên vì một mục đích, và ông ấy đã chọn làm một ống dẫn cho Tư tưởng của Ngài cho thế giới. Vậy nên, như đã có, thì sẽ như thế cho đến thời điểm được ấn định. Như đã được nói về Ngài, không được ban cho con người biết thời điểm hay chu kỳ của tận cùng, cũng chẳng cho con người—ngoại trừ bằng việc họ tự làm thành một kênh qua đó Ngài có thể phán dạy. Quả thật, người nam và người nữ như nhau; vì, như ban từ ban đầu, họ là một. Không phải là sự một theo cách con người tính đếm từ quan điểm vật chất. Đúng hơn theo điều Ngài đã phán, “Những kẻ bắt bớ người đâu?” “Không có ai, Lạy Chúa.” “Ta cũng không kết án người. Đừng phạm tội nữa.” Trong việc tìm kiếm những ai, nơi nào và khi nào Ngài phán dạy trong hay cùng, hay qua con người, “Bỏ hoa quả của họ các người sẽ biết họ.” Những ai mang lại nhiều công chính hơn là con cái của đức tin, hy vọng, bác ái. Ba điều này; và họ làm vậy trong *thế giới vật chất*, là Cha, Con, Chúa Thánh Thần. Vậy thì, hãy là một kênh có thể thường bước đi với Ngài, Đấng đã không phán gì khác hơn là, “Lòng các người chớ bối rối; cũng đừng sợ hãi. Tay phải người chớ biết việc tay trái người làm.” Đúng hơn, hãy hiến dâng tự thân cho việc tìm kiếm, ngày qua ngày, để *biết* ý muốn của Cha như đã hiển lộ trong Ngài, và có thể hiển lộ trong người, vì Ngài sẽ không để người bơ vơ, nhưng sẽ đến với người—nhưng không trừ khi được thỉnh mời; vì, như trong các thời kỳ, như chúng ta thấy, khi Ngài bước đi với loài người như là Bậc Thầy giữa loài người, hay khi như Joseph trong các vương quốc được đẩy lên để cứu dân tộc đã *bán* ông vào nô lệ, hay như vị tư tế

men. Or, as in those days as Asapha [?] [Sons of Asaph? See Ps. 81:5 indicating that Joseph and Asaph were one and the same?], or Affa [?] in those periods when those of that same Egyptian land were giving those counsels to the many nations, when there would be those saving of the physical from that of their own making in the physical; or in the garden when those temptations came, or as the first begotten of the Father that came as Amilius in the Atlantean land and allowed himself to be led in ways of selfishness. Hence, as we see, all the various stages of developments that have come to man through the ages have been those periods when He walked and talked with man.

In this, then, when—as we find—that those periods began in a like period from that of Joseph to Joseph, or Jesus, then again we see the cycle when perfected in body, overcoming the world in the body of man, will He appear in those *varied* experiences; for He tarries not, and the time draws near.

(Q) In the Persian experience as San (or Zend) did Jesus give the basic teachings of what became Zoroastrianism?

(A) In all those periods that the basic principle was the Oneness of the Father, He has walked with men.

We are through.

[Background: One of the Prayer Group readings in which questions were asked about various symbols contained in the Book of Revelation, including the prophesized “thousand years of peace.”]

Reading 281-37; September 8, 1937

của Salem trong những ngày khi có tiếng gọi rằng một dân tộc đặc biệt sẽ tuyên xưng danh Ngài, Ngài đã đi lại và đàm đạo với loài người. Hoặc, như trong những ngày với Asapha [?] [Con cháu của Asaph? Xem Tv. 81:5 cho thấy Joseph và Asaph là một và cùng một người?], hay Affa [?] trong những thời kỳ khi những người của chính xứ Ai Cập ấy đang ban các lời khuyên cho nhiều quốc gia, khi sẽ có những sự cứu giúp về mặt thể xác khỏi những điều chính họ tạo ra trong thể xác; hay trong vườn khi những cám dỗ đến, hay như Trưởng tử của Cha đến như Amilius tại xứ Atlantis và để cho mình bị dẫn dắt theo các đường lối ích kỷ. Bởi vậy, như chúng ta thấy, mọi giai đoạn phát triển khác nhau đã đến với con người qua các thời đại đều là những thời kỳ Ngài đã bước đi và đàm đạo với con người.

Vậy thì, trong điều này, khi—như chúng ta thấy—những thời kỳ ấy bắt đầu trong một thời tương tự từ Joseph đến Joseph, hay Jesus, thì lần nữa chúng ta thấy chu kỳ mà khi được hoàn thiện trong thân, thắng vượt thể gian trong thân của con người, Ngài sẽ hiện ra trong những kinh nghiệm *đa dạng* ấy; vì Ngài không chần trễ, và thời gian đã gần.

(Q) Trong kinh nghiệm Ba Tư với tên San (hay Zend) có phải Đức Jesus đã ban các giáo huấn căn bản của cái về sau trở thành Bái Hỏa giáo?

(A) Trong mọi thời khi nguyên lý căn bản là Tính Duy Nhất của Cha, Ngài đã bước đi với loài người.

Chúng ta kết thúc.

[Hậu cảnh: Một trong các buổi đọc của Nhóm Cầu nguyện trong đó có các câu hỏi về những biểu tượng khác nhau trong Sách Khải Huyền, gồm cả “ngàn năm hoà bình” được tiên báo.]

Buổi đọc 281-37; Ngày 8 tháng 9, 1937

GC: You will have before you the Glad Helpers, members of which are present here, and their work in studying the Book of Revelation. You will continue to answer the questions they have prepared on the last few chapters.

EC: Yes, we have the group as gathered here; as a group, as individuals, and their work on the study of Revelation.

In continuing with that which has been given, well that you each here review within yourselves the experiences of the Revelation as related to your individual lives.

In this manner may you each attune yourselves to the more comprehensive understanding of the latter portion of same.

For the latter portion becomes again the invitation to all for all to partake of the life that is theirs, so living same in such a manner that each individual they contact in each experience of their associations may find every one different—and closer in accord with those teachings that are so a part of the Revelation; the body-Christ, the body-self, that may be one with Him.

Ready for questions.

(Q) Explain Rev. 19:9—10. To whom is John talking here? Is it Peter?

(A) That which is represented by Peter. What did Peter represent? That as had been given, “Flesh and blood hath not revealed this unto thee, but my father in heaven.” All then who have taken, who do take that which had been given as the example, as the pattern, as the manner of expression, as the acknowledgement of the activities within self, are in that position—that they have touched, do touch as it were the knowledge of God in that His ways, His laws, His love are not only a part of their individual lives

GC: Trước các ngài sẽ là Nhóm Trợ thủ Hân Hoan, các thành viên hiện diện ở đây, và công việc của họ trong việc học Sách Khải Huyền. Các ngài sẽ tiếp tục trả lời các câu hỏi họ đã chuẩn bị về vài chương cuối.

EC: Vâng, chúng ta có nhóm như đã nhóm họp tại đây; như một nhóm, như từng cá nhân, và công việc của họ trong việc học Khải Huyền.

Khi tiếp tục với điều đã được ban, tốt là mỗi người ở đây hãy tự xét lại trong mình những kinh nghiệm của Khải Huyền như liên hệ tới đời sống cá nhân của các bạn.

Bằng cách này mỗi người trong các bạn có thể hoà điệu mình với sự thấu hiểu bao quát hơn về phần sau của điều ấy.

Vì phần sau lại trở thành lời mời gọi một lần nữa cho hết thảy mọi người cùng dự phần sự sống vốn là của họ, rồi sống điều ấy theo cách sao cho mỗi cá nhân mà họ tiếp xúc trong từng kinh nghiệm của các mối liên hệ đều nhận ra mỗi người đều khác đi—và gần hơn trong sự hòa hợp với những giáo huấn vốn là một phần của Sự Mặc Khải; thân-thể-Đức Christ, thân-thể-tự-ngã, có thể nên một với Ngài.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(Q) Giải thích Khải Huyền 19:9—10. Ở đây Gioan đang nói với ai? Có phải là Phêrô không?

(A) Với điều được Phêrô đại diện. Phêrô đã đại diện điều gì? Điều đã được phán: “Xác thịt và huyết huyết đã không mặc khải điều này cho người, nhưng Cha Ta ở trên trời.” Vậy thì hết thảy những ai đã nhận lấy, đang nhận lấy điều đã được ban như gương mẫu, như mô hình, như phương thức biểu đạt, như sự xác nhận các hoạt động bên trong tự thân, đều ở trong vị thế ấy—rằng họ đã chạm, đang chạm như thể là tri thức về Thượng đế, rằng các đường lối của Ngài, các định luật của Ngài, Tình thương của Ngài không chỉ là một

but are by them manifested in their daily life, their daily conversation, as one to another.

Yes, then—to the Peter in every experience of the body, the mind, the soul.

(Q) Explain the symbols of the white horse and rider in Rev. 19. Is this the Christ?

(A) This is the Christ in that it, as the horse, in the experiences of the awakening is the symbol of the messenger; and this is Christ, Jesus, the messenger.

(Q) Explain what is meant by the first and second resurrections.

(A) The first is of those who have not tasted death in the sense of the dread of same. The second is of those who have *gained* the understanding that in Him there IS no death.

(Q) What is the meaning of one thousand years that Satan is bound?

(A) Is banished. That, as there are the activities of the forty and four thousand—in the same manner that the prayer of ten just should save a city, the deeds, the prayers of the faithful will allow that period when the incarnation of those only that are in the Lord shall rule the earth, and the period is as a thousand years. Thus is Satan bound, thus is Satan banished from the earth. The desire to do evil is only of him. And when there are—as the symbols—those only whose desire and purpose of their heart is to glorify the Father, these will be those periods when this shall come to pass. *Be ye all determined* within thy minds, thy hearts, thy purposes, to be of that number!

phần trong đời sống cá nhân của họ mà còn được họ biểu lộ trong sinh hoạt hằng ngày, trong lời ăn tiếng nói hằng ngày, như người này với người kia.

Đúng vậy, vậy thì—with “Phêrô” trong mọi kinh nghiệm của thân, của trí, của linh hồn.

(Q) Hãy giải thích các biểu tượng con ngựa trắng và người kỵ sĩ trong Khải Huyền 19. Có phải đây là Đức Christ không?

(A) Đây là Đức Christ vì nó, như con ngựa, trong các kinh nghiệm thức tỉnh, là biểu tượng của sứ giả; và đây là Đức Christ, Đức Jesus, sứ giả.

(Q) Giải thích ý nghĩa của sự phục sinh thứ nhất và thứ hai.

(A) Sự thứ nhất là của những người chưa nếm trải cái chết theo nghĩa sợ hãi điều ấy. Sự thứ hai là của những người đã *đạt được* sự thấu hiểu rằng trong Ngài KHÔNG có cái chết.

(Q) Ý nghĩa của một ngàn năm Sa-tan bị trói buộc là gì?

(A) Là bị trục xuất. Rằng, khi có các hoạt động của bốn mươi bốn ngàn—giống như lời nguyện của mười người công chính có thể cứu cả một thành, thì các việc làm, lời khấn nguyện của những người trung tín sẽ cho phép có giai đoạn mà chỉ những ai ở trong Chúa lâm phạm cai quản địa cầu, và giai đoạn ấy như một ngàn năm. Như thế Sa-tan bị trói buộc, như thế Sa-tan bị trục xuất khỏi địa cầu. Dục vọng làm ác chỉ thuộc về hắn. Và khi—như các biểu tượng—chỉ có những kẻ mà ước muốn và mục đích của lòng họ là tôn vinh Cha, thì đó sẽ là những thời kỳ điều này xảy ra. *Hãy hết thấy quyết chí* trong trí, trong lòng, trong mục đích của các người, để thuộc về số ấy!

(Q) *In Rev. 21:1 what is the meaning of “a new heaven and a new earth: for the first heaven and the first earth were passed away; and there was no more sea?”*

(A) When the foundations of the earth are broken up by those very disturbances. Can the mind of man comprehend no desire to sin, no purpose but that the glory of the Son may be manifested in his life? Is this not a new heaven, a new earth? For the former things would have passed away. For as the desires, the purposes, the aims are to bring about the whole change physically, so does it create in the experience of each soul a new vision, a new comprehension. For as has been given, it hath not entered the heart of man to know the glories that have been prepared, that are a part of the experiences of those that love *only* the Lord and His ways.

(Q) *Please explain 2nd thru 4th verse of Chapter 21—the new Jerusalem and no more death.*

(A) Those then that are come into the new life, the new understanding, the new regeneration, there is then the new Jerusalem. For as has been given, the place is not as a place alone but as a condition, as an experience of the soul. Jerusalem has figuratively, symbolically, meant the holy place, the holy city—for there the ark of the covenant, the ark of the covenant in the minds, the hearts, the understandings, the comprehensions of those who have put away earthly desires and become as the *new* purposes in their experience, become the new Jerusalem, the new undertakings, the new desires.

(Q) *What is meant by the second death in Rev. 21:8?*

(Q) *Trong Khải Huyền 21:1, “trời mới và đất mới: vì trời cũ và đất cũ đã qua; và biển cũng không còn nữa” có nghĩa là gì?*

(A) Khi nền móng của đất bị phá vỡ bởi chính những xáo trộn ấy. Liệu tâm trí con người có thể lĩnh hội cảnh không còn ước muốn phạm tội, không còn mục đích nào ngoài việc vinh quang của Con được biểu lộ trong đời sống mình? Há đó không phải là trời mới, đất mới sao? Vì những điều cũ sẽ qua đi. Bởi như các ước muốn, các mục đích, các chí hướng nhằm tạo ra toàn bộ biến đổi về phương diện thể xác, thì nó cũng tạo nên trong kinh nghiệm của mỗi linh hồn một thị kiến mới, một sự lĩnh hội mới. Vì như đã được ban, điều vinh hiển đã được chuẩn bị—vốn là một phần trong các kinh nghiệm của những ai yêu mến chỉ *một mình* Chúa và các đường lối của Ngài—chưa hề vào lòng người.

(Q) *Xin giải thích câu 2 đến câu 4 của Chương 21—Giê-ru-sa-lem mới và không còn sự chết nữa.*

(A) Những ai bước vào đời sống mới, sự thấu hiểu mới, sự tái sinh mới, thì sẽ có Giê-ru-sa-lem mới. Vì như đã được ban, nơi chốn không chỉ là một địa điểm mà là một trạng thái, một kinh nghiệm của linh hồn. Giê-ru-sa-lem về hình tượng, biểu trưng, có nghĩa là nơi thánh, thành thánh—vì tại đó có hòm giao ước, hòm giao ước trong tâm trí, trong lòng, trong sự thấu hiểu, trong sự lĩnh hội của những ai đã gác bỏ dục vọng trần thế và trở nên như những mục đích *mới* trong kinh nghiệm của họ, trở thành Giê-ru-sa-lem mới, những dân thân mới, những ước muốn mới.

(Q) *“Sự chết thứ hai” trong Khải Huyền 21:8 nghĩa là gì?*

(A) Those that have passed into the understanding and then fall away, become minded of the earthly desires for self-exaltation, know the second death.

(Q) *What is meant by the Holy Jerusalem Rev. 21:12?*

(A) As indicated, that purpose, that estate to which there is the attaining of those who through the purifying—as has been indicated in the earlier portion—now come to the holy purpose—as the Holy Jerusalem; the Holy of Holies becomes the dwelling as it were of those.

(Q) *What is meant by the 12 gates?*

(A) The twelve manners, the twelve ways, the twelve openings, the twelve experiences of the physical to all, and those that have all been purified in purpose for the activities with same.

(Q) *What is the significance of the 12 angels?*

(A) The twelve purposes as represented by the activities of the openings to the bodily forces for their activities in the experiences of expression in the phases of the activities of the individual.

(Q) *Please explain the 12 names which represent the 12 tribes of the children of Israel.*

(A) The same as the twelve gates, the twelve angels, the twelve ways, the twelve understandings; or the approach to *Israel* the seeker—all seeking not then as the expression of self but as *one* in the Holy One!!

(Q) *Rev. 21:15: Please interpret—What is the golden reed to measure the city? and what is the significance of the stones of the new Jerusalem and their colors?*

(A) The new understanding, the reed to measure the city, the abilities of each. Not unto all is it given to be ministers, not unto all to be interpreters, not unto all to be this or

(A) Những ai đã đi vào sự thấu hiểu rồi lại sa ngã, bị lòng hướng về dục vọng thế gian vì tự tôn chi phối, thì biết sự chết thứ hai.

(Q) *“Giê-ru-sa-lem Thánh” trong Khải Huyền 21:12 nghĩa là gì?*

(A) Như đã chỉ ra, đó là mục đích, là cảnh giới mà người ta đạt được, những người qua sự thanh lọc—như đã nói ở phần trước—nay đi đến mục đích thánh—như Giê-ru-sa-lem Thánh; Nơi Chí Thánh trở nên như chốn cư ngụ của họ.

(Q) *“Mười hai cổng” nghĩa là gì?*

(A) Mười hai cách thức, mười hai nẻo, mười hai mở ngõ, mười hai kinh nghiệm của thể xác dành cho hết thảy, và những điều ấy đều đã được thanh lọc trong mục đích cho các hoạt động gắn với chúng.

(Q) *Ý nghĩa của mười hai thiên sứ là gì?*

(A) Mười hai mục đích như được đại diện bởi các hoạt động của các “cửa mở” vào các lực của thân thể cho những hoạt động của họ trong các phương diện biểu lộ của cá nhân.

(Q) *Xin giải thích mười hai tên tượng trưng cho mười hai chi phái con cái Israel.*

(A) Cũng như mười hai cổng, mười hai thiên sứ, mười hai nẻo, mười hai sự lĩnh hội; tức là cách tiếp cận đến *Israel*—người đi tìm—tất cả tìm kiếm không còn như biểu lộ của tự ngã mà như *một* trong Đấng Thánh!!

(Q) *Khải Huyền 21:15: Xin giải thích—“cây sậy vàng để đo thành” là gì? và ý nghĩa của các viên đá của Giê-ru-sa-lem mới và màu sắc của chúng là gì?*

(A) Sự thấu hiểu mới, cây sậy đo thành—tức là năng lực của mỗi người. Không phải ai cũng được ban để làm người phục vụ, không phải ai cũng là người chú giải, không phải ai

that; but measured according to that whereunto they have purposed in their hearts. Though all are as one, remember it has been given that the purpose of the heart is to know *yourself* to be yourself and yet one with God even as Jesus, even as is represented in God the Father, Christ the Son, and the Holy Spirit; each knowing themselves to be themselves yet *one*! So the measurements for those that make the vibrations within themselves that become attuned to the new purpose, the new desire, the new hopes, the new Revelation, the new understandings to do the will of the Father with the will of that made perfect in the Christ.

(Q) *Rev. 22:1: Please interpret. And he showed me a pure river of water of life, clear as crystal proceeding out of the throne of God and of the Lamb.*

(A) As the river, the water, the life represents the active flow of the purpose of the souls of men made pure in same. Then they flow with that purpose from the throne of God Itself, made pure in the blood of the Lamb—which is in Jesus, the Christ, to those who seek to know His ways.

(Q) *Rev. 22-2: What is meant by the tree of life with its twelve kinds of fruit that yielded her fruit every month and the leaves of the tree for the healing of the nations?*

(A) That as the tree planted by the water of life; that is, as the sturdiness of the purpose of the individual in its sureness in the Christ; and the leaves represent the activities that are as for the healing of all that the individual activities may contact, even in material life. And that it is *continuous*, as by the month, as for purpose, as for the activities.

(Q) *Rev. 22:10, 11: Seal not the sayings of the prophecy, etc. and He that is unjust, let him be unjust still; and he which is filthy be filthy still,*

cũng là điều này hay điều kia; mà được đo lường theo điều họ đã chủ định trong lòng. Dầu tất cả là một, hãy nhớ rằng đã được ban: mục đích của lòng là biết *chính mình* để là chính mình và đồng thời nên một với Thượng đế như Đức Jesus, như đã được biểu lộ trong Thượng đế là Cha, Đức Christ là Con, và Chúa Thánh Thần; mỗi vị biết mình là chính mình mà vẫn là *một*! Vậy nên các “đo lường” dành cho những ai tạo ra các rung động trong tự thân và trở nên hòa điệu với mục đích mới, ước muốn mới, hy vọng mới, Sự Mặc Khải mới, sự thấu hiểu mới để làm theo ý Cha bằng ý chí được làm cho nên trọn trong Đức Christ.

(Q) *Khải Huyền 22:1: Xin giải thích. “Người chỉ cho tôi xem một dòng sông nước sự sống trong như pha lê, chảy ra từ ngai của Thượng đế và của Chiên Con.”*

(A) Như sông, như nước, như sự sống tượng trưng cho dòng chảy hoạt động của mục đích nơi linh hồn con người được thanh tịnh trong điều ấy. Rồi họ chảy đi theo mục đích ấy từ chính Ngai của Thượng đế, được thanh tẩy trong huyết của Chiên Con—điều ở trong Đức Jesus, Đức Christ—cho những ai tìm biết các đường lối của Ngài.

(Q) *Khải Huyền 22:2: “Cây sự sống” với mười hai thứ trái mỗi tháng trở bông kết trái, và “lá cây” là để chữa lành muôn dân nghĩa là gì?*

(A) Ấy là cây được trồng bên dòng nước sự sống; nghĩa là, sự vững chãi của mục đích nơi cá nhân trong sự chắc chắn của mình nơi Đức Christ; và lá cây tượng trưng cho các hoạt động như dành cho sự chữa lành hết thảy những gì mà hoạt động của cá nhân có thể tiếp xúc, ngay cả trong đời sống vật chất. Và điều ấy là *liên tục*, như từng tháng, như về mục đích, như về hoạt động.

(Q) *Khải Huyền 22:10, 11: “Đừng đóng ấn những lời tiên tri” v.v., và “Kẻ bất nghĩa cứ*

etc.

(A) As that period approaches when there shall be those influences of the power of those incarnated in the activities of the earth, then the purposes become set as in that indicated by the activities of each being in that to which they have then given themselves.

(Q) *Just how should this material be presented so as to be the most helpful and readable? Comment on the following:*

(A) Rather than commenting (for these touch upon the same), we would give this: First let there be not one but *all* who would purpose, who have purposed to be among that number that are called of God to give to those that seek the interpretation, compare and prepare the messages that have been given; and then choose ye they that would write—and let them—yea, by day and night—find themselves even as John, moved only by the spirit of truth. Thus preparing the message. *Then* when prepared, in one *sitting* read the whole *to* your source of information and receive the rejections or acceptations!

We are through for the present.

Note: See “Changes in World Affairs” section for additional information from the readings regarding changes in the future.

bất nghĩa nữa; kẻ ô uế cứ ô uế nữa” v.v.

(A) Khi thời kỳ tiến gần mà sẽ có các ảnh hưởng của quyền năng từ những người đang lâm phạm trong các hoạt động nơi địa cầu, thì các mục đích trở nên được ấn định như điều được chỉ ra bởi hoạt động của mỗi người trong điều mà họ đã phó mình cho lúc bấy giờ.

(Q) *Nên trình bày tài liệu này như thế nào để giúp ích và dễ đọc nhất? Xin bình luận về những điều sau:*

(A) Thay vì bình luận (vì những điều này chạm đến cùng một nội dung), chúng tôi xin nói thế này: Trước hết, chớ chỉ có một người mà hãy *hết thấy* những ai muốn, những ai đã chủ định được ở trong số những người được Thượng đế kêu gọi để ban cho những ai tìm kiếm sự chú giải, so sánh và soạn thảo các thông điệp đã được ban; rồi các người hãy chọn những người sẽ chấp bút—và để họ—vâng, ngày cũng như đêm—thấy mình như Gioan, chỉ được thôi thúc bởi Thần Khí của chân lý. Như thế mà soạn thảo thông điệp. *Rồi* khi soạn xong, trong một *phiên* duy nhất, đọc toàn bộ *cho* nguồn thông tin của các người và nhận lấy điều bị bác bỏ hay được chấp nhận!

Hiện tại chúng tôi tạm kết thúc.

[Ghi chú: Xem phần “Những thay đổi trong Thời cuộc Thế giới” để biết thêm thông tin từ các buổi đọc liên quan đến những thay đổi trong tương lai.]

4

Changes—Inaccurate, Misinterpreted or Partially Wrong—Những thay đổi—Không chính xác, Bị diễn giải sai hoặc Chỉ đúng một phần

[Background: Reading given to a twenty-nine-year-old male, seeking help with his “material and mental affairs.”]

Reading 311-8; April 9, 1932

(Q) How much longer will this general depression last and when will we begin to see a definite improvement?

(A) In the Spring of '33 will be the real definite improvements. There will be periods, to be sure, of much better—and periods of ‘all gone to pot!’—but the definite periods, as we find in the present, would be in the Spring of '33.

(Q) What parts of the country will first show signs of a revival in business?

(A) The southern and southwestern will be the better for some commercial interests. Those of other interests, as the Railroads, must be considered as adjustments are made in not only the relative valuations in stocks and bonds, and the like, these must come from the motive and steel interests. Hence will be spotted in eastern and western Pennsylvania, Ohio, and the *Middle West*, with a considerable change in the far western portion of the country. This in the immediate vicinity, as indicated from the port as supplied by those that come to this particular port, will gradually be on the advance; for the safety, with the surety of not only shipping, but of the interests as will be represented in the foreign lands...

(Q) How soon will the changes in the earth's activity begin to be apparent?

(A) When there is the first breaking up of some conditions in the South Sea (that's South Pacific, to be sure), and those as apparent in the sinking or rising of that that's almost opposite same, or in the

[Hoàn cảnh: Buổi đọc dành cho một nam giới hai mươi chín tuổi, tìm kiếm sự trợ giúp về “các vấn đề vật chất và tinh thần” của mình.]

Buổi đọc 311-8; 9 tháng 4, 1932

(Q) Tình trạng suy thoái chung này còn kéo dài bao lâu và khi nào chúng ta sẽ bắt đầu thấy sự cải thiện rõ rệt?

(A) Mùa xuân năm '33 sẽ có những cải thiện thật sự rõ rệt. Chắc chắn sẽ có những giai đoạn khá hơn nhiều—và những giai đoạn “đổ bể hết!”—nhưng những giai đoạn rõ rệt, như chúng ta thấy hiện nay, sẽ là vào mùa xuân năm '33.

(Q) Những khu vực nào của đất nước sẽ sớm cho thấy dấu hiệu phục hồi trong kinh doanh?

(A) Miền nam và tây nam sẽ khá hơn đối với một số lợi ích thương mại. Những lợi ích khác, như Đường sắt, phải được cân nhắc khi có các điều chỉnh không chỉ trong các định giá tương đối của cổ phiếu và trái phiếu, và tương tự, mà còn phải đến từ các ngành động lực và thép. Do đó sẽ lác đác ở đông và tây Pennsylvania, Ohio, và vùng miền *Trung Tây*, với một thay đổi đáng kể ở phần viễn tây của đất nước. Điều này trong khu vực trước mắt, như chỉ ra từ cảng được cung ứng bởi những người đến cảng đặc thù này, sẽ dần dần đi lên; vì sự an toàn, với sự bảo đảm không chỉ về vận tải đường biển, mà còn về các lợi ích sẽ được đại diện ở các xứ ngoài...

(Q) Khi nào các thay đổi trong hoạt động của địa cầu bắt đầu trở nên rõ rệt?

(A) Khi có sự vỡ ra trước tiên của một số điều kiện ở Nam Hải (tức Nam Thái Bình Dương, dĩ nhiên), và những điều hiển lộ như trong việc chìm xuống hay trôi lên của vùng gần như đối diện với nó, hoặc ở Địa Trung Hải, và

Mediterranean, and the Aetna area, then we may know it has begun.

(Q) How long before this will begin?

(A) The indications are that some of these have already begun, yet others would say these are only temporary. We would say they have begun. '36 will see the greater changes apparent, to be sure.

(Q) Will there be any physical changes in the earth's surface in North America? If so, what sections will be affected, and how?

(A) All over the country we will find many physical changes of a minor or greater degree. The greater change, as we will find, in America, will be the North Atlantic Seaboard. Watch New York! Connecticut, and the like.

(Q) When will this be?

(A) In this period. As to just when—

(Q) What, if any, changes will take place around Norfolk area, Va?

(A) No *material*, that would be effective to the area, other than would eventually become more beneficial—in a port, and the like.

(Q) Is the Rosicrucian Order, Amorc, fully aware of the impending changes in the earth's activities, and is it taking proper steps to meet these conditions?

(A) This, to be sure, would involve many of those that are secrets, or for many of only initiates for this particular order. There is being a concerted effort to warn those of that particular trend of thought in the direction, though the period as is mostly given, as we find, *begins* then and goes on—rather than being the period of the greater change, as is being taught by these—see? Some of these, it's best not to give, for we would involve

khu vực Etna, thì chúng ta có thể biết nó đã bắt đầu.

(Q) Bao lâu nữa điều này sẽ bắt đầu?

(A) Dấu hiệu cho thấy một số điều này đã khởi sự rồi, dấu những người khác sẽ nói đây chỉ là tạm thời. Chúng tôi nói rằng nó đã bắt đầu. Năm '36 sẽ thấy các thay đổi lớn rõ rệt, dĩ nhiên.

(Q) Có thay đổi vật lý nào trên bề mặt địa cầu ở Bắc Mỹ không? Nếu có, những khu vực nào sẽ bị ảnh hưởng và như thế nào?

(A) Khắp đất nước chúng ta sẽ thấy nhiều thay đổi vật lý ở mức độ nhỏ hay lớn. Thay đổi lớn hơn, như chúng ta sẽ thấy, ở Mỹ, sẽ là dải duyên hải Bắc Đại Tây Dương. Hãy chú ý New York! Connecticut, và các vùng tương tự.

(Q) Khi nào điều đó xảy ra?

(A) Trong giai đoạn này. Còn chính xác khi nào—

(Q) Những thay đổi nào, nếu có, sẽ diễn ra quanh khu vực Norfolk, Virginia?

(A) Không có gì đáng kể gây tác động đến khu vực, ngoài những điều sau cùng sẽ trở nên có lợi hơn—như về một hải cảng, và tương tự.

(Q) Hội Rosicrucian, AMORC có nhận thức đầy đủ về các thay đổi sắp tới trong hoạt động của địa cầu không, và có đang có những bước đi thích hợp để đối phó các tình huống này không?

(A) Điều này, dĩ nhiên, sẽ liên quan đến nhiều điều là bí mật, hoặc chỉ dành cho nhiều người là thọ giáo cho hội riêng này. Đang có một nỗ lực phối hợp để cảnh báo những người thuộc xu hướng tư tưởng đặc thù ấy theo hướng đó, dấu thời kỳ được nêu phần nhiều, như chúng tôi thấy, *bắt đầu* rồi tiếp diễn—hơn là thời kỳ của thay đổi lớn, như những điều các vị ấy đang giảng dạy—hiểu chứ? Một số điều trong này, tốt nhất là không nêu ra, vì chúng ta sẽ

others; for some here are not initiates!

lôi kéo người khác vào; bởi vì có những người ở đây không phải là thọ giáo!

[Background: Part of the World Affairs readings. Question was in regards to the “spiritual, mental and physical changes which are coming to the earth.”]

[Hoàn cảnh: Một phần của các buổi đọc về Thời cuộc Thế giới. Câu hỏi liên quan đến “những thay đổi tinh thần, trí tuệ và thể chất đang đến với địa cầu.”]

Reading 3976-15; January 19, 1934

Buổi đọc 3976-15; 19 tháng 1, 1934

HLC: We seek at this time such information as will be of value and interest to those present, including T. Mitchell Hastings, Jr. in the next room, regarding the spiritual, mental and physical changes which are coming to the earth. You will tell us what part we may play in meeting and helping others to understand these changes. At the end of each fifteen minute period you will pause, until I tell you to continue, while the recording instrument is being arranged. You will speak distinctly at a normal rate of speech, and you will answer the questions which we will ask...

HLC: Chúng tôi tìm kiếm lúc này những thông tin có giá trị và hữu ích cho những người hiện diện, gồm cả T. Mitchell Hastings, Jr. ở phòng bên, liên quan đến những thay đổi tinh thần, trí tuệ và thể chất đang đến với địa cầu. Ngài sẽ cho chúng tôi biết vai trò nào chúng tôi có thể đảm đương trong việc đón nhận và giúp người khác hiểu những thay đổi này. Cứ mỗi mười lăm phút, Ngài sẽ tạm dừng, cho đến khi tôi bảo tiếp tục, trong lúc sắp xếp thiết bị ghi âm. Ngài sẽ nói rõ ràng với tốc độ bình thường, và Ngài sẽ trả lời những câu hỏi chúng tôi sẽ nêu...

EC: As to the material changes that are to be as an omen, as a sign to those that this is shortly to come to pass—as has been given of old, the sun will be darkened and the earth shall be broken up in divers places—and *then* shall be *proclaimed*—through the spiritual interception in the hearts and minds and souls of those that have sought His way—that HIS star has appeared, and will point [pause] the way for those that enter into the holy of holies in themselves. For, God the Father, God the Teacher, God the director, in the minds and hearts of men, must ever be *in* those that come to know Him as first and foremost in the seeking of those souls; for He is first the *God* to the individual and as He is exemplified, as He is manifested in the heart and in the acts of the body, of the individual, He becomes manifested before men. And those that seek in the latter portion of the year of our Lord (as ye have counted in and among men) ‘36,

EC: Về những thay đổi vật chất sẽ là điềm, là dấu cho những ai rằng điều này sắp diễn ra—như đã được ban xưa, mặt trời sẽ tối lại và đất sẽ vỡ ra ở nhiều nơi—và rồi sẽ được *tuyên xưng*—qua sự linh cảm tinh thần trong lòng, trong trí và trong linh hồn của những ai đã tìm kiếm đường lối của Ngài—rằng NGÔI sao của Ngài đã xuất hiện, và sẽ chỉ [tạm dừng] đường cho những ai bước vào Nơi Chí Thánh trong chính mình. Vì, Thượng đế là Cha, Thượng đế là Đấng Dạy Dỗ, Thượng đế là Đấng hướng dẫn, trong tâm trí và trong lòng người, phải luôn ở *trong* những ai đến để biết Ngài như là Đấng trước nhất và tối thượng trong sự tìm kiếm của những linh hồn ấy; vì Ngài trước hết là *Thượng đế* đối với cá nhân, và như Ngài được thể hiện, như Ngài được biểu lộ trong lòng và trong hành vi của thân thể, của cá nhân, Ngài trở nên hiển lộ trước mặt người ta. Và những ai tìm kiếm trong phần sau của năm của Chúa chúng ta (như các người vẫn tính trong và giữa loài người)

He [He, Christ Spirit?] will appear.

As to the changes physical again: The earth will be broken up in the western portion of America. The greater portion of Japan must go into the sea. The upper portion of Europe will be changed as in the twinkling of an eye. Land will appear off the east coast of America. There will be the upheavals in the Arctic and in the Antarctic that will make for the eruption of volcanos in the Torrid areas, and there will be shifting then of the poles—so that where there has been those of a frigid or the semi-tropical will become the more tropical, and moss and fern will grow. And these will begin in those periods in '58 to '98, when these will be proclaimed as the periods when His light will be seen again in the clouds. As to times, as to seasons, as to places, *alone* is it given to those who have named the name—and who bear the mark of those of His calling and His election in their bodies. To them it shall be given.

As to those things that deal with the mental of the earth, these shall call upon the mountains to cover many. As ye have seen those in lowly places raised to those of power in the political, in the machinery of nations' activities, so shall ye see those in high places reduced and calling on the waters of darkness to cover them. And those that in the inmost recesses of themselves awaken to the spiritual truths that are to be given, and those places that have acted in the capacity of teachers among men, the rottenness of those that have ministered in places will be brought to light, and turmoils and strifes shall enter. And, as there is the wavering of those that would enter as emissaries, as teachers, from the throne of life, the throne of light, the throne of immortality, and wage war in the air with those of darkness, then know ye the Armageddon is at hand. For with the great numbers of the gathering of the hosts of those that have hindered and would make for man and his weaknesses

'36, Ngài [Ngài, Tinh thần của Đức Christ?] sẽ xuất hiện.

Về những thay đổi thể chất lần nữa: Địa cầu sẽ bị vỡ ở phần phía tây của nước Mỹ. Phần lớn Nhật Bản sẽ chìm xuống biển. Phần phía bắc châu Âu sẽ bị biến đổi trong nháy mắt. Sẽ xuất hiện đất liền ngoài khơi bờ đông nước Mỹ. Sẽ có các cuộc trôi lên ở Bắc Cực và Nam Cực khiến các núi lửa phun ở vùng Nhiệt đới, và rồi sẽ có sự chuyển dịch của các cực—đến độ nơi từng lạnh giá hay cận nhiệt đới sẽ trở nên nhiệt đới hơn, và rêu cùng dương xỉ sẽ mọc. Và những điều này sẽ khởi trong các giai đoạn từ '58 đến '98, khi những điều ấy sẽ được tuyên bố là những thời kỳ mà ánh sáng của Ngài sẽ lại được thấy trong mây trời. Còn như thời điểm, như mùa, như địa điểm, chỉ *duy* được ban cho những ai đã kêu Danh—và mang dấu ấn của những người được Ngài kêu gọi và tuyển chọn trên thân thể họ. Với họ, điều ấy sẽ được ban.

Về những điều thuộc phương diện trí tuệ của địa cầu, chúng sẽ kêu các núi phủ che nhiều người. Như các người đã thấy những kẻ ở chỗ thấp hèn được đưa lên chỗ quyền lực trong chính trị, trong bộ máy hoạt động của các quốc gia, thì các người cũng sẽ thấy những kẻ ở chỗ cao trọng bị hạ xuống và kêu gọi những làn nước tối tăm phủ che họ. Và những ai trong chốn thâm sâu nhất của tự ngã họ thức tỉnh với các chân lý tinh thần sẽ được ban, và những nơi vốn làm phẫn sự thầy dạy giữa loài người, thì sự mục ruỗng của những kẻ làm chức vụ ở các chốn ấy sẽ bị phơi bày, và bạo động cùng tranh chấp sẽ tràn vào. Và, khi có sự nao núng nơi những ai sẽ bước vào như sứ giả, như thầy dạy, từ ngai của sự sống, ngai của ánh sáng, ngai của bất tử, và giao chiến trên không trung với những kẻ thuộc bóng tối, thì các người biết rằng trận A-ma-ghe-đôn đã gần kề. Vì với số đông lớn lao của đoàn quân những kẻ đã cản trở và sẽ làm cho con người cùng các yếu hèn của y thành những chướng ngại, chúng sẽ giao

stumblingblocks, they shall wage war with the spirits of light that come into the earth for this awakening; that have been and are being called by those of the sons of men into the service of the living God. For He, as ye have been told, is not the God of the dead, not the God of those that have forsaken Him, but those that love His coming, that love His associations among men—the God of the *living*, the God of Life! For, He *is* Life.

Who shall proclaim the acceptable year of the Lord in him that has been born in the earth in America? Those from that land where there has been the regeneration, not only of the body but the mind and the spirit of men, *they* shall come and declare that John Peniel is giving to the world the new *order* of things. Not that these that have been proclaimed have been refused, but that they are made *plain* in the minds of men, that they may know the truth and the truth, the life, the light, will make them free.

I have declared this, that has been delivered unto me to give unto you, ye that sit here and that hear and that see a light breaking in the east, and have heard, have seen thine weaknesses and thine faultfindings, and know that He will make thy paths straight if ye will but live that *ye know* this day—then may the next step, the next word, be declared unto thee. For ye in your weakness [pause] have known the way, through that as ye have made manifest of the *spirit* of truth and light that has been proclaimed into this earth, that has been committed unto the keeping of Him that made of Himself no estate but who brought into being all that ye see manifest in the earth, and has declared this message unto thee: “Love the Lord thy God with all thine heart,” and the second is like unto it, “Love thy neighbor as thyself.” Who is thine neighbor? Him that ye may aid in whatsoever way that he, thy neighbor, thy brother, has been troubled. Help him to stand on his own feet. For such may only

chiến với các thần linh của ánh sáng đang đến địa cầu vì cuộc thức tỉnh này; những đấng đã được và đang được những người con của nhân loại kêu gọi vào sự phụng sự Thượng đế hằng sống. Vì Ngài, như các người đã được phán dạy, không phải Thượng đế của kẻ chết, không phải Thượng đế của những kẻ đã lìa bỏ Ngài, mà là của những ai yêu mến sự đến của Ngài, yêu mến sự giao tiếp của Ngài giữa loài người—Thượng đế của kẻ *sống*, Thượng đế của Sự Sống! Vì Ngài *là* Sự Sống.

Ai sẽ tuyên xưng năm hồng ân của Chúa trong người đã sinh ra trên đất ở nước Mỹ? Những người từ miền đất nơi đã có cuộc tái sinh, không chỉ của thân xác mà của tâm trí và tinh thần của con người, *họ* sẽ đến và tuyên bố rằng John Peniel đang ban cho thế gian *trật tự* mới của sự vật. Không phải những điều đã được tuyên xưng bị khước từ, mà là chúng được làm cho *rõ ràng* trong tâm trí con người, để họ biết lẽ thật và lẽ thật, sự sống, ánh sáng, sẽ giải phóng họ.

Ta đã tuyên xưng điều này, điều đã được giao cho ta để ban cho các người, các người là những người ngồi đây và nghe và thấy một ánh sáng rạng lên từ phương đông, và đã nghe, đã thấy các yếu đuối và thói bất bẻ của các người, và biết rằng Ngài sẽ làm đường lối của các người nên ngay thẳng nếu các người chỉ sống điều mà *các người biết* hôm nay—thì bước kế, lời kế tiếp, có thể được phán cho người. Vì các người trong yếu đuối của mình [tạm dừng] đã biết đường lối, qua điều mà các người đã biểu lộ của *Thần Khí* chân lý và ánh sáng đã được tuyên xưng vào địa cầu này, điều đã được giao phó cho Đấng mà Ngài đã không làm cho chính mình có địa vị nào nhưng đã đem vào hiện hữu mọi điều các người thấy biểu lộ nơi đất, và đã công bố thông điệp này cho người: “Hãy yêu mến Chúa là Thượng đế của người hết lòng người,” và điều răn thứ hai giống như vậy: “Hãy yêu người lân cận như chính mình.” Ai là người lân cận của người? Là người mà người có thể giúp đỡ bằng bất cứ cách nào khi

know the acceptable way. The weakling, the unsteady, must enter into the crucible and become as naught, even as He, that they may know the way. I, Halaliel, have spoken.

(Q) *What are the world changes to come this year physically?*

(A) The earth will be broken up in many places. The early portion will see a change in the physical aspect of the west coast of America. There will be open waters appear in the northern portions of Greenland. There will be new lands seen off the Caribbean Sea, and *dry* land will appear. There will be the falling away in India of much of the material suffering that has been brought on a troubled people. There will be the reduction of one risen to power in central Europe to naught. The young king son will soon reign [see next question]. In America in the political forces we see a re-stabilization of the powers of the peoples in their own hands, a breaking up of the rings, the cliques in many places. South America shall be shaken from the uppermost portion to the end, and in the Antarctic off of Tierra Del Fuego *land*, and a strait with rushing waters.

(Q) *To what country is the reference made regarding the young king?*

(A) In Germany.

(Q) *Is America fulfilling her destiny?*

(A) Rather should the question be sought, my children, are individuals fulfilling those channels to which they have been brought through their own application of the knowledge within themselves to fulfill their position? For each and every one, each and every nation, is led—even as in heaven. For that ye see in earth is a *pattern* of that in the *mind*, as ye well know, and is as a shadow of

người lân cận, người anh em của người, gặp hoạn nạn. Hãy giúp người ấy đứng trên chính đôi chân mình. Vì như thế người ấy mới biết đường lối đáng chấp thuận. Kẻ bạc nhược, kẻ không vững, phải bước vào lò luyện và trở nên như hư không, y như Ngài, để họ biết đường lối. Ta, Halaliel, đã phán.

(Q) *Những thay đổi thể lý của thế giới sẽ đến trong năm nay là gì?*

(A) Địa cầu sẽ bị vỡ ra ở nhiều nơi. Phần đầu năm sẽ chứng kiến sự thay đổi về diện mạo thể lý của bờ tây nước Mỹ. Sẽ xuất hiện vùng nước thông thoáng ở phần bắc Greenland. Sẽ thấy đất liền mới ngoài khơi biển Caribê, và đất *khô* sẽ lộ ra. Sẽ có sự suy giảm nhiều đau khổ vật chất ở Ấn Độ—điều đã đổ xuống trên một dân tộc khốn khó. Sẽ có việc hạ bệ một người đã lên nắm quyền ở trung Âu, đến chỗ hư không. Vị thái tử trẻ sẽ sớm trị vì [xem câu hỏi kế]. Ở Mỹ, trong các lực chính trị, chúng ta thấy có sự tái ổn định quyền lực của dân chúng trong tay chính họ, sự tan rã của các nhóm lợi ích, các phe cánh ở nhiều nơi. Nam Mỹ sẽ bị chấn động từ chỗ cực bắc đến tận cùng, và ở Nam Cực, ngoài khơi Tierra Del Fuego sẽ có *đất*, và một eo biển với dòng nước cuộn cuộn.

(Q) *“Nước” nào được ám chỉ liên quan đến vị vua trẻ?*

(A) Ở Đức.

(Q) *Hoa Kỳ có đang hoàn tất định mệnh của mình không?*

(A) Thay vào đó, các con nên tìm câu hỏi này: các cá nhân có đang hoàn tất những vai kênh mà họ đã được dẫn đến—thông qua sự vận dụng của chính họ đối với tri thức bên trong mình—để chu toàn vị trí của họ không? Vì từng người và mỗi quốc gia đều được dẫn dắt—ngay như ở trên trời. Vì điều các người thấy ở dưới đất là một *mô hình* của điều ở trong *trí*, như các người biết rõ, và là cái bóng của chân

spiritual truth, life and light. Is America as a whole? This is as has been given. If there is not the acceptance in America of the closer brotherhood of man, the love of the neighbor as self, civilization must wend its way westward—and again must Mongolia, must a hated people, be raised. It is filling its destiny? Is it filling, rather, its place, that destined in the experience of peoples, of a nation? What have ye done with the knowledge that ye have respecting the relationships of thy Creator to thy fellow man? and hast thou made known that ye know of His ways, God's ways, among thy fellows? Yea, here and there, as ye have seen, America has become not only the greater of these that have sent those that would make known secular ways but has also—does harbor within its bosom those things of other lands that are making, as it were, a leaven to the whole. And here, there—for, as given, His messenger shall appear there. Hence, is finding those that make the paths straight.

(Q) Explain the relation between the information just given regarding Germany and the changes for this year, and the information already given through this channel on Hitler.

(A) Read that, my children, that has been given; that there was the destiny for the man, if he did not allow Imperialism to enter in—and it is entering. Hence must be called into question.

(Q) Who will uncover the history of the past in record form which are said to be near the sphinx in Egypt?

(A) As was set in those records of the law of One in Atlantis, that there would come three that would make of the perfect way of life.

lý, sự sống và ánh sáng tinh thần. Còn như nước Mỹ nói chung? Điều này là như đã được ban. Nếu không có sự chấp nhận ở Mỹ về tình huynh đệ gần gũi hơn giữa con người với nhau, về yêu người lân cận như chính mình, thì văn minh phải lững thững tiến về phương tây—và rồi lại phải Mông Cổ, phải một dân tộc bị ghét bỏ, được đẩy lên. Nó có đang hoàn tất định mệnh của mình chẳng? Đúng hơn, nó có đang hoàn tất vị trí của mình, vị trí được định liệu trong kinh nghiệm của các dân tộc, của một quốc gia chẳng? Các người đã làm gì với tri thức mà các người có, liên quan đến mối liên hệ giữa Đấng Tạo Hóa của các người với đồng loại? và các người đã cho biết rằng các người biết các đường lối của Ngài, đường lối của Thượng đế, giữa đồng loại của các người chưa? Phải, nơi này nơi khác, như các người đã thấy, nước Mỹ không những trở thành lớn hơn trong số các nước đã sai những người làm cho các đường lối thế tục được biết đến mà còn—đang dung chứa trong lòng mình những điều của các xứ khác, như thể một thứ men làm dậy cả khối. Và đây đó—vì như đã ban, Sứ giả của Ngài sẽ hiện ra ở đó. Do vậy, đang tìm thấy những người làm cho nẻo đường ngay thẳng.

(Q) Hãy giải thích mối liên hệ giữa thông tin vừa ban về Đức và những thay đổi trong năm nay, với thông tin đã được ban qua kênh này về Hitler.

(A) Hãy đọc, các con, điều đã được ban; rằng người này có định mệnh, nếu y không để chủ nghĩa Đế quốc chen vào—và nó đang chen vào. Bởi vậy phải bị đem ra chất vấn.

(Q) Ai sẽ phát lộ lịch sử quá khứ ở dạng ký lục được cho là ở gần tượng nhân sư tại Ai Cập?

(A) Như đã được ghi trong các ký lục của luật Một ở Atlantis, rằng sẽ có ba người đến để làm nên con đường sống toàn hảo. Và khi tìm

And as there is found those that have made, in their experience from their sojourn in the earth, a balance in their spiritual, their mental, their material experiences or existences, so may they become those channels through which there may be proclaimed to a seeking, a waiting, a desirous body, those things that proclaim how there has been preserved in the earth (that as is a shadow of the mental and the spiritual reservation of God to His children) those truths that have been so long proclaimed. Those, then, that make themselves that channel. For, as He has given, who is to proclaim is not mine to give, but they that have made of themselves such a measure of their experiences as to be worthy of proclaiming.

(Q) *Is Roosevelt right?*

(A) *Who* is right? He that will be guided by that spirit of truth. He, Roosevelt, has been raised for a privilege; and as to whether he—as others—is to use those privileges in His ways that make for right, or error in the lives of those that are influenced by the activities of the body, is within *his* relationship to that God WE as individuals, as souls, both in the earth, in heaven, in air, *are* measured to that as he proclaims. His basis in that he has done thus far has been founded in the spirit of truth. As to what will be done, as it was with him who sat at the peace table and proclaimed a way, yet was rejected among men, even in his own land, when he stood in the position as Roosevelt does to his people. What will the people do with the spirit of truth that is being proclaimed by him (Roosevelt), is rather the question. He has been called. He has been given. What will ye do with this man?

(Q) *Will he live out his term?*

(A) The greater period for destructive forces

thấy những ai đã làm nên, trong kinh nghiệm của họ từ những lần lưu trú trên trần, một tương xứng trong các kinh nghiệm tinh thần, trí tuệ, vật chất của họ, thì họ có thể trở thành các kênh qua đó có thể tuyên xưng cho một đoàn thể đang tìm kiếm, đang chờ đợi, đang ao ước, những điều tuyên bố rằng cách thức bảo tồn đã có trong địa cầu (điều vốn như cái bóng của sự dành dụm—trí năng và tinh thần—của Thượng đế cho các con cái Ngài) những chân lý đã được tuyên xưng bấy lâu. Vậy thì, những ai tự làm mình thành kênh ấy. Vì, như Ngài đã phán, ai sẽ tuyên xưng không thuộc phần Ta ban, mà là những người đã làm nên cho mình một thước đo các kinh nghiệm khiến họ xứng đáng để tuyên xưng.

(Q) *Roosevelt có đúng không?*

(A) Ai là đúng? Kẻ sẽ được dẫn dắt bởi Thần Khí chân lý. Ông Roosevelt đã được đẩy lên để hưởng một đặc ân; và việc ông—như những người khác—sẽ dùng các đặc ân ấy theo các đường lối của Ngài khiến nên điều phải lẽ, hay lầm lỗi, trong đời sống của những người bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của thân, là nằm trong mối liên hệ của *ông ấy* với Thượng đế mà CHÚNG TA, với tư cách cá nhân, với tư cách linh hồn, cả ở trần, ở trời, ở không trung, *được* đo lường theo điều ông ấy tuyên xưng. Nền tảng của ông trong những gì ông đã làm cho đến nay được xây trên Thần Khí chân lý. Còn sẽ làm gì, thì cũng như người đã ngồi tại bàn hòa ước và tuyên xưng một con đường, nhưng đã bị khước từ giữa người đời, ngay trong chính xứ sở mình, khi người ấy đứng ở vị trí như Roosevelt hiện nay trước dân mình. Dân chúng sẽ làm gì với Thần Khí chân lý đang được ông (Roosevelt) tuyên xưng, đó mới là câu hỏi. Ông đã được kêu gọi. Ông đã được ban cho. Các người sẽ làm gì với người này?

(Q) *Ông ấy có tại vị hết nhiệm kỳ không?*

(A) Giai đoạn lớn hơn để các lực phá hoại

to enter in as respecting the life in this experience has passed. It will come again not in this year, but when there are changes in the next session. As to what will be the final outcome, depends—as ever—upon what is done *about* that period. What may ye as individuals gathered here do respecting same? Make known that his ways are *worthy* of being considered, and pray ye with him that if it be His will his hour will pass. If he falters, then he must be removed.

(Q) Is there any further counsel or advice for us gathered here, which will enable us to understand better our responsibility?

(A) All gathered here in the name of God who is the Father, to those that seek to know His ways—and who is as something outside the veil of their understanding unless sought, even as the counsel of the Father, of that God-Mother in each soul that seeks to know the biddings; not as one that would reap vengeance but rather as the loving, *merciful* Father. For, as ye show mercy, so may the Father show mercy to thee. As ye show the wisdom, as ye show the love of thy fellow man, so may the love be shown, so may the wisdom, so may the guiding steps day by day be shown thee. Be ye joyous in the Lord, knowing that He is ever present with those that seek His face. He is not in heaven, but makes heaven in thine own heart, if ye accept Him. He, God, the Father, is present and manifest in that ye mete to your fellow man in thine own experience. Would ye know the Father, be the father to thy brother. Would ye know the love of the Father, *show* thy love to thy faltering, to thy erring brother—but to those that seek, not those that condemn.

We are through.

chen vào hầu đoạt lấy sự sống trong kinh nghiệm này đã qua. Nó sẽ lại đến không phải trong năm nay, mà khi có những thay đổi ở khóa họp tới. Còn kết cục sau cùng sẽ ra sao, vẫn—như bao giờ—tùy thuộc vào điều được *làm liên quan đến* giai đoạn ấy. Các người—với tư cách những cá nhân đang tụ họp ở đây—có thể làm gì về điều đó? Hãy cho biết rằng các đường lối của ông ấy *đáng* được cân nhắc, và hãy cầu nguyện cùng ông ấy rằng nếu ấy là ý của Ngài thì giờ nguy khốn của ông sẽ vượt qua. Nếu ông nao núng, thì ông phải bị dời đi.

(Q) Có lời khuyên nào nữa cho chúng tôi—những người tụ họp tại đây—giúp chúng tôi hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình không?

(A) Tất cả những ai tụ họp tại đây nhân danh Thượng đế là Cha, những người tìm biết các đường lối của Ngài—và Ngài như là điều gì đó bên ngoài bức màn linh hội của họ trừ phi được tìm kiếm, ngay như lời khuyên của Cha, của “Thượng đế-Mẹ” trong mỗi linh hồn tìm biết sự chỉ bảo; không như Đấng sẽ gieo oán phạt mà đúng hơn như Người Cha yêu thương, *nhân từ*. Vì, như các người tỏ lòng thương xót, thì cũng vậy Cha có thể tỏ lòng thương xót với người. Như các người tỏ ra sự minh triết, như các người tỏ ra tình thương với đồng loại, thì cũng vậy tình thương sẽ được tỏ ra, cũng vậy sự minh triết, cũng vậy các bước dẫn dắt từng ngày sẽ được chỉ cho người. Hãy hân hoan trong Chúa, biết rằng Ngài luôn hiện diện với những ai tìm kiếm dung nhan Ngài. Ngài không ở trên trời, nhưng làm nên thiên đàng trong chính lòng các người, nếu các người tiếp nhận Ngài. Ngài, Thượng đế là Cha, hiện diện và biểu lộ trong điều các người đối đãi với đồng loại trong chính kinh nghiệm của mình. Muốn biết Cha, hãy làm người cha đối với anh em người. Muốn biết tình yêu của Cha, hãy *tỏ* tình yêu của người với người anh em đang nao núng, đang sai trật—nhưng với những ai tìm kiếm, không phải những kẻ lên án.

Chúng tôi xin kết thúc.

[Background: Reading given to a forty-eight-year-old male who inquired about the safety of San Francisco, CA.]

Reading 270-30; February 13, 1933

(Q) *Will the earth upheavals during 1936 affect San Francisco as it did in 1906?*

(A) This'll be a baby beside what it'll be in '36!

[Background: Reading given to a sixty-six-year-old female seeking personal guidance.]

Reading 1152-11; August 13, 1941

As to conditions in the geography of the world, of the country—changes here are gradually coming about.

No wonder, then, that the entity feels the need, the necessity for change of central location. For, many portions of the east coast will be disturbed, as well as many portions of the west coast, as well as the central portion of the U.S.

In the next few years lands will appear in the Atlantic as well as in the Pacific. And what is the coast line now of many a land will be the bed of the ocean. Even many of the battle fields of the present will be ocean, will be the seas, the bays, the lands over which the *new* order will carry on their trade as one with another.

Portions of the now east coast of New York, or New York City itself, will in the main disappear. This will be another generation, though, here; while the southern portions of Carolina, Georgia—these will disappear. This will be much sooner.

The waters of the lakes will empty into the Gulf, rather than the waterway over which

[Hoàn cảnh: Buổi đọc dành cho một nam giới bốn mươi tám tuổi hỏi về sự an toàn của San Francisco, California.]

Buổi đọc 270-30; 13 tháng 2, 1933

(Q) *Những biến động của địa cầu trong năm 1936 có ảnh hưởng đến San Francisco như năm 1906 không?*

(A) Lần đó sẽ chỉ như em bé so với điều sẽ xảy ra vào '36!

[Hoàn cảnh: Buổi đọc dành cho một phụ nữ sáu mươi sáu tuổi tìm kiếm chỉ dẫn cá nhân.]

Buổi đọc 1152-11; 13 tháng 8, 1941

Về các điều kiện địa lý của thế giới, của đất nước—những thay đổi ở đây đang dần xuất hiện.

Vậy nên, không lạ gì mà thực thể cảm thấy nhu cầu, sự cần thiết phải đổi chỗ ở trung tâm. Vì, nhiều phần ở duyên hải phía đông sẽ bị xáo trộn, cũng như nhiều phần ở duyên hải phía tây, cũng như phần trung tâm của Hợp chúng quốc.

Trong vài năm tới sẽ xuất hiện đất liền ở Đại Tây Dương cũng như ở Thái Bình Dương. Và ranh giới bờ biển hiện nay của nhiều xứ sở sẽ trở thành đáy biển. Ngay cả nhiều chiến trường hiện thời cũng sẽ là đại dương, sẽ là biển, là vịnh, là những vùng đất mà trên đó “trật tự” mới sẽ thực hiện việc giao thương với nhau.

Một phần của duyên hải phía đông New York hiện nay, hoặc chính Thành phố New York, phần lớn sẽ biến mất. Tuy nhiên điều này sẽ là ở thế hệ kế; còn các phần phía nam của Carolina, Georgia—những vùng này sẽ biến mất. Điều này sẽ sớm hơn nhiều.

Nước của các hồ sẽ đổ vào Vịnh (Mexico), chứ không phải con đường thủy mà gần đây đã

such discussions have been recently made. It would be well if the waterway were prepared, but not for that purpose for which it is at present being considered.

Then the area where the entity is now located [Virginia Beach for rdg.] will be among the safety lands, as will be portions of what is now Ohio, Indiana and Illinois, and much of the southern portion of Canada and the eastern portion of Canada; while the western land—much of that is to be disturbed—in this land—as, of course, much in other lands.

Then, with the knowledge of these—first the principles, then the material changes.

The choice should be made by the entity itself as to location, and especially as to the active work.

To be *sure* there is work to be done by the entity, *definite* work.

Join with all of those who declare that the Lord has come and that His day is again at hand.

Ready for questions.

(Q) *Should this work start by early fall?*

(A) Start today!

(Q) *I have for many months felt that I should move away from New York City.*

(A) This is well, as indicated. There is too much unrest; there will continue to be the character of vibrations that to the body will be disturbing, and eventually those destructive forces there—though these will be in the next generation.

(Q) *Will Los Angeles be safe?*

(A) Los Angeles, San Francisco, most all of

có nhiều bàn luận. Sẽ tốt nếu tuyến đường thủy được chuẩn bị, nhưng không phải cho mục đích mà hiện nay nó đang được xét tới.

Vậy thì khu vực nơi thực thể hiện đang cư trú [Virginia Beach cho buổi đọc] sẽ ở trong các vùng an toàn, cũng như các phần của những nơi hiện nay là Ohio, Indiana và Illinois, và nhiều phần phía nam của Canada và phần phía đông của Canada; còn miền tây—nhiều vùng sẽ bị xáo trộn—trong xứ này—và dĩ nhiên, nhiều nơi ở các xứ khác.

Vậy thì, với tri thức về những điều này—trước hết là các nguyên tắc, rồi đến những thay đổi vật chất.

Việc chọn lựa nên do chính thực thể quyết định về nơi chốn, và đặc biệt là về công việc chủ động.

Chắc *chắn* có việc phải làm cho thực thể, việc làm *cụ thể*.

Hãy hiệp cùng tất cả những ai tuyên bố rằng Chúa đã đến và rằng ngày của Ngài lại gần kề.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(Q) *Công việc này nên khởi sự vào đầu mùa thu chăng?*

(A) Hãy bắt đầu hôm nay!

(Q) *Từ nhiều tháng nay tôi cảm thấy mình nên rời Thành phố New York.*

(A) Điều này tốt, như đã chỉ ra. Có quá nhiều bất an; sẽ tiếp tục có kiểu rung động gây xáo trộn cho thân thể, và sau cùng là các lực phá hoại ở đó—tuy chúng sẽ thuộc thế hệ kế.

(Q) *Los Angeles có an toàn không?*

(A) Los Angeles, San Francisco, hầu hết tất cả

these will be among those that will be destroyed before New York even.

(Q) Should California or Virginia Beach be considered at all, or where is the right place that God has already provided for me to live?

(A) As indicated, these choices should be made rather in self. Virginia Beach or the area is much safer as a definite place. But the work of the entity should embrace most all of the areas from the east to the west coast, in its persuading—not as a preacher, nor as one bringing a message of doom, but as a loving warning to all groups, clubs, woman's clubs, writer's clubs, art groups, those of every form of club, that there needs be—in their activities—definite work towards the knowledge of the power of the Son of God's activity in the affairs of men.

(Q) Are there special groups with which I should become affiliated, in doing the work that God is urging His people to do now, impersonally?

(A) Rather as indicated, use that wherein there is the likeness, see? Magnify those things that are the virtues in all, minimizing the faults that are there. Not as a member of a group. May be member of an organization, but rather than as a member of a group be a helpmeet to *all* groups! As just indicated, clubs of every nature. Arouse them to *their* abilities; by writing as well as speaking. For the entity has the abilities in these directions, as has been indicated.

[Background: Part of the Study Group series of readings. Question was asked regarding “present world conditions.”]

những nơi này sẽ thuộc số những nơi bị hủy diệt trước cả New York nữa.

(Q) Có nên cân nhắc California hay Virginia Beach không, hay đâu là nơi đúng đắn mà Thượng đế đã dành sẵn cho tôi cư trú?

(A) Như đã chỉ ra, những chọn lựa này đúng hơn nên do tự thân quyết định. Virginia Beach hoặc khu vực ấy an toàn hơn nhiều như một nơi cụ thể. Nhưng công việc của thực thể nên bao trùm hầu khắp các vùng từ bờ đông đến bờ tây, trong sự thuyết phục—không như một nhà giảng đạo, cũng không như người mang thông điệp diệt vong, mà như một lời cảnh báo yêu thương đến mọi nhóm, các câu lạc bộ, câu lạc bộ phụ nữ, câu lạc bộ văn bút, các nhóm nghệ thuật, những nhóm của mọi loại câu lạc bộ, rằng trong các hoạt động của họ cần có—một công việc cụ thể—hướng tới tri thức về quyền năng hoạt động của Con Thượng đế trong các sự vụ của con người.

(Q) Có những nhóm đặc thù nào mà tôi nên gia nhập, để thực hiện công việc mà Thượng đế đang thôi thúc dân Ngài làm ngay bây giờ, một cách vô ngã không?

(Đ) Đúng như đã gợi ý, hãy dùng cái nơi có sự tương đồng, hiểu chứ? Phóng đại những điều là đức hạnh nơi mọi người, và giảm thiểu những lỗi lầm hiện hữu. Không phải như một thành viên của một nhóm. Có thể là thành viên của một tổ chức, nhưng thay vì là một thành viên của một nhóm, hãy là bạn đồng hành trợ giúp cho *mọi* nhóm! Như vừa nêu, các câu lạc bộ thuộc mọi loại. Khơi dậy họ nhận ra *những khả năng của họ*; bằng văn viết cũng như bằng lời nói. Vì thực thể có những khả năng theo các hướng này, như đã được chỉ ra.

[Bối cảnh: Phần thuộc loạt buổi đọc của Nhóm Nghiên Cứu. Câu hỏi được nêu liên quan đến “tình hình thế giới hiện tại.”]

Reading 262-26; August 21, 1932

(Q) *Compilers: What should we do regarding the paper on “Present World Conditions” which we sent to the Westerner, Calgary, Alberta, Canada?*

(A) Patience; for this is on its way.

(Q) *What is their attitude regarding this paper?*

(A) With patience wait, that ye may know—for it worketh as the leaven.

(Q) *[[69]’s husband]: Furnish the information concerning the disaster which has been predicted to happen around the last of this month, the results and location.*

(A) As we find, from those various channels through which such information has come, know rather that as was given by Him—“The hour ye know not, and the time ye know not. Not even the Son, but the Father.” These are then rather those that shall be of the spiritual awakening, than material disasters in the present; for the time has not yet come—saith the oracle—for it is not yet fulfilled.

(Q) *Is there any message for the group as a whole at this time?*

(A) Ye have taken upon yourselves that as is worthy of the calling as set in Him. “Ye have chosen me, even as I have chosen you.” Be faithful and patient, that ye may enter in.

[Background: Interpretation of a dream Edgar Cayce had on the train coming back from Detroit after having been arrested for practicing without a license. The dream has often been interpreted to suggest Cayce stated that Nebraska would become a coastline; however, the reading on the

Buổi đọc 262-26; Ngày 21 tháng 8, 1932

(H) *Những người biên soạn: Chúng tôi nên làm gì liên quan đến bài báo về “Tình hình Thế giới Hiện tại” mà chúng tôi đã gửi cho tờ Westerner, Calgary, Alberta, Canada?*

(Đ) *Hãy kiên nhẫn; vì điều này đang trên đường đến.*

(H) *Thái độ của họ đối với bài này là gì?*

(Đ) *Hãy kiên nhẫn mà chờ, để các người có thể biết—vì nó làm việc như men dậy bột.*

(H) *[Chồng của [69]]: Cung cấp thông tin liên quan đến thảm họa đã được dự đoán sẽ xảy ra vào cuối tháng này, kết quả và địa điểm.*

(Đ) Theo như chúng ta thấy, từ những kênh khác nhau qua đó thông tin như vậy đã đến, hãy biết đúng hơn rằng như đã được Ngài phán—“Giờ các người không biết, và thời các người không biết. Ngay cả Con cũng không biết, chỉ có Cha.” Vậy thì đây là những điều sẽ thuộc về sự thức tỉnh tinh thần hơn là các thảm họa vật chất trong hiện tại; vì thời điểm vẫn chưa tới—lời sấm truyền nói vậy—vì nó chưa được ứng nghiệm.

(H) *Lúc này có thông điệp nào cho cả nhóm không?*

(Đ) Các người đã đảm nhận cho chính mình điều xứng đáng với sự kêu gọi như đặt nơi Ngài. “Các người đã chọn Ta, cũng như Ta đã chọn các người.” Hãy trung tín và kiên nhẫn, để các người có thể bước vào.

[Bối cảnh: Diễn giải một giấc mơ mà Edgar Cayce đã có trên tàu lửa khi trở về từ Detroit sau khi bị bắt vì hành nghề không có giấy phép. Giấc mơ này thường bị hiểu như gợi ý rằng Cayce nói Nebraska sẽ trở thành một đường bờ biển; tuy nhiên, buổi đọc về giấc mơ cho thấy rằng bất kể điều gì xảy ra ở thế

dream suggests that regardless of what occurs in the outer world (e.g. being arrested) the Cayce work would survive.]

Reading 294-185; June 30, 1936

GC: You will have before you the entity known as Edgar Cayce, present in this room. In order that we may better understand and interpret the various phenomena manifesting through him you will continue explanations given from time to time as to the laws governing his psychic readings, explaining what traits of personality now manifested in Edgar Cayce have been due to his psychic powers and their expressions. You will answer the questions which will be submitted...

(Q) Interpret and explain the dream which Edgar Cayce has on March 3, 1936 in which he was born again over two hundred years in the future and traveled to various sections of this country where records of Edgar Cayce could be found. [Detailed dream not read:] [3/3/36 On train from Detroit to Va. Beach, following end of court action in re his arrest in 11/35 for "practicing medicine without a license". See 254-89 Reports of Court Trial.]: I had been born again in 2158 A.D. in Nebraska. the sea apparently covered all of the western part of the country, as the city where I lived was on the coast. The family name was a strange one. At an early age as a child I declared myself to be Edgar Cayce who had lived 200 yrs. before. Scientists, men with long beards, little hair, and thick glasses, were called in to observe me. They decided to visit the places where I said I had been born, lived and worked, in Ky., Ala., N.Y., Mich., and Va. Taking me with them the group of scientists visited these places in along, cigar-shaped, metal flying ship which moved at high speed. Water covered part of Ala. Norfolk, Va. had become an immense seaport. N.Y. had been destroyed either by war or an earthquake and was being rebuilt. Industries were scattered over the countryside. Most of

giới bên ngoài (ví dụ: bị bắt), công trình của Cayce vẫn sẽ tồn tại.]

Buổi đọc 294-185; Ngày 30 tháng 6, 1936

GC: Quý vị sẽ thấy trước mặt mình thực thể được biết là Edgar Cayce, hiện có mặt trong phòng này. Để chúng tôi có thể thấu hiểu và diễn giải tốt hơn các hiện tượng khác nhau biểu lộ qua ông, xin hãy tiếp tục những giải thích đã thỉnh thoảng được đưa ra về các định luật chi phối các buổi đọc thông linh của ông, giải thích những đặc tính phạm ngã hiện biểu lộ nơi Edgar Cayce đã do năng lực thông linh của ông và các biểu hiện của chúng như thế nào. Xin trả lời các câu hỏi sẽ được nêu ra...

(H) Diễn giải và giải thích giấc mơ mà Edgar Cayce đã có vào ngày 3 tháng 3 năm 1936, trong đó ông được sinh ra lần nữa hơn hai trăm năm trong tương lai và đi đến nhiều vùng của đất nước này nơi có thể tìm thấy các hồ sơ về Edgar Cayce. [Không đọc chi tiết giấc mơ:] [3/3/36 Trên tàu từ Detroit về Va. Beach, sau khi kết thúc vụ kiện liên quan đến việc ông bị bắt vào 11/35 vì "hành nghề y mà không có giấy phép". Xem 254-89 Báo cáo Phiên Tòa.] Tôi đã được sinh lại vào năm 2158 sau CN tại Nebraska. Biển dường như bao phủ toàn bộ phần phía tây của đất nước, vì thành phố nơi tôi sống nằm trên bờ biển. Họ nhà mang một cái tên lạ. Khi còn rất nhỏ, tôi đã tự xưng mình là Edgar Cayce, người đã sống 200 năm trước. Các nhà khoa học, những người đàn ông có râu dài, ít tóc và đeo kính dày, được mời đến quan sát tôi. Họ quyết định đến thăm những nơi mà tôi nói rằng mình đã sinh ra, đã sống và làm việc, ở Ky., Ala., N.Y., Mich., và Va. Đưa tôi đi cùng, nhóm các nhà khoa học đã đến thăm những nơi này trên một con tàu bay kim loại hình điệu xì gà, dài, di chuyển với tốc độ cao. Nước bao phủ một phần của Ala. Norfolk, Va. đã trở thành một hải cảng khổng lồ. N.Y. đã bị phá hủy do chiến tranh hoặc do động đất và đang được xây dựng lại. Công nghiệp rải rác

the houses were of glass. Many records of my work as Edgar Cayce were discovered and collected. The group ret'd to Nebraska taking the records with them to study.

(A) These experiences, as has oft been indicated, come to the body in those manners in which there may be help, strength, for periods when doubt or fear may have arisen. As in this experience, there were about the entity those influences which appeared to make for such a record of confusion as to appear to the material or mental-minded as a doubting or fearing of those sources that made for the periods through which the entity was passing in that particular period. And the vision was that there might be strength, there might be an understanding that though the moment may appear as dark, though there may be periods of the misinterpreting of purposes, even *these* will be turned into that which will be the very proof itself in the experiences of the entity and those whom the entity might, whom the entity would in its experience through the earth plane, help; and those to whom the entity might give hope and understanding. This then is the interpretation. As has been given, 'Fear not.' Keep the faith; for those that be with thee are greater than those that would hinder. Though the very heavens fall, though the earth shall be changed, though the heavens shall pass, the promises in Him are sure and will stand—as in that day—as the proof of thy activity in the lives and hearts of those of thy fellow man. For indeed and in truth ye know, "As ye do it unto thy fellow man, ye do it unto thy God, to thyself." For, *self* effaced, God may indeed glorify thee and make thee *stand* as one that is called for a purpose in the dealings, the relationships with thy fellow man. Be not unmindful that He is nigh unto thee in every trial, in every temptation, and hath not willed that thou shouldest perish. Make thy will then one with His. Be not afraid. That is the interpretation. That the

khắp vùng nông thôn. Phần lớn các ngôi nhà làm bằng kính. Nhiều hồ sơ về công việc của tôi với tư cách Edgar Cayce đã được phát hiện và sưu tập. Nhóm trở về Nebraska, mang theo các hồ sơ để nghiên cứu.

(Đ) Những trải nghiệm này, như đã thường được chỉ ra, đến với thân thể theo những cách mà ở đó có thể mang lại trợ lực, sức mạnh, cho những thời kỳ khi hoài nghi hoặc sợ hãi có thể đã dấy lên. Như trong trải nghiệm này, quanh thực thể có những ảnh hưởng dường như tạo nên một ghi chép nhầm lẫn đến mức đối với người có tâm trí vật chất hay trí năng thì như thể hoài nghi hoặc sợ hãi những nguồn lực đã làm nên những thời kỳ mà thực thể đang đi qua trong giai đoạn đặc thù ấy. Và khả tượng là để có thể có sức mạnh, có sự thấu hiểu rằng dù khoảnh khắc có thể tối tăm, dù có thể có những thời kỳ hiểu sai các mục đích, thì ngay cả *những điều này* cũng sẽ được chuyển thành chính bằng chứng trong những trải nghiệm của thực thể và những người mà thực thể có thể, mà thực thể sẽ—trong trải nghiệm của mình trên cõi trần—giúp đỡ; và những người mà thực thể có thể ban hy vọng và sự thấu hiểu. Đây là phần diễn giải. Như đã được phán, 'Đừng sợ.' Hãy giữ vững đức tin; vì những Đấng ở cùng người lớn hơn những kẻ muốn cản trở. Dầu cho trời có sụp, dầu đất có đổi thay, dầu trời có qua đi, các lời hứa nơi Ngài là chắc thật và sẽ đứng vững—như trong ngày ấy—như bằng chứng cho hoạt động của người trong đời sống và tấm lòng của những người đồng loại. Vì quả thật, các người biết rằng, "Như các người làm điều đó cho người đồng loại, là các người làm cho Thượng đế của các người, cho chính mình." Bởi vì, khi *cái tôi* được xóa nhòa, Thượng đế quả có thể vinh hiển hoá người và khiến người *đứng* như một người được kêu gọi cho một mục đích trong cách ứng xử, trong các mối liên hệ với người đồng loại. Chớ quên rằng Ngài ở gần người trong mọi thử thách, trong mọi cám dỗ, và Ngài không muốn người phải diệt vong. Hãy làm cho ý chí của người hiệp nhất với Ý Chí của Ngài. Đừng sợ.

periods from the material angle as visioned are to come to pass matters not to the soul, but do thy duty *today!* *Tomorrow* will care for itself. These changes in the earth will come to pass, for the time and times and half times are at an end, and there begin those periods for the readjustments. For how hath He given? “The righteous shall inherit the earth.” Hast thou, my brethren, a heritage in the earth?

[Background: Reading given to thirty-year-old male in which the topic of “coming changes” was discussed.]

Reading 311-9; August 6, 1932

(Q) *What about the other changes mentioned which would make for my greater development?*

(A) These are on the way. Just don’t be over anxious, and keep on working on. These will be on the way.

(Q) *Will these develop so that I can make this change before making the other changes mentioned?*

(A) As we find, these would apparently be just preceding these changes. Not that they interfere, but there is the overlap—or the intermediate stage for these developments.

(Q) *Am I to understand that all these changes are entirely beyond my control at present and depend on circumstances entirely?*

(A) Most of these are entirely beyond control; that is, beyond perceptible control, but the activities of the body—and that attitude which may be had by the body in the various associations and connections—to be sure, would have much to do with the offer, or the

Đó là phần diễn giải. Rằng những thời đoạn xét từ góc nhìn vật chất như đã thấy trong khả tượng sẽ xảy đến hay không, thì chẳng can hệ gì đến linh hồn; nhưng hãy làm phận sự của người *hôm nay!* *Ngày mai* sẽ lo cho chính nó. Những biến đổi này trên đất sẽ xảy đến, vì “thời” và “các thời” và “nửa thời” đã mãn, và khởi đầu những giai đoạn cho các điều chỉnh lại. Vì Ngài đã phán thế nào? “Người công chính sẽ hưởng đất.” Hỡi các huynh đệ của tôi, các người có cơ nghiệp trên đất chăng?

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một nam giới 30 tuổi, trong đó chủ đề “những thay đổi sắp đến” được bàn luận.]

Buổi đọc 311-9; Ngày 6 tháng 8, 1932

(H) *Còn những thay đổi khác đã nhắc đến mà sẽ giúp cho sự phát triển lớn hơn của tôi thì sao?*

(Đ) Chúng đang trên đường đến. Chỉ đừng quá nôn nóng, và cứ tiếp tục làm việc. Chúng sẽ đến.

(H) *Liệu những điều này sẽ phát triển để tôi có thể thực hiện thay đổi này trước khi thực hiện những thay đổi khác đã nói không?*

(Đ) Như chúng tôi thấy, những điều này dường như sẽ ngay trước những thay đổi kia. Không phải chúng cản trở, mà là có sự chồng lấn—hoặc giai đoạn trung gian cho những phát triển này.

(H) *Tôi có hiểu rằng tất cả những thay đổi này hiện hoàn toàn nằm ngoài sự kiểm soát của tôi và hoàn toàn phụ thuộc vào hoàn cảnh không?*

(Đ) Phần lớn những điều này hoàn toàn ngoài tầm kiểm soát; tức là ngoài sự kiểm soát có thể nhận biết, nhưng các hoạt động của thân thể—và thái độ mà thân thể có thể có trong những mối giao kết và liên hệ khác nhau—chắc chắn sẽ ảnh hưởng nhiều đến lời

changes as the conditions develop—see?

(Q) *What can I do to bring about changes which will allow me to direct my energies into and give full time to work of a psychic nature?*

(A) These, as we find, will require the necessity of some expansion in psychic fields, that are themselves—as it were—on the way, where there will be sufficient interest concentrated in the directing of some particular forces which are in the field, that will give an opportunity for the activities in this direction. These, as we find, should occur, *giving* the opportunity, within the next two to three years.

(Q) *Are there to be physical changes in the earth's surface in Alabama?*

(A) Not for some period yet.

(Q) *When will the changes begin?*

(A) Thirty-six to thirty-eight.

(Q) *What part of the State will be affected?*

(A) The northwestern part, and the extreme southwestern part.

(Q) *Is there any further advice for me at this time?*

(A) As has been given, there are those usages of the knowledge that is within self's own activity, that may be put to advantage so that it is not used in *destructive* manners—that is, in forcing issues, but rather assist those offers that may come *through* the usages of these to be put in terms that would be satisfactory to the body. Do that.

[Background: Follow-up reading given to [311] regarding coming changes.]

mời chào, hoặc những thay đổi khi các điều kiện phát triển—hiểu chứ?

(H) *Tôi có thể làm gì để tạo ra những thay đổi cho phép tôi hướng năng lượng của mình vào và dành toàn thời gian cho công việc có tính thông linh?*

(Đ) Những điều này, như chúng tôi thấy, sẽ đòi hỏi sự cần thiết của một số mở rộng trong các lĩnh vực thông linh, vốn tự chúng—nói vậy—đang trên đường đến; nơi sẽ có đủ sự quan tâm tập trung vào việc định hướng một số mãnh lực đặc thù đang có mặt trong lĩnh vực ấy, điều sẽ tạo cơ hội cho các hoạt động theo hướng này. Những điều này, như chúng tôi thấy, sẽ xảy ra, *ban cho* cơ hội, trong vòng hai đến ba năm tới.

(H) *Có xảy ra những thay đổi thể chất trên bề mặt Trái Đất ở Alabama không?*

(Đ) Chưa phải trong một thời kỳ nào đó.

(H) *Khi nào những thay đổi sẽ bắt đầu?*

(Đ) Ba mươi sáu đến ba mươi tám.

(H) *Phần nào của bang sẽ bị ảnh hưởng?*

(Đ) Phần tây bắc, và phần tây nam cực nam.

(H) *Lúc này có lời khuyên nào thêm cho tôi không?*

(Đ) Như đã được nêu, có những cách sử dụng tri thức nằm trong hoạt động của tự thân, có thể được đưa vào thể lợi, để nó không được dùng theo những cách *hủy hoại*—tức là, ép buộc vấn đề—mà đúng hơn là hỗ trợ những lời mời chào có thể đến *thông qua* cách sử dụng những điều ấy, để được đặt thành những điều khoản thỏa đáng cho thân thể. Hãy làm điều đó.

[Bối cảnh: Buổi đọc tiếp theo dành cho [311] liên quan đến những thay đổi sắp đến.]

Reading 311-10; November 19, 1932

(Q) *Please explain more fully ans. to [311-9] in my reading of Aug. 6th.*

(A) As we find, this should be the understanding in itself as to just how the changes or the things come about in the activities of human endeavors and their relationships to the variations in the activities, see? These should be understood!

(Q) *Are the physical changes in Alabama predicted for 1936-38 to be gradual or sudden changes?*

(A) Gradual.

(Q) *What form will they take?*

(A) To be sure, that may depend upon much that deals with the metaphysical, as well as to that people called actual or in truth! for, as understood—or should be by the entity—there are those conditions that in the activity of individuals, in line of thought and endeavor, keep oft many a city and many a land intact through their application of the spiritual laws in their associations with individuals. This will take more of the form here in the change, as we find, through the sinking of portions with the following up of the inundations by this overflow.

(Q) *When will the physical changes start in Norfolk and vicinity?*

(A) This would be nearer to '58 than to '38 or '36, as we find...

(Q) *When did I make a study of the teachings of Zoroaster?*

Buổi đọc 311-10; Ngày 19 tháng 11, 1932

(H) *Xin giải thích đầy đủ hơn phần trả lời cho [311-9] trong buổi đọc của tôi ngày 6 tháng 8.*

(Đ) Như chúng tôi thấy, bản thân điều này nên là sự thấu hiểu về việc các thay đổi hay các sự việc hình thành như thế nào trong các hoạt động của nỗ lực con người và mối liên hệ của chúng với những biến thiên trong các hoạt động, hiểu chứ? Những điều này cần được hiểu!

(H) *Những thay đổi thể chất ở Alabama được dự đoán cho giai đoạn 1936-38 sẽ diễn ra dần dần hay đột ngột?*

(Đ) Dần dần.

(H) *Chúng sẽ có hình thức như thế nào?*

(Đ) Chắc chắn rồi, điều ấy có thể tùy thuộc rất nhiều vào những gì liên quan đến phần siêu hình, cũng như vào điều mà người ta gọi là thực tế hay là chân lý! vì, như được hiểu—hay lẽ ra thực thể nên hiểu—có những điều kiện mà trong hoạt động của các cá nhân, theo đường hướng tư tưởng và nỗ lực, thường giữ cho biết bao thành phố và biết bao xứ sở được vẹn toàn nhờ việc họ áp dụng các định luật tinh thần trong mối liên hệ với các cá nhân. Ở đây, như chúng tôi thấy, sự thay đổi sẽ có hình thức là sự lún sụt của một số phần, tiếp theo là những trận ngập lụt do sự tràn nước này.

(H) *Khi nào những thay đổi thể chất sẽ bắt đầu ở Norfolk và vùng lân cận?*

(Đ) Như chúng tôi thấy, điều này sẽ gần với '58 hơn là '38 hay '36...

(H) *Tôi đã nghiên cứu các giáo huấn của Zoroaster khi nào?*

(A) During those periods when the activities of the entity were in those portions of the land that these came under, as shown in the information given respecting sojourns in the earth.

(Q) *Would it be well for me to make a study of astrology?*

(A) Well for everyone to make a study of astrology! for, as indicated, while many individuals have set about to prove the astrological aspects and astrological survey enable one to determine future as well as the past conditions, these are well to the point where the individual understands that these act upon individuals because of their sojourn or correlation of their associations with the environs through which these are shown—see? Rather than the star directing the life, the life of the individual directs the courses of the stars, see? for was it not given when His star appeared? Is it not shown in all the studies of the positions that the earth occupies in its course through the spheres that every condition is as cause and effect? but that the scale has gradually been on the increase for the individuals as they passed through their various experiences in the cycles of position? This is not intended to indicate that (as some astrological reports have been made) there is a definite period when individuals enter a cycle, or that every two thousand or one thousand, or five hundred or twenty-four hundred years an individual reenters the earth; but as a race, as a whole does the twenty-four hundred year period hold good, see? for in each period does the earth, do the planets, do all of those about space again revert to that it would begin over again. The individual activity is a thing of itself, see? for, as may be illustrated in Life—as of an individual: It may be said that the line of thought in the present is towards a change in the Aries age from the Pisces, or from the Aquarius, or to those various activities, see? but it doesn't mean that every individual changes, for each

(Đ) Trong những thời kỳ khi các hoạt động của thực thể ở những vùng đất nằm dưới ảnh hưởng đó, như đã cho thấy trong thông tin về những lần lưu trú nơi cõi trần.

(H) *Có tốt cho tôi nếu nghiên cứu chiêm tinh học không?*

(Đ) Tốt cho mọi người khi nghiên cứu chiêm tinh học! vì, như đã chỉ ra, dẫu nhiều cá nhân đã cố công chứng minh rằng các khía cạnh chiêm tinh và khảo sát chiêm tinh cho phép người ta xác định các điều kiện tương lai cũng như quá khứ, thì những điều này rất hữu ích đến mức cá nhân hiểu rằng chúng tác động lên các cá nhân bởi vì sự lưu trú hay sự tương quan của họ với môi trường qua đó những điều ấy được thể hiện—hiểu chứ? Đúng hơn là ngôi sao định hướng đời sống, thì đời sống của cá nhân định hướng các lộ trình của các ngôi sao, hiểu chứ? vì há chẳng đã được phán khi Ngôi Sao của Ngài xuất hiện đó sao? Há chẳng phải mọi khảo cứu về các vị trí mà Trái Đất chiếm giữ trong hành trình qua các thiên cầu đều cho thấy mọi điều kiện đều là nhân và quả đó sao? nhưng rằng cán cân dần dần đã nghiêng về phía tăng trưởng cho các cá nhân khi họ đi qua các trải nghiệm khác nhau trong các chu kỳ vị trí? Điều này không nhằm ngụ ý rằng (như một số báo cáo chiêm tinh đã nêu) có một thời đoạn nhất định khi các cá nhân bước vào một chu kỳ, hoặc rằng cứ mỗi hai nghìn hay một nghìn, hay năm trăm hay hai nghìn bốn trăm năm là một cá nhân tái nhập trần gian; mà là như một chủng tộc, như một tổng thể thì chu kỳ hai nghìn bốn trăm năm là đúng, hiểu chứ? vì trong mỗi chu kỳ thì Trái Đất, các hành tinh, tất cả những gì trong không gian lại quay về điểm khởi đầu để bắt đầu lại. Hoạt động của cá nhân là một sự việc tự thân, hiểu chứ? vì, như có thể minh họa trong đời sống—của một cá nhân: Có thể nói rằng đường hướng tư tưởng hiện nay là hướng tới một sự thay đổi từ thời kỳ Aries sang Pisces, hoặc từ Aquarius, hoặc tới những hoạt động khác nhau đó, hiểu chứ?

individual has its own development. As we look about us we see the various spheroids, spheres, planets or solar systems, and they have their individual activity. Look at the soul of man and know it may be equal to, or greater; for it must be man's ability to control one of such! Vast study, yes!

(Q) *Who is giving this information?*

(A) Zorain. Student with Zoroaster, yes.

[Background: Reading given a thirty-five-year-old male in which a shifting of the poles was predicted to occur around the millennium.]

Reading 826-8; August 11, 1936

(Q) *What great change or the beginning of what change, if any, is to take place in the earth in the year 2,000 to 2,001 A.D.?*

(A) When there is a shifting of the poles. Or a new cycle begins.

[Background: Reading given to a twenty-seven-year-old female in which unspecified "changes" were predicted to occur during her lifetime.]

Reading 3648-1; January 24, 1944

As indicated, in periods when changes were being wrought, the entity has entered the earth—even as a pattern. Changes are due to be wrought in the earth through the period of the entity's sojourn.

Then, seek the associations and the companionships through which ye may contribute to these changes that may have

nhưng điều ấy không có nghĩa là mọi cá nhân đều thay đổi, vì mỗi cá nhân có sự phát triển riêng của mình. Khi chúng ta nhìn quanh, chúng ta thấy các khối cầu, các thiên cầu, các hành tinh hay các hệ mặt trời khác nhau, và chúng có hoạt động riêng. Hãy nhìn vào linh hồn của con người và biết rằng nó có thể ngang bằng, hoặc lớn hơn; vì ắt hẳn con người có khả năng kiểm soát một trong những thứ như thế! Nghiên cứu bao la, đúng vậy!

(H) *Ai đang cung cấp thông tin này?*

(Đ) Zorain. Học trò cùng với Zoroaster, đúng vậy.

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một nam giới 35 tuổi, trong đó dự đoán sự dịch chuyển các cực sẽ xảy ra vào khoảng thời điểm thiên niên kỷ.]

Buổi đọc 826-8; Ngày 11 tháng 8, 1936

(H) *Sự thay đổi lớn nào hoặc khởi đầu của sự thay đổi nào, nếu có, sẽ diễn ra trên Trái Đất vào năm 2000 đến 2001 sau CN?*

(Đ) Khi có sự dịch chuyển các cực. Hoặc một chu kỳ mới bắt đầu.

[Bối cảnh: Buổi đọc dành cho một nữ giới 27 tuổi, trong đó dự đoán những "thay đổi" không xác định sẽ xảy ra trong suốt cuộc đời cô.]

Buổi đọc 3648-1; Ngày 24 tháng 1, 1944

Như đã chỉ ra, trong những thời kỳ khi các thay đổi đang được tạo tác, thực thể đã nhập thể—ngay cả như một khuôn mẫu. Những thay đổi được định sẽ được tạo tác trên Trái Đất trong suốt thời kỳ lưu trú của thực thể.

Vậy, hãy tìm các mối giao kết và bạn hữu qua đó các người có thể góp phần vào những thay đổi ấy, có thể tạo ảnh hưởng lớn lao cho

as great effect upon the future as ye have had through the other periods of activity; and ye will be creating for thine own individuality, for thine own entity's influence, that which will be a continued growth.

[Background: Reading given regarding prophecies contained within the Great Pyramid and what some of those prophecies entailed.]

Reading 5748-5; June 30, 1932

GC: You will please give at this time detailed information regarding the origin, purpose and prophecies of the Great Pyramid of Gizeh near Cairo, Egypt. Please answer the questions asked.

EC: Yes. In the information as respecting the pyramids, their purpose in the experience of the peoples, in the period when there was the rebuilding of the priest during the return in the land, some 10,500 before the coming of the Christ into the land, there was first that attempt to restore and to add to that which had been begun on what is called the Sphinx, and the treasure or storehouse facing same, between this and the Nile, in which those records were kept by Arart and Araaraart in the period.

Then, with Hermes and Ra (those that assumed or took up the work of Araaraart) there began the building of that now called Gizeh, with which those prophecies that had been in the Temple of Records and the Temple Beautiful were builded, in the building of this that was to be the hall of the initiates of that sometimes referred to as the White Brotherhood.

This, then, receives all the records from the beginnings of that given by the priest, Arart, Araaraart and Ra, to that period when there is to be the change in the earth's position and the return of the Great Initiate to that and

tương lai như các người đã từng có qua những thời kỳ hoạt động khác; và các người sẽ đang kiến tạo cho cá tính riêng của mình, cho ảnh hưởng của chính thực thể mình, điều sẽ là một sự tăng trưởng liên tục.

[Bối cảnh: Buổi đọc liên quan đến các lời sấm bên trong Đại Kim Tự Tháp và một số điều mà những lời sấm ấy bao hàm.]

Buổi đọc 5748-5; Ngày 30 tháng 6, 1932

GC: Xin vui lòng cung cấp lúc này thông tin chi tiết liên quan đến nguồn gốc, mục đích và các lời sấm của Đại Kim Tự Tháp Gizeh gần Cairo, Ai Cập. Xin vui lòng trả lời các câu hỏi được nêu.

EC: Vâng. Trong thông tin liên quan đến các kim tự tháp, mục đích của chúng trong trải nghiệm của các dân chúng, vào thời kỳ có sự tái thiết của giới tư tế trong lần trở về xứ, vào khoảng 10.500 năm trước khi Đức Christ đến xứ, trước hết có nỗ lực khôi phục và bổ sung cho điều đã được khởi công trên cái gọi là Nhân Sư, và kho tàng hay nhà chứa đối diện với nó, giữa nơi này và sông Nile, nơi các bản ghi chép được Arart và Araaraart lưu giữ vào thời kỳ ấy.

Sau đó, với Hermes và Ra (những người tiếp quản hay đảm đương công việc của Araaraart) bắt đầu việc xây dựng cái nay gọi là Gizeh, gắn với những lời sấm vốn đã có trong Đền Lưu Trữ và Đền Mỹ Lệ, được kiến tạo vào việc xây dựng này, vốn sẽ là đại sảnh của các điểm đạo đồ thuộc cái đôi khi được gọi là Huynh đệ Đoàn Chánh đạo.

Vậy nên, nơi này tiếp nhận tất cả các ghi chép từ khởi nguyên của điều được vị tư tế Arart, Araaraart và Ra ban ra, cho đến thời kỳ sẽ có sự thay đổi vị trí của Trái Đất và sự trở lại của Đại Điểm đạo Đồ đến đó và các xứ khác để

other lands for the folding up of those prophecies that are depicted there. All changes that came in the religious thought in the world are shown there, in the variations in which the passage through same is reached, from the base to the top—or to the open tomb *and* the top. These are signified by both the layer and the color in what direction the turn is made.

This, then, is the purpose for the record and the meaning to be interpreted by those that have come and do come as the teachers of the various periods, in the experience of this present position, of the activity of the spheres, of the earth.

In the period that is to come, this ends—as to that point which is between what is termed in chronological time in present—between 1950 and '58, but there have been portions that have been removed by those that desecrated many of those other records in the same land. This was rejected by that Pharaoh who hindered in the peoples leaving the land.

(Q) Are the deductions and conclusions arrived at by D. Davidson and H. Aldersmith in their book on The Great Pyramid correct?

(A) Many of these that have been taken as deductions are correct. Many are far overdrawn. Only an initiate may understand.

(Q) What corrections for the period of the 20th century?

(A) Only those that there will be an upheaval in '36.

(Q) Do you mean there will be an upheaval in '36 as recorded in the pyramid?

(A) As recorded in the pyramid, though this is set for a correction, which, as has been given, is between '32 AND '38—the

khép lại những lời sấm được mô tả ở đó. Mọi biến đổi diễn ra trong tư tưởng tôn giáo trên thế giới đều được biểu thị ở đó, trong những biến thiên mà nơi ấy đường đi được tiếp cận, từ nền đến đỉnh—hoặc đến mộ mở và đỉnh. Những điều này được biểu trưng bởi cả từng lớp và màu sắc theo hướng rẽ.

Vậy, đây là mục đích của bản ghi và là ý nghĩa để được diễn giải bởi những ai đã đến và đang đến như các vị thầy của những thời kỳ khác nhau, trong trải nghiệm của vị trí hiện tại này, của hoạt động của các thiên cầu, của Trái Đất.

Trong thời kỳ sắp đến, điều này kết thúc—tới điểm mà theo niên đại hiện nay—giữa 1950 và '58, nhưng đã có những phần bị loại bỏ bởi những kẻ đã xúc phạm nhiều ghi chép khác ở cùng xứ sở. Điều này đã bị vị Pharaon khước từ, kẻ cản trở dân chúng rời khỏi xứ.

(H) Những suy luận và kết luận mà D. Davidson và H. Aldersmith đưa ra trong cuốn sách của họ về Đại Kim Tự Tháp có đúng không?

(Đ) Nhiều điều trong các suy luận ấy là đúng. Nhiều điều bị cường điệu quá mức. Chỉ một điểm đạo đồ mới có thể thấu hiểu.

(H) Những hiệu chỉnh cho thời kỳ thế kỷ 20 là gì?

(Đ) Chỉ rằng sẽ có một biến động vào năm '36.

(H) Ý ông là sẽ có một biến động vào năm '36 như đã ghi trong kim tự tháp ư?

(Đ) Như được ghi trong kim tự tháp, mặc dù điều này được ấn định cho một sự hiệu chỉnh, điều mà—như đã nêu—là trong

correction would be, for this—as seen—is ‘36—for it is in many—these run from specific days; for, as has been seen, there are periods when even the hour, day, year, place, country, nation, town, and individuals are pointed out. That’s how correct are many of those prophecies as made. Oft may there be changes that bring periods, as seen in that period when there was an alteration in that initiate in the land of Zu and Ra that *brought* a change, but at a different point because of being driven by those that were set as the guides or guards of same. In this same pyramid did the Great Initiate, the Master, take those last of the Brotherhood degrees with John, the forerunner of Him, at that place. As is indicated in that period where entrance is shown to be in that land that was set apart, as that promised to that peculiar peoples, as were rejected—as is shown in that portion when there is the turning back from the raising up of Xerxes as the deliverer from an unknown tongue or land, and again is there seen that this occurs in the entrance of the Messiah in this period—1998.

khoảng ‘32 VÀ ‘38—sự hiệu chỉnh, như đã thấy, là ‘36—vì ở nhiều chỗ—các mốc này chạy tới tận những ngày cụ thể; vì, như đã thấy, có những thời đoạn mà thậm chí giờ, ngày, năm, nơi chốn, quốc gia, thành thị và cá nhân đều được chỉ ra. Đó là mức độ chuẩn xác của nhiều lời sấm đã được lập. Nhiều khi có thể có những thay đổi đem đến những thời đoạn, như thấy trong thời kỳ có sự cải biến nơi vị điểm đạo đồ trong xứ sở của Zu và Ra, điều *đã mang* đến một thay đổi, nhưng ở một điểm khác vì bị những kẻ được đặt làm người hướng dẫn hay canh giữ dồn ép. Chính trong kim tự tháp này mà Đại Điểm đạo Đồ, Đấng Thầy, đã nhận những phẩm cấp cuối cùng của Huynh đệ Đoàn cùng với John, vị đi trước của Ngài, tại nơi đó. Như được chỉ ra trong thời kỳ mà lối vào cho thấy ở trong xứ đã được dành riêng, như là điều đã được hứa cho dân tộc đặc biệt ấy, vốn đã bị khước từ—như được biểu thị ở đoạn có sự quay lui khỏi việc cất nhắc Xerxes làm đấng giải cứu từ một tiếng nói hay xứ sở không quen biết, và rồi lại thấy điều này xảy ra trong sự nhập thể của Đấng Cứu Thế trong giai đoạn này—1998.

5

Changes in World Affairs—Những thay đổi trong tình hình thế giới

[Background: World Affairs reading given to the Norfolk Study Group #1.]

[Bối cảnh: Buổi đọc về Tình hình Thế giới dành cho Nhóm Nghiên Cứu Norfolk số 1.]

Reading 3976-8; January 1, 1932

Buổi đọc 3976-8; Ngày 1 tháng 1, 1932

GC: You will have before you the entity Edgar Cayce, present in this room and the subject of the lecture he desires to give tonight, “Present World Conditions.” Please

GC: Quý vị sẽ thấy trước mặt mình thực thể Edgar Cayce, hiện có mặt trong phòng này, và chủ đề bài thuyết trình mà ông muốn đưa ra tối nay, “Tình hình Thế giới Hiện tại.” Xin

indicate the approach he should make and outline in detail the data for this talk. Please answer the questions regarding this which will be asked.

EC: Yes, we have the entity here. In approach to such an universal subject, there is the necessity for the signifying of the approach that is to be made, and if [is] same to be of value in the experience of others, what may be done about same.

In the beginning when chaos existed in the creating of the earth, the Spirit of God moved over the face of same and out of chaos came the world—with its beauty in natural form, or in nature.

With man's advent into the world, then personalities, individualities, began to find expressions in *subduing* the earth, and man—with his natural bent—not only attempted to subdue the *earth*, but to subdue one another; and the result was the differences of opinions, the various sects, sets, classes and races.

As the earth was peopled, and the abilities of expansion were able to bring the various groups, or associations of groups or nations, they *could*—and *did*—withdraw into themselves, and build for themselves in the various portions of the world that known as the periods of advancement of some particular group of peoples.

As the world has advanced, all the various phases of man's developments have entered to make a different phase, either in the political, economic, or religious aspect of man's experience. In the various portions, then, of the world there has been builded those necessary developments for that particular group or portion of those peoples, or those developments of those peoples in their particular line.

chỉ rõ cách tiếp cận ông nên thực hiện và phác thảo chi tiết dữ liệu cho bài nói này. Xin trả lời các câu hỏi về điều này sẽ được nêu.

EC: Vâng, chúng tôi có thực thể ở đây. Khi tiếp cận một chủ đề phổ quát như vậy, cần phải xác định phương cách tiếp cận sẽ được thực hiện, và nếu điều ấy là hữu ích trong trải nghiệm của những người khác, thì có thể làm gì về điều đó.

Ngay buổi sơ nguyên khi hỗn mang hiện hữu trong công cuộc tạo dựng Trái Đất, Thần Linh của Thượng đế đã vận hành trên bề mặt ấy, và từ hỗn mang, thế giới—với vẻ đẹp nơi hình thể tự nhiên, hay nơi thiên nhiên—đã được hiện thành.

Khi con người đến với thế gian, thì các phàm ngã, các cá tính, bắt đầu tìm kiếm biểu lộ trong việc *chinh phục* đất đai, và con người—với thiên hướng tự nhiên của mình—không chỉ cố chinh phục *đất*, mà còn chinh phục lẫn nhau; và hệ quả là những khác biệt về quan điểm, các phái, các tập hợp, giai tầng và chủng loại.

Khi Trái Đất đông dân, và khả năng mở rộng cho phép đưa các nhóm khác nhau, hay các liên hợp nhóm hoặc các quốc gia, họ *có thể*—và *đã*—co cụm vào trong chính mình, và xây dựng cho mình ở các miền khác nhau của thế giới những gì được biết như là các thời kỳ tiến bộ của một số nhóm dân nhất định.

Khi thế giới tiến lên, mọi phương diện khác nhau của sự phát triển nơi con người đã tham gia để tạo nên một diện mạo khác biệt, hoặc trong phương diện chính trị, kinh tế, hay tôn giáo của trải nghiệm con người. Ở các phần khác nhau của thế giới, đã được xây dựng những phát triển cần thiết cho nhóm hay bộ phận dân cư đặc thù đó, hay cho sự phát triển của dân chúng ấy theo đường hướng riêng của họ.

With the advent of the closeness of the worlds coming into being, so that the man upon the other side of the world is as much the neighbor as the man next door, more and more have been the turmoils that have arisen in the attempt of individual leaders or groups to induce, force or compel, one portion of the world to think as the other, or the other group to dwell together as brethren with one bond of sympathy, or one standard for all.

With the present conditions, then, that exist—these have all come to that place in the development of the human family where there must be a reckoning, a one point upon which all may agree, that out of all of this turmoil that has arisen from the social life, racial differences, the outlook upon the relationship of man to the Creative Forces or his God, and his relationships one with another, must come to some *common* basis upon which all *may* agree. You say at once, such a thing is impractical, impossible! What has caused the present conditions, not alone at home but abroad? It is that realization that was asked some thousands of years ago, “Where is thy brother? His blood *cries* to me from the ground!” and the other portion of the world has answered, *is* answering, “Am I my brother’s keeper?” The world, *as* a world—that makes for the disruption, for the discontent—has lost its ideal. Man may not have the same *idea*. Man—*all* men—may have the same *ideal*!

As the Spirit of God once moved to bring peace and harmony out of chaos, so must the Spirit move over the earth and magnify itself in the hearts, minds and souls of men to bring peace, harmony and understanding, that they may dwell together in a way that will bring that peace, that harmony, that can only come with all having the one Ideal; not the one idea, but “Thou shalt love the Lord Thy God with all thine heart, thy neighbor *as* thyself!” This [is] the whole law, this [is] the whole answer to the world, to each and

Với sự xuất hiện của tính gần gũi giữa các thế giới đi vào hiện hữu, đến mức người ở nửa bên kia trái đất cũng là người láng giềng chẳng khác gì người ở nhà kế bên, thì ngày càng nhiều xáo động đã dấy lên trong nỗ lực của các lãnh đạo cá nhân hay các nhóm nhằm dụ dỗ, cưỡng ép hay bắt buộc một phần của thế giới phải nghĩ như phần kia, hoặc buộc nhóm kia cùng sống với nhau như huynh đệ với một mối cảm thông, hay một tiêu chuẩn chung cho tất cả.

Với những điều kiện hiện nay đang tồn tại—tất cả đã đi đến điểm trong sự phát triển của gia đình nhân loại nơi phải có sự quyết toán, một điểm nhất mà mọi người có thể đồng thuận, rằng từ mọi xáo trộn đã nảy sinh do đời sống xã hội, do khác biệt chủng tộc, do cách nhìn về mối liên hệ của con người với các Lực Sáng Tạo hay với Thượng đế của mình, và mối liên hệ lẫn nhau, ắt phải đi đến một nền tảng *chung* mà tất cả *có thể* đồng ý. Các người sẽ nói ngay, điều như thế là phi thực, bất khả! Điều gì đã gây nên các điều kiện hiện tại, không chỉ trong nước mà còn ở nước ngoài? Chính là lời nhận biết đã được hỏi từ ngàn năm trước, “*Ở đâu là anh em người? Máu kêu lên với Ta từ mặt đất!*” và phần kia của thế giới đã đáp, đang đáp, “Ta có phải là người canh giữ anh em ta không?” Thế giới, với tư cách là một thế giới—điều tạo ra sự tan vỡ, tạo ra bất mãn—đã đánh mất lý tưởng của mình. Con người có thể không có cùng một *ý kiến*. Con người—*mọi người*—có thể có cùng một *lý tưởng*!

Như Thần Linh của Thượng đế đã từng vận hành để mang lại bình an và hoà điệu từ hỗn mang, thì nay Thần Linh cũng phải vận hành khắp địa cầu và tự tôn vinh trong trái tim, trí năng và linh hồn của con người để đem đến bình an, hoà điệu và sự thấu hiểu, hầu họ có thể cùng cư trú theo một cách đem lại bình an ấy, hoà điệu ấy, điều chỉ có thể đến khi mọi người đều có một Lý Tưởng duy nhất; không phải một ý kiến duy nhất, mà là “Người phải kính mến Chúa là Đức Chúa Trời của người hết lòng, và yêu người lân cận như

every soul. That is the answer to the world conditions as they exist today.

How shall this be brought about? As [they] each in their own respective sphere put into action that they know to be the fulfilling of that as has been from the beginning, so does the little leaven leaven the whole lump.

Man's answer to everything has been *power*—Power of money, Power of position, Power of wealth, Power of this, that or the other. This has *never* been *God's* way, will never be *God's* way. Rather little by little, line upon line, here a little, there a little, each thinking rather of the other fellow, as that that has kept the world in the various ways of being intact—where there were ten, even, many a city, many a nation, has been kept from destruction. Though ye may look upon, or feel that that which was given to Abram—as he viewed the cities of the plain and pled for the saving of same—was an allegorical story, a beautiful tale to be told children—that it might bring fear into the hearts of those that would have their *own* way—may it not come into the hearts of those now, today, wilt *thou*, thine self, make of thine *own* heart an understanding that thou must answer for thine own brother, for thine own neighbor! and who is thine neighbor? He that lives next door, or he that lives on the other side of the world? He, rather, that is in *need* of understanding! He who has faltered; he who has fallen even by the way. *He* is thine neighbor, and thou must answer for him!

Ready for questions.

(Q) *What is the cause of the great economic depression and when may conditions be expected to become normal in the United States?*

chính mình!" Đây [là] toàn bộ luật pháp, đây [là] toàn bộ câu trả lời cho thế giới, cho từng linh hồn. Đó là câu trả lời cho tình hình thế giới như chúng đang hiện hữu hôm nay.

Điều này sẽ được mang lại bằng cách nào? Khi từng người trong phạm vi của mình đem ra hành động điều mình biết là sự ứng nghiệm của điều đã có từ thuở ban đầu, thì men nhỏ sẽ làm dậy cả khối bột.

Câu trả lời của con người cho mọi sự vẫn là *quyền lực*—Quyền lực của tiền bạc, Quyền lực của địa vị, Quyền lực của của cải, Quyền lực của thứ này, thứ kia. Đây *chưa bao giờ* là con đường của *Thượng đế*, và sẽ không bao giờ là con đường của *Thượng đế*. Đúng hơn là từng chút một, dòng này nối dòng kia, chỗ này một chút, chỗ kia một chút, mỗi người nghĩ về người khác nhiều hơn, như điều đã giữ cho thế giới—theo nhiều cách—được nguyên vẹn—nơi có mười người, thậm chí, biết bao thành thị, biết bao quốc gia đã được giữ khỏi diệt vong. Dẫu các người có thể nhìn, hay cho rằng điều đã được ban cho Abram—khi ông nhìn các thành của đồng bằng và khẩn cầu cho sự cứu rỗi của chúng—chỉ là một câu chuyện ngụ ngôn, một truyện đẹp kể cho trẻ em—để đem sợ hãi vào lòng những kẻ muốn theo *ý riêng*—thì liệu điều ấy có thể đi vào lòng những người hiện nay, hôm nay chẳng, rằng *người*, chính *người*, sẽ làm cho lòng *mình* nên một sự thấu hiểu rằng *người* phải trả lời thay cho anh em mình, cho người lân cận của mình! và ai là người lân cận của người? Kẻ sống nhà kế bên, hay người sống ở bên kia địa cầu? Đúng hơn, là người đang *cần* được thấu hiểu! Kẻ đã chùn bước; kẻ thậm chí đã ngã trên đường. *Người ấy* là người lân cận của người, và người phải trả lời thay cho người ấy!

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(H) *Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng kinh tế lớn là gì và khi nào có thể kỳ vọng các điều kiện trở lại bình thường ở Hoa Kỳ?*

(A) The United States may not expect to recover sooner than another nation, unless its basis for recovery is *founded in* that that brings peace, harmony *and* understanding. As it, the United States, (in the present) is the leading nation in attempting to give an understanding of the principles of “Thou shalt love thy neighbor as thyself,” it stands above all others in its financial, in its social positions in the world; yet it has faltered, and—as of old—when troubles arise, when fearful conditions beset thee, the same answer as was of old, “Know ye that *sin* lieth at *thy* door!” When there are, then, the greater number that would *see* that the *ideal* is again *made* the *standard*, then may *conditions* be *expected* to improve. This not as *men* count improvement, in dollars and cents, but in contentment and understanding—and *one* is the fruit of the other!

(Q) *Will the United States be drawn into war or go to war within the next five years? If so, with whom and over what will the trouble arise?*

(A) The position or conditions that exist in the affairs, or the hearts of nations, is much as has been described. Now as to whether this will come to pass or not, depends upon whether there is the arousing in the hearts, souls and minds of a sufficient *number* of individuals—who will align themselves *with* that that is *right* in *His* sight, or not! Some years ago (this, we understand, is out of line with what many would have one believe), there was a Peace Table, and about same were gathered representatives of every nation under the sun! In the *soul* of the representative of the United States *sat* the Prince of Peace; yet many would have you believe, in the economical world, the financial world, that had that man never left his home, his own shores, that the *world* would be better today. Not so; for “Ye shall pay every whit,” for “The heavens and earth may pass away, but *my word* shall not,” are

(Đ) Hoa Kỳ không thể kỳ vọng hồi phục sớm hơn các quốc gia khác, trừ khi nền tảng cho sự hồi phục của mình được *đặt trong* điều mang lại bình an, hoà điệu và sự thấu hiểu. Vì Hoa Kỳ (trong hiện tại) là quốc gia dẫn đầu trong nỗ lực đem lại sự thấu hiểu về những nguyên tắc “Người phải yêu người lân cận như chính mình,” nên nó đứng trên hết thảy trong địa vị tài chính, trong địa vị xã hội trên thế giới; tuy nhiên, nó đã chùn bước, và—như ngày xưa—khi rắc rối nổi lên, khi những điều đáng sợ bủa vây người, thì câu trả lời vẫn như xưa, “Hãy biết rằng *tội lỗi* nằm ngay trước *cửa* người!” Khi nào có con số lớn hơn những người muốn *thấy* rằng *lý tưởng* được *làm thành chuẩn mực* trở lại, thì khi đó *điều kiện* mới có thể kỳ vọng cải thiện. Điều này không theo cách *con người* đếm sự cải thiện, bằng tiền đô và xu, mà là bằng sự an hoà và sự thấu hiểu—và *một* là hoa trái của điều kia!

(H) *Hoa Kỳ có bị lôi vào chiến tranh hoặc sẽ tham chiến trong vòng năm năm tới không? Nếu có, với ai và vì chuyện gì rắc rối sẽ nảy sinh?*

(Đ) Vị thế hay các điều kiện đang hiện hữu trong cục diện, hay trong lòng các quốc gia, phần nhiều như đã mô tả. Còn liệu điều này sẽ xảy ra hay không, tùy thuộc vào việc có hay không có sự thức tỉnh trong lòng, linh hồn và trí của một số lượng *đủ* các cá nhân—những người sẽ *chỉnh hợp* với điều *đúng* trong tầm nhìn của *Ngài*, hay không! Vài năm trước (điều này, chúng tôi hiểu, là lịch khỏi điều mà nhiều người muốn người ta tin), đã có một Bàn Hoà Bình, và quanh đó quy tụ đại diện của mọi quốc gia dưới mặt trời! Trong *linh hồn* của vị đại diện Hoa Kỳ *ngự* Vị Vương Tử của Hoà Bình; vậy mà nhiều người muốn khiến các người tin, trong thế giới kinh tế, thế giới tài chính, rằng nếu người ấy chưa từng rời khỏi mái nhà, bờ cõi của mình, thì *thế giới* hôm nay đã tốt hơn. Không phải vậy; vì “Các người sẽ trả đủ mọi phần,” bởi “Trời đất sẽ qua đi, nhưng *lời Ta* sẽ chẳng qua đi,” là lời của Đấng đã *tạo dựng* thế

the words of Him who *made* the world. As to whether it will be in three years or five years, depends upon those who would rally to, “I will make of *my* life a channel of blessing to *someone*, today!”

(Q) *From the general trend of events, what is to be expected in the struggle between Great Britain and India?*

(A) Great Britain is *losing* an excellent fight. Non-resistance is hard to be broken!! [Mohandas Gandhi] As to whether those peoples will *remain*, or whether the prayers and supplications of others will be with those, depends upon individuals.

(Q) *What can be expected in the trend of events in the political and economic conditions in Europe?*

(A) Europe is as a house broken up. Some years ago there was the experience of a mighty peoples being overridden for the gratification and satisfaction of a few, *irrespective* of any other man’s right. That peoples are going through the experience of being born again, and is the thorn in the flesh to many a political and financial nation in Europe, in the world—but out of same, with the prayers and supplications of those that may pray—even as Abram, or Abraham —“If there be fifty, will it not be spared?” “O, if there be ten faithful, will it not be spared?” Then, the hope of Europe depends upon *you!* in your own home *today!* In not the same way, but the same *manner* as did the life of Lot, or of the other peoples in Sodom and Gomorrah.

(Q) *What is the name of that nation referred to?*

(A) Russia!

(Q) *Considering the general trend of events, will prohibition be lost in America and about when?*

gian. Còn nó sẽ là trong ba năm hay năm năm, thì tùy thuộc vào những ai sẽ tập hợp quanh lời nguyện, “Con sẽ làm cho đời con thành một kênh phước lành cho *ai đó*, hôm nay!”

(H) *Theo xu hướng tổng quát của các biến cố, có thể kỳ vọng gì trong cuộc đấu giữa Anh Quốc và Ấn Độ?*

(Đ) Đại Anh đang *thua* một cuộc chiến tuyệt hảo. Chủ trương bất kháng cự thật khó bị bẻ gãy!! [Mohandas Gandhi] Còn dân tộc ấy sẽ ở *lại* hay không, hay những lời cầu nguyện và khẩn cầu của những người khác sẽ ở cùng họ hay không, là tùy nơi các cá nhân.

(H) *Có thể kỳ vọng gì trong xu hướng các biến cố về tình hình chính trị và kinh tế ở châu Âu?*

(Đ) Châu Âu như một ngôi nhà tan vỡ. Vài năm trước đã có trải nghiệm một dân tộc hùng mạnh bị chèn ép vì sự thoả mãn và thoả dục của một số ít, *bất chấp* quyền của bất kỳ người nào khác. Dân tộc ấy đang trải qua trải nghiệm tái sinh, và là cái dằm trong xác thịt đối với biết bao quốc gia chính trị và tài chính ở châu Âu, trên thế giới—nhưng từ đó, với những lời cầu nguyện và khẩn cầu của những người có thể cầu nguyện—như Abram, hay Abraham—“Nếu có năm mươi người, há chẳng được dung thứ sao?” “Ồi, nếu có mười người trung tín, há chẳng được dung thứ sao?” Vậy thì, hy vọng của châu Âu tùy thuộc vào *các người!* trong chính ngôi nhà của mình *hôm nay!* Không phải theo *cách* như thế, nhưng theo *cùng một tình thần* như đời sống của Lot, hoặc của những người khác nơi Sôđôm và Gômôra.

(H) *Tên của quốc gia vừa ám chỉ là gì?*

(Đ) Nga!

(H) *Xét theo xu hướng tổng quát của các biến cố, lệnh cấm rượu có bị bãi bỏ ở Mỹ không và khoảng khi nào?*

(A) No one may ever *legislate goodness* into the heart of the soul of anyone! When there is builded in the souls of men that as would be called prohibiting, that satisfies that of a physical desire, this will make for the right character of prohibition—but it has *already* lost in America, and only waits the decisions of those as to whether the peoples will stand as a law abiding, or a law breaking peoples.

(Q) *Upon what religious thought will fall the greatest responsibility in leading the world toward the light of understanding?*

(A) That as is comprised in that as has been given, whether it be the Greek or the barbarian, whether it be from the bond or from the free, “Thou shalt love the Lord thy God with all thine heart, and thy neighbor as thyself!”

We are through.

[Background: Follow-up World Affairs reading given to the Norfolk Study Group #1, members of which hoped to create an article or publication on the topic of “present world conditions.”]

Reading 3976-9; February 2, 1932

GC: You will have before you the data on Present World Conditions given through this channel, a copy of which I hold in my hand [3976-8]. You will please advise us as to the feasibility of seeking to present this in its present form to the world through publication in some magazine. You will answer the questions which we will ask regarding this.

EC: Yes, we have the outline of information as given. As we find, this was given rather as an outline, or a basis for expansion in directions that would be outlined or followed by a collaborator, or by one choosing to speak upon such a subject. As

(Đ) Chẳng ai có thể *ban hành luật* để đưa điều thiện vào lòng linh hồn của bất kỳ ai! Khi điều được xây dựng trong linh hồn con người—điều có thể gọi là sự ngăn cấm—đủ để thỏa mãn dục vọng thể xác, thì điều ấy sẽ tạo nên dạng cấm đoán đúng đắn—nhưng nó đã mất ở Mỹ rồi, và chỉ còn chờ quyết định xem dân chúng sẽ đứng như một dân tộc tuân thủ luật pháp hay phá bỏ luật pháp.

(H) *Hệ tư tưởng tôn giáo nào sẽ gánh trách nhiệm lớn nhất trong việc dẫn dắt thế giới đến ánh sáng của sự thấu hiểu?*

(Đ) Điều vốn bao hàm trong điều đã được ban, bất kể là người Hy Lạp hay man di, bất kể là từ kẻ nô lệ hay người tự do, “Người sẽ kính mến Chúa là Đức Chúa Trời của người hết lòng, và yêu người lân cận như chính mình!”

Chúng ta xong.

[Bối cảnh: Buổi đọc tiếp theo về Tình hình Thế giới dành cho Nhóm Nghiên Cứu Norfolk số 1, những thành viên của nhóm này hy vọng tạo một bài viết hay ấn phẩm về chủ đề “tình hình thế giới hiện tại.”]

Buổi đọc 3976-9; Ngày 2 tháng 2, 1932

GC: Trước mặt Ông sẽ có dữ liệu về Tình hình Thế giới Hiện tại được ban qua kênh này, một bản sao của nó tôi đang cầm trong tay [3976-8]. Xin vui lòng cho chúng tôi lời khuyên về tính khả thi của việc tìm cách giới thiệu tài liệu này cho thế giới dưới hình thức hiện tại qua việc xuất bản trên một tạp chí nào đó. Ông sẽ trả lời các câu hỏi chúng tôi nêu về việc này.

EC: Vâng, chúng tôi có đề cương thông tin như đã nêu. Như chúng tôi nhận thấy, điều này được đưa ra như một đề cương, hay một nền tảng để triển khai theo những hướng sẽ được phác thảo hay theo sau bởi một cộng tác viên, hoặc bởi người chọn phát biểu về

individuals see, feel or experience, the truth, and truths that are presented in the outline, well that same be considered for distribution through channels of publications, or in distributing in any manner as seen fit or chosen by those for whom the information was given for *their* consideration.

In expanding upon that given, well to follow along those channels or outline that has been made. Then present, if chosen to publish same, to any periodical that publishes such class of information; for the question is a world-wide one at present, and *any* phase—whether spiritual, or of an economical, or purely financial—might be considered; as the Christian Science Monitor; as Forum; as Outlook; as Digest; as *any* of the more *local* periodicals in various portions of the country; as Sunset, the Westerner, the Southerner, the Blue Goose, the Argosy, the Saturday Evening Post, or any of the local weeklies; as Household, or Capper, or the like. Ladies Home Journal, Woman's Home Companion, or any of these. Delineator, or those of that class. *All* would consider such an *open* question, and one of such vital interest to so many in the present. Best that same be presented on its merit; not from *any* individual, or class, or group...

As illustrated by the acceptance and rejection of the offerings made by Cain and Abel, and the rebellious forces that arose in the lives of groups *through* that *same* difference; thinking (as it showed) of self, *rather* than of service that was ordained by the manner of creation in the earth...

As of the peoples in Egypt, with their advancement—to which the ones chosen were sent for instruction and servitude for their rebelliousness in that land of promise, and *with* their raising to that of the ability—through the raising up of the leader to lead

chủ đề như vậy. Khi các cá nhân thấy, cảm nhận hay trải nghiệm chân lý, và những chân lý được trình bày trong đề cương, thì điều ấy nên được cân nhắc để phổ biến qua các kênh xuất bản, hoặc phổ biến bằng bất cứ cách nào được xem là thích hợp hay được những người mà vì họ thông tin được ban cho để *họ* xem xét lựa chọn.

Khi triển khai thêm những điều đã cho, tốt là theo các kênh hay đề cương đã được xây dựng đó. Rồi trình bày, nếu chọn xuất bản, cho bất kỳ tờ báo định kỳ nào đăng tải loại thông tin như vậy; vì vấn đề này hiện nay là vấn đề toàn cầu, và *bất kỳ* phương diện nào—dù là tinh thần, hay thuộc kinh tế, hay thuần túy tài chính—đều có thể được cân nhắc; như Christian Science Monitor; như Forum; như Outlook; như Digest; như *bất kỳ* tờ báo định kỳ nào mang tính *địa phương* hơn ở các miền khác nhau trong cả nước; như Sunset, the Westerner, the Southerner, the Blue Goose, the Argosy, the Saturday Evening Post, hoặc bất kỳ tuần san *địa phương* nào; như Household, hoặc Capper, hay tương tự. Ladies Home Journal, Woman's Home Companion, hoặc bất kỳ tờ nào trong số đó. Delineator, hoặc những tờ cùng loại. *Tất cả* sẽ coi đây là một vấn đề *mở*, và là vấn đề có tầm quan tâm sống còn đối với rất nhiều người ở hiện tại. Tốt nhất là trình bày nó dựa trên giá trị tự thân; không từ *bất kỳ* cá nhân, hay tầng lớp, hay nhóm nào...

Như được minh họa qua việc chấp nhận và khước từ của lễ vật Cain và Abel đã dâng, và những mãnh lực phản nghịch đã nổi lên trong đời sống của các nhóm vì *chính* sự khác biệt ấy; họ nghĩ (như đã cho thấy) về bản ngã, *hơn là* về phụng sự vốn được định bởi cách thức sáng tạo trong *địa cầu*...

Như đối với dân Ai Cập, với sự thăng tiến của họ—vì đó mà những người được chọn đã được sai đến để chịu huấn luyện và phục dịch do sự phản nghịch của họ trong miền đất hứa, và *cùng với* việc họ được nâng lên đến khả năng—qua việc dựng dậy một vị lãnh tụ

them out—to become the lawgivers, and to become that channel through which mercy, grace, should come to a tired, weary, war-ridden world, in peace to all mankind—through the Prince of Peace, of the house of David, of the stock of Judah, of the sons of Jacob, of the seed of Abraham—the *father* of the faithful...

As in the Grecian, in their arts; as in the Roman, in the law; as American, in its freedom of speech—in its activities towards freedom of service toward that God, as according to the dictates of the conscience; showing that *natural* advancement or evolution of men's minds toward that of a *one* God, *one* purpose, *one ideal*—with many *ideas* of expressing same, but *one ideal*...

Not is there to come from any class, individual, sect or group, any uprising or presenting of a truth, other than that which was given of Him, “The day approaches when neither in this mountain nor yet in Jerusalem, but in each one’s heart, will there be planted that truth”, that must bring the *world* out of chaos, out of this attempt to grapple one with another for that which fades and dies with the day—or the years; but rather that which is lasting, in “Thou shalt love the Lord thy God with all thine heart, thine neighbor as thyself!”

[Background: World Affairs reading given to a group of individuals interested in creating a benevolent global organization to help all nations with various issues related to government infrastructure.]

Reading 3976-4; February 11, 1927

GC: You will have before you Edgar Cayce, [287], [943], and [4825], who are present in this room, and you will tell them if it is

để dẫn họ ra ngoài—để trở thành những người ban luật, và trở thành kênh mà qua đó lòng thương xót, ân sủng, sẽ đến với một thế giới mệt mỏi, kiệt quệ, bị *giày xéo* bởi chiến tranh, đem bình an đến cho toàn thể nhân loại—qua Vị Vương Tử Hòa Bình, thuộc nhà David, thuộc dòng dõi Judah, thuộc những *con* của Giacóp, thuộc dòng giống của Abraham— *người cha* của những kẻ trung tín...

Như ở người Hy Lạp, trong nghệ thuật; như ở người La Mã, trong luật pháp; như ở người Mỹ, trong tự do ngôn luận—trong các hoạt động hướng đến tự do phụng sự đối với Thượng đế, theo mệnh lệnh của lương tâm; cho thấy sự thăng tiến hay tiến hóa *tự nhiên* của tâm trí con người hướng về một Thượng đế *duy nhất*, một mục đích *duy nhất*, một *lý tưởng duy nhất*—đều có nhiều *ý tưởng* để biểu đạt điều ấy, nhưng chỉ có *một lý tưởng*...

Không được để từ bất kỳ tầng lớp, cá nhân, giáo phái hay nhóm nào xuất hiện sự nổi dậy hoặc trình bày một chân lý nào khác hơn điều đã được Ngài phán, “Ngày đến khi chẳng còn ở núi này hay ở Giê-ru-sa-lem nữa, mà trong lòng mỗi người, chân lý ấy sẽ được gieo”, chân lý ấy phải đưa *thế giới* ra khỏi hỗn mang, khỏi nỗ lực chụp giạt lẫn nhau những thứ tàn phai, chết theo ngày—hay theo năm tháng; mà hướng đến điều tồn tại bền vững, là “Người phải kính mến Chúa là Thượng Đế của người hết lòng người, và yêu người lân cận như chính mình!”

[Hậu cảnh: Buổi đọc về Thế sự được ban cho một nhóm cá nhân quan tâm đến việc tạo lập một tổ chức bác ái toàn cầu để giúp mọi quốc gia với các vấn đề khác nhau liên quan đến hạ tầng chính quyền.]

Buổi đọc 3976-4; Ngày 11 tháng 2, 1927

GC: Trước mặt Ông sẽ có Edgar Cayce, [287], [943], và [4825], những người đang hiện diện trong phòng này, và Ông sẽ cho họ biết liệu

possible, through the information which might be given through these forces, to build a world organization which would control finance, railroads, oil and steel industries, newspapers, and news syndicates, and shipping industries; not only in the United States but in each nation of the world, and you will state or formulate a policy by which this may be accomplished, so that the power and influence gained thereby may be used for the upbuilding of mankind by establishing hospitals, churches, schools, farm loans, rural road constructions, throughout all the nations of the world. You will answer the questions I might ask you regarding this.

EC: Yes, we have the minds of the individuals as given, as individuals, and those ideas and ideals of each as concerning the formulation of such plans as outlined.

There may be given, through these sources, that information whereby such conditions might be made—not only as ideals, but as formulated plans of outlining such conditions, and bringing same to that point where they would be workable; for the ideals of the ages stand as the interest of each in their way of manifesting such conditions before the world, and for the world.

In considering such, there are many things for each to consider, and the various phases of same; for such conditions have been the dream of many an individual, and of many with much more material power and prestige than those as would consider such at the present. Same was the idea of Alexander when he sought to conquer the world, yet the tenets of the ideal were forgotten in the desires of the flesh, and while the principles as set forth in the mind and heart of the man as the student under Plato and Archimedes, and Aurilius and others, the *man* became so gored by the

có khả dĩ, thông qua thông tin có thể được ban qua các mãnh lực này, thiết lập một tổ chức thế giới có thể kiểm soát tài chính, đường sắt, công nghiệp dầu mỏ và thép, báo chí và các hãng thông tấn, và ngành vận tải biển; không chỉ ở Hoa Kỳ mà ở mỗi quốc gia trên thế giới, và Ông sẽ nêu hoặc hoạch định một đường lối nhờ đó điều này có thể thành tựu, để quyền lực và ảnh hưởng có được nhờ đó có thể được dùng cho việc xây dựng nhân loại bằng cách thiết lập bệnh viện, nhà thờ, trường học, các khoản vay nông trại, xây dựng đường nông thôn, trên khắp mọi quốc gia trên thế giới. Ông sẽ trả lời các câu hỏi mà tôi có thể nêu về việc này.

EC: Vâng, chúng tôi có thể trí của các cá nhân như đã nêu, với tư cách là các cá nhân, và những ý tưởng cùng lý tưởng của mỗi người liên quan đến việc hoạch định những kế hoạch như đã phác thảo.

Qua các nguồn này có thể được ban cho thông tin nhờ đó những điều kiện như vậy có thể được tạo lập—không chỉ như những lý tưởng, mà như những kế hoạch đã định hình để phác thảo những điều kiện ấy, và đưa chúng đến điểm mà chúng có thể thực thi; vì các lý tưởng của muôn thời đứng vững như mối quan tâm của mỗi người trong cách họ biểu lộ những điều kiện như vậy trước thế giới, và cho thế giới.

Khi cân nhắc điều đó, mỗi người có nhiều điều phải xét, và những phương diện khác nhau của nó; vì những điều kiện như vậy đã là giấc mơ của biết bao cá nhân, và của nhiều người có quyền lực và thanh thế vật chất lớn hơn nhiều so với những người hiện đang cân nhắc điều này. Điều ấy cũng là ý tưởng của Alexander khi ông tìm cách chinh phục thế giới, tuy nhiên các giáo điều của lý tưởng đã bị quên lãng trong dục vọng của xác phàm, và dấu những nguyên tắc được đặt ra trong tâm trí và trái tim của người vốn là môn sinh dưới trướng Plato và Archimedes, và Aurilius cùng những người khác, thì *con*

greed of power as to become the loathsome body—as it passes to its reward for the use of the power as given into the hands.

Again we find the dream of such power in the mind and the hands of one [Kaiser Wilhelm of Germany, World War I] not yet passed into the reward of deeds and thoughts (for they are deeds done in the body), in that in which the whole world rose, as it were, to subjugate such conditions.

Then, where would such as these, in their lowly state—as compared to these—seek that which would become the policy of such an idealistic plan, or the idealistic outlook for such organizations?

Only in Him in whom there was found no guile, and though He were buffeted by man—though He was ridiculed by those in power, though He suffered among those convicted of crime in the flesh, and railings against their fellow man—yet those tenets as were proclaimed by that as the man, making self as the son of man, and through those conditions became the Son of the living God—in these tenets, in *these* ways and manners, may such conditions be brought to the realization of those that would *build* an invisible empire within the hearts of men; and seeking then the way for each one as would head each organization as would be necessary, there would be seen that in a short while there may be brought into realization that that would be able to rule—not as an iron rule of the oppressor; not as one seeking to subjugate others to the will—but *making* the will one with that universal force as is necessary to bring everyone to that throne of grace, of faith, of hope, of love, of *all* those conditions necessary to build hospitals, churches, roads, loans, and help others to help themselves.

người ấy đã bị lòng tham quyền lực đâm sâu đến mức trở nên một thân phận đáng ghê tởm—và y đi đến quả báo cho việc sử dụng quyền lực được trao vào tay.

Một lần nữa chúng ta thấy giấc mộng về quyền lực như vậy trong tâm trí và trong tay một người [Kaiser Wilhelm của Đức, Thế chiến I] chưa đi đến quả báo cho các việc làm và tư tưởng (vì đó là những việc làm trong xác phàm), trong đó cả thế giới đã, như thế, vùng dậy để khuất phục những điều kiện như vậy.

Vậy thì, những người này, trong thân phận thấp hèn—so với những người kia—sẽ tìm đâu ra điều có thể trở thành đường lối cho một kế hoạch lý tưởng như vậy, hay tầm nhìn lý tưởng cho những tổ chức như vậy?

Chỉ ở Nơi mà nơi đó không thấy có gian trá, và dầu Ngài bị người đời xô đẩy—dầu Ngài bị những người cầm quyền chế nhạo, dầu Ngài chịu khổ giữa những người bị kết tội phạm pháp trong xác phàm, và những lời mắng nhiếc chống lại đồng loại—thì những giáo điều đã được công bố bởi Đấng ấy như một con người, tự làm mình như con của loài người, và qua những điều kiện ấy trở thành Con của Thượng đế hằng sống—chính trong các giáo điều này, trong *những* đường lối và phương thức này, các điều kiện như vậy có thể được đưa đến chỗ hiện thực bởi những ai sẽ *xây dựng* một đế quốc vô hình trong tâm khảm con người; và rồi tìm kiếm cách thức để mỗi người đứng đầu mỗi tổ chức cần có, thì sẽ thấy rằng chẳng bao lâu có thể đưa đến hiện thực điều có thể cai quản—*không* như một quyền lực sắt của kẻ áp bức; không như kẻ tìm cách khuất phục người khác theo ý mình—mà là *làm cho* ý chí trở nên một với mãnh lực phổ quát cần có để đưa mọi người đến ngai ân sủng, đức tin, hy vọng, tình thương, đến *tất cả* những điều kiện cần thiết để xây dựng bệnh viện, nhà thờ, đường xá, các khoản vay, và giúp người khác tự giúp mình.

Yes, such information may be given—used aright to these as named.

Ready for questions.

(Q) *What would be the first steps necessary to take to form such an organization?*

(A) First the choosing of those who would give self in holy communion with this one purpose and, making self right with God, choose to be used as an *instrument* of good for the saving of the good in human principles; for, as is seen, as has been given, the world awaits the coming of those who will proclaim the day of freedom from the bonds of those who would rule, either through prestige or through political influence, see? Then, ones so chosen by their fitness—as will come through such communion—will be the first to begin. See? For, as each are chosen, through these same forces there may be given their perfect fitness for such elements; for, as in this: As these seek, let's give to each their place, their niche, their abilities, their conditions, concerning such ideals. To some these are as ideals that may be used, see, for their own personal gains. To others these are as ideals that will be as benefits to the world, see? We are speaking of individuals, as individuals. First, in Edgar Cayce, we find one lowly in heart—ever seeking to do good, as good is understood by the individual, and willing ever to be *used* as an instrument for the speaking of those in whom such elements of an Arcadia have been the dream of their earthly experience. Giving then to those in charge, or as directors, that individual information necessary to meet each and every condition as arises. In [287] there is found first that necessity of making self's inner self one with that creative energy that would make an answer of "My spirit beareth witness with Thy Spirit, O God, that I am Thy Son, and willing to be used as an instrument of good toward the giving of mankind the

Vâng, thông tin như vậy có thể được ban—nếu những người được nêu dùng nó cho đúng.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(H) *Những bước đầu tiên cần thực hiện để hình thành một tổ chức như vậy là gì?*

(Đ) Trước hết là chọn những người sẵn sàng hiến mình trong hiệp thông thánh thiện với một mục đích này và, làm cho bản thân trở nên ngay thẳng với Thượng đế, chọn được dùng như một *khí cụ* của điều thiện nhằm bảo tồn điều thiện trong những nguyên lý nhân sinh; vì, như thấy, như đã được ban, thế giới đang chờ đợi sự xuất hiện của những người sẽ công bố ngày giải phóng khỏi xiềng xích của những kẻ muốn cai trị, dù bằng thế lực hay bằng ảnh hưởng chính trị, thấy chứ? Vậy thì, những người được chọn theo mức độ thích hợp—như sẽ đến qua sự hiệp thông như vậy—sẽ là những người khởi đầu. Thấy chứ? Vì, khi mỗi người được chọn, qua chính những mãnh lực này có thể ban cho sự thích hợp hoàn hảo của họ đối với những yếu tố như vậy; như trong điều này: Khi những người này tìm kiếm, chúng ta hãy trao cho mỗi người vị trí của họ, hốc tường của họ, năng lực của họ, điều kiện của họ, liên quan đến những lý tưởng ấy. Với một số người, đây là những lý tưởng có thể dùng, thấy đó, cho lợi ích riêng. Với người khác, đây là những lý tưởng sẽ mang lợi ích cho thế giới, thấy chứ? Chúng tôi đang nói về các cá nhân, với tư cách cá nhân. Trước hết, nơi Edgar Cayce, chúng tôi thấy một người khiêm nhu trong lòng—luôn tìm làm điều thiện, như điều thiện được cá nhân hiểu, và luôn sẵn sàng được *dùng* như một khí cụ để nói cho những người mà trong họ những yếu tố của một Arcadia đã là giấc mơ của kinh nghiệm trần thế. Rồi ban cho những người phụ trách, hay các giám đốc, những thông tin cá nhân cần thiết để ứng phó với mọi điều kiện nảy sinh. Nơi [287] trước hết thấy điều cần thiết là làm cho nội ngã của mình nên một với năng lượng sáng tạo khiến có thể đáp lời "Thần

opportunity to know the will of Thy Son as may be manifest through *my* activities toward my fellow man, in carrying out that which will become the crowning glory of *my* life, and my service to my fellow man; laying aside those things that so easily beset, and I will run the race as is set before me in Him!" In that as is seen in [943]—that ability to defend those principles as may be given for the direction of such conditions as are necessary to make such elements feasible, plausible, workable and *applicable*, in the lives of individuals chosen as channels through which such information, such monies, such positions, may be obtained, that such may become possible. Keeping self ever in that way and manner. In that of [4825] there is seen the ability of the use of power and of principle, yet that inner self must be made over again, as it were, in that oneness of the purpose as has often been set in self, yet finds self oft and anon forgetting the way. Keep each not as religion, but as the dictates of the heart to guide, direct, the fellow man—for before each there is set a way, and in that way is set a light. Veer not from same! Let him that is weak of mind or heart not take the handle, for he that ploweth and looketh back is worse than the infidel.

That is all the questions for the present.

As given, this may be outlined. These are worthy, will they make themselves one in the purpose as set; for many peoples—in many nations, in many climes—are ready and willing to follow that Light, that Star.

We are through for the present.

[Background: World Affairs reading given to the Norfolk Study Group #1, members of

linh của tôi làm chứng cùng Thần Linh của Ngài, lay Thượng đế, rằng con là Con của Ngài, và con sẵn sàng được dùng làm khí cụ của điều thiện để ban cho nhân loại cơ hội biết ý muốn của Con Ngài như có thể hiển lộ qua những hoạt động của *con* đối với đồng loại, trong việc thực hiện điều sẽ trở nên vinh quang đội triều của cuộc đời *con*, và sự phụng sự của con với đồng loại; gác qua một bên những điều dễ vướng bận, và con sẽ chạy cuộc đua đã đặt trước mặt con trong Ngài!" Nơi [943]—thấy năng lực bảo vệ những nguyên tắc có thể được ban cho để chỉ đạo những điều kiện cần thiết khiến các yếu tố như vậy khả thi, có lý, vận hành được và *ứng dụng* được, trong đời sống những cá nhân được chọn làm kênh qua đó thông tin như vậy, tiền bạc như vậy, địa vị như vậy, có thể đạt được, để điều đó có thể trở thành khả hữu. Giữ mình luôn trong con đường và phương thức ấy. Nơi [4825] thấy năng lực sử dụng quyền lực và nguyên tắc, nhưng nội ngã ấy phải được tái tạo, như thế, trong sự duy nhất của mục đích vốn thường được đặt ra nơi bản thân, nhưng bản thân thường và hay quên lối. Đừng giữ mỗi điều ấy như một tôn giáo, mà như mệnh lệnh của trái tim để hướng dẫn, chỉ đạo, đồng loại—vì trước mỗi người đều có một con đường, và trên con đường ấy có một ánh sáng. Chớ rẽ khỏi điều đó! Ai yếu về trí hay tim thì chớ nắm tay cày, vì ai cầm cày mà ngoái lại còn tệ hơn cả kẻ vô tín.

Đó là tất cả câu hỏi cho hiện tại.

Như đã ban, điều này có thể được phác thảo. Những người này xứng đáng, nếu họ làm mình hợp nhất trong mục đích đã đặt; vì nhiều dân tộc—ở nhiều quốc gia, nhiều miền khí hậu—đã sẵn sàng và sẵn lòng bước theo Ánh Sáng đó, vì Sao đó.

Chúng ta tạm dừng tại đây.

[Hậu cảnh: Buổi đọc về Thế sự được ban cho Nhóm Nghiên cứu Norfolk #1, các thành

which asked how individuals in the U.S. could “best contribute to the spiritual development and progress of the world?”]

Reading 3976-11; April 6, 1933

GC: You will give at this time a comprehensive discussion of how the people of the United States can best contribute to the spiritual development and progress of the world, answering first the question, “Through what measures and by what definite plans can we meet our own difficulties?” and second, “What definite programs should our nation sponsor to promote greater international harmony and peace?” Please present this in such a form that it will be of help and interest to the average reader and may be presented for publication to some periodical from the Norfolk Study Group #1. You will answer the questions which will be asked concerning this.

EC: Yes. As we find—while this is very poorly stated, to obtain any comprehensive outline, for it’s stated backwards:

In considering conditions as they exist, and considering as to what individuals may do, and how the government should foster this or that movement, for a greater understanding, it is well that this be considered from the standpoint of what the Group represents first in the lives of individuals, and in the lives of groups, or masses, or classes.

viên trong nhóm hỏi người ở Hoa Kỳ có thể “đóng góp tốt nhất cho sự phát triển và tiến bộ tinh thần của thế giới” như thế nào?]

Buổi đọc 3976-11; Ngày 6 tháng 4, 1933

GC: Lúc này Ông sẽ đưa ra một cuộc bàn luận toàn diện về cách người dân Hoa Kỳ có thể đóng góp tốt nhất cho sự phát triển và tiến bộ tinh thần của thế giới, trả lời trước câu hỏi, “Bằng những biện pháp nào và bởi những kế hoạch xác định nào chúng ta có thể đối diện với những khó khăn của chính mình?” và thứ hai, “Những chương trình cụ thể nào quốc gia chúng ta nên bảo trợ để thúc đẩy sự hòa hợp và hòa bình quốc tế lớn hơn?” Xin trình bày điều này theo hình thức để nó hữu ích và hấp dẫn đối với độc giả phổ thông và có thể được trình lên để xuất bản trên một tạp chí nào đó từ Nhóm Nghiên cứu Norfolk #1. Ông sẽ trả lời các câu hỏi sẽ được nêu liên quan đến việc này.

EC: Vâng. Như chúng tôi thấy—dù điều này được nêu rất chưa chuẩn để có thể thu được một đề cương toàn diện, vì nó được nêu theo lối ngược:

Khi cân nhắc các điều kiện như chúng hiện hữu, và cân nhắc xem các cá nhân có thể làm gì, và chính quyền nên thúc đẩy phong trào này hay nọ như thế nào, để hiểu biết lớn hơn, thì tốt là điều này được xét từ quan điểm của việc Nhóm trước hết đại diện cho điều gì trong đời sống của các cá nhân, và trong đời sống của các nhóm, hay quần chúng, hay các tầng lớp.

Then to consider, too, as to the form of government and the policies of those who formed same, and how the people in their various walks of life have adhered to them, or how those principles have been fostered or furthered in their application in government towards the lives of the government's constituents.

When this, then, has been—or may be—presented from *this* angle, or view, then there may be given that of a definite nature as to what the group—as individuals, and as a group—may present as some form of application in the experience of individuals, groups, or masses, for consideration by those who are in authority.

For, as He has given, consider those in authority; for the powers that be are ordained from on High.

Then may there be given through these channels that which may be of help.

[Background: World Affairs reading given regarding the subject of “present world conditions” and the possibility of an article/paper on the topic.]

Reading 3976-12; August 25, 1933

(Q) *Are there any warnings regarding the trend of coming events in this or foreign countries which for the benefit of those seeking light should be given out in this paper?*

(A) Merely that which has already been presented; or the stress may be made on same in that this is the time when all men—everywhere—should turn to that which is the only aid in and under such conditions.

Rồi cũng cần xét đến hình thức chính quyền và các chính sách của những người đã hình thành nó, và dân chúng trong những nếp sống khác nhau đã gắn bó với chúng như thế nào, hoặc các nguyên tắc đó đã được nuôi dưỡng hay thúc đẩy ra sao trong ứng dụng của chính quyền đối với đời sống của các thành phần do chính quyền quản lý.

Khi điều này, vậy thì, đã được—hoặc có thể được—trình bày từ góc độ này, hay quan điểm này, khi đó có thể ban ra điều mang tính xác định về việc nhóm—với tư cách cá nhân, và với tư cách một nhóm—có thể trình bày một hình thức áp dụng nào đó trong kinh nghiệm của cá nhân, nhóm, hay quần chúng, để những người có thẩm quyền cân nhắc.

Vì, như Ngài đã phán, hãy tôn trọng những người có thẩm quyền; vì các quyền bính hiện hữu là do Trên Cao an bài.

Bấy giờ mới có thể ban qua những kênh này những điều hữu ích.

[Hậu cảnh: Buổi đọc về Thế sự được ban liên quan đến chủ đề “tình hình thế giới hiện tại” và khả năng viết một bài báo/đề văn về chủ đề này.]

Buổi đọc 3976-12; Ngày 25 tháng 8, 1933

(H) *Có cảnh báo nào liên quan đến xu hướng các sự kiện sắp tới ở quốc gia này hay nước ngoài mà vì lợi ích của những người tìm kiếm ánh sáng nên được công bố trong bài này không?*

(Đ) Chỉ là những điều đã được trình bày; hoặc có thể nhấn mạnh lại rằng đây là thời điểm mọi người—khắp nơi—nên quay về với điều là cứu trợ duy nhất trong và dưới những điều kiện như vậy.

(Q) *What warnings regarding general physical upheavals or disturbances should be given in this paper?*

(A) These should not be given in this particular paper, see? Only those that have been made reference to in the first paper.

(Q) *Give the outstanding events which may be expected in the struggle between Great Britain and India.*

(A) Those that have *already* come to pass, in those things that have just happened; in the recognition of the low caste and the outcast, or the untouchables. And this *has* been accomplished, and will go farther—as pointed out in the present paper.

(Q) *Give the outstanding events in Russia through 1938.*

(A) These should be presented rather after there have been those changes in that to be presented, from that already given; that out of Russia, you see, there may come that which may be the basis of a more world-wide religious thought or trend—see? Then that which may be added, or that may be added at the present time, may be presented. Let's work with what we've got and go step by step; not get the cart before the horse!

(Q) *What will be the outcome of the present administration's plans for economic recovery in the U.S.?*

(A) This will succeed.

(Q) *Will there be any trend in the U.S. towards any form of socialism or will the representative form of government meet the needs which will arise?*

(A) Under the present supervision, yes.

(Q) *How far will this progress?*

(A) Depends—Until the change has come.

(Q) *What warnings and advice may be given to*

(H) Những cảnh báo nào liên quan đến các biến động hay rối loạn vật lý tổng quát nên được nêu trong bài này?

(Đ) Những điều này không nên đưa vào bài này, thấy chứ? Chỉ nêu những điều đã được nhắc trong bài đầu tiên.

(H) Nêu những sự kiện nổi bật có thể trông đợi trong cuộc đấu tranh giữa Anh và Ấn Độ.

(Đ) Những điều đã đã xảy ra, trong những điều vừa mới diễn ra; trong sự thừa nhận tầng lớp thấp và những người ngoài lề, hay những người “không được đụng tới”. Và điều này đã được thực hiện, và sẽ tiến xa hơn—như đã chỉ ra trong bài hiện tại.

(H) Nêu những sự kiện nổi bật ở Nga đến năm 1938.

(Đ) Những điều này nên được trình bày sau khi có những thay đổi trong phần sẽ được đưa vào, từ điều đã ban; rằng từ nước Nga, thấy đó, có thể xuất hiện điều có thể là nền tảng cho một khuynh hướng hay tư tưởng tôn giáo mang tính toàn cầu hơn—thấy chứ? Vậy thì điều gì có thể bổ sung, hay có thể bổ sung vào lúc này, có thể trình bày. Hãy làm việc với những gì chúng ta có và tiến hành từng bước; đừng đặt cỗ xe trước con ngựa!

(H) Kết quả của các kế hoạch phục hồi kinh tế của chính quyền hiện tại ở Hoa Kỳ sẽ ra sao?

(Đ) Điều này sẽ thành công.

(H) Ở Hoa Kỳ có xu hướng nào hướng tới một hình thức xã hội chủ nghĩa nào đó không hay hình thức chính quyền đại diện sẽ đáp ứng được những nhu cầu sẽ phát sinh?

(Đ) Dưới sự giám sát hiện tại, có.

(H) Tiến triển đến đâu?

(Đ) Tùy—Cho đến khi sự thay đổi đến.

(H) Những cảnh báo và khuyến nhủ nào có thể

the people of this country, the U.S., in preparing themselves to meet and make the most of these conditions?

(A) That which has been presented, through the turning more and more to that pointed out; as the spirit of that which was in the directing of those influences in the peace at Versailles, that has been so damned by those of other thought that would make capital of same. But that “I am my brother’s keeper, and the blood of my brother will cry out from the ground if we heed not the warnings that were given to those of old.” For, the Lord is the same yesterday, today and forever.

(Q) Give a list of the principal events that will be of major importance to this nation or to the world from the present date through 1938, giving approximate time and place where such events may be expected to occur.

(A) Let’s don’t get the cart before the horse! Let’s begin with what we have and then add that necessary!

(Q) Was the recent storm and high water a warning—etc.?

(A) Again we are seeking that which has little to do with that which is to be presented in the first or basic forces of these!

(Q) Any other advice to the compilers, as to how we should handle this paper?

(A) That there has been presented this in such and such time, see? enumerating those events in the change, in the aspect of the relationships of countries one with another, dealing with the political situations in the various countries; then pointing as to what was presented respecting same. Then that as with internal, see? That then as may be expected to follow. *Then* there may be given that which may add to or take from that which is presented.

dành cho người dân quốc gia này, Hoa Kỳ, trong việc chuẩn bị để đối diện và tận dụng tốt nhất những điều kiện này?

(Đ) Điều đã được trình bày, qua việc quay về nhiều hơn với điều đã chỉ ra; như tinh thần của điều đã có trong việc điều hướng những ảnh hưởng trong hòa ước Versailles, điều mà đã bị những người có tư tưởng khác lên án nặng nề để rồi trục lợi. Nhưng rằng “Ta là người giữ em của ta, và máu của em ta sẽ kêu thấu từ đất nếu chúng ta không lưu ý những cảnh báo đã ban cho người xưa.” Vì, Chúa vẫn như vậy hôm qua, hôm nay và mãi mãi.

(H) Hãy lập danh sách những sự kiện chủ yếu sẽ có tầm quan trọng lớn đối với quốc gia này hay thế giới kể từ ngày hiện tại đến năm 1938, cho biết thời điểm và nơi chốn gần đúng nơi những sự kiện đó có thể xảy ra.

(Đ) Đừng đặt cỗ xe trước con ngựa! Hãy bắt đầu với những gì chúng ta có rồi thêm những điều cần thiết!

(H) Cơ bão và mực nước dâng gần đây có phải là một cảnh báo—v.v.?

(Đ) Một lần nữa, chúng ta đang tìm kiếm điều ít liên quan đến điều sẽ được trình bày trong những nền tảng đầu tiên hay các lực cơ bản của những điều này!

(H) Có lời khuyên nào khác dành cho những người biên soạn, về cách chúng tôi nên xử lý bài này?

(Đ) Rằng điều này đã được trình bày trong thời điểm như thế này, thấy chứ? liệt kê những sự kiện trong sự thay đổi, trong diện mạo các mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau, đề cập đến tình hình chính trị ở các nước khác nhau; rồi chỉ ra điều đã được trình bày liên quan đến các điều ấy. Sau đó là điều liên quan đến nội bộ, thấy chứ? Rồi điều có thể trông đợi tiếp theo. *Bấy giờ* có thể ban ra điều có thể bổ sung hay lược bỏ khỏi điều đã trình bày.

[Background: Reading given to a sixty-seven-year-old male missionary which discussed how to bring about the betterment of “world affairs.”]

Reading 1598-2; May 29, 1938

In relationships to world conditions:

Any who seek such information, as we have indicated, had best be in the position to do something about same. For that given becomes then not only a duty but an obligation upon the part of those to whom such may be given, in the nature of the relationships that exist.

As has been given, however, that which has prevented and does prevent the whole of civilization becoming a turmoil is the attempt of those who have the ideals of the Prince of Peace at *heart!* And as of old, the prayers of ten may save a city; the prayers of twenty-five may save a nation—as the prayers and activities of *one* may! but in union there is strength.

Then if that purpose would be kept, then it must ever be kept in mind that we *are* our brother’s keeper!

[Background: World Affairs reading given in preparation for the annual Congress meeting of members of Edgar Cayce’s A.R.E. The topic was a discussion on “National and International affairs.”]

Reading 3976-18; June 20, 1938

GC: You will have before you the work of the Ass’n for Research and Enlightenment, Inc., in studying and presenting the psychic work of Edgar Cayce. It is desired to present on Monday evening, June 27th, material

[Hậu cảnh: Buổi đọc được ban cho một nam giáo sĩ truyền giáo 67 tuổi, bàn về cách đem lại sự cải thiện cho “thế sự”.]

Buổi đọc 1598-2; Ngày 29 tháng 5, 1938

Trong các mối tương quan với tình hình thế giới:

Bất kỳ ai tìm kiếm thông tin như vậy, như chúng tôi đã chỉ ra, tốt nhất nên ở vị thế có thể làm điều gì đó đối với điều ấy. Vì điều được ban khi ấy trở thành không chỉ là một bổn phận mà còn là một nghĩa vụ của những người mà điều ấy được ban cho, xét theo bản chất của các mối tương quan hiện hữu.

Tuy nhiên, như đã ban, điều đã ngăn cản và đang ngăn cản cả nền văn minh trở thành hỗn loạn chính là nỗ lực của những người mang lý tưởng của Vị Vương Tử Hòa Bình trong *tim!* Và như thời xưa, lời cầu nguyện của mười người có thể cứu một thành; lời cầu nguyện của hai mươi lăm người có thể cứu một quốc gia—như lời cầu nguyện và hành động của *một* người cũng có thể! nhưng hiệp nhất thì có sức mạnh.

Vậy nếu mục đích ấy muốn được giữ gìn, thì luôn phải ghi nhớ rằng chúng ta *là* người giữ em của mình!

[Hậu cảnh: Buổi đọc về Thế sự được ban để chuẩn bị cho kỳ Đại hội thường niên của các hội viên A.R.E. của Edgar Cayce. Chủ đề là bàn về “Các vấn đề Quốc gia và Quốc tế.”]

Buổi đọc 3976-18; Ngày 20 tháng 6, 1938

GC: Trước mặt Ông sẽ có công việc của Hiệp hội Nghiên cứu và Khai sáng, Inc., trong việc nghiên cứu và trình bày công trình thông linh của Edgar Cayce. Mong muốn trình bày vào tối thứ Hai, ngày 27 tháng 6, tư liệu được

presented through this channel, for the Seventh Annual Congress, on National and International affairs which will be in keeping with the ideal and purposes of the work being undertaken by the Association. You will consider the type of audience which will be present, the need for informative information which will not be spectacular or sensational, yet that will be constructive. Advise us also as to the manner of presentation. You will give the first discourse on this subject.

EC: Yes, we have the work of the Association for Research and Enlightenment, Inc., and the policies and ideals and purposes of same; as related to National and International affairs that would not be spectacular but constructive—and in keeping with the ideals.

As has been and is being understood by many, there are changes being wrought in the nation, as well as in the inter-relationships with other nations.

All of these may be considered from the one angle.

It is also understood, comprehended by some, that a new order of conditions is to arise; that there must be many a purging in high places as well as low; that there must be the greater consideration of each individual, each soul being his brother's keeper.

There will then come about those circumstances in the political, the economic and the whole relationships where there will be a leveling—or a greater comprehension of this need.

For as the time or the period draws near for these changes that come with the new order, it behooves all of those who have an ideal—as individuals, as well as groups or societies or organizations, to be practicing, applying same in their experience—and their

ban qua kênh này, cho Kỳ Đại hội lần thứ bảy, về các vấn đề Quốc gia và Quốc tế và sẽ phù hợp với lý tưởng và mục đích của công việc đang được Hiệp hội đảm trách. Ông sẽ cân nhắc loại thính giả sẽ hiện diện, nhu cầu về thông tin mang tính cung cấp tri thức mà không giật gân hay câu khách, nhưng mang tính xây dựng. Xin cũng tư vấn cách thức trình bày. Ông sẽ đưa ra bài diễn thuyết đầu tiên về chủ đề này.

EC: Vâng, chúng tôi có công việc của Hiệp hội Nghiên cứu và Khai sáng, Inc., và các chính sách, lý tưởng và mục đích của tổ chức; khi liên hệ đến các vấn đề Quốc gia và Quốc tế theo hướng không giật gân mà xây dựng—và phù hợp với các lý tưởng.

Như đã và đang được nhiều người hiểu, có những thay đổi đang được tạo tác trong quốc gia, cũng như trong các mối tương quan với các quốc gia khác.

Tất cả những điều này có thể được xét từ một góc độ.

Cũng có những người hiểu, lĩnh hội rằng một trật tự điều kiện mới sẽ trỗi dậy; rằng cần có nhiều cuộc gột rửa ở chốn cao cũng như nơi thấp; rằng cần phải quan tâm lớn hơn đến từng cá nhân, từng linh hồn là người giữ em của mình.

Rồi sẽ xuất hiện những hoàn cảnh trong chính trị, kinh tế và toàn bộ các mối tương quan nơi đó sẽ có một sự cân bằng—hoặc một sự thấu hiểu lớn hơn về nhu cầu này.

Vì khi thời điểm hay giai đoạn của những thay đổi đi cùng trật tự mới đến gần, tất cả những ai có một lý tưởng—với tư cách cá nhân, cũng như nhóm hay đoàn thể hay tổ chức—cần thực hành, áp dụng điều đó trong kinh nghiệm của mình—và trong các mối

relationships as one to another.

For unless these are up and doing, then there must indeed be a new order in *their* relationships and their activities.

For His ways will carry through. For as He gave, “Though the heavens and the earth may pass away, my word will *not* pass away.”

All too often has this message been forgotten in the pulpits and in the organizations, not only in the national relationships but in the international relationships.

And as the dealings are as one to another, unless these are in keeping with those tenets they must fail; for all power in heaven and in earth hath been given into His hands.

Then as we approach all phases of human relationships, these must be taken into consideration.

And there *cannot* be one measuring stick for the laborer in the field and the man behind the counter, and another for the man behind the money changers. *All* are equal—not only under the material law but under the *spiritual*.

And *His* laws, *His* will, will not come to naught!

Though there may come those periods when there will be great stress, as brother rises against brother, as group or sect or race rises against race—yet the leveling must come.

And *only* those who have set their ideal in Him and practiced it in their dealings with their fellow man may expect to survive the wrath of the Lord.

In thy dealings, then—whether at home, in thy dealings with state or the national situations, or the international affairs—

tương quan của họ với nhau.

Vì nếu những người này không đứng dậy và hành động, thì thật sự sẽ phải có một trật tự mới trong các mối tương quan và các hoạt động của họ.

Vì đường lối của Ngài sẽ đi đến cùng. Vì như Ngài đã phán, “Dầu trời đất có qua đi, lời Ta sẽ *không* qua đi.”

Thông điệp này đã bị lãng quên quá nhiều lần nơi giảng đường và trong các tổ chức, không chỉ trong các mối tương quan quốc gia mà cả trong quốc tế.

Và khi cư xử với nhau, nếu những điều này không phù hợp với các giáo điều ấy, chúng ắt sẽ thất bại; vì mọi quyền năng trên trời và dưới đất đã được trao vào tay Ngài.

Vậy khi chúng ta tiếp cận mọi phương diện của các mối tương quan nhân sinh, những điều này phải được cân nhắc.

Và *không thể* có một thước đo cho người lao động ngoài đồng và người sau quầy, và một thước đo khác cho kẻ đứng sau các bàn đổi tiền. *Tất cả* đều bình đẳng—không chỉ dưới luật vật chất mà cả dưới luật *tinh thần*.

Và luật của Ngài, ý muốn của Ngài, sẽ không trở nên vô ích!

Dầu sẽ đến những thời kỳ có cơn căng thẳng lớn, khi anh nổi lên chống anh, khi nhóm hay giáo phái hay chủng tộc nổi lên chống chủng tộc—nhưng sự cân bằng ắt phải đến.

Và *chỉ* những ai đã đặt lý tưởng của mình trong Ngài và thực hành nó trong cách đối đãi với đồng loại mới có thể mong tồn tại qua cơn thịnh nộ của Chúa.

Vậy trong cách đối đãi của người—dù ở nhà, trong cách đối đãi với các tình huống của bang hay quốc gia, hay các vấn đề quốc tế—

there must come *all* under that purpose, that desire.

And then there should be, there *will* be those rising to power that are able to meet the needs. For none are in power but that have been given the opportunity by the will of the Father—from which all power emanates.

Hence those will be leveled with the purpose, “My word shall *not* fail!”

In presenting such—well that it be given as extract, or as that from such sources to be used or taken as those present see fit.

We are through for the present.

[Background: Follow-up World Affairs reading given during the annual Congress meeting of members of Edgar Cayce’s A.R.E. The topic was a continuation of the discussion on “National and International affairs.”]

Reading 3976-19; June 24, 1938

GC: You will continue at this time the information given Monday, June 20th, on National and International affairs, which is to be presented at the Congress meeting on Monday, June 27th. Please continue this discourse, applying the general principles outlined to present conditions in America and other countries. You will answer the questions that may be asked.

EC: Since the application of those truths or tenets as indicated becomes the basic needs of the peoples of every land in the present, to be sure it behooves those in America—then—to apply same in their dealings with the situations that exist respecting the political, the economic and the general situations throughout the land.

tất cả đều phải đến *dưới* mục đích, ước muốn đó.

Rồi sẽ có, sẽ *có* những người trỗi dậy nắm quyền có thể đáp ứng nhu cầu. Vì chẳng ai ở trong quyền bính mà không được ban cơ hội bởi ý muốn của Chúa Cha—từ đó mọi quyền năng phát xuất.

Do đó những người ấy sẽ được cân đồng với mục đích, “Lời Ta sẽ *không* hư mất!”

Khi trình bày như thế—nên đưa dưới dạng trích lục, hoặc như những phần từ các nguồn như vậy để những người hiện diện sử dụng hay chọn dùng theo sự thấy phù hợp.

Chúng ta tạm dừng tại đây.

[Hậu cảnh: Buổi đọc tiếp nối về Thế sự được ban trong kỳ Đại hội thường niên của các hội viên A.R.E. của Edgar Cayce. Chủ đề là tiếp tục bàn luận về “Các vấn đề Quốc gia và Quốc tế.”]

Buổi đọc 3976-19; Ngày 24 tháng 6, 1938

GC: Lúc này Ông sẽ tiếp tục những thông tin đã ban hôm thứ Hai, ngày 20 tháng 6, về các vấn đề Quốc gia và Quốc tế, sẽ được trình bày tại phiên họp Đại hội vào thứ Hai, ngày 27 tháng 6. Xin tiếp tục diễn từ này, áp dụng các nguyên tắc chung đã phác ra vào các điều kiện hiện tại ở Hoa Kỳ và các nước khác. Ông sẽ trả lời các câu hỏi có thể được nêu.

EC: Vì việc áp dụng những chân lý hay giáo điều đã nêu trở thành nhu cầu căn bản của các dân tộc mọi miền ở hiện tại, nên ắt hẳn điều đó khiến những người ở Hoa Kỳ—vậy thì—áp dụng những điều này trong cách họ đối đãi với những tình huống đang hiện hữu liên quan đến chính trị, kinh tế và các tình huống chung khắp cả nước.

This at the first glance may appear to be an impractical thing; yet these are the conditions to be met:

Every phase of human experience and human relationship must be taken into consideration; just as indicated from that given, that we *are* our brother's keeper.

Then if those in position to give of their means, their wealth, their education, their position, *do not* take these things into consideration, there must be that leveling that will come.

For unless these are considered, there must eventually become a revolution in this country—and there will be a dividing of the sections as one against another. For these are the leveling means and manners to which men resort when there is the plenty in *some* areas and a lack of the sustenance in the life of others.

These are the manners in which such things as crime, riots and every nature of disturbance arise—in that those who are in authority are not considering every level, every phase of human activity and human experience.

We find these conditions have been in other lands centralized, localized into individual activities—as in Russia, Italy, Germany; the conditions that exist in Spain, in China, in Japan are what? The oppression of the producers by those for whom and to whom such power has come to be used as their opportunity for becoming their brother's keeper; and not as represented in some lands, the disregarding of the other's rights.

Then those who are in power must know that they *are* their brother's keeper, and give expression to that which has been indicated in "Thou shalt love the Lord with all they heart and mind and body, and thy neighbor

Thoạt nhìn, điều này có vẻ bất khả thi; tuy nhiên đây là những điều kiện cần đối mặt:

Mọi phương diện của kinh nghiệm nhân sinh và các mối tương quan nhân sinh phải được cân nhắc; đúng như đã chỉ ra từ điều đã ban, rằng chúng ta *là* người giữ em của mình.

Vậy nếu những người ở vị thế có thể trao ban của cải, học vấn, địa vị của họ, *không* cân nhắc những điều này, thì ắt phải có sự cân bằng sẽ đến.

Vì nếu những điều này không được cân nhắc, rồi cuộc ắt sẽ xảy ra một cuộc cách mạng ở đất nước này—và sẽ có sự chia cắt các miền chống đối nhau. Vì đây là những phương cách cân bằng mà con người sử dụng khi nơi *nào đó* thì sung túc còn nơi khác thì thiếu sinh kế.

Đó là cách mà những thứ như tội phạm, bạo loạn và đủ loại rối loạn phát sinh—khi những người có thẩm quyền không cân nhắc mọi tầng lớp, mọi phương diện của hoạt động và kinh nghiệm nhân sinh.

Chúng ta thấy những điều kiện này ở các xứ khác đã được tập trung, địa phương hóa vào các hoạt động cá nhân—như ở Nga, Ý, Đức; những điều kiện đang hiện hữu ở Tây Ban Nha, Trung Hoa, Nhật Bản là gì? Sự áp bức những người sản xuất bởi những kẻ mà đối với họ và trong tay họ quyền lực như vậy đã đến để được dùng như cơ hội trở thành người giữ em của mình; chứ không như điều thể hiện ở một số xứ sở, là phớt lờ quyền của người khác.

Vậy những người đang nắm quyền phải biết rằng họ *là* người giữ em của mình, và bày tỏ điều đã được chỉ ra trong "Người phải kính mến Chúa hết lòng, hết trí và hết thân, và yêu người lân cận như chính mình."

as thyself.”

This rule must be applied. It is true that some of those factions in Russia this is an attempt, yet there *are* those who have applied and do apply same in not only the economic life but attempt to in the mental and spiritual life. And this brings or works hardships where it should *not* be.

True, in other lands—whether the Communism, the Fascism or the Nazi regime—these are missions to be filled, and these are opportunities. But when there becomes class or mass distinction between this or that group, this or that party, this or that faction, then it becomes a class rather than “thy neighbor as thyself.”

For all stand as *one* before Him. For the Lord is *not* a respecter of persons, and these things *cannot* long exist.

From the conditions in these other lands, then, America—the United States—must take warning.

For to *whom* does the wealth belong? to *whom* do the possibilities of the land belong?

Does it belong to those who have inherited it, to those who have been given the positions by power? or to those who have by their labor, by the sweat of their brow *produced* same?

Not that all would be had in common as in the communistic idea, save as to keep that balance, to keep that oneness, to keep that association of ideas, of activity, of the influences throughout the experiences of all. These are to be kept in those attunements in which there may be the land itself defining what freedom is; in that each soul is by his *own* activity to be given the opportunity of expression, of labor, of producing.

But all of these, also, are not to say where or

Quy luật này phải được áp dụng. Đúng là trong một số phe phái ở Nga đây là một nỗ lực, nhưng vẫn có những người đã và đang áp dụng điều này không chỉ trong đời sống kinh tế mà còn cố gắng trong đời sống trí tuệ và tinh thần. Và điều này tạo ra hay gây nên những gian khó nơi lẽ ra *không* nên có.

Đúng vậy, ở các xứ khác—dù là Chủ nghĩa Cộng sản, Chủ nghĩa Phát xít hay chế độ Quốc Xã—những điều này có sứ mệnh để hoàn thành, và đó là cơ hội. Nhưng khi trở thành phân biệt giai tầng hay quần chúng giữa nhóm này hay nhóm kia, đảng này hay đảng kia, phe này hay phe kia, thì nó trở thành phe phái hơn là “người lân cận như chính mình.”

Vì mọi người đều đứng như *một* trước mặt Ngài. Vì Chúa *không* thiên vị ai, và những điều này *không thể* tồn tại lâu.

Từ những điều kiện ở các xứ sở khác, Hoa Kỳ—Hợp Chúng quốc—phải lấy làm cảnh báo.

Vì của cải thuộc về *ai*? tiềm năng của đất đai thuộc về *ai*?

Nó thuộc về những người thừa kế, những người được trao địa vị bằng quyền lực? hay thuộc về những người nhờ lao động, mồ hôi trán *tạo ra* điều đó?

Không phải mọi thứ đều chung như trong ý niệm cộng sản, mà là để giữ sự thăng bằng, giữ sự đơn nhất, giữ sự cộng thông của ý tưởng, của hoạt động, của ảnh hưởng xuyên suốt kinh nghiệm của mọi người. Những điều này cần được giữ trong những hòa điệu mà ở đó chính miền đất định nghĩa tự do là gì; ở chỗ mỗi linh hồn, bằng hoạt động *riêng* của mình, được cho cơ hội biểu đạt, lao động, sản xuất.

Song tất cả những điều này cũng không phải

what, but are to seek through their *own* ability, their *own* activity, to give that of themselves that is in keeping with those who labor in the vineyard of the Lord.

Hence these may apply in the national and international relationships.

For there must come, first, a stabilization of the monetary unit. There must come then the exchange of commodities or of trade *in* a way and manner in which not merely sections, not merely distinctions made of one portion of the land against one another, but *all* are taken into consideration.

Unless this is done, turmoils and strifes will arise. And that which has made and does make the people of America afraid, is the fear of servitude in *any* manner!

All, though, must learn that those who *are* to be the greater, those who would make the greater contributions to activity in every sphere and phase of influence, are to be the servants of all; not those who would be lords over others.

For the Lord so loved the world as to give His only begotten Son, that whosoever would might *know* that life in its manifestations, in its expressions and relationships and dealings as one to another is not a gouging, not a “gimmie”, not a hate—not those things that belittle, but those that create hope, faith and understanding in the minds and the hearts of men *everywhere*!

All that is for the sustenance of life *is* produced from the soil. Then there must be a return to the soil. Every man must be in that position that he at least creates, by his activities, that which will sustain the body—from the soil; or where he is supplying same to those activities that bring such experiences into the lives of all.

để nói rằng ai ở đâu hay làm gì, mà là mỗi người phải tìm, qua năng lực *riêng* của mình, hoạt động *riêng* của mình, để dâng hiến phần của chính mình phù hợp với những người lao động trong vườn nho của Chúa.

Do đó những điều này có thể áp dụng trong các mối tương quan quốc gia và quốc tế.

Vì trước hết phải có sự ổn định của đơn vị tiền tệ. Rồi phải có việc trao đổi hàng hóa hay thương mại *theo* cách thức mà không chỉ là các miền, không chỉ là phân biệt vùng này chống vùng kia, mà *tất cả* đều được cân nhắc.

Nếu điều này không được thực hiện, xáo trộn và tranh chấp sẽ phát sinh. Và điều đã khiến và đang khiến người dân Hoa Kỳ sợ hãi, chính là nỗi sợ bị nô dịch theo *bất kỳ* cách nào!

Tất cả, tuy vậy, phải học rằng ai muốn lớn hơn, ai muốn cống hiến lớn hơn trong hoạt động ở mọi lãnh vực và phương diện ảnh hưởng, thì phải là kẻ phục vụ mọi người; không phải những kẻ muốn làm chúa trên người khác.

Vì Chúa đã yêu thế gian đến nỗi ban Con Một, để ai muốn thì có thể *biết* sự sống trong biểu hiện của nó, trong bày tỏ và trong đối đãi của người với người không phải bằng sự trục lợi, không phải “đưa đây”, không phải hận thù—không phải những điều làm thấp hèn, mà là những điều tạo ra hy vọng, đức tin và sự thấu hiểu trong tâm trí và trái tim con người *khắp* nơi!

Mọi điều duy trì sự sống *đều* sản xuất từ đất. Vậy phải trở về với đất. Mỗi người phải ở vị thế mà ít nhất bằng hoạt động của mình tạo nên, từ đất, điều sẽ nuôi sống thân xác; hoặc nơi người ấy cung ứng điều đó cho những hoạt động mang những kinh nghiệm như vậy vào đời sống của mọi người.

For of dust the body is made, and of dust the sustenance of same comes.

Then the mind and the spirit, in accord with those things indicated, will bring into the experiences of all that relationship one to another wherein that all *are* brethren. For these must bring and keep peace one with another.

Ready for questions.

(Q) *Make such comment as may be presented on the following affairs, as I name them: The unemployment situation in America.*

(A) In all of those centers or areas there must be more and more return to the toil upon the land, and not so much of the makeshift of labor in specific or definite fields. For unless this comes, there must and will come disruption, turmoil and strife.

(Q) *Labor and capital in America.*

(A) Unless there is the give and the take, and the considerations of those that produce—so that they have as much of the use and the division of the excess and profits of the labors—there must be brought greater turmoils in the land.

(Q) *The Japanese and Chinese situation.*

(A) These bespeak of themselves that which is happening and has happened. But might does not make right. Rather will the principles of the Christian faith be carried forward in and through the turmoils that are a part of *both* China and Japan. For without those cleansings and purifyings, tradition alone may *not* be destroyed. For it is through the purging that the strength and beauty of each will come forth.

(Q) *The Spanish situation.*

(A) This is that whereunto the real troubles, here, are only beginning. For unless there is

Vì thân xác được làm bằng bụi đất, và sự nuôi sống thân xác cũng đến từ bụi đất.

Rồi tâm trí và tinh thần, thuận hòa với những điều đã chỉ ra, sẽ đưa vào kinh nghiệm của mọi người mối tương quan người với người nơi đó tất cả *đều* là huynh đệ. Vì những điều này phải đem đến và gìn giữ hòa bình giữa người với người.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(H) *Xin bình luận như có thể về các vấn đề sau đây, theo tôi sẽ nêu: Tình trạng thất nghiệp ở Hoa Kỳ.*

(A) Trong tất cả các trung tâm hay khu vực ấy cần phải ngày càng quay trở lại với lao tác trên đất đai, chứ không quá sa vào những giải pháp tạm bợ của việc làm trong các lĩnh vực chuyên biệt hay cố định. Vì nếu điều này không diễn ra, thì ắt hẳn và chắc chắn sẽ đến cảnh đổ vỡ, xáo trộn và tranh chấp.

(Q) *Lao động và tư bản ở Mỹ.*

(A) Nếu không có sự nhường nhịn và tương hỗ, và sự lưu tâm đến những người sản xuất—để họ được hưởng quyền sử dụng và phần phân chia thặng dư, lợi tức từ công lao động tương xứng—thì trong xứ sở ắt sẽ dấy lên những xáo trộn lớn hơn.

(Q) *Tình hình Nhật Bản và Trung Hoa.*

(A) Những điều ấy tự thân đã nói lên cái đang và đã xảy ra. Nhưng sức mạnh không làm nên chính nghĩa. Đúng hơn, các nguyên tắc của đức tin Cơ Đốc sẽ được mang tiến qua và trong những cơn xáo trộn vốn là một phần của *cả* Trung Hoa lẫn Nhật Bản. Vì nếu thiếu những cuộc tẩy rửa và thanh lọc ấy, thì truyền thống tự thân sẽ *không* thể bị phá bỏ. Bởi chính qua sự thanh tẩy mà sức mạnh và vẻ đẹp của mỗi bên sẽ hiển lộ.

(Q) *Tình hình Tây Ban Nha.*

(A) Đây là nơi mà những rắc rối thực sự, ở đây, mới chỉ bắt đầu. Vì trừ phi người ta chịu

to be the consideration given to each factor, then others will come in and devour the spoils. This is the outcome of seed sown in the ages past, and from same man can—as a whole—and *should* take warning.

(Q) *The Russian situation.*

(A) As we have indicated, here a new understanding has and will come to a troubled people. Here, because of the yoke of oppression, because of the self-indulgences, has arisen another extreme. Only when there is freedom of speech, the right to worship according to the dictates of the conscience—until these come about, still turmoils will be within.

(Q) *The German situation, within its own country and its relations with others.*

(A) A man that represents a country—so long as there is class and mass distinction, there must be turmoils and strife. But so long as the powers are held within those whose purposes and ideals are that of “I am my brother’s keeper,” and not forcing self upon same. Being the brother’s keeper does not mean that “I am to tell him what to do, or that he is to do this or that irrespective,” but rather that *all* are free before the law and before God.

(Q) *The Italian situation internally and in relation with others.*

(A) This is being rather an outgrowth; and the dictatorship is becoming more and more in line with those policies of peace—and will *bring* peace to many another disturbed quarter and section.

(Q) *The British situation in its own country and in relation to its colonies.*

(A) This is being balanced, or is the balancing power in the European land as well as in the Far East.

And when those activities are set that will

xét đến từng yếu tố, thì những kẻ khác sẽ ủa vào và nuốt trọn chiến lợi phẩm. Đây là kết quả của những hạt giống đã gieo từ các thời đại trước, và từ đó nhân loại—như một toàn thể—có thể và *nên* rút lấy lời cảnh tỉnh.

(Q) *Tình hình Nga.*

(A) Như chúng ta đã chỉ ra, tại đây một hiểu biết mới đã và sẽ đến với một dân tộc khốn đốn. Tại đây, vì ách áp bức, vì sự tự phóng túng, đã nảy sinh một cực đoan khác. Chỉ khi có tự do ngôn luận, quyền thờ phượng theo tiếng gọi của lương tâm—cho đến khi những điều ấy thành hiện thực, thì bên trong vẫn sẽ còn xáo trộn.

(Q) *Tình hình Đức, trong nước mình và trong quan hệ với các nước khác.*

(A) Một người đại diện cho một quốc gia—bao lâu còn có phân biệt giai tầng và quần chúng, bấy lâu ắt phải có xáo trộn và tranh chấp. Nhưng bao lâu quyền lực ở trong tay những người có mục đích và lý tưởng là “Ta là người gìn giữ cho anh em ta”, chứ không áp đặt cái tôi lên họ. Làm người gìn giữ cho anh em không có nghĩa là “Ta phải bảo y làm gì, hay y phải làm điều này điều kia bất chấp,” mà là *mọi* người đều tự do trước pháp luật và trước Thượng đế.

(Q) *Tình hình Ý nội bộ và trong quan hệ với các nước khác.*

(A) Đây là một sự phát sinh kế tiếp; và chế độ độc tài đang ngày càng đi theo các chính sách hòa bình—và sẽ *đem* hòa bình đến cho nhiều khu vực, địa hạt rồi ren khác.

(Q) *Tình hình Anh quốc trong nước mình và trong quan hệ với các thuộc địa.*

(A) Nước này đang được cân bằng, hay đang là thế lực cân bằng tại lục địa Âu châu cũng như ở Viễn Đông.

Và khi những hoạt động được thiết lập nhằm

bring the consideration of *every* phase, more and more will it be able to control the world for peace. In France we find that where an old debt must eventually be paid.

We are through for the present.

[Background: World Affairs reading given on the topic of “the international situations existing or arising at this time” (1938).]

Reading 3976-20; September 27, 1938

GC: You will have before you the enquiring mind of Leslie Savage, of 109 Pennington Avenue, Passaic, New Jersey, and the members of the Ass’n for Research & Enlightenment, Inc., who are interested in the international situations existing or arising at this time. In view of the circumstances and conditions, what should be the attitude of the leader of our government, Franklin D. Roosevelt, and what should he do at this time? You will answer the questions that may be asked.

EC: Yes, we have the conditions that are arising in the international situations in the present; and as we find, the purposes and ideals of the members of the Association for Research and Enlightenment.

In view of these—*this*, as we find, is the counsel as might be offered in the present:

Conditions have advanced to such a tempo that to attempt to interfere would be rather to be drawn into the conditions that are arising and that will arise.

Rather, then, the policy should be to—in a brotherly manner—quiet as far as possible the fears of the peoples of the country as a nation; and advise all in their attitudes to not do or say that as would be in any manner a

đem lại sự lưu tâm tới *mọi* phương diện, thì ngày càng hơn, quốc gia ấy sẽ có thể điều hướng thế giới theo hòa bình. Ở Pháp, chúng ta nhận thấy có một món nợ xưa rất cuộc phải được thanh toán.

Hiện thời chúng ta tạm kết thúc.

[Bối cảnh: Buổi đọc Thời sự Thế giới về chủ đề “các tình hình quốc tế đang tồn tại hoặc đang phát sinh vào thời điểm này” (1938).]

Buổi đọc 3976-20; 27 tháng 9, 1938

GC: Trước ông sẽ là tâm trí truy vấn của Leslie Savage, ở 109 Pennington Avenue, Passaic, New Jersey, và các thành viên của Hiệp hội Nghiên cứu & Khai Sáng, Inc., những người quan tâm đến các tình hình quốc tế đang tồn tại hoặc đang phát sinh vào thời điểm này. Xét các hoàn cảnh và điều kiện, vị lãnh đạo chính quyền của chúng ta, Franklin D. Roosevelt, nên có thái độ gì và nên làm gì vào lúc này? Ông sẽ trả lời các câu hỏi có thể được nêu.

EC: Vâng, chúng ta có những điều kiện đang nảy sinh trong các tình hình quốc tế hiện tại; và như chúng ta thấy, những mục đích và lý tưởng của các thành viên Hiệp hội Nghiên cứu và Khai Sáng.

Xét những điều này—*điều này*, như chúng ta thấy, là lời khuyên có thể được đưa ra trong hiện tại:

Các điều kiện đã tiến đến một nhịp độ mà nếu tìm cách can thiệp thì sẽ dễ bị cuốn vào chính các điều kiện đang và sẽ phát sinh.

Đúng hơn, chính sách nên là—bằng cung cách huynh đệ—trấn an tối đa nỗi sợ của người dân trong nước như một quốc gia; và khuyên mọi người trong thái độ của mình đừng làm hay nói điều gì theo bất cứ cách

cause for animosities or hates to arise among the peoples of the land.

For all are brethren, and there are those of the nation that are bound up in the conditions of all those countries and peoples that are becoming involved in the situations.

Hence, the advice and counsel, the activities should be towards those as they would be towards brethren—where disputes or disturbances have arisen.

Not merely as a pacifist attitude of peace at *any* cost, but rather as that of equity, or equality, of the correct attitude of nation or brother as with brother, in respect to the whole situation.

These, then, with the necessary preparedness for the meeting of all emergencies in *any* direction that may be taken by those who allow their hates and their disputes to overcome or to put aside brotherly love.

For it is as brother against brother in the disputes.

And know that all stand as one before the judgement bar of the Creator.

Hence prayer, and more prayer; and as we have given, *live* toward one another as a nation, as a brother nation to the others—on *either* side—as ye pray!

Do not pray one way and live another! Be consistent, be persistent.

Ready for questions.

(Q) *May any other constructive or helpful information be given now regarding conditions over the country?*

(A) Keep in that manner of unity of purpose in a service to the fellow man, in God's

nào có thể gây hiềm khích hay hận thù nảy sinh giữa dân chúng trong xứ sở.

Vì mọi người đều là huynh đệ, và có những người trong quốc gia đang gắn bó với các điều kiện của tất cả những xứ sở và dân tộc đang bị cuốn vào các tình hình ấy.

Do đó, lời khuyên và chỉ dẫn, các hoạt động nên hướng đến họ như đối với huynh đệ—nơi nào đã phát sinh tranh chấp hay rối loạn.

Không chỉ như một thái độ chủ hòa chấp nhận hòa bình bằng *bất kỳ* giá nào, mà đúng hơn như tinh thần công bằng, bình đẳng, thái độ đúng đắn của quốc gia hay người anh em đối với anh em, xét trên toàn cảnh.

Những điều này, kèm theo sự sẵn sàng cần thiết để ứng phó mọi tình huống khẩn cấp theo *bất kỳ* hướng nào có thể bị những kẻ để cho hận thù và tranh chấp lấn át hoặc gạt bỏ tình huynh đệ lợi dụng.

Bởi trong các tranh chấp ấy là anh em chống lại anh em.

Và hãy biết rằng mọi người đều đứng như một trước tòa phán xét của Đấng Tạo Hóa.

Vì thế cầu nguyện, và càng cầu nguyện hơn; và như chúng ta đã nói, hãy *sống* đối với nhau như một quốc gia, như một quốc gia anh em đối với các quốc gia khác—ở *cả hai* phía—như các người cầu nguyện!

Đừng cầu nguyện một đằng mà sống một nẻo! Hãy nhất quán, hãy kiên trì.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(Q) *Lúc này có thể đưa ra thông tin xây dựng hay hữu ích nào khác liên quan đến tình hình khắp đất nước không?*

(A) Hãy giữ lối hợp nhất mục đích trong sự phụng sự đồng loại, trong sự phụng sự

service through His love for His fellow man.

Thượng đế qua Tình thương của Ngài dành cho đồng loại.

We are through for the present.

Hiện thời chúng ta tạm kết thúc.

[Background: World Affairs reading given on the topic of “the true spirit of Thanksgiving.”]

[Bối cảnh: Buổi đọc Thời sự Thế giới về chủ đề “tinh thần đích thực của Lễ Tạ Ơn.”]

Reading 3976-21; November 20, 1938

Buổi đọc 3976-21; 20 tháng 11, 1938

GC: You will give at this time information which may stimulate in the hearts and minds of those gathered here a greater appreciation of the true spirit of Thanksgiving, and which may be to all those to whom it is sent an inspiration and an explanation for Thanksgiving even in the face of personal problems and spreading world-wide fears and hatreds that seem to dominate so many minds today.

GC: Lần này ông sẽ đưa ra thông tin có thể khơi dậy trong lòng và trí của những người tụ họp ở đây sự trân trọng lớn hơn về tinh thần đích thực của Lễ Tạ Ơn, và có thể trở thành nguồn cảm hứng và lời giải thích cho Lễ Tạ Ơn đối với tất cả những ai được gửi đến, ngay cả khi đối diện với các vấn đề cá nhân và nỗi sợ cùng hận thù lan rộng khắp thế giới dường như đang thống trị rất nhiều tâm trí hôm nay.

EC: Yes, we have the subject here; and many there be that appear with the desire to give their own interpretation upon such a subject. But rather would we choose—from the more universal need of those here, as well as mankind everywhere—that thought, that purpose, that attribute of man’s choice to show, to give thanksgiving for not only the blessings as may be the experience of many but the fuller meaning of the appreciation of Life itself and the opportunity which is offered to all through same to become more and more aware of their relationship to the Creative Force or God.

EC: Vâng, chúng ta có chủ đề ở đây; và có nhiều người xuất hiện với khao khát đưa ra diễn giải riêng của mình về một chủ đề như thế. Nhưng đúng hơn, chúng ta muốn chọn—từ nhu cầu phổ quát hơn của những người có mặt ở đây, cũng như của nhân loại khắp nơi—tư tưởng, mục đích, phẩm tính về sự chọn lựa của con người nhằm biểu lộ, dâng lời tạ ơn không chỉ vì các phước lành là kinh nghiệm của nhiều người mà còn vì ý nghĩa sâu rộng hơn của việc trân quý chính Sự sống và cơ hội được trao cho mọi người qua đó để ngày càng ý thức về mối liên hệ của họ với Lực Sáng Tạo hay Thượng đế.

It is well that ye be reminded, then, of how—in those periods when there were the preparations in the lives and experiences of a peculiar people, under unusual circumstances, in extraordinary environments—they were reminded, not in their days of plenty but in the days when each day they were given only sufficient for that day, that periods were to be, should be,

Điều tốt là các người được nhắc nhở, rằng—vào những thời kỳ khi có các chuẩn bị trong đời sống và kinh nghiệm của một dân tộc đặc thù, dưới những hoàn cảnh khác thường, trong môi trường phi thường—they được nhắc nhở, không phải trong những ngày dư dật mà là trong những ngày mà mỗi ngày họ chỉ được ban đủ cho ngày ấy, rằng cần phải—và nên—dành ra những kỳ hạn khi việc tạ ơn là

set aside when thanksgiving was to be a part of their activity—their remembrances for all the joys, the sorrows, the disappointments, the hopes that were and might be theirs if—*if*—they would but hold to those promises; relying—as it was necessary in those days, those hours, for a complete dependence—upon the bounty of a merciful Father, who had a purpose in the bringing out, in the edifying, in the directing.

And today, as ye look back upon those experiences, ye—*too*—find thyself chosen.

Have ye chosen Him?

For as was given then, “If ye will be my people, I will be thy God!”

This is a universal experience, then. To each soul gathered here, to each soul throughout the land, to each soul as may be in all lands: “*If ye will be My people, I will be thy God!*”

Then in this land—as ye understand—when in the experiences of a handful of those seeking a place where they might worship God according to the dictates of their own conscience, the bounties of the land were in such measures as to preserve their lives—then there was the proclamation that thanksgiving must be in the mind and heart of each soul.

So in *this* land was set the precedent that has come to mean so much that year after year thy rulers of the several States, thy director in the general, have kept, do keep that precedent.

Then, to *all*: As ye do in the spirit of *true* thanksgiving come to realize, as ye find in thy daily experience with thy fellow man—he that is unappreciative of opportunity, of care, of thought, of long suffering, to thine *own* mind becomes very little.

một phần trong hoạt động của họ—những tưởng niệm cho tất cả niềm vui, nỗi buồn, thất vọng, hy vọng đã và có thể là của họ nếu — *nếu* —họ chỉ cần giữ những lời hứa đó; nương cậy—như trong những ngày ấy, những giờ ấy, việc nương cậy hoàn toàn là cần thiết—vào ân huệ của một Cha đầy xót thương, Đấng có một mục đích trong việc dẫn xuất, trong việc xây dựng, trong việc chỉ dẫn.

Và hôm nay, khi các người nhìn lại những kinh nghiệm ấy, các người— *cũng* —thấy mình được chọn.

Các người đã chọn Ngài chưa?

Vì như đã được phán khi đó, “Nếu các người sẽ là dân Ta, Ta sẽ là Thần của người!”

Vậy đây là một kinh nghiệm phổ quát. Với mỗi linh hồn tụ họp ở đây, với mỗi linh hồn khắp xứ sở, với mỗi linh hồn ở mọi miền: “*Nếu các người sẽ là Dân Ta, Ta sẽ là Thần của người!*”

Rồi, trong xứ sở này—như các người hiểu—khi trong kinh nghiệm của một nhóm ít ỏi những người đi tìm một nơi chốn để họ có thể thờ phượng Thượng đế theo tiếng gọi của lương tâm mình, các ân huệ của đất đai đã đến với mức độ đủ để bảo toàn mạng sống của họ—bấy giờ có lời tuyên xưng rằng việc tạ ơn phải ở trong tâm trí và trái tim của mỗi linh hồn.

Vì thế, trong xứ sở này đã đặt nên một tiền lệ đã trở thành điều có ý nghĩa lớn lao đến nỗi năm này qua năm khác các nhà lãnh đạo của các Tiểu bang, vị tổng chỉ huy nói chung, đã giữ, đang giữ tiền lệ đó.

Vậy thì, với *tất cả* mọi người: Khi các người, trong tinh thần của sự tạ ơn *đích thực*, đến để nhận ra, như các người thấy trong kinh nghiệm hằng ngày với đồng loại mình—kể vô ơn trước cơ hội, trước sự chăm sóc, nghĩ suy, nhẫn chịu, đối với *chính* tâm trí các

What, then, will ye—as servants—yea, as children of a living God, of a living promise to thee—*do about* such a period, such a day?

For the day itself is as nothing. Remember how He as the Teacher of teachers gave that the Sabbath was made for man, *not* man for the Sabbath!

Then remember, Thanksgiving is thy *opportunity* to show thy appreciation to thy friend, thy home, thy mother, thy children—yea, most of all to thy God!

As it may be truly said—of all the days for *man's* opportunity, of man's making, of man's concern—*truly* Thanksgiving should be nearer and dearer to the hearts of those who are appreciative of Life and its opportunities, under *any* experience!

For remember, it was instituted not under plenty but under needs.

What is the need then of man in this day of disturbed mind, of anxieties?

That ye may reconsecrate, rededicate—each of you—thy heart, thy body, thy purpose, to the *living* God!

This is the message then that should be to all.

người trở nên rất nhỏ bé.

Vậy, các người —với tư cách là đầy tớ—vâng, như những đứa con của một Thượng đế hằng sống, của một lời hứa sống động dành cho các người—sẽ xử trí ra sao về một kỳ hạn như thế, một ngày như thế?

Vì bản thân ngày ấy tự nó chẳng là gì. Hãy nhớ Ngài là Vị Thầy của các thầy đã dạy rằng ngày Sa-bát được lập ra vì con người, chứ không phải con người vì ngày Sa-bát!

Vậy hãy nhớ, Lễ Tạ Ôn là *cơ hội* của người để bày tỏ lòng cảm tạ với bạn hữu, mái ấm, mẹ, con cái—vâng, hơn hết là với Thượng đế của người!

Như có thể nói cách chân thực—trong tất cả những ngày dành cho *cơ hội của con người*, bởi con người lập ra, do con người bận tâm—*thật sự* Lễ Tạ Ôn nên gần gũi và thân thiết hơn với trái tim của những ai trân trọng Sự sống và các cơ hội của nó, dưới *bất kỳ* kinh nghiệm nào!

Vì hãy nhớ, nó được thiết lập không phải trong cảnh dư dật mà giữa những nhu cầu thiếu thốn.

Vậy nhu cầu của con người trong ngày này—ngày của tâm trí rối bời, của âu lo—là gì?

Ấy là để các người tái thánh hiến, tái dâng hiến—mỗi người trong các người—trái tim, thân thể, mục đích của mình, cho Thượng đế *hằng sống*!

Đó là thông điệp nên gửi đến mọi người.

Let this day of Thanksgiving be not only that wherein to enjoy that which may satiate the body, that which may make for the gratifying of appetites of the body, but that day when each of you may give thanks to God for *being* alive—with the opportunities to raise thy voice in prayer, in praise, in thanksgiving for the love He hath shown, that He showers upon thee day by day!

And as ye do this—in the *spirit* of love, in the spirit of truth, of patience, of longsuffering—ye will receive that awareness of His closeness to thee. And this will bring you to the greater knowledge, the greater understanding of what He would have thee do.

Let thy life, thy experience then, be not without purpose.

What do ye then purpose to do with His promises to thee?

In *this* land ye may give praise for freedom of speech, for the opportunities to raise thy voice in *whatever* way and manner ye choose.

For know, as He taught, the principles of life are that as ye do unto the least of thy brethren ye do unto thy Maker.

Then, as ye give thanks, as ye give praise to thy friends for kindnesses, for gentlenesses, for those things that make thy experience more bearable in a cruel world—under circumstances oft where a troubled heart is made lighter—how much greater in this day, then, that is set aside by thy laws, by the judgments of thy governors and of thy president—how much *more* ye would give thanks to God!

For it is in Him indeed that ye live, that ye move and have thy being.

Hãy để ngày Lễ Tạ Ơn này không chỉ là ngày hưởng dùng những thứ có thể làm thỏa thân xác, những thứ có thể thỏa mãn các dục vọng của thân xác, mà là ngày mỗi người trong các người có thể tạ ơn Thượng đế vì *được* sống—với các cơ hội để cất tiếng cầu nguyện, ngợi khen, tạ ơn vì Tình thương Ngài đã bày tỏ, Ngài tuôn đổ trên các người ngày qua ngày!

Và khi các người làm điều này—trong *tinh thần* yêu thương, trong tinh thần chân lý, nhẫn nại, nhẫn chịu—các người sẽ nhận được ý thức về sự gần gũi của Ngài với các người. Và điều này sẽ đem các người đến tri thức lớn hơn, sự thấu hiểu lớn hơn về điều Ngài muốn các người làm.

Vậy cuộc đời, kinh nghiệm của người chớ vô mục đích.

Rồi các người định làm gì với những lời hứa của Ngài dành cho người?

Trong xứ sở này các người có thể ca ngợi vì tự do ngôn luận, vì các cơ hội để cất tiếng theo *bất luận* cách thức và phương cách nào các người chọn.

Vì hãy biết, như Ngài đã dạy, những nguyên tắc của sự sống là: điều gì các người làm cho một người anh em bé mọn nhất, tức là các người làm cho Đấng Tạo Hóa của mình.

Vậy, khi các người tạ ơn, khi các người bày tỏ lòng tri ân với bạn hữu vì những nhân từ, dịu dàng, vì những điều khiến kinh nghiệm của các người trở nên dễ chịu hơn trong một thế giới khắc nghiệt—thường là trong những hoàn cảnh khi một trái tim u uất được làm nhẹ nhàng hơn—biết bao hơn trong ngày này, ngày được luật pháp của các người, bởi phán quyết của các thống đốc và của tổng thống các người dành riêng ra—các người sẽ càng *hơn* nữa mà tạ ơn Thượng đế!

Vì thực sự trong Ngài các người sống, các người chuyển động và có sự hiện hữu của

Let thy heart then be glad.

And as has been indicated, let each raise his voice in thanksgiving for *all* that has, that may come to pass in the experience of each *soul* that prays, “*Thy will, O God, be done in me—now. Not as I will, but as Thou would have me go.*”

Pray that peace may be in the minds and hearts of those who direct the destiny of the many, throughout the world. For they are *not* in power of *themselves*, but that *ye*—too—may learn a lesson to *do*, and to seek to do, the will of thy Father; and not to do that which is *in* direct contradiction to that of praise to thy Lord, thy God.

Keep then that Day in praise, in thanksgiving, in such ways, such a manner that ye show to thy conscience that what ye worship as thy God is aware of *thy* appreciation of *life*!

We are through.

[Background: World Affairs reading given in preparation for the annual Congress meeting of members of Edgar Cayce’s A.R.E.]

Reading 3976-22; June 13, 1939

GC: You will give at this time a discourse on World Affairs which may be presented by Edgar Cayce on Thursday evening, June 15th, the opening meeting of the Eighth Annual Congress of the Association for Research & Enlightenment, Inc.

EC: In giving a dissertation upon World Affairs of today, it may be well to look, for a moment, upon that which has come to pass

minh.

Vậy hãy để lòng ngươi hoan hỷ.

Và như đã được chỉ ra, hãy để mỗi người cất tiếng tạ ơn vì *tất cả* những gì đã, những gì có thể xảy đến trong kinh nghiệm của mỗi *linh hồn* biết cầu nguyện rằng, “*Ý Ngài, lay Thượng đế, được nên trọn trong con—ngay bây giờ. Không theo ý con, mà theo đường Ngài muốn con đi.*”

Hãy cầu nguyện để bình an ở trong tâm trí và trái tim của những người định hướng vận mệnh của số đông, khắp thế giới. Vì họ *không* nắm quyền do *chính* họ, mà để cho *các* người—*cũng*—học một bài học để *làm*, và tìm để *làm*, ý muốn của Cha các người; chứ không làm điều gì *trực tiếp* nghịch lại việc ngợi khen Chúa, Thượng đế của các người.

Vậy hãy giữ Ngày ấy trong lời ngợi khen, trong tạ ơn, theo những phương cách, một cách mà các người cho lương tâm mình thấy rằng Đấng các người thờ phượng là Thượng đế nhận biết sự trân quý của các người dành cho *đời sống*!

Chúng ta kết thúc.

[Bối cảnh: Buổi đọc Thời sự Thế giới được đưa ra để chuẩn bị cho buổi họp Đại hội thường niên của các thành viên A.R.E. của Edgar Cayce.]

Buổi đọc 3976-22; 13 tháng 6, 1939

GC: Lần này ông sẽ trình bày một diễn từ về Thời sự Thế giới để Edgar Cayce có thể trình bày vào tối thứ Năm, ngày 15 tháng 6, buổi khai mạc Đại hội thường niên lần thứ Tám của Hiệp hội Nghiên cứu & Khai Sáng, Inc.

EC: Khi trình bày một bài thuyết luận về Thời sự Thế giới hôm nay, có lẽ tốt khi dừng lại một chút để nhìn vào những gì đã xảy ra

in the affairs of the nations of the earth since the records have been kept of man's doings. Also it may be well to look at those promises, as well as the warnings that have been a record of those peoples in their attempts to present a manner of moral, religious and secular life of the various peoples.

These to become illustrative in the minds of individuals must be referred, then, to individual attainment or individual application of those things which have been and are still ruling factors.

Man finds himself endowed with body, mind and soul; and each phase of his consciousness is seeking for the satisfying or gratifying of the longings of those phases of his nature.

Hence we find there are in the experience of man three desired purposes, or three natural laws pertaining to his material existence: survival of his species, or the preservation of life; to give expression of his own concept of life; and (third) to be heard, to be noticed in his activity.

Out of this individual purpose grows that position or condition known in various groups or countries as nationalism, patriotism, and the ability to rule—or force his concept upon others.

These are conditions which exist in man's experience today.

Then look, for the moment, upon those standards that have been proclaimed in the varied lands.

To us here, as individuals, we have accepted, we do accept those tenets of the Nazarene, Jesus of Nazareth, whose whole gospel was combined in that message, "Ye shall love the Lord thy God with all thy heart and mind, and thy neighbor as thyself." And then, as to make this become a more practical

trong các sinh hoạt của các dân tộc trên địa cầu kể từ khi có ghi chép về việc làm của con người. Cũng có lẽ tốt khi nhìn vào những lời hứa, cũng như những cảnh báo đã là ghi chép của các dân tộc trong nỗ lực trình bày một khuôn mẫu đời sống đạo đức, tôn giáo và thế tục của các cộng đồng khác nhau.

Để những điều này trở nên minh họa trong tâm trí các cá nhân, chúng phải được quy chiếu về mức độ đạt được của cá nhân hay sự áp dụng cá nhân đối với những điều từng là và vẫn đang là các yếu tố chi phối.

Con người thấy mình được phú bẩm thân, trí và linh hồn; và mỗi phương diện của tâm thức y đều đi tìm sự thỏa mãn hay làm vừa lòng những khao khát của các phương diện ấy trong bản tính y.

Do vậy, chúng ta thấy có ba mục đích ước muốn trong kinh nghiệm của con người, hay ba định luật tự nhiên liên quan đến sự tồn tại vật chất của y: sinh tồn của giống loài, hay sự bảo tồn sự sống; biểu đạt quan niệm riêng của mình về sự sống; và (thứ ba) được lắng nghe, được để ý trong hoạt động của mình.

Từ mục đích cá nhân này nảy sinh vị thế hay điều kiện được gọi trong các nhóm hay các quốc gia khác nhau là chủ nghĩa quốc gia, lòng yêu nước, và khả năng cai quản—hoặc áp đặt quan niệm của mình lên người khác.

Đây là những điều kiện đang hiện hữu trong kinh nghiệm của con người ngày nay.

Vậy, hãy nhìn trong chốc lát vào những chuẩn mực đã được công bố ở các miền đất khác nhau.

Đối với chúng ta ở đây, với tư cách cá nhân, chúng ta đã chấp nhận, chúng ta chấp nhận các giáo điều của Đấng Nazarene, Đức Jesus ở Nazareth, người mà toàn bộ phúc âm của Ngài được kết tinh trong sứ điệp: "Người phải yêu mến Chúa là Thượng đế của người hết lòng và trí, và thương người lân cận như

experience in the lives of individuals, He gave “A new commandment I give unto you, that ye love one another.”

That we as individuals may make compatible, then, those relationships of Creative Forces or God upon the one hand, and the nature of man in materiality upon the other hand, is the need of *this* day, this age. For He *will* indeed come again—and woe be unto him who is found wanting!

In the experiences of the earth, of the nations, since those periods of the war to outlaw war, there has grown more and more the desire and the purposes for *peace*. Not as a peace at any cost, or any price, but a peace that is compatible with man’s nature, man’s purposes, when that purpose, that aim, that desire is made compatible with the spiritual law as given by that Teacher.

When this is compared with all the varied experiences of groups, of nations that have had, that *do* have a following of some other teacher, we have found, we will find that the *basic* principles “Ye shall love the Lord” are at the core, the heart of every one. The manner of its application to the fellow man has been and is that variation, that has made for the application of man’s desire in the relations to the other two phases of man’s consciousness.

But since those periods when man has been made to *think—think*—not only of the sources of man’s spiritual but his mental and material desires—more and more has gone up the prayer from individuals, groups—yea, whole nations have joined almost as one; and more and more of the secular things are being put aside.

chính mình.” Và rồi, để điều này trở nên kinh nghiệm thực tiễn hơn trong đời sống từng cá nhân, Ngài đã ban “Một điều răn mới Ta ban cho các ngươi, ấy là các ngươi hãy yêu thương nhau.”

Rằng để chúng ta—như các cá nhân—có thể làm cho tương hợp các mối liên hệ giữa các Lực Sáng Tạo hay Thượng đế một bên, và bản tính của con người trong vật chất bên kia, đó là nhu cầu của *ngày nay*, của thời đại này. Vì Ngài *ắt* sẽ trở lại—và khốn thay cho ai bị thấy là thiếu sót!

Trong kinh nghiệm của địa cầu, của các dân tộc, kể từ những giai kỳ của cuộc chiến nhằm đặt chiến tranh ra ngoài vòng pháp luật, đã ngày càng lớn dậy ước muốn và mục tiêu về *hòa bình*. Không phải là hòa bình bằng bất cứ giá nào, hay bất cứ cái giá nào, mà là một hòa bình tương hợp với bản tính con người, mục đích con người, khi mục đích, chí hướng, ước muốn ấy được làm cho tương hợp với luật tinh thần như Vị Thầy đã ban.

Khi điều này được so sánh với tất cả những kinh nghiệm muôn màu muôn vẻ của các nhóm, các quốc gia đã có, đang có những người theo một vị thầy khác, chúng ta đã thấy, chúng ta sẽ thấy rằng những nguyên lý *căn bản* “Người phải yêu mến Chúa” đều nằm ở cốt lõi, trái tim của mọi truyền dạy. Cái khác biệt là ở phương cách áp dụng đối với đồng loại, vốn đã và đang là biến thức khiến con người áp đặt ước muốn của mình trong mối liên hệ với hai phương diện còn lại của tâm thức con người.

Nhưng kể từ những kỳ hạn khi con người được khiến phải *suy — suy* —không chỉ về nguồn cội tâm linh của con người mà còn về các ước muốn trí tuệ và vật chất của y—ngày càng nhiều lời cầu nguyện đã dâng lên từ các cá nhân, các nhóm—vâng, cả những quốc gia trọn vẹn đã gần như hợp thành một; và ngày càng nhiều điều thế tục đang được gác sang một bên.

Hence we find at this present time, *now*, the conditions or the circumstances throughout the nations of the world, or in the earth, are a challenge to every thinking person; that ye are not alone to pray for peace but are to *pursue* peace—by *living* the second phase of the divine injunction, “thy neighbor as thyself.”

Then, today, we are to answer within our individual consciousness, “Am I my brother’s keeper?” Not “What does the world owe me?” but “What contribution can I, as an individual soul seeking God, seeking to know His face, make that may hasten the day of the Lord?”

For we as individuals, as we look about us, realize more and more that indeed we are live and move and have our being in Him—and we are becoming mindful also OF “from whence we came.” And we realize that as He has given, “If ye will be my people, I will be thy God” applies to me, to you, to each soul that has been blessed with the consciousness, the awareness of life.

For Life itself in all its forms and phases is indeed a manifestation of that we worship as God.

We realize that selfishness, jealousies, those things that make people afraid must gradually be put away.

First, then, as an individual, self must be conquered. Rather than raising thy voice, then, that *ye* may be heard, raise thy voice that *He*, thy God, may be heard!

Who, then, is thy God? Is it thyself, thy body, thy ego? Rather look, then, to Him who is able to keep you from falling, but is able to keep you in strength of His might by thy desire, by purpose, thy aims being “Others,

Do đó, chúng ta thấy ở thời khắc hiện tại, *lúc này*, các điều kiện hay hoàn cảnh khắp các quốc gia trên thế giới, hay trên địa cầu, là một thách thức cho mọi người biết suy nghĩ; rằng các người không chỉ một mình cầu nguyện cho hòa bình mà còn phải *theo đuổi* hòa bình—bằng cách *sống* theo phần thứ hai của huấn lệnh thiêng liêng, “người lân cận như chính mình.”

Vậy, hôm nay, chúng ta phải trả lời trong tâm thức cá nhân mình rằng, “Ta có phải là người gìn giữ cho anh em ta không?” Không phải “Thế giới mắc nợ ta điều gì?” mà là “Ta, như một linh hồn đang tìm kiếm Thượng đế, tìm biết Tôn Nhan Ngài, có thể đóng góp gì để làm mau đến Ngày của Chúa?”

Vì chúng ta—như các cá nhân—khi nhìn quanh mình, càng ngày càng nhận ra rằng quả thật chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu trong Ngài—và chúng ta cũng đang trở nên lưu tâm đến cả “chúng ta đến từ đâu.” Và chúng ta nhận ra rằng như Ngài đã phán, “Nếu các người sẽ là dân Ta, Ta sẽ là Thần của người” áp dụng cho ta, cho người, cho mỗi linh hồn đã được phú ban tâm thức, sự tự giác về sự sống.

Vì chính Sự sống, trong mọi hình thức và phương diện, thật là một biểu hiện của Đấng mà chúng ta thờ phượng như là Thượng đế.

Chúng ta nhận ra rằng tính vị kỷ, ganh tị, những điều làm con người sợ hãi phải dần dần được dẹp bỏ.

Trước hết, như một cá nhân, cái ngã phải được chế ngự. Thay vì cất tiếng để *các người* được lắng nghe, hãy cất tiếng để *Ngài*, Thượng đế của người, được lắng nghe!

Vậy thì, *Đấng* nào là Thượng đế của người? Có phải là chính người, thân xác người, cái ngã của người? Đúng hơn, hãy hướng nhìn đến Ngài, Đấng có thể gìn giữ người khỏi sa ngã, và có thể giữ người trong sức mạnh của

Lord! Others!"

Quyền năng Ngài nhờ ước muốn, mục đích, và chí hướng của người là "Những người khác, Lạy Chúa! Những người khác!"

We are through for the present.

Hiện thời chúng ta tạm kết thúc.

[Background: Continuation of World Affairs reading given in preparation for the annual Congress meeting of members of Edgar Cayce's A.R.E. The topic was a discussion of "the conditions which exist in each of the principal countries."]

[Bối cảnh: Tiếp nối Buổi đọc Thời sự Thế giới được đưa ra để chuẩn bị cho buổi họp Đại hội thường niên của các thành viên A.R.E. của Edgar Cayce. Chủ đề là thảo luận về "những điều kiện hiện hữu ở từng quốc gia chủ yếu."]

Reading 3976-23; June 13, 1939

Buổi đọc 3976-23; 13 tháng 6, 1939

You will continue the discourse begun this morning on World Affairs which Edgar Cayce will present at the opening meeting of the Eighth Annual Congress of the Association for Research and Enlightenment, Inc. Please comment fully on the conditions which exist in each of the principal countries.

Ông sẽ tiếp tục diễn từ đã bắt đầu sáng nay về Thời sự Thế giới mà Edgar Cayce sẽ trình bày tại buổi khai mạc Đại hội thường niên lần thứ Tám của Hiệp hội Nghiên cứu và Khai Sáng, Inc. Xin bình luận đầy đủ về những điều kiện đang hiện hữu ở từng quốc gia chủ yếu.

EC: Many will ask, "What has the foregoing to do with conditions which exist in the various countries? What has it to do with those countries that are called democracies; or Fascism, Communism, or any of the totalitarian countries?"

EC: Nhiều người sẽ hỏi, "Những điều vừa nêu có liên quan gì đến các điều kiện đang hiện hữu ở các quốc gia khác nhau? Nó có liên quan gì đến những nước gọi là dân chủ; hay Phát xít, Cộng sản, hoặc bất kỳ nước toàn trị nào?"

As everyone should see from that which has been indicated, it is that there must be first the individual conviction of the need to trust God for the needs of His people at all times and under every circumstance, whether this is under democracy or any other form of government.

Như mọi người đều nên thấy từ những điều đã chỉ ra, đó là trước hết phải có xác tín cá nhân về nhu cầu phó thác vào Thượng đế cho các nhu cầu của Dân Ngài trong mọi thời và dưới mọi hoàn cảnh, dù đó là dưới dân chủ hay bất cứ hình thức cai trị nào.

The disturbance has ever been, since the first disagreement as to what sacrifice and as to the character of sacrifice was to be offered, that someone is to set a rule by which all others are to be judged, or to which all are to conform—when the *rule* is—and should ever be—that as was proclaimed from the beginning, "Know, O Israel, the Lord thy God

Sự rối loạn vẫn luôn hiện diện, kể từ cuộc bất đồng đầu tiên về việc hy sinh, về bản chất của của lễ hy sinh cần dâng, rằng ai đó sẽ đặt ra một quy chuẩn để tất cả những người khác bị phán xét theo đó, hay để tất cả đều phải khuôn theo—trong khi *quy luật* là—và nên luôn là—điều đã được công bố từ ban đầu, "Hỡi Israel, hãy biết, Chúa là Thượng đế của

is one!”

And while each soul seeks to manifest in a material world, the purpose, the idea—yea, the ideal is that all are to work in unison for the good of all.

What, think ye, has caused or did cause that meeting of the democratic countries, or the democracies and the totalitarian states? Was it because of the wisdom of the men that met, or that either of the four there had their own way? Rather was it not the prayers of the mothers and the fathers of each nation represented there, that there might not be that destruction of human life which would be the natural outcome of open conflict? [Versailles Treaty?, Munich Agreement?]

It is, then, still the challenge to each country, to each nation—that while there is, to be sure, the natural instinct or purpose of self-preservation, it is to be less and less of self and more and more for that which was from the beginning.

Then, there needs be that not so much be set as to this ritual, or this form, or the other, for any given peoples or any nation, but rather that the individuals in each nation, *everywhere*, are to turn again to the God of the fathers and not in self-indulgence, self-aggrandizement, but more and more of self-effacement.

For as the people of each nation pray, *and* then live that prayer, so must the Spirit work.

Then—each of you here—*give God a chance* to show what great blessings He will give to those who love Him. This does not mean that ye, or *anyone*, would condone persecutions anywhere or in any form. For, know ye, His laws fail not—“As ye sow, so shall ye reap.”

người là *Duy Nhất!*”

Và trong khi mỗi linh hồn tìm cách biểu hiện trong một thế giới vật chất, mục đích, ý tưởng—vâng, lý tưởng—là tất cả phải cùng làm việc trong hợp nhất vì thiện ích chung.

Theo các người nghĩ, điều gì đã gây ra hay từng gây ra cuộc hội họp của các nước dân chủ, hay các nền dân chủ và các nhà nước toàn trị? Có phải vì trí tuệ của những người đã gặp gỡ, hay vì một trong bốn bên ở đó đã đạt được ý riêng? Đúng hơn, chẳng phải đó là lời cầu nguyện của những người mẹ và người cha ở mỗi quốc gia được đại diện ở đó, rằng đừng có sự hủy diệt mạng sống con người vốn là hệ quả tự nhiên của xung đột công khai đó sao? [Hiệp ước Versailles?, Hiệp định Munich?]

Vậy thì, đây vẫn là thách thức đối với mỗi nước, mỗi quốc gia—rằng trong khi hẳn nhiên có bản năng hay mục đích tự nhiên là tự bảo tồn, thì nó phải ngày càng ít cái tôi đi, và ngày càng nhiều hơn cho điều vốn có từ ban đầu.

Vậy, không cần đặt nặng nghi thức này, hình thức kia, hay điều nọ cho bất kỳ dân tộc hay quốc gia nào, mà là để các cá nhân trong mỗi quốc gia, *khắp nơi*, quay trở lại với Thượng đế của các tổ phụ—không phải trong thói tự phóng túng, tự tôn vinh, mà là ngày càng nhiều hơn trong sự tự xóa mình.

Vì khi dân của mỗi quốc gia cầu nguyện, và rồi sống theo lời cầu nguyện ấy, thì Thần Linh tất phải hành động.

Vậy—mỗi người trong các người ở đây—*hãy cho Thượng đế một cơ hội* để bày tỏ những phước lành lớn lao Ngài sẽ ban cho những ai yêu mến Ngài. Điều này không có nghĩa là các người, hay *bất kỳ ai*, sẽ dung túng bách hại ở bất cứ đâu hay dưới bất cứ hình thức nào. Vì, hãy biết, các định luật của Ngài không hề sai chạy—“Gieo gì, gặt nấy.”

Man can only begin, then, within himself. And as he applies that he knows, that he understands of God, in his daily life, so may there be given him the next step to make.

Then ye ask, “What is to be the outcome of England and France in their efforts to join hands with Russia as an encirclement of the totalitarian regime?” These, so long as they are in keeping with God’s purposes with man, will succeed. When they become active for self-preservation without the thought or purpose of their fellow man, they must fail.

So it is with the endeavors of Germany, Italy, Japan. As they attempt to preserve their own personalities, their own selves, without thought of their fellow man, they may succeed for the moment, but “God is not mocked,” and whatsoever a man, a country, a nation sows, that it must reap.

“What then,” ye ask, “is to be the outcome? What is there that I can do about it?”

Let thy daily life be free from criticism, from condemnation, from hate, from jealousy. And as ye give power to the Spirit of Peace, so may the *Prince of Peace*, the love of God, manifest.

So long as ye turn thy thoughts to the manners and means for meeting and overcoming those destructive forces, ye show forth that which may bring to the world that day of the Lord. For the promise is that in the latter days there shall be the purposes in the *hearts* of men, everywhere!

There *is* in every land today—through the prayers that have gone up for the last two years—a more seeking for that at-onement with Creative Forces, a more seeking for the knowledge and the purposes of God, than there has been for ages.

Vậy thì, con người chỉ có thể bắt đầu ở trong chính mình. Và khi y áp dụng điều y biết, điều y hiểu về Thượng đế, trong đời sống hằng ngày, thì y sẽ được ban cho bước kế tiếp để thực hiện.

Rồi các người hỏi, “Sẽ ra sao với Anh và Pháp trong nỗ lực nắm tay Nga để bao vây chế độ toàn trị?” Những điều này, bao lâu còn phù hợp với mục đích của Thượng đế dành cho con người, sẽ thành công. Khi chúng trở thành hành động vì tự bảo tồn mà chẳng nghĩ hay nhắm đến đồng loại, chúng ắt thất bại.

Đối với các nỗ lực của Đức, Ý, Nhật cũng vậy. Khi họ tìm bảo tồn bản ngã, chính mình, mà chẳng nghĩ đến đồng loại, họ có thể thành công nhất thời, nhưng “Thượng đế không bị nhạo báng,” và điều gì một người, một đất nước, một quốc gia gieo, thì nó phải gặt.

“Vậy thì,” các người hỏi, “kết cục sẽ như thế nào? Ta có thể làm gì về điều ấy?”

Hãy để đời sống hằng ngày của người không có chỉ trích, không kết án, không hận thù, không ghen tị. Và khi các người trao quyền cho Thần Linh của Hòa Bình, thì *Vị Vương Tử Hòa Bình*, Tình yêu của Thượng đế, sẽ hiển lộ.

Bao lâu các người hướng tâm tưởng đến các cách thức và phương tiện để đối phó và vượt qua các lực phá hoại ấy, thì bấy lâu các người phô bày điều có thể đem đến cho thế giới Ngày của Chúa. Vì đã hứa rằng trong những ngày sau rốt sẽ có những mục đích ở trong lòng người, khắp nơi!

Hôm nay ở mọi miền đều có—qua những lời cầu nguyện đã dâng lên trong hai năm vừa qua—một sự tìm kiếm nhiều hơn cho sự hợp nhất với các Lực Sáng Tạo, một sự tìm kiếm nhiều hơn cho tri thức và mục đích của Thượng đế, hơn bất cứ thời đại nào đã có từ lâu lắm.

Then, rest not on those things that become as quicksand about thee, but on the true, the tried arm of God. For the earth is His, and the fulness thereof.

To each of you, then: Give God a *chance*! Know that no man is in authority or in power in the earth today save as has been granted of God, the He, the Father, may be better known. Man sees only for the moment. When man has purposed in his heart, God hath seen the end thereof.

And what is the will of the Father? That no soul should perish! And *all* will be, all *are*, tried so as by fire.

The fires of nature are what? Self-indulgence, self-glorification.

Then, turn ye—every one—to the Law of Love, and love thy neighbor as thyself.

We are through for the present.

[Background: World Affairs reading given during the annual Congress meeting of members of Edgar Cayce's A.R.E. The topic was a discussion on "the major problems which confront the American people."]

Reading 3976-24; June 16, 1939

GC: You will have before you the mass thought of the American nation, its ideals, principles and purposes. You will give at this time a discourse on the major problems which confront the American people, indicating their basic causes and suggesting what attitudes we may hold and procedures we may take individually and collectively to help correct and balance these conditions. You will answer the questions, as I ask them:

Vậy, đừng đặt nền trên những điều trở thành như cát lún quanh người, mà trên cánh tay chân thật, đã từng được thử thách của Thượng đế. Vì địa cầu là của Ngài, và sự sung mãn trong đó thuộc về Ngài.

Với mỗi người trong các người, vậy: Hãy cho Thượng đế một *cơ hội*! Hãy biết rằng hôm nay không ai nắm quyền hay có quyền thế trên địa cầu nếu không do Thượng đế ban, để Ngài, Đấng Cha, được nhận biết rõ hơn. Con người chỉ nhìn thấy nhất thời. Khi con người đã định trong lòng, Thượng đế đã thấy sự cuối cùng của điều ấy.

Và ý muốn của Cha là gì? Rằng không linh hồn nào phải diệt vong! Và *mọi* người sẽ, *đều* đang, được thử luyện như bởi lửa.

Những ngọn lửa của tự nhiên là gì? Sự tự phóng túng, tự tôn vinh.

Vậy thì, các người—mọi người—hãy quay về Luật của Tình yêu, và yêu người lân cận như chính mình.

Hiện thời chúng ta tạm kết thúc.

[Bối cảnh: Buổi đọc Thời sự Thế giới được đưa ra trong kỳ Đại hội thường niên của các thành viên A.R.E. của Edgar Cayce. Chủ đề là thảo luận về "các vấn đề lớn đối đầu với người dân Mỹ."]

Buổi đọc 3976-24; 16 tháng 6, 1939

GC: Trước ông sẽ là tư tưởng đại chúng của dân tộc Mỹ, các lý tưởng, nguyên tắc và mục đích của họ. Lần này ông sẽ trình bày một diễn từ về các vấn đề lớn đối đầu với người dân Mỹ, chỉ rõ các nguyên nhân căn bản và gợi ý những thái độ chúng ta có thể giữ và những biện pháp chúng ta có thể thực hiện với tư cách cá nhân và tập thể để giúp sửa chữa và cân bằng những điều kiện này. Ông sẽ trả lời các câu hỏi, khi tôi nêu:

EC: Yes, we have those suggestions here as to problems which confront American people today, and what individuals or groups may do as respecting same.

The ideals, the purposes that called the nation into being are well. It might be answered by saying that there needs to be on the part of each man, each woman, the adhering to those principles that caused the formulating of the American thought.

Yet in the present there are seen many complex problems, many conditions that are at variance to the first cause or first principles; not only among groups and individuals in high places, both from the political and the economic situations, but the problems of labor-capital as well. All of these are problems in America today, as well as that of religious thought, religious principles, racial concern—which are mass as well as individual and group thought.

And these as they are stressed become more and more of a problem. For with the very thought upon those things that are at variance to the principles of right, justice, mercy, peace, the right to worship according to the dictates of the conscience, as thought is given we find that power to the thought is created by the very mass of the thought itself, as well as conditions that become individual problems in the lives of the peoples of America.

These are the problems not only as to who would be in power here or there, as to who would administer in this or that office, but the matter of the privilege to meet or worship according to those principles that have been set forth or proclaimed that are made so much a laughingstock by so many in the present, owing to the situations that arise.

Yet, as we find, if there is the turning of every man and woman to the thought of God, then

EC: Vâng, chúng ta có những gợi ý ở đây về các vấn đề đang đối đầu với người dân Mỹ hôm nay, và những gì cá nhân hay các nhóm có thể làm liên quan đến các điều ấy.

Các lý tưởng, mục đích đã gọi quốc gia này vào hiện hữu là tốt đẹp. Có thể trả lời rằng cần có—về phía mỗi người nam, mỗi người nữ—sự bám giữ các nguyên tắc đã tạo nên hình thành của tư tưởng Mỹ.

Tuy nhiên trong hiện tại có thể thấy nhiều vấn đề phức tạp, nhiều điều kiện trái ngược với nguyên nhân đầu tiên hay các nguyên tắc ban đầu; không chỉ giữa các nhóm và các cá nhân ở địa vị cao, cả từ các tình thế chính trị và kinh tế, mà còn cả các vấn đề lao động—tư bản. Tất cả những điều này là các vấn đề ở Mỹ hôm nay, cũng như vấn đề tư tưởng tôn giáo, các nguyên tắc tôn giáo, mối quan tâm về chủng tộc—vốn là tư tưởng tập thể cũng như của từng cá nhân và nhóm.

Và những điều này, khi được nhấn mạnh, càng ngày càng trở thành vấn đề. Vì chỉ với tư tưởng đặt trên những điều trái với các nguyên tắc của điều đúng, công chính, xót thương, hòa bình, quyền thờ phượng theo tiếng gọi của lương tâm, khi tư tưởng được trao cho, chúng ta thấy quyền năng cho tư tưởng được tạo ra bởi chính khối lượng tư tưởng ấy, cũng như các điều kiện trở thành vấn đề cá nhân trong đời sống người dân Mỹ.

Đây là các vấn đề không chỉ về việc ai sẽ nắm quyền ở đây hay kia, ai sẽ điều hành tại chức vụ này hay nọ, mà còn là vấn đề của đặc quyền hợp mặt hay thờ phượng theo các nguyên tắc đã được công bố hay tuyên xưng—những điều đang bị quá nhiều người đùa cợt trong hiện tại, do các tình thế phát sinh.

Tuy vậy, như chúng ta thấy, nếu mỗi người nam và nữ quay về tư tưởng hướng Thượng

we may solve every problem. For it is not by mere thought, not by any activity other than the moving force within each entity, each body; and when more of patience, more tolerance, more thought of others is advanced and kept in the heart of the individual, this lends that power, that influence, that force for good.

Ye are to have turmoils—ye are to have strifes between capital and labor. Ye are to have a division in thine own land before there is the second of the Presidents that next will not live through his office—a mob rule! [Prediction of Roosevelt, Kennedy and race riots?]

To meet same? Only that each soul turns not to self alone and cry for strength, but that each soul *lives* in such a manner that there may be the awakening to the needs, the purposes, the causes for the nation coming into existence!

That such is, and to be, a part of the experience of America is because of unbelief!

Ready for questions.

(Q) *As has been indicated through these channels, money is the root cause of the general economic unbalance of our country. Will you give specifically the reasons for this statement and the approach that can be made toward correction of the money order as operated today.*

(A) Fear on the part of those who control or direct the investing of capital into channels that give the greater outlet of their characters of outlet. As to how this may be corrected—it is only through patience, persistence, and a *return* to the trust in God, and *not* in the power or the might of self. For those who are hungry care not as to the source of strength or power, until there is the fulfilling of that desired. Unless there is, then, a more universal oneness of purpose

để, thì chúng ta có thể giải quyết mọi vấn đề. Vì không phải chỉ bởi ý nghĩ, không phải bởi bất kỳ hoạt động nào khác hơn động lực chuyển động ở trong mỗi thực thể, mỗi thân thể; và khi nhiều nhẫn nại hơn, bao dung hơn, nghĩ đến người khác hơn được nâng lên và giữ trong lòng từng cá nhân, điều này trao quyền, ảnh hưởng, sức mạnh cho điều thiện.

Các người sẽ có xáo trộn—các người sẽ có tranh chấp giữa tư bản và lao động. Các người sẽ có sự chia rẽ ngay trong xứ sở mình trước khi có vị Tổng thống thứ hai kế tiếp không sống sót qua nhiệm kỳ của mình—một nền cai trị của đám đông! [Tiên đoán về Roosevelt, Kennedy và bạo loạn sắc tộc?]

Để đối phó điều ấy? Chỉ bằng cách mỗi linh hồn đừng quay về chỉ với bản thân mà kêu sức, nhưng mỗi linh hồn *sống* theo cách có thể đánh thức dậy các nhu cầu, các mục đích, các nguyên do khiến quốc gia này đi vào hiện hữu!

Rằng điều như thế đã là, và sẽ là, một phần trong kinh nghiệm của nước Mỹ là do sự không tin!

Sẵn sàng cho câu hỏi.

(Q) *Như đã được chỉ ra qua những kênh này, tiền là nguyên do gốc rễ của sự mất cân bằng kinh tế tổng quát của đất nước chúng ta. Xin ông nêu cụ thể các lý do cho phát biểu này và cách tiếp cận có thể thực hiện để chỉnh đốn trật tự tiền tệ như nó đang vận hành hôm nay.*

(A) Nỗi sợ hãi nơi những người kiểm soát hay điều hướng việc đầu tư vốn vào những kênh cho phép phóng xuất lớn hơn các đặc tính biểu lộ của họ. Về cách có thể sửa chữa điều này—chỉ bằng sự nhẫn nại, bền chí, và một *trở lại* với niềm tin thác nơi Thượng đế, chứ *không* phải nơi quyền lực hay sức mạnh của bản ngã. Vì những kẻ đói chẳng bận tâm về nguồn của sức mạnh hay quyền năng, cho đến khi điều họ mong muốn được thỏa. Trừ phi có một sự hợp nhất mục đích mang tính

on the part of all, this will one day bring—here—in America—revolution!

(Q) *Is there today in operation an outer organization representative of the anti-Christ forces, which has power to subvert governments as well as institutions? If so, will you explain and give directions for counteracting these forces?*

(A) As has been given, there is the need more for the world thought, for every soul turning to the power within, and giving God a chance with their lives, their purposes, their desires one with His! And there is that power that is only in the influence for destruction as man himself gives it power. But just as has been given of old, *one* with the strength, the power of the Lord, may put the thousands to flight. Then, it behooves *each* soul—here, everywhere—to seek more and more for the strength, the direction, the might of that promised in, “If ye will call, I will hear.”

(Q) *What should be the attitude of this country toward the refugee problem as it relates specifically to the Jewish people. Please explain their problems?*

(A) These are like every other individual. Their problems, so long as *all* are considered, are one. If they themselves become secular, or become tyrannical in their nature, then this—too—will become a problem in America. The attitude towards the refugees—they that entertain those who are without home, or hungry, many entertain the Lord Himself. For, “As ye do it unto the least, ye do it unto thy Maker.” That should be the attitude, ever. But *live*, each soul, in *such* a manner as to implant not the bigness of the individual but the love of God made manifest among men! These are problems not only, then, of the Jewish peoples but of those of every cult, of every ism or cism. For, remember the first principle—*all* are equal

phổ quát hơn từ phía mọi người, nếu không, thì rồi một ngày nào đó—ngay đây—ở nước Mỹ—sẽ có cách mạng!

(Q) *Hiện nay có một tổ chức bên ngoài đại diện cho các lực lượng phản Đức Christ đang hoạt động, có quyền lực lật đổ các chính phủ cũng như các định chế không? Nếu có, xin giải thích và chỉ dẫn cách hoá giải các lực lượng này?*

(A) Như đã được nói, cần hơn hết là cho tư tưởng của thế giới, để mọi linh hồn quay về quyền năng bên trong, và trao cho Thượng đế cơ hội với đời sống, mục đích, ước muốn của họ hiệp nhất với Ý của Ngài! Và có quyền lực ấy, vốn chỉ có ảnh hưởng phá hoại chừng nào con người tự trao cho nó quyền lực. Nhưng cũng như xưa đã nói, *một* người với sức mạnh, quyền năng của Chúa, có thể khiến hàng ngàn phải tan chạy. Vậy thì, *mỗi* linh hồn—ở đây, ở khắp nơi—nên tìm kiếm ngày càng nhiều sức mạnh, sự dẫn dắt, quyền năng của điều đã hứa: “Nếu các ngươi kêu cầu, Ta sẽ nghe.”

(Q) *Đất nước này nên có thái độ gì đối với vấn đề người tị nạn khi nó liên hệ đặc biệt đến người Do Thái. Xin giải thích vấn đề của họ?*

(A) Họ cũng như mọi cá nhân khác. *Vấn đề của họ*, bao lâu mọi người còn được xét đến, thì là một. Nếu chính họ trở nên thế tục, hoặc trở nên bạo quyền trong bản tính, thì điều này—cũng—sẽ trở thành một vấn đề ở nước Mỹ. Thái độ đối với người tị nạn—ai tiếp đãi những kẻ không nhà, hay đói khát, thì nhiều khi đã tiếp chính Chúa. Vì, “Hãy các ngươi làm điều đó cho người nhỏ bé nhất, là các ngươi làm điều đó cho Đấng Tạo Hoá của mình.” Đó phải là thái độ, luôn luôn. Nhưng hãy sống, mỗi linh hồn, theo *cách* gieo vào không phải cái lớn lao của cá nhân mà là tình thương của Thượng đế được biểu lộ giữa loài người! Vậy, đây không chỉ là vấn đề của người Do Thái mà còn của mọi giáo phái, mọi chủ nghĩa hay phân phái. Vì, nhớ nguyên tắc đầu tiên—*mọi*

before God!

(Q) *Whereas the late Rudolf Steiner announced a threefold social order which he said it was the will of the spirit of the age to bring about, and whereas he stated that this social order would come through the free will of human beings as a result of social cataclysms—is it within the bounds of possibility that the threefold social order of Rudolf Steiner can be brought about in this country?*

(A) To bring the threefold activity of any individual other than God's will produces a *problem*—whether Rudolf Steiner or whatever name! For there's only one Name given whereby man shall be directed. These are the characters of activities of social order, of social justice—yes. But they shall be ever *not* as of any individual, but as just indicated—that all are free, all are equal before God. The social order, the religious order, the economic order must all be for *one* God! For, know that the Lord thy God is *one*!

(Q) *Would it be good to work with this end in view? If so, what course should be pursued to bring this about?*

(A) As an individual, study to show thyself approved unto God, a workman not ashamed, rightly dividing the words of truth, keeping self unspotted from censure of the world. This done, with the principles, the rules—but in the *Name* of the Father-God!

(Q) *Are capital and labor fulfilling their responsibility toward each other? Where does the basic fault lie and what attitude should we take in correcting this condition?*

(A) Who is to judge one against another? As has been indicated, so long as there are disputes among labor, capital need not fear. When labor becomes a *united* effort, capital

người bình đẳng trước Thượng đế!

(Q) *Trong khi Rudolf Steiner (đã khuất) công bố một trật tự xã hội tam phân, mà Ông nói đó là ý muốn của tinh thần thời đại phải thực hiện, và Ông cũng nói rằng trật tự xã hội này sẽ đến qua ý chí tự do của con người như kết quả của các biến cố xã hội—thì trong phạm vi khả thể, trật tự xã hội tam phân của Rudolf Steiner có thể được thực hiện ở đất nước này không?*

(A) Đem hoạt động tam phân của bất kỳ cá nhân nào mà khác với Ý của Thượng đế sẽ sinh ra một *vấn đề*—dù đó là Rudolf Steiner hay bất kỳ danh nào! Vì chỉ có một Danh được ban để con người được dẫn dắt. Đúng, đây là các đặc tính của những hoạt động thuộc trật tự xã hội, công lý xã hội. Nhưng chúng sẽ luôn *không* là của bất kỳ cá nhân nào, mà như vừa nêu—rằng mọi người đều tự do, mọi người bình đẳng trước Thượng đế. Trật tự xã hội, trật tự tôn giáo, trật tự kinh tế, tất cả phải vì *một* Thượng đế! Vì, biết rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người là *một*!

(Q) *Làm việc hướng tới mục tiêu đó có tốt không? Nếu có, cần theo đường lối nào để đưa việc ấy thành hiện thực?*

(A) Với tư cách cá nhân, hãy học để tỏ mình được chấp nhận trước Thượng đế, như người làm việc không hổ thẹn, phân giải ngay thẳng lời chân lý, giữ cho chính mình không vương ô uế bởi lời chê trách của thế gian. Làm điều này, với các nguyên tắc, các quy luật—nhưng trong *Danh* của Đức Cha-Thượng đế!

(Q) *Tư bản và lao động có đang làm tròn trách nhiệm với nhau không? Lỗi căn bản nằm ở đâu và chúng ta nên có thái độ nào để sửa chữa tình trạng này?*

(A) Ai sẽ xét đoán người này chống người kia? Như đã chỉ ra, chừng nào còn có bất hòa trong giới lao động, tư bản không cần sợ. Khi lao động trở thành một nỗ lực *hợp nhất*, tư

may fear. As to the fault, and the attitude—in that same principle that he that labors may eat, he that labors not may not eat. These are principles; and, to be sure, capital labors as well as he that worketh with the hands. But *not* to the detriment of, but to the united effort of all to be a greater channel of service.

(Q) *What should be our attitude toward the Negro, and how may we best work out the karma created in relations with him?*

(A) He is thy brother! They that produced, they that brought servitude without thought or purpose have created that which they must meet within their own principles, their own selves. These should be taken in the attitude of their own individual fitness, as in every other form of associations. For He hath made of one blood the nations of the earth.

(Q) *Is the Fascist movement a danger to this country?*

(A) Any *movement* that is other than that of the brotherhood of man and the Fatherhood of God is dangerous!

(Q) *How can it be combated?*

(A) By that same purpose or principle as has been indicated.

(Q) *Is there a racial or social problem facing America, in the U.S.?*

(A) As indicated, these all depend upon the effort of *individuals* to all live as brothers one with another!

(Q) *How can it be met for the protection of our democracy?*

(A) Raise not democracy nor any other name above the brotherhood of man, the Fatherhood of God!

bản có thể sợ. Về lỗi và thái độ—cũng nằm trong nguyên tắc rằng ai lao động thì được ăn, ai không lao động thì không được ăn. Đó là những nguyên tắc; và, dĩ nhiên, tư bản cũng lao động như người làm việc bằng đôi tay. Nhưng *không* theo cách gây tổn hại cho ai, mà là vào nỗ lực hợp nhất của tất cả để trở thành một kênh phụng sự lớn hơn.

(Q) *Chúng ta nên có thái độ nào đối với người da đen, và làm sao chúng ta có thể tốt nhất hoá giải nghiệp quả đã tạo ra trong mối liên hệ với họ?*

(A) Người ấy là anh em của người! Những kẻ đã tạo ra, đã áp đặt ách nô dịch mà không suy nghĩ hay mục đích, đã tạo nên điều mà chính họ phải đối diện trong các nguyên tắc của mình, trong chính bản thân mình. Những điều này nên được tiếp cận bằng thái độ xét theo sự thích đáng cá nhân, như trong mọi hình thức liên hệ khác. Vì Ngài đã làm cho các dân trên mặt đất bởi một huyết mà ra.

(Q) *Phong trào Phát xít có là mối nguy cho đất nước này không?*

(A) Bất kỳ *phong trào* nào không phải là tình huynh đệ của loài người và Tình Cha của Thượng đế đều nguy hiểm!

(Q) *Làm sao đối trị?*

(A) Bằng chính mục đích hay nguyên tắc như đã nêu.

(Q) *Có vấn đề chủng tộc hay xã hội nào đang đối mặt nước Mỹ, ở Hoa Kỳ không?*

(A) Như đã chỉ ra, tất cả tùy thuộc vào nỗ lực của *các cá nhân* để cùng sống như anh em với nhau!

(Q) *Làm sao đối mặt điều đó để bảo vệ nền dân chủ của chúng ta?*

(A) Đừng nâng dân chủ hay bất kỳ danh xưng nào lên trên tình huynh đệ của loài người, Tình Cha của Thượng đế!

We are through.

[Background: World Affairs reading given during the annual Congress meeting of members of Edgar Cayce's A.R.E. The topic was on trying to understand "what is taking place in the world today and in meeting the conditions which are to come in America."]

Reading 3976-25; June 23, 1940

GC: You will give at this time a discourse on world affairs which will aid those assembled here in understanding what is taking place in the world today and in meeting the conditions which are to come in America.

EC: In the days of old, when there were those developments of man as to his attempts to understand his relationships to the Maker, warnings were given again and again as to what would be the experiences of individuals who professed one thing and lived another, or who attempted to use amiss that which was given them. And these came to pass in the experiences and in the generations of those peoples so directed.

These came about in the manners indicated, though not always at the times or periods as had been *felt* or expected by individuals. For, oft such expressions are found in dealing with such, that "his day and generation has not been completed," yet in a little while there comes the opportunity.

Then there came that period in man's activity in which it was proclaimed, that no longer it would be in this temple or in this mountain that there would go out the message to the people, or to their gatherings here or there, but lo it would be written upon their hearts—so that the old men should dream dreams, the young men should see visions, the maidens should proclaim the acceptable year of the Lord.

Chúng tôi xin dừng.

[Bối cảnh: Buổi đọc Các Vấn Đề Thế Giới được đưa ra trong kỳ Đại hội thường niên của các hội viên A.R.E. của Edgar Cayce. Chủ đề là cố gắng thấu hiểu "điều gì đang diễn ra trong thế giới hôm nay và cách đối diện những điều kiện sẽ đến ở nước Mỹ."]

Buổi đọc 3976-25; 23 tháng 6, 1940

GC: Lúc này, xin hãy ban một bài thuyết giảng về các vấn đề thế giới để giúp những người đang nhóm họp nơi đây hiểu điều đang diễn ra trong thế giới hôm nay và cách đối diện những điều kiện sẽ đến ở nước Mỹ.

EC: Thuở xưa, khi có những khai mở của con người trong nỗ lực hiểu mối liên hệ của mình với Đấng Tạo Hoá, các cảnh báo đã được ban đi hết lần này đến lần khác về những gì sẽ là trải nghiệm của các cá nhân—những người tuy tuyên xưng một điều nhưng sống một điều khác, hoặc những người tìm cách lạm dụng điều đã được ban cho họ. Và các điều ấy đã xảy đến trong kinh nghiệm và trong các thế hệ của những dân tộc được chỉ bảo như thế.

Các điều ấy đã xảy ra theo các cách đã nêu, dù không phải lúc nào cũng đúng vào thời điểm hay giai đoạn như các cá nhân đã *cảm thấy* hay trông đợi. Vì, thường khi người ta nói khi đề cập những điều ấy rằng "ngày và thế hệ của người ấy chưa hoàn tất," nhưng chẳng bao lâu sau cơ hội lại đến.

Rồi đã đến thời kỳ trong hoạt động của con người khi lời được công bố, rằng sẽ không còn ở đền thờ này hay trên núi kia mà sứ điệp sẽ được gửi đến cho dân chúng, hay đến những nhóm họp nơi này nơi nọ, nhưng kìa nó sẽ được viết trên lòng họ—để những người già sẽ mộng寐, những người trẻ sẽ thấy khải tượng, các thiếu nữ sẽ công bố năm hồng ân của Chúa.

And then there came into the experience of the world *He* who was rejected of man.

Only here and there, apparently for the little while, has there been that peace, that harmony which apparently was the promise of those, or to those, who would live or accept that promise as He gave, "I will come and abide with you always."

Why then the turmoil in the world today?

They have forgotten God! Not that it is merely a karmic condition of a nation, of a people; for, know ye not that the prayer of one man saved a city?

Thinkest thou that the arm of God is shorter today than in days of yore?

Then, as to the needs for those things and conditions which are to come to pass in America:

When many of the isles of the sea, many of the lands, have come under the subjugation of those who fear not man nor the devil, but rather would associate with that in which they may proclaim *might* and power as being right in that of the superman, that would be of the generations as would be established—then shall thine own land see the blood flow as in those periods when brother fought against brother.

Then, what may ye do, what may ye think? Upon what may ye call? Only He who is able to keep that ye have committed unto Him against any experience that may arise.

When thou hast gathered thy hoards of the earth together, and have entrusted them to the keeping of those who are wastrels, what has been and is the result in thy own experience? Want and need has come to thy hand!

Và rồi đã đến với kinh nghiệm của thế gian *Ngài*, Đấng bị loài người từ khước.

Chỉ đây đó, dường như chỉ trong một thoáng, mới có được bình an, hoà điệu—điều dường như là lời hứa của những ai, hay cho những ai, sẽ sống hoặc chấp nhận lời hứa như *Ngài* đã ban: "Ta sẽ đến và ở cùng các ngươi luôn."

Vậy, vì sao hôm nay thế giới lại hỗn loạn?

Họ đã quên Thượng đế! Không phải đó chỉ là tình trạng nghiệp quả của một quốc gia, của một dân tộc; vì, lẽ nào các ngươi không biết rằng lời cầu nguyện của một người đã cứu cả một thành?

Ngươi có nghĩ rằng cánh tay của Thượng đế hôm nay ngắn hơn ngày xưa chăng?

Vậy, những điều cần thiết cho những điều và điều kiện sẽ xảy ra ở nước Mỹ là gì:

Khi nhiều hải đảo, nhiều vùng đất đã rơi vào sự khuất phục của những kẻ chẳng sợ người cũng chẳng sợ quỷ, mà đúng hơn là kết bè cùng điều mà họ có thể xưng tụng *uy lực* và quyền năng như là lẽ phải trong lý tưởng siêu nhân, như là thứ sẽ thuộc về các thế hệ sẽ được lập nên—thì rồi chính đất nước các ngươi sẽ thấy máu đổ như trong thời kỳ anh em chém giết lẫn nhau.

Vậy, các ngươi có thể làm gì, có thể nghĩ gì? Các ngươi có thể nương cậy điều gì? Chỉ duy *Ngài*—Đấng có thể gìn giữ điều các ngươi đã phó thác cho *Ngài*—trước mọi trải nghiệm có thể dấy lên.

Khi ngươi đã gom góp của cải thế gian của ngươi và giao phó chúng cho những kẻ phung phí, kết quả trong chính kinh nghiệm của ngươi là gì? Thiếu thốn và nhu cầu đã đến tay ngươi!

Yet when thou hast trusted only in Him, who is the Creator, the Maker of heaven and earth, then there has been peace and harmony, and sufficient unto the day the needs thereof.

Ye only live moment by moment. Then, make that moment—each moment—as one in which ye will give *glory* to *God* by just being *kind*, and patient, and loving to thy fellow man. Thus ye will indeed find that ye will entertain Him, who has promised to be thy Brother, thy helper.

For as He gave, “Put thy burdens on me—*learn of me.*”

Then—as ye, as an American people, stand as a nation that has accepted Christianity, and has even put upon the coin of the realm “In God We Trust,”—ye must not trust in the might of man, nor in political or economic conditions. For these, too, will find their changes; and in high places many will be brought low; and many who are of low estate will be set as a city on a hill—whose light also may be cut off from not being planted in Him who is the *true* light.

Let thy voice be raised, then, as in praise to thy Maker; not in word alone but rather in the manner in which ye meet thy fellow men day by day. For the prayer, and the living of same by those sixty and four who are here gathered, may even save America from being invaded—if that is what ye desire.

For the Lord *can*, the Lord *will*, the Lord *does* preserve those who in *righteousness* ask. “Ask and ye shall receive; knock and it shall be opened unto you.”

And as ye live, so may the Christian light of *love* encompass the earth; not that of hate,

Thế nhưng khi người chỉ tin thác nơi Ngài, Đấng Tạo Hoá, Đấng Dựng nên trời đất, thì đã có bình an và hoà điệu, và đủ cho nhu cầu của ngày đó.

Các người chỉ sống từng khoảnh khắc. Vậy, hãy làm cho khoảnh khắc ấy—mỗi khoảnh khắc—là một khoảnh khắc các người dâng *vinh quang* cho *Thượng đế* bằng cách chỉ đơn giản *nhân hậu*, nhẫn nại và yêu thương đồng loại của mình. Như thế, quả thật các người sẽ thấy rằng các người sẽ tiếp đón Ngài, Đấng đã hứa sẽ là Huynh Trưởng, là trợ thủ của người.

Vì như Ngài phán, “Hãy đặt gánh nặng của người trên Ta—*học* nơi Ta.”

Vậy—vì các người, là một dân tộc Hoa Kỳ, đứng như một quốc gia đã chấp nhận Ki-tô giáo, và đã khắc trên đồng tiền quốc gia rằng “Chúng ta tin cậy nơi Thượng đế,”—các người chớ đặt niềm tin nơi sức mạnh của con người, cũng không nơi các điều kiện chính trị hay kinh tế. Vì những điều đó rồi cũng đổi thay; và ở chốn cao sang nhiều người sẽ bị hạ xuống; và nhiều người ở địa vị thấp hèn sẽ được đặt lên như một thành trên đồi—mà ánh sáng của họ cũng có thể bị tắt nếu không cắm rễ nơi Ngài, Đấng là ánh sáng *chân thật*.

Vậy, hãy cất tiếng của người lên như lời ca ngợi Đấng Tạo Hoá; không chỉ bằng lời mà đúng hơn là bằng cách người đối đãi với tha nhân mỗi ngày. Vì lời cầu nguyện, và đời sống phù hợp với lời ấy của sáu mươi tư người đang nhóm họp nơi đây, thậm chí có thể cứu nước Mỹ khỏi bị xâm lược—nếu đó là điều các người mong muốn.

Vì Chúa *có thể*, Chúa *sẽ*, Chúa *đang* gìn giữ những ai trong *chính trực* mà cầu xin. “Hãy xin thì sẽ được; hãy gõ thì cửa sẽ mở cho.”

Và khi các người sống như thế, ánh sáng Ki-tô của *tình thương* có thể bao trùm địa cầu;

selfishness, money, power, or fame!

Then, all ye who are gathered here—Do not entrust this to someone else, but “I—even I!” Let rather thy cry be: “Lord, here am I! Use me in the way and manner that Thou seest best fit; that we may preserve the faith we have in the Lord, the Savior, Jesus the Christ; that we may still be as one brotherhood; as one knowing Thou art near; as one manifesting Thy power, O God; not of ourselves, but that others may see Thy glory—even the one next to me. Even though he may curse, may swear, may do those things that are unseemly, let thy power be manifested, O God; that Jesus, thy Son, may indeed come into the earth; that all men may know that He is the Lord of my heart, my mind, my body, my home, my country, my state, my nation!”

It must begin, though, with self—lest ye know not the hour nor the day that He has turned His back on thee.

For He will not always bear with those who disregard Him; just as ye have seen those lands, those countries, those peoples give their blood. Let their suffering be not in vain, but glory ye rather in the cross of Christ. Suffer with them by giving of thy means, thy mind, *thyself* as channels to make His message known in the earth!

Ye each seek to know—or many do—as to what will be the outcome of those activities in Europe, in Africa, in Asia.

All will be broken up—yea, all will seem as but naught; yet as they who pray live like they pray, there may come healing as *this* people, this company—yea, this land—gives

chứ không phải thứ của hận thù, ích kỷ, tiền bạc, quyền lực hay danh vọng!

Vậy, tất cả các người đang nhóm họp nơi đây—Đừng phó thác điều này cho người khác, mà là “Con—chính con!” Hãy để tiếng kêu của người là: “Lạy Chúa, con đây! Xin dùng con theo cách và theo đường lối mà Ngài thấy là thích hợp nhất; để chúng con giữ được đức tin mà chúng con đặt nơi Chúa, Đấng Cứu Rỗi, Đức Jesus Đấng Christ; để chúng con vẫn là một huynh đệ; như một người biết Ngài ở gần; như một người biểu lộ quyền năng của Ngài, lạy Thượng đế; không phải của riêng chúng con, nhưng để người khác thấy vinh quang của Ngài—dẫu chỉ là người ở ngay bên con. Dẫu người ấy có nguyên rửa, có thể thoát, có làm những điều không thích đáng, xin quyền năng của Ngài vẫn được biểu lộ, lạy Thượng đế; để Đức Jesus, Con của Ngài, quả thật đến với trần gian; để mọi người đều biết rằng Ngài là Chúa của lòng con, trí con, thân con, nhà con, xứ con, tiểu bang con, quốc gia con!”

Tuy nhiên, điều ấy phải khởi đầu từ chính bản thân—kéo các người không biết giờ hay ngày Ngài đã quay lưng khỏi người.

Vì Ngài sẽ không luôn chịu đựng những ai coi thường Ngài; cũng như các người đã thấy những vùng đất, những quốc gia, những dân tộc kia đổ máu. Xin cho sự đau khổ của họ không trở nên vô ích, nhưng thay vào đó các người hãy tự hào trong thập giá của Đức Christ. Hãy cùng đồng chịu với họ bằng cách dâng hiến của cải, trí tuệ, *chính mình* của người như các kênh để làm cho sứ điệp của Ngài được biết đến trên đất!

Mỗi người trong các người tìm biết—hoặc nhiều người tìm—về kết cục của những biến động ấy ở Âu Châu, Phi Châu, Á Châu sẽ ra sao.

Tất cả sẽ bị tan vỡ—phải, tất cả sẽ dường như hư không; nhưng khi những người cầu nguyện sống như điều họ cầu nguyện, có thể đến sự chữa lành khi *dân tộc này*, nhóm

that hope, increases that faith by their *living*, not hating; by their *loving*, not despising, that which is good.

Let that mind be in you, then, as in Christ Jesus, who thought it not robbery to make Himself equal with God, yet went about—everywhere, day by day—doing good; not “doing others” but doing good to others.

He is the way, the truth, the light. There is no other.

We are through.

[Background: World Affairs reading given in response to a question regarding astrological activity influencing the earth.]

Reading 3976-26; April 28, 1941

GC: In the light of the information given through this channel this morning, April 28, 1941, [for Mrs. [2550]] regarding astrological aspects for the next two weeks, and our desire to use this for the good of all, you will please advise us as to the character of changes to take place and how we may constructively meet them. You will then answer the questions, as I ask them.

EC: Yes, we have the information that has been indicated through these channels regarding astrological influences and their effect upon the future thought of each soul now manifesting in the earth.

As is understood by many, in the earth manifestation and the cycle of time much repeats itself; and those in authority, in high and low places, have the opportunity for individual expression—that wields an influence upon those who are directed in

người này—phải, xứ sở này—ban phát hy vọng, gia tăng đức tin ấy bằng *đời sống* chứ không thù ghét; bằng *tình yêu* chứ không khinh miệt điều thiện.

Hãy để tư tưởng ấy ở trong các người, như ở trong Đức Christ Jesus, Đấng không coi sự làm cho mình ngang hàng với Thượng đế là sự cướp đoạt, song Ngài đã đi khắp nơi—ngày ngày—làm điều lành; không phải “*làm người khác*” mà là làm điều lành cho người khác.

Ngài là đường đi, lẽ thật, ánh sáng. Không có con đường nào khác.

Chúng tôi xin dừng.

[Bối cảnh: Buổi đọc Các Vấn Đề Thế Giới được đưa ra để đáp lại một câu hỏi liên quan đến hoạt động chiêm tinh ảnh hưởng đến địa cầu.]

Buổi đọc 3976-26; 28 tháng 4, 1941

GC: Dưới ánh sáng của thông tin được ban qua kênh này sáng nay, 28 tháng 4, 1941, [cho Bà [2550]] về các phương diện chiêm tinh trong hai tuần tới, và ước muốn của chúng tôi dùng điều này cho lợi ích của mọi người, xin hãy chỉ dẫn cho chúng tôi về tính chất của những thay đổi sẽ diễn ra và cách chúng tôi có thể kiến tạo đối diện chúng một cách xây dựng. Sau đó xin trả lời các câu hỏi khi tôi nêu.

EC: Vâng, chúng tôi có những thông tin đã được nêu qua các kênh này liên quan đến ảnh hưởng chiêm tinh và tác động của chúng lên tư tưởng tương lai của mỗi linh hồn đang biểu lộ trên trần thế.

Như nhiều người hiểu, trong sự biểu lộ ở trần gian và chu kỳ thời gian, nhiều điều lặp lại; và những người nắm quyền, ở chốn cao sang hay thấp hèn, có cơ hội biểu lộ cá nhân—điều sẽ tác động lên những ai bị dẫn hướng về thân xác, tâm trí, tư tưởng hay tinh thần bởi

body, mind or thought or spirit by the activities of those manifesting in the earth.

As to those experiences paralleling the cycle of astrological activity now—beginning on the morrow—there will be the Sun, the Moon, Jupiter, Uranus and Venus all in the one sign.

When last this occurred, as indicated, the earth throughout was in turmoil, in strife.

There are still influences indicated in the lives of groups banded as nations, banded as peoples, still influenced by those happenings.

What then, ye ask, is the influence that makes for this great change that may be expected?

The powers of light and darkness, as then, as sixteen hundred (1600) years before. As in those periods, so today—we find nation against nation; the powers of death, destruction, the wrecking of that which has been and is held near and dear to the hearts of those who have through one form or another set ideals.

These are not to be questioned, in that as may be a helpful force; but what is coming to pass? and how may ye as individuals help?

As indicated in that given, to each it will become a personal thing, a personal condition. Thus it will require—yea, demand—that there be an expression on the part of each as to that given thirty-two hundred (3200) years ago: “Declare ye today *Whom* ye will serve! As for me and my house, we will serve the living God.”

If there is sufficient, then, of those that will

các hoạt động của những người đang biểu lộ trên trần thế.

Về những trải nghiệm song hành với chu kỳ hoạt động chiêm tinh hiện nay—bắt đầu từ ngày mai—sẽ có Mặt Trời, Mặt Trăng, Sao Mộc, Sao Thiên Vương và Sao Kim đều ở cùng một dấu hiệu.

Lần sau cùng điều này xảy ra, như đã nêu, địa cầu khắp nơi ở trong bão tố, trong tranh chấp.

Vẫn còn các ảnh hưởng được chỉ ra trong đời sống của các nhóm liên kết thành quốc gia, liên kết thành dân tộc, vẫn còn bị ảnh hưởng bởi những biến cố ấy.

Vậy, các người hỏi, ảnh hưởng nào tạo nên biến chuyển vĩ đại có thể trông đợi?

Các quyền lực của ánh sáng và bóng tối, như khi đó, như mười sáu trăm (1600) năm trước. Như trong các thời kỳ ấy, thì hôm nay—chúng ta thấy nước đối nghịch nước; quyền lực của chết chóc, tàn phá, hủy hoại những gì vốn đã và đang được gìn giữ như gần gũi và thân thương trong lòng của những người đã, bằng hình thức này hay hình thức khác, đặt ra các lý tưởng.

Những điều này không phải là điều cần nghi vấn, trong chừng mực chúng có thể là một lực hữu ích; nhưng điều gì đang xảy ra? và các người—with tư cách cá nhân—có thể giúp như thế nào?

Như đã chỉ ra trong điều được ban, đối với mỗi người nó sẽ trở thành điều cá nhân, một hoàn cảnh cá nhân. Do đó, sẽ đòi hỏi—phải, yêu cầu—rằng phải có sự biểu lộ từ nơi mỗi người theo điều đã được ban cách đây ba mươi hai trăm (3200) năm: “Hôm nay các người hãy công bố *Đấng* mà các người sẽ phục vụ! Phần ta và nhà ta, chúng ta sẽ phụng sự Thượng đế hằng sống.”

Nếu có đủ số người như thế, vừa công bố điều

not only declare this in mind and in purpose but by deed and word of mouth, there may come then an enlightening through that which has been promised of old; that the young men shall dream dreams, the old men shall have visions, the daughters or maidens may know the spirit of truth—yea, that all may come to the greater knowledge of the indwelling of the Prince of Peace.

Strifes will arise through the period. Watch for them near Davis Strait in the attempts there for the keeping of the life line to a land open. Watch for them in Libya and in Egypt, in Ankara and in Syria, through the straits about those areas above Australia, in the Indian Ocean and the Persian Gulf.

Ye say that these are of the sea; yes—for there shall the breaking up be, until there are those in every land that shall say that this or that shows the hand of divine interference, or that it is nature taking a hand, or that it is the natural consequence of good judgments.

But in all of these, let each declare Whom ye will serve: a nation, a man, a state, or thy God?

For to Him ye must look for comfort that ye know that comes. All that is of a temporal nature, this—too must pass away; yet there remains the comfort for those who declare themselves, “Let others do as they may, but as for me, I will serve the living God.”

In the period, too, there will be the breaking of agreements, the declaring of stands by groups will be known, and bring—to some—consternation.

But *fear not* ye that influence that may destroy the body. Rather give praise and glory to Him who may *save both* body and soul to everlasting joy.

ấy trong tâm trí và trong mục đích, lại vừa bằng việc làm và bằng chính lời nói, thì rồi có thể đến sự khai minh qua điều đã hứa tự thuở xưa; rằng những người trẻ sẽ mộng寐, người già sẽ thấy khả tượng, các con gái hay thiếu nữ có thể biết Thần khí của lẽ thật—vâng, để mọi người có thể đến với hiểu biết lớn lao hơn về sự ngự trị bên trong của Vị Vương của Hòa Bình.

Trong kỳ này sẽ dấy lên những tranh chấp. Hãy nhìn xem chúng gần eo biển Davis trong nỗ lực giữ mở đường sinh mệnh đến một vùng đất. Hãy nhìn xem chúng ở Libya và Ai Cập, ở Ankara và Syria, qua các eo biển quanh những vùng ở phía trên nước Úc, tại Ấn Độ Dương và Vịnh Ba Tư.

Các người nói rằng đó là những việc của biển; đúng—vì chính tại đó sẽ có sự tan vỡ, cho đến khi có những người ở mọi xứ sẽ nói rằng điều này hay điều kia cho thấy bàn tay can thiệp thiêng liêng, hoặc rằng tự nhiên can dự, hoặc rằng đó là hệ quả tự nhiên của những phán đoán đúng đắn.

Nhưng trong tất cả những điều này, hãy để mỗi người công bố Đấng mà các người sẽ phục vụ: một quốc gia, một con người, một tiểu bang, hay Thượng đế của người?

Vì các người phải hướng về Ngài để tìm sự ủi an mà các người biết là đến. Mọi điều thuộc về tạm bợ, thì—điều đó—cũng phải qua đi; nhưng vẫn còn sự ủi an cho những ai tự xưng rằng, “Người khác có thể làm như họ muốn, nhưng phần tôi, tôi sẽ phụng sự Thượng đế hằng sống.”

Trong kỳ này cũng sẽ có sự bội ước, việc công bố lập trường bởi các nhóm sẽ được biết, và—đối với một số người—điều đó sẽ gây hoang mang.

Nhưng *đừng sợ* ảnh hưởng có thể huỷ diệt thân xác. Trái lại, hãy dâng lời tôn vinh ngợi khen Đấng có thể *cứu cả* thân xác lẫn linh hồn đến niềm vui muôn đời.

Let thy prayer then be:

Lord, here am I! Use me in the way, in the manner thou seest fit; that I may ever be that thou hast purposed for me to be—a light shining as in darkness to those who have lost hope, from one cause or another.

Ready for questions.

(Q) Is it indicated that America will enter the war during this two weeks?

(A) There may be committed those aggressivenesses that may cause the leading to the breaking up of that determination which has been set, that may come about during this period; but not a declaration in the period. As we have indicated, more may come as disturbance to America from within than from without.

(Q) Will serious civil strife in the United States result, and how soon, and of what nature?

(A) As we have indicated through these channels before, this depends upon whether or not those who have seen the light, those who understand the situations between labor and capital, the employee and the employer, pray and live consistent one with the other. As to how soon, this—too—may be determined by the happenings in the next two weeks; but as to the breaking up, this will depend on conditions, on developments farther along.

(Q) What can we do to counteract such serious happenings?

(A) *Make known the trouble—Where it lies; that they who have forgotten God must about face!*

(Q) How can Milton W. Harrison be helpful, through his series of conferences?

(A) By the awareness of the disturbances, that God must not be left out of the purposes

Vậy, lời cầu nguyện của người hãy là:

Lạy Chúa, con đây! Xin dùng con theo đường lối, cách thức mà Ngài thấy thích hợp; để con luôn là điều Ngài đã định cho con—một ngọn đèn tỏa sáng như giữa bóng tối cho những ai vì lý do này hay khác đã mất hy vọng.

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(Q) Có chỉ dấu rằng nước Mỹ sẽ tham chiến trong hai tuần này không?

(A) Có thể có những hành vi xâm lấn khiến dẫn đến sự phá vỡ quyết tâm vốn đã được định, điều có thể xảy ra trong kỳ này; nhưng sẽ không có tuyên chiến trong kỳ. Như chúng tôi đã chỉ ra, điều gây rối cho nước Mỹ có thể đến từ bên trong hơn là từ bên ngoài.

(Q) Liệu sẽ có nội biến nghiêm trọng ở Hoa Kỳ không, và bao lâu nữa, và có tính chất gì?

(A) Như chúng tôi đã chỉ ra trước đây qua các kênh này, điều này tùy thuộc vào việc những người đã thấy ánh sáng, những người hiểu tình thế giữa lao động và tư bản, giữa người làm công và chủ nhân, có cầu nguyện và sống nhất quán với nhau hay không. Bao lâu nữa—điều này—cũng có thể được quyết định bởi các biến cố trong hai tuần tới; nhưng về sự tan vỡ, điều đó sẽ tùy thuộc vào các điều kiện, vào các diễn biến về sau.

(Q) Chúng tôi có thể làm gì để hoá giải những biến cố nghiêm trọng như vậy?

(A) *Hãy công bố vấn nạn—nơi nó đang nằm; rằng những ai đã quên Thượng đế phải quay lại!*

(Q) Milton W. Harrison có thể giúp ích bằng cách nào qua chuỗi hội nghị của Ông?

(A) Bằng cách làm cho người ta nhận biết các xáo trộn này, rằng Thượng đế không được

of men! For, as indicated, point to the happenings as divine direction.

(Q) Or have you other suggestions?

(A) Read that indicated. Let each and every soul call on not their God but the *one* God!

We are through for the present.

[Background: World Affairs reading given during the annual Congress meeting of members of Edgar Cayce's A.R.E. The topic was a discussion on "World Peace."]

Reading 3976-27; June 19, 1942

You will give a discourse on a spiritual and practical concept for World Peace, giving suggestions for individuals and group operations to make it effective. Then you will answer the questions that may be submitted, as I ask them:

EC: Yes, we have those interpretations that have been made by various individuals throughout time, as to what would or does constitute world peace.

In the study of the history of various groups, in their varied activities through the earth, these in the most part have sought that which would satisfy or gratify the ideas and ideals of the few—or those that were set in power from various sources, or by circumstance as had arisen in the affairs of men in varied portions of the earth.

Today we find a world at war. There is no individual but what is and will be affected by the outcome of the conflicting emotions that are prompting the activities in all the spheres of man's experience in the earth.

Then, through whom, from whence may

phép bị gạt ra ngoài các mục đích của con người! Vì, như đã chỉ ra, hãy chỉ vào những biến cố như là sự dẫn dắt thiêng liêng.

(Q) Hay Ngài còn có gợi ý nào khác?

(A) Hãy đọc điều đã chỉ ra. Hãy để mỗi linh hồn kêu cầu không phải thần của riêng họ mà là *một* Thượng đế!

Tạm thời chúng tôi xin dừng.

[Bối cảnh: Buổi đọc Các Vấn Đề Thế Giới được đưa ra trong kỳ Đại hội thường niên của các hội viên A.R.E. của Edgar Cayce. Chủ đề là thảo luận về "Hòa Bình Thế Giới."]

Buổi đọc 3976-27; 19 tháng 6, 1942

Các ngài sẽ ban một bài thuyết giảng về một quan niệm tinh thần và thực tiễn cho Hòa Bình Thế Giới, đưa ra các gợi ý cho cá nhân và hoạt động theo nhóm để làm cho nó hữu hiệu. Sau đó Ngài sẽ trả lời các câu hỏi có thể được nêu, khi tôi hỏi:

EC: Vâng, chúng tôi có những diễn giải đã được thực hiện bởi nhiều cá nhân qua mọi thời, về điều gì tạo nên hay cấu thành hòa bình thế giới.

Khi nghiên cứu lịch sử của các nhóm khác nhau, trong các hoạt động đa dạng của họ trên trần thế, thì phần nhiều họ đã tìm kiếm điều thỏa mãn hay làm vui thỏa ý tưởng và lý tưởng của số ít—hoặc của những người được đặt vào quyền lực bởi các nguồn khác nhau, hoặc do hoàn cảnh nảy sinh trong cục diện của loài người ở nhiều nơi trên đất.

Hôm nay, chúng ta thấy một thế giới đang chiến tranh. Không có cá nhân nào mà không bị, và sẽ bị, ảnh hưởng bởi kết cục của những xung động cảm xúc xung đột đang thúc đẩy các hoạt động trong mọi lĩnh vực kinh nghiệm của con người trên trần thế.

Vậy, qua ai, từ đâu con người có thể gom góp

man gather an idea, an ideal to which he—as an individual or as a group, or as a nation—may adhere with impunity; to which purpose, to which ideal, to which surety he may put his faith, his confidence?

As has been indicated, it is not in individuals or in personalities. For, these have failed—and are in the present causing those conflicts which have set the world on fire; causing death, destruction. And fear has crept into the heart even of the elect.

Unless these days be shortened—as has been given—the very elect may be shaken, may tremble at the destruction, the littleness to which human life is held in the ideas of groups or nations, or those purposes that have been set.

Then, there must be the looking to *Him* who has overcome the world; who hath known death, who hath known wars, who hath known trials, who hath known tribulations; who hath met man on his *own* consciousness of physical, mental and spiritual emotions; Him who hath given, “I come not to bring peace alone but a sword—to those who have forsaken the way of life”; Him—who came that man might have life more abundantly; He who, though capable of defying man, said in the hour of trial, “My hour is come—the prince of this world cometh, but he hath no part in me—My peace I give unto you; not as the world knoweth peace, but my peace.”

Then, we find, peace in the world must begin first within the heart and purpose and mind of the individual, prompted by that something which answers within—even as has been given, “My spirit beareth witness with thy spirit, as to whether ye be the children of God or not.”

As man looks upon the world today, there comes that understanding, that manner in

một ý niệm, một lý tưởng mà y—với tư cách cá nhân, hay nhóm, hay quốc gia—có thể bám giữ một cách yên ổn; để đặt niềm tin, niềm cậy trông vào mục đích, vào lý tưởng, vào sự chắc chắn nào?

Như đã chỉ ra, không phải nơi các cá nhân hay nơi các phạm ngã. Vì những thứ ấy đã thất bại—và hiện thời đang gây ra những xung đột đã đốt cháy thế giới; gây chết chóc, tàn phá. Và sợ hãi đã len lỏi vào lòng ngay cả của những người được chọn.

Nếu các ngày này không được rút ngắn—như đã chỉ ra—thì chính những người được chọn cũng có thể bị lay chuyển, có thể run rẩy trước sự tàn phá, trước sự nhỏ bé mà sự sống con người bị coi là trong ý tưởng của các nhóm hay các quốc gia, hoặc trong những mục đích đã được đặt ra.

Vậy, cần phải hướng về Ngài —Đấng đã thắng thế gian; Đấng đã nắm biết sự chết, đã biết chiến tranh, đã biết các thử thách, đã biết các hoạn nạn; Đấng đã gặp con người ngay trên *chính* tâm thức của y—về những xúc cảm của thân xác, của tâm trí và của tinh thần; Đấng đã phán, “Ta không đến chỉ để đem bình an mà còn đem gươm—cho những kẻ đã lìa bỏ con đường của sự sống”; Đấng—đã đến để con người có được sự sống dư dật hơn; Ngài, dầu có thể thách thức con người, đã nói trong giờ thử thách, “Giờ của Ta đã đến—chúa của đời này đến, nhưng nó chẳng có phần nào nơi Ta—Bình an của Ta Ta ban cho các ngươi; không như thế gian biết bình an, nhưng là bình an của Ta.”

Vậy, chúng ta thấy, hòa bình trong thế giới phải khởi đầu trước hết trong lòng, trong mục đích và trong trí của từng cá nhân, được thúc đẩy bởi điều gì đó đáp ứng từ bên trong—như đã phán, “Thần linh của Ta làm chứng với thần linh của ngươi về việc các ngươi có phải là con cái của Thượng đế hay không.”

Khi con người nhìn lên thế giới hôm nay, sẽ đến sự hiểu biết, cái cách mà ở đó có thể rút

which choice and judgments may be drawn; even as He gave to that one who had announced by the authority of the prophets, “Behold the lamb of God, that taketh away the sins of the world,” who comes to bring peace into the hearts of those who seek to do righteousness in the earth. And yet because he had fallen into that answering as of self to fears within, he began to doubt—as apparently no measure was being attempted, outwardly at least, to relieve him of his bonds; and he asked, “Art thou He that was to come, or shall we look for another?” The Master’s answer is the judgment of today, even as then. There was not the Yes or the No answer, but “Go tell John that the sick are healed, the poor have the gospel preached, the lame walk, the blind see.”

Not merely the physically lame, not merely the physically blind, not merely the physically sick—but it was that which answered to the whole purpose of man’s experience in the earth, which was completed in Him; that makes it possible for as many as believe to become the children of the living God.

Then, thinkest thou that ye can treat thy neighbor, thy brother, with aught but the spirit of truth, the fruits of the spirit that He gave, and find other than that ye measure out? For, with what measure ye mete it is measured to thee again. As ye do it unto the least ye do it unto thy Maker.

Whose spirit, what manner of peace, then, seek ye as individuals? That ye may gratify the appetites of thy body? That ye may satisfy the lust of the eye? That ye may know fame or fortune? These fade, these pass away.

Only that which enables the individual also to bear the cross, even as He, will enable that individual to know that peace which

ra chọn lựa và phán đoán; như khi Ngài đã phán với người đã tuyên bố bởi thẩm quyền của các nhà tiên tri, “Kìa Chiên Con của Thượng đế, Đấng cất tội lỗi thế gian đi,” Đấng đến để đem bình an vào lòng của những ai tìm làm điều công chính trên trần thế. Thế mà, bởi người ấy đã rơi vào sự đáp ứng như của bản ngã trước nỗi sợ bên trong, người ấy bắt đầu hoài nghi—vì dường như chẳng hề có biện pháp nào, ít nhất là bên ngoài, để giải thoát khỏi xiềng xích; và người ấy hỏi, “Có phải Ngài là Đấng phải đến không, hay chúng tôi phải trông đợi một đấng khác?” Câu trả lời của Thầy là phán đoán cho hôm nay, như khi đó. Không phải là câu có/không, mà là “Hãy về nói với Giăng rằng kẻ đau được chữa lành, kẻ nghèo được rao giảng Tin Mừng, kẻ què đi được, kẻ mù thấy được.”

Không chỉ là kẻ què về thể xác, không chỉ là kẻ mù về thể xác, không chỉ là kẻ bệnh về thể xác—mà đó là điều đáp ứng trọn mục đích của kinh nghiệm con người trên trần thế, điều đã được viên mãn trong Ngài; điều làm cho bao nhiêu kẻ tin thì trở nên con cái của Thượng đế hằng sống.

Vậy, người nghĩ mình có thể đối xử với láng giềng, với anh em mình, bằng bất cứ điều gì khác hơn là tinh thần của chân lý, các hoa trái của Thần khí như Ngài đã ban, mà lại mong gặt điều khác hơn điều người đã đo lường ư? Vì với tiêu chuẩn nào người đo, sẽ được đo lại cho người. Hễ các người làm điều đó cho người nhỏ bé nhất, là các người làm điều đó cho Đấng Tạo Hoá của mình.

Vậy, các người—with tư cách cá nhân—tìm kiếm thần khí nào, kiểu bình an nào? Để thỏa mãn các ham muốn của thân thể người? Để làm mãn nhãn lòng tham của mắt? Để có danh hay lợi? Những điều ấy phai tàn, những điều ấy qua đi.

Chỉ điều gì khiến cá nhân cũng có thể vác thập giá, như Ngài, thì mới khiến cá nhân ấy biết được thứ bình an đã bao phủ Ngài đến

encompassed Him in such a measure that He broke the bonds of death, overcame hell and the grave, and rose in a newness of life; that ye—here—and now—might know that peace in these troubled periods.

What *can* you do, then, as individuals, that this plague of war, this injustice to man be taken away—this plague of death and fear of destruction?

Ye may stand—even as He—between the living and the dead!

Let those that die have that purpose even as He, “It shall *not be in vain!*”

Let those that live *live* unto God; magnifying, spreading the fruits of brotherly love, kindness, patience; that this plague of war may be stayed.

Ye cannot pray “Peace—Peace” when there is no peace in thine own heart and soul! but by knowing (for His spirit answers with thy spirit) that each day, each person ye meet is *glad* that you are alive! *Glad* that *you* have come in touch with them; for you have brought—and bring—hope to their lives, just in the passing!

This means, then, that you may so live the life as He emulated in the earth, that ye radiate life, joy, peace! that which casteth out fear—by living, by being, by doing unto others, for others, that ye would like others to do unto you.

O, ye say, this is not new! Neither is thy present disturbance, nor thy present hope, nor *anything!* For, even as he said, “There is nothing new under the sun.” What is has been, and will be again. Only as ye *use* that birthright, that purpose, that *will* within thine own consciousness to do justice, to do right, to *love* good, to eschew evil, may ye as individuals, as a group, as a nation, stand

mức Ngài phá tan xiềng xích của sự chết, thắng được âm phủ và mồ mả, và sống lại trong sự sống mới; để các người—ngay đây—và bây giờ—có thể biết bình an ấy trong những thời kỳ bão tố này.

Vậy, các người *có thể* làm gì, với tư cách cá nhân, để tai ương chiến tranh này, sự bất công đối với con người này được cất đi—tai ương của sự chết và nỗi sợ hãi tàn phá này?

Các người có thể đứng—như Ngài—giữa kẻ sống và người chết!

Hãy để những ai qua đời có mục đích ấy như Ngài, “Điều đó *sẽ không uổng công!*”

Hãy để những ai sống thì *sống* cho Thượng đế; làm cho lớn lên, lan tỏa những hoa trái của tình huynh đệ, nhân hậu, nhân nại; để tai ương chiến tranh này được ngăn lại.

Các người không thể cầu, “Bình an—Bình an” khi trong lòng và linh hồn của chính người không có bình an! mà là bằng việc biết (vì Thần linh của Ngài làm chứng với thần linh của người) rằng mỗi ngày, mỗi người người gặp đều *vui mừng* vì người đang sống! *Vui mừng* vì người đã chạm đến họ; bởi người đã—và đang—mang đến hy vọng cho đời họ, chỉ trong thoáng gặp gỡ!

Điều đó có nghĩa là, người có thể sống cuộc đời như Ngài đã nêu gương trên trần thế, để người tỏa ra sự sống, niềm vui, bình an! điều xua tan sợ hãi—bằng đời sống, bằng hiện hữu, bằng việc làm cho người khác, vì người khác, điều người muốn người khác làm cho mình.

Ồ, người sẽ nói, điều này chẳng mới mẻ gì! Hiện cảnh xáo trộn của người cũng không mới, niềm hy vọng hiện tại của người cũng không mới, *chẳng có gì mới!* Vì như người xưa đã nói, “Chẳng có gì mới dưới ánh mặt trời.” Điều đã có rồi sẽ có lại. Chỉ khi người *dùng* quyền thừa tự, mục đích, *y chí* trong tâm thức riêng để làm công bình, làm điều đúng, để *yêu* điều thiện, để lìa điều ác, thì người—

between the living and the dead—and *stay* the sin that maketh man make war—of any nature—against his brother.

Thou *art* thy brother's keeper! Act that in thine own heart. Who *is* thy brother? "Who is my mother? They that do the will of the Father, the same is my mother, my sister, my brother."

If ye do the things of the devil, are ye not his? If ye do the things of the Lord (He is God), are ye not His?

Then study to show thyself approved unto God, a workman not ashamed, rightly dividing the words of truth, keeping *self* unspotted from the world.

In this ye may build, here a little, there a little, line upon line, precept upon precept.

Fear and doubt cast away, trusting in the Lord. He alone can save.

(Q) *What should be the specific form of collaboration of the members of the Association to insure fulfillment of its purpose in the establishment of the new World Order?*

(A) Study—each individual member—to show thyself approved unto God. *Know*, as has so oft been indicated, oft what may be good for one may be questionable for another. But know that the Lord knoweth His own and calleth them by name. Then let each one, as a son, as a daughter of the living God, feed His lambs, feed His sheep. With what? The spirit of truth, the spirit of peace! *Apply* that *new* commandment as He gave, "Love one another." In all groups, all organizations, it is not what this or that name or group may do, but as *one*. For, the Lord thy God is *one*! And the Christ, the

với tư cách cá nhân, nhóm, quốc gia—mới có thể đứng giữa kẻ sống và người chết—và *ngăn* tội lỗi đang khiến con người gây chiến—bất cứ kiểu nào—chống lại anh em mình.

Người *là* người giữ anh em mình! Hãy làm điều ấy trong lòng mình. Ai *là* anh em người? "Ai là mẹ Ta? Ai làm theo ý Cha, người ấy là mẹ Ta, chị em Ta, anh em Ta."

Nếu các người làm những điều của ma quỷ, há các người không phải thuộc về nó sao? Nếu các người làm những điều của Chúa (Ngài là Thượng đế), há các người không phải thuộc về Ngài sao?

Vậy, hãy học để tỏ mình được chấp nhận trước Thượng đế, như người làm việc không hổ thẹn, phân giải ngay thẳng lời chân lý, giữ *chính mình* không vương bụi đời.

Trong điều này, các người có thể xây dựng, đây một ít, kia một ít, dòng nối dòng, giới điều nối giới điều.

Hãy xua đi sợ hãi và nghi ngờ, đặt lòng tin nơi Chúa. Chỉ một mình Ngài cứu được.

(Q) *Hình thức cộng tác cụ thể nào của các hội viên của Hội có thể bảo đảm hoàn tất mục đích trong việc kiến lập Trật tự Thế giới mới?*

(A) Hãy học—mỗi hội viên—để tỏ mình được chấp nhận trước Thượng đế. *Biết* như đã quá nhiều lần chỉ ra, rằng điều có thể tốt cho người này có thể là điều còn nghi vấn cho người khác. Nhưng biết rằng Chúa biết những kẻ thuộc về Ngài và gọi tên từng người. Vậy, hãy để mỗi người, như con trai, con gái của Thượng đế hằng sống, chăn chiên con của Ngài, chăn chiên của Ngài. Bằng gì? Bằng tinh thần của chân lý, tinh thần của bình an! *Áp dụng* điều *răn mới* như Ngài đã ban, "Hãy yêu nhau." Trong mọi nhóm, mọi tổ chức, điều hệ trọng không phải là nhóm hay danh này danh kia sẽ làm gì, mà là như

Savior, died for all—not for one! no sect, no schism, no ism, no cult. For, the first to meet the Lord in peace was he that was also crucified. That should, in each heart, make those who have named the Name, and who claim God as the Father, Jesus Christ as the elder brother, know that no sacrifice is too great in order that the glory, the honor of the Lord may be demonstrated, manifested among men. What is the test? The spirit, the fruits of the spirit,—that brings hope, kindness, longsuffering, patience into the experience; not merely the offering of self as one who would make of self a martyr, no. For, remember, the Lord *could*, the Lord might have kept away from the Cross. But for thy sake He bore the shame, though without sin. Remember ye what the thief said? “Rail not, for we but meet our own sin (or self), and He is without sin.” Then, make not of thyself a martyr, but as one that stands between the living and the dead, to glorify the Lord!

(Q) In praying, speaking, writing, members of our Association may in a small way aid in promulgating sound spiritual concepts regarding obstructions to World Peace. As some of these obstructions are mentioned, please give the basic principles upon which constructive attitudes may be based: First, Economic inequalities of nations.

(A) These are all answered in that question asked, “Art thou the Christ, or must we look for another?” What was the answer? Not “Yes, I am he that ye announced some three and a half years ago at Jordan,” no. “Tell him the sick are healed, the blind see—“This is the answer for meeting every problem, every question as to the economic condition of the nations. For He gave, “Let him that hath two coats give one to another. Let him that is

một. Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người là một! Và Đấng Christ, Đấng Cứu Rỗi, đã chết vì mọi người— không phải vì một người! không vì giáo phái nào, không vì phân phái nào, không vì chủ nghĩa nào, không vì giáo phái nào. Vì người đầu tiên gặp Chúa trong bình an là kẻ cũng bị đóng đinh. Điều đó phải khiến trong mỗi lòng của những ai đã kêu Danh Ngài, và xưng Thượng đế là Cha, Đức Jesus Christ là Huynh Trưởng, biết rằng không có hy sinh nào là quá lớn để vinh quang, vinh dự của Chúa được thể hiện, được bày tỏ giữa loài người. Bài thử thách là gì? Ấy là tinh thần, là hoa trái của Thần khí—đem hy vọng, nhân hậu, nhẫn nại, chịu đựng lâu dài vào kinh nghiệm; chứ không chỉ là dâng mình như kẻ muốn biến mình thành tử đạo, không. Vì nhớ rằng, Chúa có thể, Chúa có thể đã tránh khỏi thập giá. Nhưng vì các người, Ngài đã chịu điều hổ nhục ấy, dầu không có tội. Các người còn nhớ tên trộm đã nói gì chăng? “Đừng miệt thị nữa, vì chúng ta chỉ đang gặp điều thuộc về tội (hay tự ngã) của chính mình, còn Ngài thì không hề có tội.” Vậy, chớ biến mình thành tử đạo, mà hãy như người đứng giữa kẻ sống và người chết, để tôn vinh Chúa!

(Q) Trong khi cầu nguyện, diễn thuyết, viết lách, các hội viên của Hội chúng ta có thể, ở mức nhỏ, góp phần truyền bá các quan niệm tinh thần vững chắc liên quan đến những chương ngại đối với Hòa Bình Thế Giới. Khi một số chương ngại được nêu, xin vui lòng cho các nguyên tắc căn bản làm nền cho các thái độ mang tính xây dựng: Thứ nhất, bất bình đẳng kinh tế giữa các quốc gia.

(A) Tất cả những điều này đều đã được đáp lại trong câu hỏi: “Có phải Ngài là Đức Christ, hay chúng tôi phải tìm một Đấng khác?” Câu trả lời là gì? Không phải là “Đúng, Ta là Đấng mà các người đã công bố chừng ba năm rưỡi trước ở sông Jordan”, không. “Hãy nói với ông ấy: kẻ đau được chữa lành, kẻ mù được thấy—” Đây là câu trả lời để ứng xử với mọi vấn đề, mọi câu hỏi liên quan đến tình trạng kinh tế của các quốc gia. Vì Ngài đã dạy: “Ai

forced to do this or that go the whole length.” These are the basic principles upon which world order, world economic and social relations may be established, manifested among men. For, while all have fallen short of the glory as manifested in Him, know that God—even as the Christ on the day of His crucifixion—is not a respecter of persons, nor of their employment. For, what good thing did the thief on the cross but to warn his brother thief, “We are meeting our just dues”? recognizing his shortcomings—hoping—doing something *about* same! Let ye as individuals, as a group, as an Association, do something *about* the problems. Not as to direct, not as to sit in high places; for no individual is in *any* place or position save by the grace of God. Who then *can* stand before the Lord? Only those who have the pure heart, the pure purpose. To them there is peace, even in the midst of strife, even in the midst of bloodshed.

(Q) *Racial hatreds?*

(A) This also is answered only in that the Lord is not a respecter of persons. “He that doeth the will of the Father, the same is my brother, my sister, my mother.” Those, to man, represented the closest relationship—blood of his own blood, materially. Then, mentally, spiritually, *do something about* those of the races that are misunderstood, or who have been neglected here or there!

(Q) *Nationalism?*

(A) There should be the feeling for the own self, but not unto the detriment of others. For, though He were the Son, He took upon Himself the form of man, became as naught, subject to all the trials, all the sorrows of thine own self. Then, what right has any man to set state or nation above that

có hai áo, hãy cho người khác một áo. Ai bị bắt buộc làm điều này hay điều kia, hãy đi trọn quãng đường.” Đây là những nguyên tắc căn bản trên đó trật tự thế giới, các tương quan kinh tế và xã hội thế giới có thể được thiết lập, được biểu hiện giữa loài người. Vì, dầu mọi người đều đã thiếu hụt so với vinh quang đã biểu lộ nơi Ngài, hãy biết rằng Thượng đế—cũng như Đức Christ trong ngày Ngài chịu đóng đinh—không thiên vị người nào, cũng chẳng thiên vị nghề nghiệp của họ. Bởi, kẻ trộm trên thập giá đã làm điều lành gì ngoài việc cảnh tỉnh người trộm đồng hành rằng: “Chúng ta đang chịu phần công chính của mình”? nhận ra thiếu sót của mình—hy vọng—và làm điều gì đó về điều ấy! Vậy mỗi người trong các người, như những cá nhân, như một nhóm, như một Hiệp hội, hãy làm điều gì đó về các vấn đề. Không phải để chỉ đạo, không phải để ngồi ở chỗ cao trọng; vì không ai ở *bất kỳ* nơi chốn hay địa vị nào nếu không bởi ân sủng của Thượng đế. Vậy ai *có thể* đứng trước mặt Chúa? Chỉ những người có tâm trong sạch, mục đích trong sạch. Với họ có bình an, ngay giữa vòng tranh chấp, ngay giữa lúc đổ máu.

(Q) *Hận thù chủng tộc?*

(A) Điều này cũng chỉ được giải đáp ở chỗ Chúa không thiên vị người nào. “Ai làm theo ý muốn của Cha, người ấy là anh em Ta, chị em Ta, mẹ Ta.” Những người ấy, đối với con người, biểu trưng mối liên hệ gần gũi nhất—máu mủ của chính mình, theo vật chất. Vậy thì, về trí tuệ, về tinh thần, hãy *làm điều gì đó* về những người thuộc các chủng tộc bị hiểu lầm, hay đã bị lãng quên chỗ này chỗ khác!

(Q) *Chủ nghĩa quốc gia?*

(A) Cần có tình cảm đối với chính mình, nhưng không đến mức gây tổn hại cho kẻ khác. Vì, dầu Ngài là Con, Ngài đã khoác lấy hình người, trở nên hư không, chịu mọi thử thách, mọi sầu khổ như chính các người. Vậy thì, người nào có quyền đặt nhà nước hay quốc gia cao hơn nguyên tắc tình huynh đệ?

principle of brotherly love? But always “Render unto Caesar the things that are Caesar’s and unto God the things that are God’s.”

(Q) Religious differences?

(A) These are the swords He brought into man’s material understanding. And more wars, more bloodshed have been shed over the racial and religious differences than over any other problem! These, too, must go the way of all others; and man must learn—if he will know the peace as promised by Him—that God loveth those who love Him, whether they be called of this or that sect or schism or ism or cult! The Lord is *one*!

We are through for the present.

[Background: World Affairs reading given during the annual Congress meeting of members of Edgar Cayce’s A.R.E. The topic was a discussion on “international peace founded upon understanding of one another’s economic, social and spiritual problems.”]

Reading 3976-28; June 20, 1943

GC: You will have before you the conditions in the world today, and that needed by those seeking advice in helping to construct a permanent basis for international peace founded upon understanding of one another’s economic, social and spiritual problems. You will answer the questions, as I ask them:

EC: Yes, we have—as we have had before—those problems which have brought about the upheavals and the wars, the distrust, the jealousy, the hate existing today. These are the result of man’s forgetting God, and that which truly represents man’s sincere attempt to worship, honor and glorify a

Nhưng luôn luôn: “Hãy trả cho Sê-sa những gì thuộc về Sê-sa, và trả cho Thượng đế những gì thuộc về Thượng đế.”

(Q) Khác biệt tôn giáo?

(A) Đây là những lưỡi gươm Ngài đem vào sự hiểu biết vật chất của con người. Và đã có thêm nhiều cuộc chiến, nhiều máu đổ vì khác biệt chủng tộc và tôn giáo hơn bất kỳ vấn đề nào khác! Những điều ấy cũng phải đi theo con đường của mọi thứ khác; và con người phải học—nếu muốn biết bình an như Ngài đã hứa—rằng Thượng đế yêu những ai yêu Ngài, bất kể họ được gọi theo phái này hay phái nọ, giáo phái hay chủ nghĩa hay nhóm nào! Chúa là *Một*!

Hiện tạm dừng tại đây.

[Thông tin nền: Buổi đọc Thời sự Thế giới được đưa ra trong kỳ Đại hội thường niên của các hội viên A.R.E. của Edgar Cayce. Chủ đề là thảo luận về “nền hòa bình quốc tế đặt nền tảng trên sự thấu hiểu các vấn đề kinh tế, xã hội và tinh thần của nhau.”]

Buổi đọc 3976-28; 20 tháng 6, 1943

GC: Trước mặt ông sẽ là các tình trạng trên thế giới hôm nay, và điều cần cho những người tìm lời khuyên để trợ giúp xây dựng một nền tảng bền vững cho hòa bình quốc tế đặt trên sự thấu hiểu các vấn đề kinh tế, xã hội và tinh thần của nhau. Ông sẽ trả lời các câu hỏi, khi tôi nêu chúng:

EC: Vâng, chúng ta có—như trước đây—những vấn đề đã gây ra biến động và chiến tranh, sự ngờ vực, ghen ghét, hận thù đang hiện hữu hôm nay. Đây là kết quả của việc con người quên Thượng đế, và quên điều thực sự biểu lộ nỗ lực chân thành của con người nhằm thờ phượng, tôn kính và làm

living God.

For this may only be done in the manner in which individuals, states, nations, treat their fellow man. For, as ye do unto others, ye do to thy Maker. And when those activities are such as to dishonor thy fellow man, ye dishonor thy God—and it brings all of those forms of disturbance that exist in the world today.

As for the individuals here—peace must begin within self before there may be the activity or the application of self in such a manner as to bring peace in thine own household, in thine own heart, in thine own vicinity, in thine own state or nation. And only one agreement: Worship God in a manner that is in keeping with the dictates of thy conscience.

Thus—nothing new, nothing strange; yet on Friday next strange things will happen, that will determine as to how long, as to how many, as to what will be necessary. These are thoughts and activities of men, but are as the mind and the body in the individual. When there has been rebellion in the body of sufficient of the cells to set up resistance, illness begins.

When there has been in the earth those groups that have sufficiently desired and sought peace, peace will begin. It must be within self.

The same is true in economic conditions. He that saith he loveth God and seeth his neighbor in need of food or a coat, and saith “Go in peace—God be with thee,” and does nothing about same, is a liar and a thief, wherever he may be; is false to self and will one day create those things that will bring discontent and disputations in the earth.

vinh hiển một Thượng đế hằng sống.

Vì việc này chỉ có thể được thực hiện bằng cách các cá nhân, tiểu bang, quốc gia, đối xử với đồng loại của mình như thế nào. Bởi, như các người làm cho người khác, là các người làm cho Đấng Tạo Hóa của mình. Và khi những hành động như thế là làm nhục đồng loại của người, các người làm nhục Thượng đế—và nó mang đến tất cả những hình thức rối loạn đang hiện diện trên thế giới hôm nay.

Còn đối với những cá nhân ở đây—bình an phải khởi đầu từ nội tâm trước khi có thể có hoạt động hay sự ứng dụng bản thân theo cách đem hòa bình đến trong chính gia đình người, trong chính trái tim người, trong khu vực của người, trong tiểu bang hay quốc gia của người. Và chỉ một sự đồng thuận: Thờ phượng Thượng đế theo cách phù hợp với lương tâm của người.

Vậy—không có gì mới, không có gì lạ; nhưng đến thứ Sáu tới đây những điều lạ lùng sẽ xảy ra, sẽ định đoạt xem kéo dài bao lâu, bao nhiêu người, và những gì sẽ là cần thiết. Đây là tư tưởng và hoạt động của con người, nhưng giống như tâm trí và thân thể trong một cá nhân. Khi trong thân thể có đủ số tế bào nổi loạn để gây nên sự kháng cự, bệnh tật bắt đầu.

Khi trên trần gian có những nhóm người đã đủ mức mong muốn và kiếm tìm hòa bình, hòa bình sẽ bắt đầu. Nó phải bắt đầu nơi chính tự thân.

Điều tương tự đúng trong các điều kiện kinh tế. Ai nói rằng mình yêu Thượng đế mà thấy người lân cận đang cần lương thực hay một chiếc áo, rồi nói “Hãy đi bình an—Cầu Thượng đế ở cùng người”, nhưng không làm gì về điều đó, thì kẻ ấy là kẻ nói dối và là kẻ trộm, ở bất cứ đâu; là kẻ giả dối với chính mình và một ngày kia sẽ tạo ra những điều khiến bất mãn và tranh cãi lan tràn trên trần gian.

Ready for questions.

(Q) *Is there any indication of the time at which hostilities will cease between this country and Italy, Germany? Japan?*

(A) These are [dependent on] the thoughts and principles of men. They will be able to determine much as regards more than one, by the 25th of June. [Decisions in re labor unions?]

(Q) *Could a suggestion be made as to the major problems which will confront us in the making of the peace?*

(A) Differences of opinions in the different religious groups, as well as the economic conditions in the varied land, will be those things that will cause greater disputations. As for this own land, more turmoils will be in and following peace—not immediate—than there are in the present. These will be turmoils from within. Lack of godliness in the hearts of some of those that direct the affairs of groups.

(Q) *What could our own country be doing toward equalizing opportunities for trade among the nations immediately following the war?*

(A) In some quarters too much is being done already! These are the things over which many disputes will arise. But there must first come some basis for an economic situation in *all* lands, in those that are a part of the united effort against what is called aggression, as well as the conditions in those lands over which those devastating activities have come in every form. Food, clothing, and all of those things that make the heart of man—as man—afraid.

(Q) *Will we move toward a lowered tariff?*

(A) In many directions, yes.

(Q) *Will it be possible to maintain a fair standard of living for our own people while*

Sẵn sàng cho các câu hỏi.

(Q) *Có chỉ dấu nào về thời điểm chấm dứt thù địch giữa nước này với Ý, Đức? Nhật Bản?*

(A) Những điều này [phụ thuộc vào] tư tưởng và nguyên tắc của con người. Họ sẽ có thể định đoạt được rất nhiều, liên quan đến hơn một nước, vào ngày 25 tháng 6. [Các quyết định liên quan đến công đoàn lao động?]

(Q) *Có thể đề nghị những vấn đề lớn nào sẽ đối mặt với chúng ta trong việc kiến tạo hòa bình?*

(A) Sự khác biệt quan điểm giữa các nhóm tôn giáo khác nhau, cũng như các điều kiện kinh tế ở nhiều xứ sở, sẽ là những điều gây ra tranh cãi lớn hơn. Còn với xứ sở này, sẽ có nhiều rối ren trong và sau khi hòa bình—không phải ngay lập tức—hơn cả hiện tại. Đó sẽ là những rối ren từ bên trong. Sự thiếu kính sợ Thượng đế trong lòng một số người điều hành công việc của các nhóm.

(Q) *Quốc gia chúng ta có thể làm gì để cân bằng cơ hội thương mại giữa các quốc gia ngay sau chiến tranh?*

(A) Ở vài nơi đã làm quá nhiều rồi! Đây sẽ là những điều gây ra nhiều tranh chấp. Nhưng trước hết phải có một cơ sở nào đó cho tình thế kinh tế ở *mọi* xứ sở, ở những nơi là thành phần của nỗ lực liên hiệp chống lại cái gọi là xâm lược, cũng như những điều kiện ở những xứ sở đã phải chịu các hoạt động tàn phá dưới mọi hình thức. Lương thực, y phục, và tất cả những điều khiến trái tim con người—với tư cách con người—phải sợ hãi.

(Q) *Chúng ta sẽ tiến tới việc hạ thuế quan chứ?*

(A) Theo nhiều hướng, có.

(Q) *Liệu có thể duy trì một mức sống công bằng cho dân ta trong khi giúp nâng chuẩn mực kinh*

helping to raise economic standards in other parts of the world?

(A) Not only *must* it be possible, it *must* be *done!* if there will be *any* lasting peace! But it must begin in the hearts and minds of individuals. For it is as just given. As the vital cells of the body—when they have rebelled, and caused sufficient others to do likewise, destruction sets in.

(Q) Would it be feasible to work out an international currency, or an international stabilization of exchange values?

(A) This, too, will be worked toward. It will be a long, long time before established. There may indeed be another war over just such conditions, but it'll be a step in the right direction—in the attempts in bringing peace at this time.

(Q) How might we cooperate in setting up an international police force in such fashion that our recent enemies will not be antagonized?

(A) These have expected same, and unless some such *is* created, they will ever feel they have won the war, no matter how much they declare their willingness to quit!

(Q) Can the re-education of the German people in the principles of democracy be conducted in such fashion that their own cooperation will be enlisted? How?

(A) This depends upon from what standard. Who would set the standard for the democratic education of a Germany who considers itself *already* more wise than all the democracies! Rather teach them *God*, and how to search and find Him, and apply His principles in dealing with their fellow man.

tế ở các phần khác trên thế giới?

(A) Không những *phải* có thể, mà còn *phải* được *thực hiện!* nếu muốn có *bất kỳ* nền hòa bình bền lâu nào! Nhưng nó phải bắt đầu trong trái tim và tâm trí của mỗi người. Vì như vừa nói. Cũng như các tế bào sinh mệnh của thân thể—khi chúng đã nổi loạn, và khiến đủ số khác làm theo, thì sự hủy hoại bắt đầu.

(Q) Có khả thi không nếu xây dựng một đồng tiền quốc tế, hoặc một sự ổn định quốc tế về giá trị hối đoái?

(A) Điều này cũng sẽ được hướng tới. Sẽ còn rất, rất lâu mới được thiết lập. Quả thật có thể sẽ có một cuộc chiến nữa vì chính những điều kiện như thế, nhưng đó sẽ là một bước đi đúng hướng—trong các nỗ lực đem lại hòa bình lúc này.

(Q) Làm thế nào chúng ta có thể hợp tác trong việc thiết lập một lực lượng cảnh sát quốc tế theo cách mà không khiến kẻ thù gần đây của ta bị kích động?

(A) Họ đã trông đợi điều ấy, và nếu không có thứ như thế được *thiết lập*, họ sẽ luôn cho rằng mình đã thắng cuộc chiến, bất kể họ tuyên bố sẵn lòng chấm dứt đến mức nào!

(Q) Việc tái giáo dục người Đức theo các nguyên tắc dân chủ có thể tiến hành theo cách thu hút được chính sự hợp tác của họ không? Bằng cách nào?

(A) Điều này tùy thuộc chuẩn mực nào. Ai sẽ đặt ra chuẩn mực cho việc giáo dục dân chủ đối với một nước Đức vốn tự xem mình đã khôn ngoan hơn mọi nền dân chủ! Thà hãy dạy họ về *Thượng đế*, và cách tìm kiếm để gặp Ngài, và áp dụng các nguyên tắc của Ngài trong khi đối xử với đồng loại.

(Q) Should educational materials be prepared ahead of time, and if so by what sort of representative group?

(A) We do not find this altogether feasible, without there having already been preconceived ideas by those who set themselves up as little gods to tell the others what to do. This is not democracy. But teach them God, and first, "Thou shalt love the Lord thy God as thyself, and thy neighbor as thyself, with thy heart, with thy mind, with thy purpose." But so long as there is the gospel sent with the jug and a bullet, you will not teach them God.

(Q) Since we are fighting for the freedom of all races, what suggestions could you give us toward effecting greater equality of opportunity for minority groups in our own country?

(A) As indicated in the first, all groups must have their representation and their privileges, that they—too—may have the opportunity. Unless we begin within our own selves and our own household, we are false to ourselves and to the principles that we attempt to declare. By setting classes or masses against other groups—this is *not* brotherly love.

(Q) Would it be wise at this time, before hostilities cease, for the United States to rescind the Japanese exclusion act in favor of proportionate immigration such as we permit from other countries?

(A) Who made me judge over my fellow man? When ye do, ye have given away half thy land!

(Q) Could you suggest any other move which would help to validate our immediate international good will?

(A) How was international good will described with such as in the land of the

(Q) Có nên soạn trước tài liệu giáo dục không, và nếu có thì do một nhóm đại diện kiểu nào?

(A) Chúng tôi cho rằng điều này không thực sự khả thi, nếu không sẽ có sẵn các định kiến của những kẻ tự tôn mình làm "tiểu thần" để bảo người khác phải làm gì. Đó không phải là dân chủ. Nhưng hãy dạy họ về Thượng đế, và trước hết, "Người phải yêu kính Chúa là Thượng đế của người như chính mình, và yêu người lân cận như chính mình, bằng cả trái tim, trí tuệ, và mục đích của người." Nhưng chừng nào còn rao giảng "phúc âm" mà kèm theo bình rượu và viên đạn, các người sẽ không dạy họ về Thượng đế đâu.

(Q) Vì chúng ta đang chiến đấu cho tự do của mọi chủng tộc, xin cho những đề nghị nào giúp tạo bình đẳng cơ hội lớn hơn cho các nhóm thiểu số tại chính đất nước mình?

(A) Như đã nêu ngay từ đầu, mọi nhóm đều phải có đại diện và đặc quyền của họ, để họ—cũng vậy—có cơ hội. Nếu không khởi sự từ chính bản thân mình và chính gia đình mình, chúng ta là giả dối với chính mình và với các nguyên tắc ta cổ tuyên xưng. Dùng việc đặt giai tầng này hay đám đông kia chống lại các nhóm khác—đó không phải tình huynh đệ.

(Q) Liệu lúc này, trước khi chấm dứt thù địch, Hoa Kỳ có nên hủy bỏ đạo luật loại trừ người Nhật để thay bằng nhập cư theo tỷ lệ như ta vẫn cho phép từ các nước khác?

(A) Ai đã đặt Ta làm quan tòa trên đồng loại? Khi các người làm thế, là các người đã trao đi một nửa đất nước của mình!

(Q) Ông có thể gợi ý một động thái nào khác giúp củng cố thiện chí quốc tế tức thời của chúng ta không?

(A) Thiện chí quốc tế đã được mô tả thế nào trong những trường hợp như xứ Hê-tít và Hi-

Hittites and the Hivites? This is a good judgement. Better let 'em come again! [Josh. 9; Josh. 11] [Euthanasia? Reincarnation?]

We are through for the present.

[Background: World Affairs reading given during the annual Congress meeting of members of Edgar Cayce's A.R.E. The topic was a discussion on the vibrations and spirit of various nations.]

Reading 3976-29; June 22, 1944

GC: It has been indicated through this channel that much might be given regarding what the vibrations of nations, as individuals, might mean. You will give such information concerning these vibrations and their relations to the spirit of the various nations, particularly in connection with the seven sins and twelve virtues in the human family, which will be helpful to us as an organization and as individuals in our attempt to be channels of blessing to our fellow men. You will then answer the questions, which may be submitted, as I ask them.

EC: When there came about the periods of man's evolution in the earth, what was given then as to why man must be separated into tongues, into nations, into groups? "Lest they in their foolish wisdom defy God." What is here then intimated? That man, seeking his own gratification of the lusts of the flesh, might even in the earth defy God. With what, then, has man been endowed by his Creator? All that would be necessary for each individual soul-entity to be a companion with God. And that is God's desire toward man.

Thus when man began to defy God in the earth and the confusion arose which is represented in the Tower of Babel—these are

vít? Đó là một phán định tốt. Tốt hơn là hãy để họ lại đến nữa! [Giô-suê 9; Giô-suê 11] [An tử? Luân hồi?]

Hiện tạm dừng tại đây.

[Thông tin nền: Buổi đọc Thời sự Thế giới được đưa ra trong kỳ Đại hội thường niên của các hội viên A.R.E. của Edgar Cayce. Chủ đề là thảo luận về các rung động và tinh thần của nhiều quốc gia.]

Buổi đọc 3976-29; 22 tháng 6, 1944

GC: Qua kênh này đã chỉ ra rằng có thể trình bày nhiều điều liên quan đến ý nghĩa của các rung động của quốc gia, như với cá nhân. Ông sẽ cung cấp những thông tin như vậy về các rung động này và mối liên hệ của chúng với tinh thần của các quốc gia khác nhau, đặc biệt liên quan đến bảy tội và mười hai đức trong gia đình nhân loại, sao cho hữu ích cho chúng tôi như một tổ chức và như các cá nhân trong nỗ lực làm kênh ban phúc cho đồng loại. Sau đó ông sẽ trả lời các câu hỏi có thể được nêu, khi tôi đặt ra.

EC: Khi đến các thời kỳ của tiến trình thăng thưởng của con người trên trần gian, khi ấy đã nói gì về lý do con người phải bị phân tách ra thành các tiếng nói, các quốc gia, các nhóm? "Kẻ họ, trong sự khôn ngoan đại dột của mình, lại dám thách thức Thượng đế." Vậy ở đây hàm ý điều gì? Rằng con người, kiếm tìm thỏa mãn các dục vọng của xác thịt, có thể ngay trên trần gian này thách thức Thượng đế. Vậy, con người đã được Đấng Tạo Hóa phú cho những gì? Tất cả những gì cần thiết để mỗi linh hồn-cá thể trở nên một bạn đồng hành với Thượng đế. Và đó là ý muốn của Thượng đế đối với con người.

Vì thế khi con người bắt đầu thách thức Thượng đế trên trần gian và sự hỗn loạn nảy sinh, điều được tượng trưng trong Tháp Ba-

representations of what was then the basis, the beginnings of nations. Nations were set up then in various portions of the land, and each group, one stronger than another, set about to seek their gratifications. Very few—yea, as ye will recall, it even became necessary that from one of these groups one individual, a man, be called. His ways were changed. His name was changed. Did it take sin away from the man, or was it only using that within the individual heart and purpose and desire even then, as man throughout the periods of unfoldment put—in his interpretation—that of material success first? It isn't that God chose to reserve or save anything that was good from man, so long as man was, is, and will be one who uses that living soul as a companion with God. That's God's purpose. That should be man's purpose.

In the application of this principle, then, in the present day what has come about? Each nation has set some standard of some activity of man as its idea, either of man's keeping himself for himself or of those in such other nations as man's preparation for that companionship with God. For remember, there are unchangeable laws. For God is law. Law is God. Love is law. Love is God. There are then in the hearts, the minds of man, various concepts of these laws and as to where and to what they are applicable. Then, just as in the days of old, the nature of the flesh, human flesh and its natures, has not changed, but the spirit maketh alive. The truth maketh one free. Just as man has done throughout the ages, so in the present, as one takes those of the various nations as have seen the light and have, through one form or another, sought to establish as the idea of that nation, of that people, some symbol that has and does represent those peoples in those days of the fathers of the present land called America.

bên—đó là các biểu trưng cho nền tảng, khởi nguyên của các quốc gia. Các quốc gia được thiết lập khi ấy ở nhiều phần đất khác nhau, và mỗi nhóm, nhóm này mạnh hơn nhóm kia, khởi sự kiếm tìm thỏa mãn của họ. Rất ít—vâng, như các người sẽ nhớ, thậm chí đã phải cần gọi ra từ một trong các nhóm ấy một cá nhân, một người. Đường lối của ông được thay đổi. Tên của ông được thay đổi. Điều đó có cất bỏ tội khỏi người ấy không, hay chỉ là sử dụng điều vốn đã ở trong lòng, trong mục đích và ước muốn của cá nhân ngay khi ấy, như con người xuyên suốt các thời kỳ khai mở đã đặt—trong diễn giải của mình—thành công vật chất lên hàng đầu? Không phải Thượng đế đã lựa chọn cất giấu hay giữ lại điều tốt lành nào khỏi con người, miễn là con người đã, đang và sẽ là người biết dùng linh hồn sống động ấy làm bạn đồng hành với Thượng đế. Đó là mục đích của Thượng đế. Đó cũng nên là mục đích của con người.

Trong việc ứng dụng nguyên tắc này, ở ngày nay đã xảy ra điều gì? Mỗi quốc gia đã đặt một chuẩn mực nào đó cho một hoạt động nào đó của con người như là lý tưởng của mình, hoặc là giữ mình cho chính mình, hoặc là coi những quốc gia khác như sự chuẩn bị của con người cho tình bạn đồng hành ấy với Thượng đế. Vì hãy nhớ, có những định luật bất biến. Vì Thượng đế là định luật. Định luật là Thượng đế. Tình thương là định luật. Tình thương là Thượng đế. Vậy nên, trong lòng và trí của con người, có các quan niệm khác nhau về những định luật này và về nơi chốn, cũng như phạm vi áp dụng. Rồi, cũng như xưa kia, bản tính của xác thịt, của xác thịt con người và các bản năng của nó, không hề đổi, nhưng thần khí làm cho sống động. Chân lý làm cho một người được tự do. Cũng như con người đã làm suốt các thời đại, thì nay, khi xét các quốc gia khác nhau—những nơi đã thấy ánh sáng và, qua hình thức này hay khác, đã cố thiết lập như là lý tưởng của quốc gia ấy, của dân tộc ấy—một biểu tượng nào đó, thứ đã và đang biểu trưng

What is the spirit of America? Most individuals proudly boast “freedom.” Freedom of what? When ye bind men’s hearts and minds through various ways and manners, does it give them freedom of speech? Freedom of worship? Freedom from want? Not unless those basic principles are applicable throughout the tenets and lines as has been set, but with that principle freedom. For God meant man to be free and thus gave man will, a will even to defy God. *God* has not willed that any soul should perish, but hath with every trial or temptation prepared a way of escape.

There have come through the various periods of man’s unfoldment, teachers proclaiming “This the way, here the manner in which ye may know,” and yet in the Teacher of Teachers is found the way, He who even in Himself fulfilled the law. For when God said, “Let there be light” there came Light into that which He had created, that was without form and was void and it became the Word, and the Word dwelt among men and men perceived it not. The Word today dwells among men and many men perceive it not.

Those nations who have taken those vows that man shall be free should also take those vows “He shall know the truth and the truth then shall make him free.”

Then what is this that would be given thee today? Here is thy lesson: Hear ye all! Beware lest ye as an individual soul, a son, a daughter of God, fail in thy mission in the earth today; that those ye know, those ye contact shall know the truth of God, not by thy word, bombastic words, but in long suffering, in patience, in harmony, that ye create in thine own lives, for it must begin

cho dân ấy trong những ngày của các bậc tiền nhân xứ sở hiện nay gọi là Mỹ.

Tinh thần của nước Mỹ là gì? Đa số người tự hào khoe “tự do.” Tự do khỏi điều gì? Khi các người trói buộc lòng và trí của con người qua nhiều cách thức và phương tiện, điều đó có cho họ tự do ngôn luận không? Tự do thờ phượng không? Tự do khỏi thiếu thốn không? Không, trừ phi các nguyên tắc căn bản ấy được áp dụng xuyên suốt các điều khoản và đường lối đã đặt ra, nhưng với nguyên tắc tự do làm nền. Vì Thượng đế muốn con người được tự do và do đó Ngài ban cho con người ý chí, một ý chí đủ để thách thức Thượng đế. *Thượng đế* không hề ý muốn cho bất kỳ linh hồn nào phải hư vong, nhưng đã kèm theo mỗi thử thách hay cám dỗ một lối thoát.

Qua các thời kỳ khai mở của con người, đã có những bậc thầy tuyên xưng “Đây là con đường, đây là cách các người có thể biết”, và rồi trong Vị Thầy của các thầy tìm thấy con đường, Đáng mà ngay nơi chính Ngài đã làm trọn định luật. Vì khi Thượng đế phán, “Hãy có ánh sáng” thì Ánh sáng xuất hiện trong cái mà Ngài đã sáng tạo, cái vốn vô hình vô dạng và trống không, và nó trở nên Linh từ, và Linh từ đã cư ngụ giữa loài người mà người đời không nhận biết. Linh từ hôm nay vẫn cư ngụ giữa loài người và nhiều người vẫn không nhận biết.

Những quốc gia đã phát thệ rằng con người sẽ được tự do cũng nên phát thệ rằng “Con người sẽ biết chân lý, và chân lý ấy sẽ khiến họ được tự do.”

Vậy hôm nay điều gì sẽ được trao cho các người? Đây là bài học của các người: Hãy nghe! Hãy coi chừng kẻ chính người—một linh hồn cá thể, một người con trai, con gái của Thượng đế—lỡ mất sứ mệnh của mình trong trần gian hôm nay; rằng những người người biết, những người người tiếp xúc sẽ biết chân lý của Thượng đế, không bởi lời nói lớn tiếng, phô trương, mà bằng sự nhẫn nại,

with thee. God has shown thee the pattern, even one Jesus, who became the Christ that ye might have an advocate with the Father, for the Father hath said “In the day ye eat or use the knowledge for thine own aggrandizement, ye shall die.” But he that had persuaded the spirit, the souls that God had brought into being, to push into matter to gratify desire for self-expression, self-indulgence, self-satisfaction, said “Ye shall not surely die”, or what were then the activities of man—for as had been said, “A day is a thousand years, a thousand years as a day.”

What was the length of life then? Nearly a thousand years. What is your life today? May it not be just as He had given, just as He indicated to those peoples, just as He did to the lawgiver, just as He did to David—first from a thousand years to a hundred and twenty, then to eighty? Why? Why? The sin of man in his desire for self-gratification.

What nations of the earth today vibrate to those things that they have and are creating in their own land, their own environment? Look to the nations where the span of life has been extended from sixty to eight-four years. You will judge who is serving God. These are judgements. These are the signs to those who seek to know, who will study the heavens, who will analyze the elements, who will know the heart of man, they that seek to know the will of the Father for themselves answer “Lord, here am I, use me, send me where I am needed.”

Just as have been those principles of your present conflict. “Send help, for man’s heritage of freedom will be taken away.” By whom? He that hath said, “Surely ye will not die.” There are those two principles, two

bằng lòng chịu đựng, bằng hòa điệu mà người tạo ra trong chính đời sống mình, vì nó phải khởi đầu từ người. Thượng đế đã cho người khuôn mẫu, chính là một Giê-su, Đấng đã trở nên Đức Christ để các người có một Đấng biện hộ trước Cha, vì Cha đã phán “Trong ngày các người ăn hoặc dùng tri thức cho sự tự tôn của mình, các người sẽ chết.” Nhưng kẻ đã xúi giục thần trí, linh hồn mà Thượng đế đã mang vào hiện hữu, thúc đẩy chúng nhập vào vật chất để thỏa mãn ước muốn biểu lộ cái tôi, nuông chiều cái tôi, thỏa mãn cái tôi, thì nói rằng “Các người chắc chắn không chết đâu”, hay là những gì rồi sẽ là hoạt động của con người—bởi như đã được nói, “Một ngày như ngàn năm, ngàn năm như một ngày.”

Độ dài đời người khi ấy là bao nhiêu? Gần một ngàn năm. Còn đời các người hôm nay là bao lâu? Há chẳng phải cũng như Ngài đã phán, như Ngài đã chỉ cho dân ấy, như Ngài đã chỉ cho người ban luật, như Ngài đã chỉ cho Đa-vít—ban đầu từ một ngàn năm xuống một trăm hai mươi, rồi xuống tám mươi đó sao? Vì sao? Vì sao? Vì tội lỗi của con người trong ước muốn tự thỏa mãn.

Những quốc gia nào trên trần gian hôm nay đang rung hưởng theo những điều mà họ có và đang tạo ra trong chính đất nước, chính môi trường của họ? Hãy nhìn các quốc gia nơi tuổi thọ đã được nói từ sáu mươi lên tám mươi bốn năm. Các người sẽ phân định ai đang phụng sự Thượng đế. Đó là những phán đoán. Đó là các dấu chỉ cho những ai tìm biết, những ai sẽ học hỏi bầu trời, phân tích các nguyên tố, thấu hiểu trái tim con người—những người tìm biết ý muốn của Cha cho chính mình—để trả lời rằng “Lạy Chúa, con đây, xin dùng con, sai con đến nơi con cần đến.”

Cũng như đã có những nguyên tắc trong cuộc xung đột hiện tại của các người. “Gửi viện trợ, vì gia tài tự do của con người sẽ bị cướp đi.” Bởi ai? Bởi kẻ đã nói, “Các người chắc chắn không chết đâu.” Có hai nguyên

conflicting forces in the earth today: the prince of this world, and that principle that says to every soul, "Fear not, I have overcome the world and the prince of the world hath nothing in me." Can ye say that? Ye must! That is thy hope; that "The prince of this world, satan, that old serpent, hath no part in any desire of my mind, my heart, my body, that I do not control in the direction it shall take." These are the things, these are the principles.

What then of nations? In Russia there comes the hope of the world, not as that sometimes termed of the Communistic, of the Bolshevistic; no. But freedom, freedom! that each man will live for his fellow man! The principle has been born. It will take years for it to be crystallized, but out of Russia comes again the hope of the world. Guided by what? That friendship with the nation that hath even set on its present monetary unit "In God We Trust." (Do ye use that in thine own heart when you pay your just debts? Do ye use that in thy prayer when ye send thy missionaries to other lands? "I give it, for in God we trust"? Not for the other fifty cents either!)

In the application of these principles, in those forms and manners in which the nations of the earth have and do measure to those in their activities, yea, to be sure, America may boast, but rather is that principle being forgotten when such is the case, and that is the sin of America.

So in England, from whence have come the ideas—not ideals—ideas of being just a little bit better than the other fellow. Ye must grow to that in which ye will deserve to be known, deserve to receive. That has been, that is, the sin of England.

As in France, to which this principle first

tắc ấy, hai lực đối nghịch ấy trong trần gian hôm nay: chúa của thế gian này, và nguyên tắc phản với mọi linh hồn, "Đừng sợ, Ta đã thắng thế gian và chúa của thế gian chẳng có gì nơi Ta." Các người có thể nói vậy chăng? Các người phải nói! Đó là hy vọng của các người; rằng "Chúa của thế gian này, Sa-tan, con rắn xưa, chẳng có phần nào trong bất kỳ ước muốn nào của trí, của lòng, của thân ta mà ta không kiểm soát được hướng đi của nó." Đó là những điều, đó là những nguyên tắc.

Vậy còn các quốc gia thì sao? Ở Nga sẽ xuất hiện niềm hy vọng của thế giới, không phải như điều đôi khi được gọi là Cộng sản, là Bôn-sê-vích; không. Mà là tự do, tự do! để mỗi người sống vì đồng loại! Nguyên tắc ấy đã được khai sinh. Sẽ cần nhiều năm để nó kết tinh, nhưng từ Nga một lần nữa sẽ đến niềm hy vọng của thế giới. Được dẫn dắt bởi điều gì? Bởi tình bằng hữu với quốc gia thậm chí đã khắc trên đơn vị tiền tệ hiện tại của mình dòng chữ "In God We Trust." (Các người có dùng điều ấy trong chính lòng mình khi trả các món nợ công chính không? Các người có dùng điều ấy trong lời cầu nguyện khi gửi giáo sĩ đến các xứ khác không? "Con dâng hiến, vì nơi Thượng đế chúng ta tin cậy"? Cũng không phải vì năm mươi xu còn lại đâu!)

Trong việc áp dụng các nguyên tắc này, trong những hình thức và cách thức mà các quốc gia trần gian đã và đang đo lường với nhau trong hoạt động của họ, vâng, hẳn rồi, nước Mỹ có thể tự hào, nhưng nguyên tắc ấy lại bị quên lãng mỗi khi điều đó xảy ra, và đó chính là tội của nước Mỹ.

Còn ở Anh, nơi từ đó phát sinh các ý tưởng—không phải lý tưởng—ý tưởng rằng mình "hơn người khác một chút." Các người phải lớn lên đến chỗ xứng đáng được biết đến, xứng đáng được nhận lãnh. Đó đã là, và là, tội của nước Anh.

Như ở Pháp, nơi nguyên tắc này trước hết

appealed, to which then came that which was the gratifying of the desires of the body—that is the sin of France.

In that nation which was first Rome, when there was that unfolding of those principles, its rise, its fall, what were they that caused the fall? The same as at Babel. The dissensions, the activities that would enforce upon these, in this or that sphere, servitude; that a few might just agree, that a few even might declare their oneness with the higher forces. For their's was the way that seemeth right to a man but the end is death. That is the sin of Italy.

The sin of China? Yea, there is the quietude that will not be turned aside, saving itself by the slow growth. There has been a growth, a stream through the land in ages which asks to be left alone to be just satisfied with that within itself. It awoke one day and cut its hair off! And it began to think and to do something with its thinking! This, here, will be one day the cradle of Christianity, as applied in the lives of men. Yea, it is far off as man counts time, but only a day in the heart of God—for tomorrow China will awake. Let each and every soul as they come to those understandings, do something, then, in his or her own heart.

Just as in India, the cradle of knowledge not applied, except within self. What is the sin of India? *Self*, and left the “ish” off—just self.

Then apply in thine own life truth. What is truth? It might have been answered, had an individual entity who stood at the crossways of the world waited for an answer. Yet that soul had purified itself and had given the new commandment that “ye love one another!”

What is it all about then? “Thou shalt love the Lord thy God with all thine heart, thine

chinh phục, nhưng rồi kéo theo sự thỏa mãn các dục vọng của thân xác—đó là tội của nước Pháp.

Tại quốc gia từng là La Mã, khi các nguyên tắc ấy khai mở, sự hưng rồi suy của nó, thì điều gì khiến suy vong? Cũng là điều đã có ở Ba-bên. Những chia rẽ, những hoạt động áp đặt nô dịch lên kẻ này người nọ; để một số ít có thể đồng thuận, để một số ít thậm chí tuyên xưng sự “hợp nhất” của mình với các lực cao cả. Vì đường lối của họ là “đường lối đường như đúng với một người, nhưng cuối cùng là sự chết.” Đó là tội của nước Ý.

Tội của Trung Hoa? Vâng, đó là sự tĩnh lặng không bị chuyển lay, tự cứu lấy mình bằng đà tăng trưởng chậm chạp. Đã có một dòng tăng trưởng, một dòng chảy xuyên qua đất nước qua các thời đại, nó muốn được bỏ mặc yên thân, hài lòng với cái ở trong mình. Một ngày kia nó thức dậy và cắt bỏ mái tóc! Và nó bắt đầu suy nghĩ và làm điều gì đó với tư duy của mình! Nơi đây, một ngày kia, sẽ là chiếc nôi của Kitô giáo như được áp dụng trong đời sống con người. Vâng, về phía con người thì còn xa, nhưng chỉ là một ngày trong lòng Thượng đế—vì ngày mai Trung Hoa sẽ thức dậy. Vậy mỗi linh hồn, khi đạt đến những hiểu biết ấy, hãy làm điều gì đó, nơi lòng mình.

Cũng như ở Ấn Độ, chiếc nôi của tri thức không được áp dụng, trừ trong chính mình. Tội của Ấn Độ là gì? *Cái tôi*—tính vị kỷ—chỉ còn cái tôi mà thôi.

Vậy hãy áp dụng chân lý trong chính đời sống người. Chân lý là gì? Đáng lẽ nó đã được đáp lại, nếu một linh thể đứng tại ngã tư của thế giới ngày ấy đã chịu chờ câu trả lời. Tuy vậy, linh hồn ấy đã tự thanh luyện và đã ban điều răn mới rằng “các người hãy yêu thương nhau!”

Vậy rốt lại là gì? “Người phải yêu kính Chúa là Thượng đế của người hết lòng, hết linh

soul, thine mind, thine body, and thy neighbor as thyself.” The rest of all the theories that may be concocted by man are nothing, if these are just lived. Love thy neighbor as thyself in the associations day by day, preferring as did the Christ who died on the cross rather than preferring the world be His without a struggle.

Know, then, that as He had His cross, so have you. May you take it with a smile. You can, if you will let Him bear it with thee. Do it.

We are through for the present.

A.R.E. PRESS

Edgar Cayce (1877–1945) founded the non-profit Association for Research and Enlightenment (A.R.E.) in 1931, to explore spirituality, holistic health, intuition, dream interpretation, psychic development, reincarnation, and ancient mysteries—all subjects that frequently came up in the more than 14,000 documented psychic readings given by Cayce.

Edgar Cayce’s A.R.E. provides individuals from all walks of life and a variety of religious backgrounds with tools for personal transformation and healing at all levels—body, mind, and spirit.

A.R.E. Press has been publishing since 1931 as well, with the mission of furthering the work of A.R.E. by publishing books, DVDs, and CDs to support the organization’s goal of helping people to change their lives for the better physically, mentally, and spiritually.

In 2009, A.R.E. Press launched its second imprint, 4th Dimension Press. While A.R.E. Press features topics directly related to the work of Edgar Cayce and often includes excerpts from the Cayce readings, 4th Dimension Press allows us to take our publishing efforts further with like-minded and expansive explorations into the mysteries and spirituality of our existence without direct reference to Cayce specific content.

A.R.E. Press/4th Dimension Press

215 67th Street

hồn, hết trí, hết sức, và yêu người lân cận như chính mình.” Mọi lý thuyết khác mà con người có thể bày ra đều là hư không, nếu các điều này được sống thật. Hãy yêu người lân cận như chính mình trong các mối liên hệ hằng ngày, ưu tiên như Đức Christ đã ưu tiên—Đấng đã chết trên thập giá—hơn là ưu tiên cho thế gian thuộc về Ngài mà chẳng cần phần dẫu.

Hãy biết rằng, như Ngài có thập giá của Ngài, người cũng vậy. Nguyên người vác nó với nụ cười. Người có thể, nếu người để Ngài cùng vác với người. Hãy làm đi.

Hiện tạm dừng tại đây.

A.R.E. PRESS

Edgar Cayce (1877–1945) đã sáng lập tổ chức phi lợi nhuận Association for Research and Enlightenment (A.R.E.) năm 1931, để tìm hiểu tinh thần, sức khỏe toàn diện, trực giác, giải đoán giấc mơ, phát triển thông linh, luân hồi, và các huyền bí cổ xưa—tất cả là những chủ đề thường xuất hiện trong hơn 14.000 buổi đọc thông linh được ghi chép của Cayce.

A.R.E. của Edgar Cayce cung cấp cho những người đến từ mọi nẻo đời và nhiều nền tảng tôn giáo các công cụ cho chuyển hóa cá nhân và chữa lành ở mọi cấp—thân, trí, và tinh thần.

A.R.E. Press cũng đã xuất bản từ năm 1931, với sứ mệnh thúc đẩy công việc của A.R.E. bằng cách xuất bản sách, DVD và CD để hỗ trợ mục tiêu của tổ chức là giúp con người thay đổi đời sống tốt hơn về mặt thể chất, tinh thần và tinh thần.

Năm 2009, A.R.E. Press ra mắt nhãn xuất bản thứ hai, 4th Dimension Press. Trong khi A.R.E. Press tập trung các chủ đề liên hệ trực tiếp đến công trình của Edgar Cayce và thường bao gồm trích đoạn từ các buổi đọc của Cayce, 4th Dimension Press cho phép chúng tôi tiến xa hơn trong nỗ lực xuất bản, với những cuộc khám phá đồng điệu và rộng mở vào các huyền bí và tính tinh thần của hiện hữu mà không viện dẫn trực tiếp đến nội dung riêng về Cayce.

A.R.E. Press/4th Dimension Press

215 67th Street

Virginia Beach, VA 23451

Learn more at EdgarCayce.org. Visit ARECatalog.com to browse and purchase additional titles.

ARE PRESS.COM

EDGAR CAYCE'S A.R.E.

Who Was Edgar Cayce?

Twentieth Century Psychic and Medical Clairvoyant

Edgar Cayce (pronounced Kay-Cee, 1877-1945) has been called the “sleeping prophet,” the “father of holistic medicine,” and the most-documented psychic of the 20th century. For more than 40 years of his adult life, Cayce gave psychic “readings” to thousands of seekers while in an unconscious state, diagnosing illnesses and revealing lives lived in the past and prophecies yet to come. But who, exactly, was Edgar Cayce?

Cayce was born on a farm in Hopkinsville, Kentucky, in 1877, and his psychic abilities began to appear as early as his childhood. He was able to see and talk to his late grandfather’s spirit, and often played with “imaginary friends” whom he said were spirits on the other side. He also displayed an uncanny ability to memorize the pages of a book simply by sleeping on it. These gifts labeled the young Cayce as strange, but all Cayce really wanted was to help others, especially children.

Virginia Beach, VA 23451

Tìm hiểu thêm tại EdgarCayce.org. Truy cập ARECatalog.com để duyệt và mua thêm các tựa sách.

ARE PRESS.COM

EDGAR CAYCE'S A.R.E.

Edgar Cayce là ai?

*Nhà Ngoại Cảm Thế Kỷ Hai Mươi và Nhà Thông
Nhân Y Khoa*

Edgar Cayce (phát âm “Kay-Cee”, 1877-1945) được gọi là “nhà tiên tri khi ngủ”, “cha đẻ của y học toàn diện”, và là nhà thông linh được ghi chép nhiều nhất của thế kỷ 20. Trong hơn 40 năm ở tuổi trưởng thành, Cayce đã cho các “buổi đọc” thông linh cho hàng ngàn người tìm đạo trong trạng thái vô thức, chẩn đoán bệnh tật và hé lộ các kiếp sống đã qua cũng như những lời tiên tri về tương lai. Nhưng rốt cuộc, Edgar Cayce là ai?

Cayce sinh tại một trang trại ở Hopkinsville, Kentucky, năm 1877, và năng lực thông linh của ông xuất hiện rất sớm từ thời thơ ấu. Ông có thể thấy và trò chuyện với linh hồn người ông quá cố, và thường chơi với những “bạn tưởng tượng” mà ông nói là các linh hồn ở bờ bên kia. Ông cũng bộc lộ khả năng kỳ lạ là ghi nhớ các trang sách chỉ bằng cách ngủ trên cuốn sách đó. Những khả năng này khiến cậu bé Cayce bị xem là khác lạ, nhưng điều Cayce thực sự mong muốn chỉ là giúp đỡ người khác, nhất là trẻ em.

Later in life, Cayce would find that he had the ability to put himself into a sleep-like state by lying down on a couch, closing his eyes, and folding his hands over his stomach. In this state of relaxation and meditation, he was able to place his mind in contact with all time and space—the universal consciousness, also known as the super-conscious mind. From there, he could respond to questions as broad as, “What are the secrets of the universe?” and “What is my purpose in life?” to as specific as, “What can I do to help my arthritis?” and “How were the pyramids of Egypt built?” His responses to these questions came to be called “readings,” and their insights offer practical help and advice to individuals even today.

The majority of Edgar Cayce’s readings deal with holistic health and the treatment of illness. Yet, although best known for this material, the sleeping Cayce did not seem to be limited to concerns about the physical body. In fact, in their entirety, the readings discuss an astonishing 10,000 different topics. This vast array of subject matter can be narrowed down into a smaller group of topics that, when compiled together, deal with the following five categories: (1) Health-Related Information; (2) Philosophy and Reincarnation; (3) Dreams and Dream Interpretation; (4) ESP and Psychic Phenomena; and (5) Spiritual Growth, Meditation, and Prayer.

Learn more at EdgarCayce.org.

What Is A.R.E.?

Edgar Cayce founded the non-profit Association for Research and Enlightenment (A.R.E.) in 1931, to explore spirituality, holistic health, intuition, dream interpretation, psychic development, reincarnation, and ancient mysteries—all subjects that frequently came up in the more than 14,000 documented psychic readings given by Cayce.

The Mission of the A.R.E. is to help people transform their lives for the better, through research, education, and application of core concepts found in the Edgar Cayce readings and kindred materials that seek to manifest the love of God and all people and promote the purposefulness of life, the oneness of God, the spiritual nature of humankind, and the connection of body, mind, and spirit.

With an international headquarters in Virginia Beach, Va., a regional headquarters in Houston, regional representatives throughout the U.S., Edgar Cayce Centers in more than thirty countries, and

Về sau, Cayce nhận ra mình có khả năng đưa bản thân vào trạng thái giống giấc ngủ bằng cách nằm trên ghế dài, nhắm mắt, và khoanh tay lên bụng. Trong trạng thái thư giãn và tĩnh niệm này, ông có thể đặt tâm của mình tiếp xúc với mọi thời gian và không gian—tâm thức vũ trụ, còn gọi là siêu tâm thức. Từ đó, ông có thể đáp lại các câu hỏi rộng lớn như, “Bí mật của vũ trụ là gì?” và “Mục đích đời tôi là gì?” cho đến cụ thể như, “Tôi có thể làm gì để giúp bệnh viêm khớp của mình?” và “Các kim tự tháp Ai Cập được xây như thế nào?” Những đáp ứng ấy được gọi là “buổi đọc”, và những minh triết của chúng đến nay vẫn mang lại trợ giúp thực tiễn và lời khuyên cho cá nhân.

Đa số các buổi đọc của Edgar Cayce bàn về sức khỏe toàn diện và trị liệu bệnh tật. Tuy nhiên, dù nổi tiếng nhất với mảng này, Cayce trong trạng thái ngủ dường như không bị giới hạn trong các mối quan tâm về thân xác. Thực vậy, tổng thể các buổi đọc đề cập đến con số đáng kinh ngạc là 10.000 chủ đề khác nhau. Khối lượng đề tài rộng lớn này có thể thu gọn thành nhóm chủ đề nhỏ hơn, khi tổng hợp lại, bao gồm năm lĩnh vực: (1) Thông tin liên quan sức khỏe; (2) Triết lý và Luân hồi; (3) Giấc mơ và Giải đoán giấc mơ; (4) ESP và Các hiện tượng thông linh; và (5) Trưởng thành tinh thần, Tham thiên và Cầu nguyện.

Tìm hiểu thêm tại EdgarCayce.org.

A.R.E. là gì?

Edgar Cayce sáng lập tổ chức phi lợi nhuận Association for Research and Enlightenment (A.R.E.) năm 1931, để tìm hiểu tinh thần, sức khỏe toàn diện, trực giác, giải đoán giấc mơ, phát triển thông linh, luân hồi, và các huyền bí cổ xưa—tất cả là những chủ đề thường xuất hiện trong hơn 14.000 buổi đọc thông linh được Cayce ghi chép.

Sứ mệnh của A.R.E. là giúp con người chuyển hóa cuộc đời theo hướng tốt đẹp hơn, thông qua nghiên cứu, giáo dục, và ứng dụng các khái niệm cốt lõi tìm thấy trong các buổi đọc của Edgar Cayce và các tài liệu đồng điệu, nhằm biểu lộ tình thương của Thượng đế và mọi người, thúc đẩy mục đích sống, sự duy nhất của Thượng đế, bản tính tinh thần của nhân loại, và mối liên kết giữa thân, trí, và tinh thần.

Với tổng hành dinh quốc tế tại Virginia Beach, Va., một trụ sở khu vực ở Houston, đại diện khu vực trên khắp Hoa Kỳ, các Trung tâm Edgar Cayce tại hơn ba mươi quốc gia, và hội viên cá nhân tại hơn bảy mươi

individual members in more than seventy countries, the A.R.E. community is a global network of individuals.

A.R.E. conferences, international tours, camps for children and adults, regional activities, and study groups allow like-minded people to gather for educational and fellowship opportunities worldwide.

A.R.E. offers membership benefits and services that include a quarterly body-mind-spirit member magazine, *Venture Inward*, a member newsletter covering the major topics of the readings, and access to the entire set of readings in an exclusive online database.

Learn more at EdgarCayce.org.

EDGARCAyce.ORG.

quốc gia, cộng đồng A.R.E. là một mạng lưới toàn cầu của các cá nhân.

Các hội thảo A.R.E., các tour quốc tế, trại dành cho trẻ em và người lớn, hoạt động khu vực, và nhóm học tập cho phép những người đồng chí hướng tụ họp cho các cơ hội giáo dục và kết nối bằng hữu trên toàn thế giới.

A.R.E. cung cấp các quyền lợi và dịch vụ hội viên bao gồm tạp chí hội viên theo quý về thân-trí-tinh thần, *Venture Inward*, một bản tin hội viên bao quát các chủ đề chính của các buổi đọc, và quyền truy cập toàn bộ kho buổi đọc trong một cơ sở dữ liệu trực tuyến độc quyền.

Tìm hiểu thêm tại EdgarCayce.org.

EDGARCAyce.ORG.